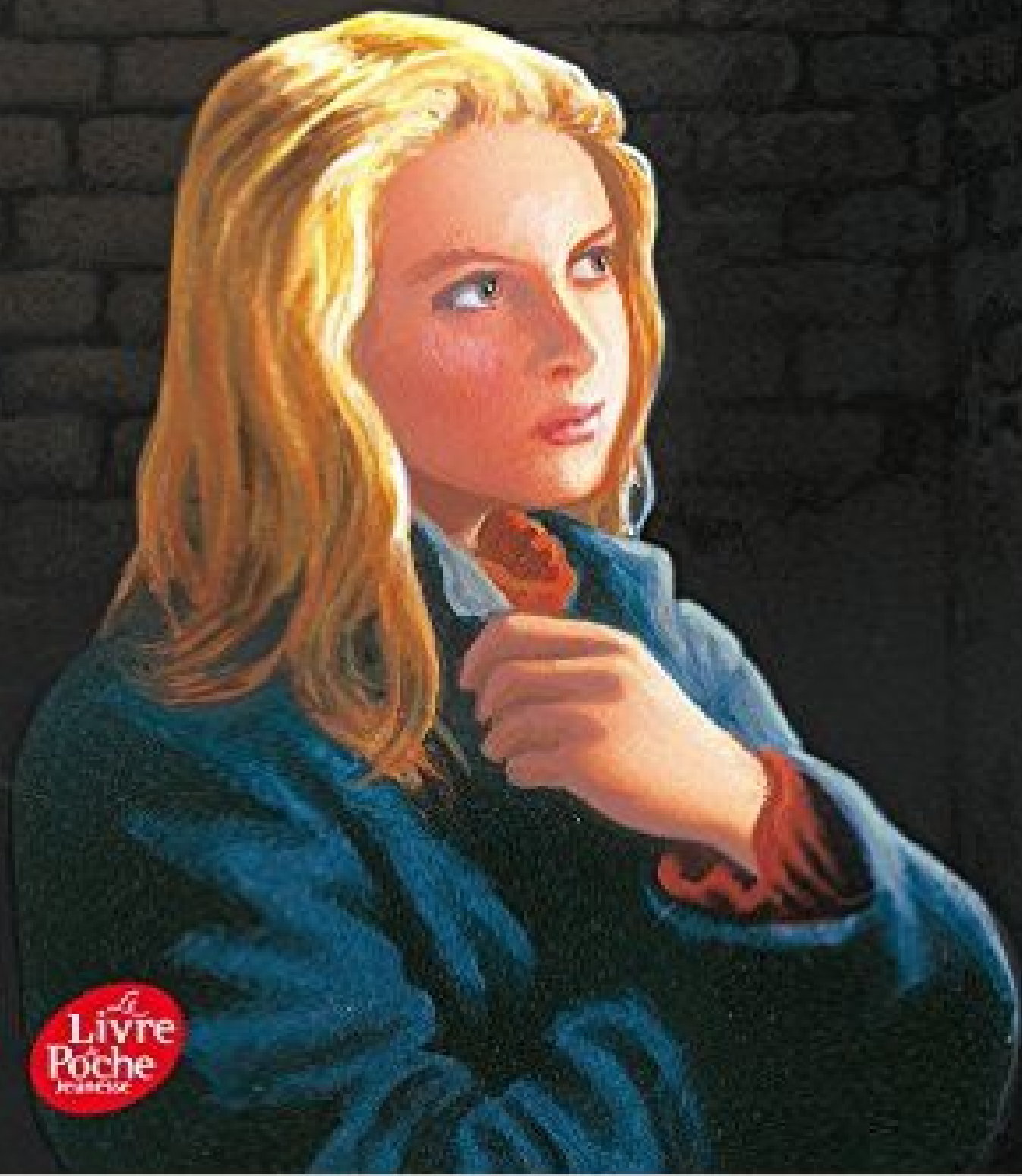


CHRISTINE ARNOTHY

J'ai quinze ans et je ne veux pas mourir



Le
**Livre
Poche**
JEAN-CLOUTIER

Ước Mơ

Christine Arnothy

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[Giới thiệu](#)

[Phần 1 - Mười lăm tuổi, tôi không muốn chết](#)

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[Phần II - Sống không phải là dễ](#)

[Chương 14](#)

[Chương 15](#)

[Chương 16](#)

[Chương 17](#)

[Chương 18](#)

[Chương 19](#)

[Chương 20](#)

[Chương 21](#)

[\[1\]](#)

[\[2\]](#)

[\[3\]](#)

[\[4\]](#)

[\[5\]](#)

[\[6\]](#)

[\[7\]](#)

[\[8\]](#)

[\[9\]](#)

[\[10\]](#)

Giới thiệu

*Cuộc sống con người luôn cho ta những ước mơ, có những ước mơ rất đơn giản, bình dị, có những ước mơ lại cao siêu kỳ vĩ, có những ước mơ có thể thỏa mãn khát vọng của con người, nhưng cũng có những ước mơ suốt đời làm cho người ta đau khổ, dằn vặt vì không sao chạm được vào nó. **Ước Mơ** gồm hai phần: Phần một là "Mười lăm tuổi, tôi không muốn chết" và phần hai với tựa "Sống không phải dễ". Hãy hòa cùng tác phẩm và tác giả Christine Arnothy để xem các*

nhân vật của Ước Mơ suy nghĩ và mơ ước điều gì.

Phần 1 - Mười lăm tuổi, tôi không muốn chết

Chương 1

Tối hôm ấy Pista đến hầm của chúng tôi và mọi người xem sự kiện ấy như là được giải thoát. Màn đêm đã buông xuống, nhưng chẳng khác nào chúng tôi bị chôn vùi trong cái hầm hôi mốc hôi meo của toà nhà chung cư bên bờ sông Danube, không biết ngày đêm là gì.

Tuy nhiên, đồng hồ vẫn tiếp tục chỉ giờ một cách bình thản, kim vẫn chạy một cách ung dung chung quanh mặt đồng hồ, phải chăng tôi đã sống như con chuột nhũi hai tuần hay là đã hai năm rồi?

Sẽ có chăng một "ngày hôm nay", một "ngày mai" hay một thời gian vô tận trong những căn hầm tối tăm và ngột ngạt?

Ba ngày đầu trôi qua một cách khá nhanh chóng. Mỗi khi cái cầu thang kêu lên rặng rắc, chúng tôi nghĩ: quân Nga đã đến rồi, các trận đánh đã chấm dứt ở gần đây đây, chúng tôi sẽ có thể trở lên trên căn hộ của chúng tôi và tiếp tục làm công việc mà chúng tôi đã phải bỏ dở một cách đột ngột để trốn xuống dưới hầm. Như đọc cho xong quyển sách mới đọc được một nửa, như chơi lại khúc nhạc mà bản nhạc còn để mở trên chiếc đàn dương cầm, như mở quyển vở bao giấy xanh ra để làm cho xong bài luận tiếng Hungari.

Ở dưới hầm đến ngày thứ năm, chúng tôi biết rõ là quân Đức đã quyết định bảo vệ thành phố. Lúc ấy chúng tôi mới hết khái niệm về tiếng. Những ngày hồi hộp, lo âu, đối diện với tử thần tiếp nối nhau chậm rãi một cách không thể chịu nổi. Giàn súng cao xạ phòng không lưu động khạc đạn không ngừng trước ngôi nhà chung cư, thu hút tai họa đến trên đầu chúng tôi. Nó bắn một vài tràng đạn, rồi chạy đến cách xa đó một hay hai đường và lại bắn một vài tràng đạn khác, rồi lại trở về chỗ cũ. Các máy bay oanh tạc hạng nặng của Nga bay trên các ngôi nhà chung cư kêu ầm ầm như tiếng sấm và xạ kích xối xả, tìm kiếm quân thù đang chơi trò ú tim với chúng. Trong trò chơi trốn tìm ma quỷ ấy, chính chúng tôi lại là người bị bịt mắt. Chúng tôi đưa tay che mặt và nhắm mắt lại, chờ phi cơ bay qua và với các ngón tay run rẩy, chúng tôi sờ soạng một cách lo âu các bức tường rịn nước. Không biết các bức tường ấy có chịu đựng nổi mãi mãi những chấn động dữ dội ấy hay không?

Những người ở trong chung cư, mãi cho đến bây giờ đã sống bên nhau mà không hề quen biết nhau, đều tập trung tất cả ở đây, chen chúc nhau trong cùng một cái hầm. Họ ăn, ngủ, rửa ráy và cãi cọ nhau rất ồn ào. Đa số họ đã quyết định chọn căn hầm chính. Căn hầm ấy được biến đổi thành hầm núp máy bay và đã được gia cố cho vững chắc bằng cách chống thêm những cái cột bằng gỗ tùng. Trong các trận đánh dữ dội tiếp diễn một cách ác liệt chung quanh và bên trên đầu chúng tôi, các cây cột chống ấy chẳng có vẻ gì là những vật bảo vệ hơn là những cây tăm xỉa răng xếp hàng.

Về phần mình, chúng tôi chọn một căn hầm nhỏ nằm hơi xa căn hầm chính một chút, trong thời bình chúng tôi đã dùng nó để chứa than. Trong căn hầm chính còn dính than bột và hoả tiêu ấy, có hai cái giường, một cái sập và một cái bàn. Lúc đầu, chúng tôi cũng có một cái lò sưởi nhỏ, ống thoát khói trở ra cửa sổ căn hầm, phía trông ra sân. Nhưng chúng tôi phải nhanh chóng từ bỏ hệ thống sưởi ấm ấy, vì

ban đêm các tia lửa thoát ra từ ống khói bằng tôn ấy có thể trở thành một điểm nhắm cho quân thù. Chung quanh chúng tôi, thành phố phát hoả, trong lúc ai nấy run lập cập trên đồng than của mình. Chúng tôi đi lấy nước tại đường Con Vịt; đó là một sự ngẫu nhiên lạ lùng, tại đây còn một vòi nước có nước. Ngay từ ngày đầu tiên, chúng tôi đã không còn điện nữa. Chúng tôi bỏ mỡ heo nước vào trong một cái hộp xi, với một sợi dây giầy làm tim đèn. Ngọn đèn có mùi hôi buồn nôn ấy chỉ có thể cho một thứ ánh sáng vàng vọt và kỳ cục đến buồn cười.

Gia đình người gác cổng ở trong một căn hầm nhỏ sát một bên căn hầm của chúng tôi. Bà vợ là một người cao lớn và mạnh khoẻ, đã quen nhận những món tiền thưởng công hậu hĩnh; ông chồng, một người gầy nhom, ốm yếu, xanh xao. Con trai của họ ở ngoại ô thành phố và vừa mới lấy vợ. Anh ta là nhân viên trong một công sở, nơi bố anh đã làm việc với tư cách là nhân viên tiếp tân trong hai mươi năm. Anh ta tên là Jancsi và là niềm hãnh diện của bố mẹ anh, vì đối với họ, anh là một "nhà trí thức". Gia đình này có rất nhiều lương thực. Họ có cả rượu để uống. Cái phòng nhỏ ở kế phía bên kia căn hầm của chúng tôi là nơi trú ngụ của Ilus và đứa con mới sáu tháng của bà. Bà vào khoảng ba mươi sáu tuổi. Tóc hung, mặt mày có vẻ tàn tạ. Bà phải tô vẽ lông mày cẩn thận, vì lông mày của bà nhạt nhẽo không có màu sắc. Bà không bao giờ quên làm điều đó, ngay cả trong những lúc máy bay oanh tạc dữ dội nhất. Bị chồng bỏ rơi từ vài tuần rồi, Ilus ở một mình với đứa con sáu tháng. Bố mẹ bà cũng ở tại thành phố, nhưng bà không có can đảm băng qua các tròng đạn đại bác để đến với bố mẹ ở bên kia bờ sông Danube.

Cũng có một sinh viên y khoa mà tất cả mọi người gọi là "ông bác sĩ". Cậu mới học năm thứ hai, lúc đầu, đó chỉ là một cách nói đùa cho vui, nhưng rồi cái danh xưng ấy trở thành thói quen. Người ta nói với nhau rằng có một sinh viên y khoa trong hầm, như thế cũng yên tâm hơn, vì nếu xảy ra chuyện gì thì đã có sẵn một y sĩ. Cậu là một thanh niên mặt mày sắc sảo nhưng đầy tàn nhang, trông có vẻ như một học sinh lớp bảy, nhưng kể từ khi ý thức được rằng mình là một yếu tố làm cho mọi người yên tâm, cậu làm ra vẻ quan trọng.

Bà cô của cậu là một goá phụ của một ông chủ nhà băng. Đó là một người nhỏ thó, tròn trịa và trang điểm xinh xắn như một đồng tiền mới – bà giết thì giờ bằng cách than vãn và hỏi, không biết tất cả tài sản của mình có được an toàn trong tủ sắt ở nhà băng không. Bà để nữ trang của mình trong một cái bao da nhỏ đeo nơi cổ. Ông chủ nhà băng, chồng bà, đã chết vào thời bình vì một bệnh rất tầm thường. Nhưng bà khoa trương nhấn mạnh rằng, nếu còn sống chồng bà chắc sẽ là một trong những vị anh hùng chết trên sa trường – Bà xen vào việc của tất cả mọi người, xem xét và nếm thử thức ăn của mỗi người, năn nỉ xin ý kiến và ban phát những lời khuyên nhủ, luôn luôn nói về bản thân bà. Khi các người đàn ông do dự không dám mạo hiểm đương đầu với các tròng súng liên thanh bắn xối xả như mưa, bà ta kêu lên:

"Nếu chồng tôi còn sống, ông ấy sẽ đi ngay lập tức! Ông không sợ gì hết!"

"Bà đại tá" là một người đàn bà vóc người cao to. Trong những trận ném bom trước khi quân Nga vây hãm Budapest, ngẫu nhiên bà được bầu làm trưởng ban phòng thủ thụ động khu vực. Giọng nói sang sảng kẻ cả, là nguồn gốc uy quyền của bà, bà muốn ra lệnh cho tất cả mọi người. Bà đi rảo vòng quanh trong hầm không có lý do gì rõ rệt, để kiểm tra một điều gì đó. Quan điểm chính trị của bà không được dứt khoát, bởi vì bà không biết ông đại tá, chồng bà, còn chiến đấu hay đã chuyển sang hàng ngũ ly khai. Đôi khi ông đại tá được xem như là vị anh hùng tượng trưng bảo vệ thành phố cho đến giọt máu cuối cùng. Cũng có những lúc khác, ông ta được xem như là người giải phòng thủ đô Budapest. Sự thật

ông có thể là tù binh của phe này hay của phe đối lập, nhưng bây giờ người ta không đã động gì đến vấn đề ấy.

Ông biện lý và vợ ông ta đã đến trú trong một góc của căn hầm chính. Ông là người sau cùng rời khỏi nhà để đến ở trong hầm. Chúng tôi đã ở trong hầm năm ngày rồi, trong một đêm chiến sự diễn ra ác liệt, ông biện lý xuất hiện mặc áo ngủ đầu đội mũ bê rê, tay cầm đèn pin. Vợ ông đi theo sau ông, chân mang giày vải, quần mình trong một chiếc áo măng tô dày. Ông biện lý bắt đầu nói những lời công kích kịch liệt hành vi không tôn trọng công pháp quốc tế của thời đại ngày nay. Quân Nga đã nã đạn vào tận phòng ngủ của ông, chẳng đếm xỉa gì đến quốc tịch Thụy Sĩ của ông, chẳng đếm xỉa gì đến quốc tịch Thụy Sĩ của vợ ông. Ngày hôm sau hai vợ chồng đã quyết định ở chung với chúng tôi trong hầm. Ông biện lý già ngã bệnh vì cảm lạnh, bị cúm. Vợ ông ta có giọng nói kỳ cục, mái tóc muối tiêu loà xoà trên trán và thân mình ốm nhom. Công dân của một nước trung lập, bà ta mang một dấu hiệu cờ Thụy Sĩ, nhưng quân đội cả hai bên không đếm xỉa gì đến. Ông biện lý và vợ ông chắc chắn là những người khổ sở hơn hết trong những người ở trong hầm.

Trong những ngày đầu tiên, người ta làm quen với nhau. Người ta kể cho nhau nghe cuộc đời của mình, hầu như sự rối loạn này là một dịp may để người ta xích lại gần nhau và cho phép người ta trao đổi với nhau những điều tâm sự. Chỉ có ông Radnai là ngoại lệ. Là người Do Thái, ông phải sống với giấy tờ giả. Tất cả mọi người đều sẵn sàng che giấu cho ông ta. Radnai là một người hiền lành, dùng thời giờ nhàn rỗi để đọc các tác phẩm của nhà văn Đức Heine.

Nhưng chỉ sau một tuần người ta bỗng bắt đầu ghét nhau. Bà vợ goá của ông chủ nhà băng thốt lên những lời bực bội mỗi khi trông thấy bà vợ ông đại tá, và Ilus nổi bệnh loạn thần kinh, mỗi khi bà gác cổng nói những lời thô tục. mặt mày là cái gương phản chiếu tâm trạng nội tâm. Các bà những muốn có thể giấu cái rề sô bằng còn của họ đi, để những người ở bên cạnh khỏi trông thấy các thức ăn họ đun nấu, các ông cãi nhau về vấn đề đi lấy nước. Người ta rình rập nhau như những con chó dại, chỉ chờ cơ hội thuận tiện để cắn xé nhau.

Chính một trong những đêm hãi hùng ấy, Pista đã xuất hiện trong hầm. Anh ta bước xuống các tầng cấp cầu thang, vừa đi vừa huýt gió và mỉm cười nói:

- Xin chào!...Tôi xin chào tất cả các cô bác...

Anh ta mặc quân phục bộ binh Hungari, vai đeo một cái túi da và nụ cười rạng rỡ giống như thể mặt trời đột ngột bắt đầu chói lọi trong căn hầm tối tăm của chúng tôi. Chúng tôi đứng chung quanh anh. Chúng tôi nhìn anh như thể anh từ một hành tin khác đáp xuống đây. Chúng tôi muốn sờ vào anh để chắc chắn quả thật đó là một con người chứ không phải là một ảo hình của trí tưởng tượng.

Anh ta liệng khẩu súng tiểu liên xuống đất và tuyên bố:

- Tối nay tôi sẽ ngủ ở đây, các cô các bác có chấp nhận không?

- Cậu là ai? – có tiếng của một người nào đó hỏi.

- Istvan Nagy. Quê quán ở Pusztaberény, tỉnh Somogy.

Sau lời giới thiệu ấy, Pista trở thành bạn của chúng tôi. Chúng tôi hỏi anh hiện quân Nga đang ở đâu, chúng tôi còn phải ở trong hầm bao nhiêu lâu nữa. Nhưng anh cũng không biết gì nhiều hơn chúng tôi. Chúng tôi hỏi anh ta thuộc quân đoàn nào?

Anh ta trả lời một cách tỉnh bơ:

- Không thuộc quân đoàn nào cả. Tôi chiến đấu nay đây mai đó. Bây giờ, tôi sẽ ở lại đây một thời gian.

Rồi anh ta ngồi xuống một cái ghế đầu, lấy bánh mì và mỡ trong cái bọc da đeo ở dây nịt lưng và hỏi chúng tôi có tất cả bao nhiêu người.

- Mười hai người – bà góa phụ của ông chủ nhà băng trả lời.
 - Pista chia bánh mì và mỡ thành mười hai phần. Mỗi người được một miếng. Miếng bánh mì phết mỡ tan ra trong miệng chúng tôi như một ân sủng thầm kín. Như một phép lạ, Pista đã làm cho bầu không khí nặng nề, ư gây gổ bớt căng thẳng. Nhưng bỗng ông biện lý lên tiếng từ một xó góc trong hầm:
 - Anh ta là một tên đào ngũ. Các người không thấy anh ta là một tên đào ngũ hay sao? Trong lúc này đáng lẽ anh ta phải chiến đấu ở đầu đó và nếu cần, anh ta phải hy sinh.
 - Ông già ấy bị bệnh gì mà phải nằm liệt giường thế? – Pista hỏi.
 - Sưng phổi – ông bác sĩ đáp một cách vắn tắt, như thể đó là một sự chẩn đoán.
 - Tôi sẽ cố ăn cắp một ít Ultraseptine cho ông ta ngày mai – Pista hứa – còn có thuốc ấy ở trong một tiệm thuốc ở đại lộ Magrit. Tôi đã có lấy thuốc ấy để cho người bệnh rồi. Nhưng bây giờ tôi muốn ngủ cái đã. Tôi mệt lắm rồi.
 - Quả thật cậu sẽ cung cấp thuốc cho ông nhà tôi ư? – bà vợ ông biện lý nắm cánh tay Pista và hỏi.
 - Nếu có Ultraseptine thì còn có thể cứu được ông ta...
 - Vậy để tôi đi lấy cái nệm của tôi cho cậu lót mà nằm.
- Pista lắc đầu:
- Không cần thiết. Tắm tắm đủ rồi. Ngày mai, tôi sẽ mang thuốc và bột mì đến cho – còn có rất nhiều bột trong một cái kho ở đường Express.

Đêm hôm ấy, vào khoảng mười một giờ, một phi cơ oanh tạc hạng nặng ném bom chung quanh khu vực chúng tôi. Đất chấn động dữ dội. Tôi vùi đầu vào cái gối của tôi. Nhưng đột ngột, một sự bình tĩnh lạ lùng xâm chiếm người tôi. "*Lạy Chúa, tôi thì thầm, con nguyện tin theo Thánh ý của Người...*"

Chương 2

Pista ra đi lúc bình minh. Người ta chỉ nói về anh ta trong khi anh ta đi vắng. Bà vợ ông biện lý nôn nóng chờ anh ta trở về để có thuốc cho chồng bà, các người khác thì phấn khởi hẳn lên khi nghĩ đến bột mì. Trong tất cả những người ở trong hầm, chúng tôi là những kẻ thiếu lương thực hơn hết, chính vì một sự lo xa quá đáng. Nhờ một trường hợp may mắn, bố mẹ tôi đã thuê được ba phòng trong một biệt thự toạ lạc tại Huvosvolgy và được bảo vệ bởi lá cờ Thụy Điển. Ngay từ đầu tháng mười hai, chúng tôi đã đem đến đó các đồ đạc có giá trị và rất nhiều lương thực. Bột mì từng bao đầy, những hộp mỡ, thịt, đường, cà phê, rượu.

Chúng tôi định sẽ dọn tới ở đó để chờ quân Nga đến. Nhưng không ngờ quân Nga đã thâm nhập đến đó rồi và chúng tôi không thể đến đó được nữa. Ngay từ mùa thu, bố tôi đã cho những người bạn vùng Transylvanie ở tại biệt thự mình đã thuê, họ là một gia đình đông người. Bố tôi nói rằng họ là người có thiện chí, tuy đông người, họ sẽ không choán hết bao nhiêu chỗ đâu. Rót cuộc họ có được tất cả chỗ mà họ muốn, trong lúc chúng tôi nhin ăn trong căn hầm này. Nhưng chúng tôi không thể làm gì để thay đổi tình trạng ấy và biết đâu Pista mang bột mì đến, chúng tôi sẽ không còn phải lo âu nữa.

Bây giờ, trong lúc mọi người vui vẻ chờ đợi bột mì, ngay cả cặp vợ chồng ông bán quán cũng nhập

bọn với chúng tôi. Từ trước đến giờ họ đã ở riêng biệt, vì sợ người khác hỏi mua lương thực của họ. Họ không muốn bán cho người trả giá cao và còn chưa dám đòi đòi lương thực lấy vàng. Nhưng bây giờ bà vợ ông chủ quán trở thành một người rất dịu ngọt và tự nguyện nấu món thịt bò để cho mọi người ăn bữa trưa, nhưng với điều kiện bà ta sẽ được một phần ba số bột mì do Pista đem đến. Tất cả chúng tôi đều bằng lòng một cách hân hoan và bà ta trở lại cái xó riêng của bà để nấu món thịt bò. Thời gian trôi qua chậm chạp kinh khủng.

Ilus kinh hoàng thấy số sữa bột dự trữ đã vơi đi khá nhiều. Vào khoảng mười hai giờ trưa, trong hầm tràn trề một bầu không khí của ngày lễ. Mọi người vui mừng, sắp được thưởng thức một món ăn ngon. Chúng tôi kê vài cái bàn lại gần nhau, trải khăn bàn trắng, mỗi người đặt lên đó đĩa của mình. Chúng tôi chờ đợi. ngay cả ông biện lý cũng cảm thấy dễ chịu hơn và đòi ăn món thịt bò ấy. Bà vợ ông ta đưa mắt hỏi ông bác sĩ, ông này nhún vai, không sao đâu, ông biện lý có thể ăn được.

Tất cả chúng tôi tập trung quanh bàn, như để dự một bữa tiệc. Cuối cùng, hai vợ chồng ông chủ quán xuất hiện, quả thật họ có mang theo một cái xoong to. Họ đi vòng quanh và múc đổ vào mỗi đĩa một muổng lớn thịt bò hầm. Chúng tôi thưởng thức món ăn đặc biệt một cách thích thú. Mặt mày ông bác sĩ dính mỡ lên đến tận lỗ tai, và bà vợ goá ông chủ nhà băng chúi mũi vào đĩa của bà ta như thể bà muốn tấp lấy món thịt hầm thay vì ăn từ từ. Thử hỏi ai là người còn nghĩ đến chết chóc và đến thành phố thống khổ đang từng mảnh biến thành tro bụi trên đầu chúng tôi?

Như những con thú mới được mở xích, chúng tôi ăn các miếng thịt một cách say mê, rồi mỗi người ngồi dựa lưng vào tường một cách thoải mái, mắt nhìn chăm chăm vào khoảng không trước mặt và yên lặng thưởng thức niềm lạch thú đã được ăn một bữa ăn ngon và no. Đó là một bữa ăn đáng ghi nhớ đối với mỗi chúng tôi. Chúng tôi thoả thuận với bà chủ quán kể từ nay sẽ luân phiên nướng bánh mì trong lò bánh mì của bà ta.

Vào khoảng bốn giờ chiều, toà nhà chung cư bị hai quả bom dội trúng. Ngói và những mảnh vỡ của mái nhà đổ xuống trên sân. Chắc là căn hộ của chúng tôi hay căn hộ của ông biện lý bị trúng bom. Vì tiền điện của toà nhà trông ra sông Danube bị thiệt hại nhiều hơn hết.

Ngày hai mươi bốn tháng mười hai, gia đình tôi rời căn hộ của mình quá hấp tấp, đến nỗi quyển "La Peau de Chagrin" của Balzac, mà tôi mới đọc được một nửa, bị bỏ quên trên đó. Tôi thường ôn lại trong trí phần đầu của câu chuyện trong sách và rất muốn đọc tiếp phần tiếp theo, nhưng tôi không đủ can đảm để lên trên căn hộ của gia đình. Chỉ nghĩ đến việc phải leo lên cầu thang cho đến lầu hai, tôi đã kinh hoàng như thể khi trông thấy các thợ nề di chuyển trên một cái thang cao ngang tầm lầu năm. Trong lúc bom thả trúng chung cư, tôi nghĩ đến quyển sách của tôi, tự nhủ rằng nếu nó còn nguyên vẹn, tôi cũng sẽ không bao giờ biết đoạn kết của quyển tiểu thuyết, bởi vì tất cả những người ở trong các hầm sẽ chết hết.

Ngồi nơi mép giường, tôi cảm thấy nước mắt trào ra khi nghĩ đến cái chết. Tôi không buồn, nhưng xúc động không thể tả được. Những giấc mộng kỳ cục thường dày vò tôi ban đêm và những sự biến đổi lạ lùng, hiện ra trong bóng tối như trên màn ảnh. Tôi thấy tôi đi dạo dưới những cây kè, vịn vào cánh tay một người đàn ông trẻ tuổi và ông ta không bao giờ quay mặt về phía tôi, tôi đi trong một chuyến tàu tốc hành và nghe tiếng lắc chuông của anh bồi toa hàng ăn, tôi đi xem hát và thấy các diễn viên mấp máy môi để nói, nhưng không nghe được tiếng nào. Và sau đó, luôn luôn là sự tỉnh giấc đau đớn ê chề.

Thực tại, căn hầm ghê rợn, ngọn đèn dơ bẩn, hôi hám, những hình bóng đen, con mắt thâm quầng, đi lang thang trong bóng tối mờ. Ôi, tôi lại muốn ẩn mình trở lại trong thế giới mộng mị! Nhưng bữa ăn ngon hôm nay làm cho tôi cảm thấy khoan khoái, như thể máu lưu thông trong huyết quản của tôi một cách hăng hái hơn, bởi vì tôi đã được ăn một bữa no nê. Và, kể từ nay, sẽ có bánh mì, nhiều bánh mì ngon.

Lúc hoàng hôn, Pista trở về, người phủ đầy tuyết, quả thật anh ta là hiện thân của ông già Noel. Thay vì cái bao da nhỏ, anh ta mang trên lưng một bao rất nặng và để trượt xuống đất đánh thịch, miệng thở hổn hển.

Ilus hỏi:

- Cậu mang một cái bao to như thế đến đây mà không sợ sao?
- Tôi đã nghĩ rằng – Pista mỉm cười đáp – nếu một quả tạc đạn trúng vào tôi, lưng tôi sẽ được bao bột mì che chở.

Bà vợ góa của ông chủ nhà băng thở dài nói:

- Quả thật cậu là một chàng trai dũng cảm, nhìn cậu, như thể tôi trông thấy ông Albert, người chồng tội nghiệp của tôi....

Bà vợ ông chủ quán nói:

- Một phần ba bao bột mì thuộc về tôi, để có cái quyền ấy, tôi đã dọn cho tất cả mọi người ở đây ăn một bữa ăn no nê.

Pista nhìn bà ta một cách ngạo nghễ, rồi anh ta lấy từ trong túi áo ra một cái hộp giấy hình chữ nhật và đưa cho bà vợ ông biện lý:

- Thuốc Ultraseptine đây.

Bà vợ ông biện lý khóc oà và cảm ơn anh ta.

Chúng tôi đứng vây quanh Pista và như bị thôi miên, tất cả chúng tôi nhìn bao bột mì. Một cái bao đem lại sự sống cho chúng tôi. Pista bảo chúng tôi mỗi người đem tới một cái xoong để đựng phần bột do anh ta sẽ phân phát một cách công bằng. Anh ta nói:

- Người nào có ít lương thực hơn hết sẽ nhận được phần bột nhiều hơn hết.
- Má thấy cậu ta có công bằng không? – tôi thì thầm với mẹ tôi.

Theo tôi thấy, Pista đã biến thành một vị anh hùng. Anh ta giống như bá tước Monte Cristo trong tác phẩm danh tiếng của Alexandre Dumas, phải không nào?

Cuối cùng cái lúc trọng đại đã đến, Pista tháo dây mở cái bao ra và đổ đầy cái soong của gia đình tôi trước soong của các gia đình khác – mẹ tôi cầm cái soong và lấy một nhúm bột ném. Nét mặt mẹ tôi thay đổi. Bà thì thầm "không phải bột mì, thạch cao, chứ không phải bột mì..." Bà ta đã hạ thấp giọng thốt ra những lời ấy, nhưng tất cả mọi người đều đã nghe được. Căn hầm biến thành một tổ ong vò vẽ náo động. Người ta xô đẩy nhau để ném thử và bà vợ ông chủ quán bắt đầu hét ầm lên:

- Đồ ăn gian nói dối, lừa gạt người ta! Tôi đã cho các người ăn một bữa no nê, bởi vì tôi đợi anh ta đem bột mì về, nhưng bây giờ anh ta đã mang thạch cao về....

Mặt bà ta càng lúc càng đỏ phừng. Chồng bà ta đã cố gắng an ủi, nhưng vô hiệu quả. Bà ta bỏ đi ra cửa, khi bà quay mặt lại về phía chúng tôi, bàn tay vịn vào cánh cửa, tôi sợ bà bị chứng sung huyết ở não và bây giờ nét mặt bà tái xanh một cách dễ sợ. Nhưng đó chỉ là sự đề tiện của tâm hồn bà ta, làm cho gương mặt biến đổi như thế trước chúng tôi, trong lúc bà ta thốt ra những lời cay đắng:

- Món thịt hầm mà các người đã ăn đó là thịt ngựa, chứ không phải thịt bò đâu... Tại đường Canard, có một con ngựa chết và chúng tôi đã cắt một miếng thịt đùi của nó để làm món ăn cho các người đó. Bây giờ các người hãy hân hoan với tất cả món thịt ngựa chết đã thổi ấy vào bụng các người!

Bà ta đóng cánh cửa một cái rầm và bỏ đi. Buồn nôn, Ilus phải dựa vào tường... Trong vài phút, người ta chỉ nghe những nỗ lực mà bà ta làm để khỏi nôn. Trong dạ dày tôi, bữa ăn ấy nặng trĩu như một hòn đá. Lúc ấy, đối với chúng tôi, không còn có điều gì xảy ra tồi tệ hơn.

- Xin mọi người hãy yên tâm, tất cả điều ấy chỉ là một thành kiến đại đột – đột ngột ông Radnai tuyên bố từ cái xó tối tăm của ông ta – Thịt ngựa chẳng xấu hơn thịt lợn hoặc thịt bò một chút nào. Chỉ có việc là người ta ăn không quen mà thôi. Nhưng thật sự chẳng có gì phải hốt hoảng lên như thế... Bố tôi tiếp tục giải thích vì sao mọi người không nên hốt hoảng. Ông giải thích như thể ông đang đứng trên bục giảng, bình phẩm về tác phẩm Horace:

- Cũng không phải là một quan niệm sai lầm hay sao, khi tin rằng người ta không đánh nhau trong các thành phố và như thế chiến tranh sẽ không làm thiệt hại đến thường dân? Bây giờ, chiến tranh đã lan đến các đường phố của chúng ta, tất cả mọi người là lính, ngay cả những người tật nguyền, trẻ con, đàn bà và người già. Cho nên chúng ta đừng quá hốt hoảng vì ăn món thịt ngựa.... Có thể xảy đến với chúng ta những thử thách còn nặng nề hơn mà chúng ta sẽ cần đến sức mạnh để vượt qua.

- Nhưng dù sao chẳng nữa thì bà vợ ông chủ quán cũng là một người đê tiện... - ông bác sĩ nhận xét để kết thúc những lời qua tiếng lại.
Không có ai phản đối.

Chúng tôi trút thạch cao trong soong vào một cái bao lớn. Đột ngột, tôi thềm nhai một miếng bánh mì ròn tan, thềm dừ dội đến nổi đầu óc quay cuồng – tôi trở về cái xó của mình và nằm dài trên giường, chờ giấc ngủ. Đất rung chuyển dưới chân chúng tôi, đạn súng liên thanh nện vào tường như mưa đá. Tôi đang mơ màng trong trạng thái nửa ngủ nửa thức thì nghe được giọng của bố tôi nói với mẹ tôi:

- Pista nói rằng chúng đã dùng đường rầy của con tàu điện số 9 để chở khí giới đạn dược đến bờ sông Danube. Toa tàu cuối cùng nằm ngang tầm với toà nhà của chúng ta. Chúng ta có thể nổ tung lên bất cứ lúc nào...

Chương 3

Các con tàu chất đầy khí giới đạn dược ở gần tòa nhà của chúng tôi, làm cho chúng tôi hết sức sợ hãi. Các tù nhân bị kết án tử hình chắc cũng biết được tình cảm tương tự, khi nghe những tiếng chân đang tiến về phía căn hầm nhỏ của họ và nghĩ rằng người ta đến tìm họ để đưa đi hành hình...

"Chỉ cần một viên đạn lạc là tất cả tung bay lên không trung – Pista đã nói – và đạn không bao giờ bắn ra từng viên mà từng tràng năm mươi viên...."

Sáng hôm ấy quân Đức để ba két đạn trong quán ăn và đã dắt ngựa đến trong buồng cầu thang. Chúng theo dõi chúng tôi từ nơi cạu hầm mà ở đó chúng tôi phải dùng tuyết dơ bẩn ngoài sân để tắm rửa, vì chúng tôi không có nước sạch hơn. Chúng tôi sẽ ra sao nếu không có Pista. Chúng tôi phát điên lên được khi biết mình đang ở bên cạnh một kho thuốc súng. Nhưng chúng tôi yên tâm hơn khi có sự hiện

diện của một người lính. Chúng tôi nói với nhau "Nói cho cùng, không có điều gì ràng buộc số phận của anh ta với chúng tôi, anh ta sẽ có thể đi nơi khác nếu cảm thấy bị đe dọa". Nhưng Pista đã không bỏ đi, anh ta ở lại để chúng tôi giữ vững tinh thần. Anh ta đã bắt đầu đi một vòng, để hỏi từng người muốn lấy những gì trong căn hộ của họ, anh ta sẽ đi lấy cho – Tôi đã hy vọng có thể đọc tiếp quyển sách của tôi. Trong trận ném bom dữ dội nhất, Pista đã đi khắp các tầng lầu và cho chúng tôi biết tin về hiện trạng của các căn hộ. Anh ta cũng đã lấy quyển tiểu thuyết của Balzac đem xuống cho tôi. Anh ta đã nói rằng luồng không khí tạo ra do bom nổ đã huỷ tất cả các cửa căn hộ của chúng tôi và của ông biện lý. Một quả bom khi nổ đã huỷ hoại chiếc đàn dương cầm của chúng tôi. Câu chuyện ấy là niềm vui duy nhất của chúng tôi trong suốt thời gian tôi ở trong căn hầm! Trong thâm tâm tôi hân hoan khi biết chiếc đàn dương cầm mà mẹ tôi đã bắt buộc tôi phải tập đàn, bây giờ không còn nữa. Nhưng tôi không để niềm vui của tôi lộ ra ngoài, vì mẹ tôi khóc.

Đối với bà, chiếc đàn dương cầm ấy là một người bạn thật sự. Bà hát rất hay và tự đàn lấy. Bà hát những ca khúc tiếng Pháp mà tôi không hiểu nghĩa, nhưng chúng gợi nơi tôi một niềm xao xuyến vì nhớ quê hương. Với một sự trù mên pha lẫn ước ao, tôi nghĩ đến một người lạ, mà với người ấy, một ngày nào đó tôi sẽ có thể gói gắm tất cả những nỗi cơ cực của tôi và người ấy sẽ ôm tôi vào vòng tay để che chở cho tôi.

Sự kiện chiếc đàn dương cầm bị huỷ diệt chấm dứt một chương của cuộc đời niên thiếu của tôi. Có thể lúc ấy tôi đã ý thức được rằng thời niên thiếu của tôi đã đột ngột chấm dứt. Tôi hãnh diện với ý nghĩ rằng với tuổi mười lăm tôi sắp chết cái chết của người lớn, tôi hăm hở đọc tiếp quyển sách của tôi. Ngay từ hàng thứ năm, tôi hoa mắt vì đã cố gắng quá nhiều. Nhưng tôi không thú nhận rằng tôi chỉ thấy lờ mờ và tiếp tục cố gắng để đọc từng chữ một. Vừa lúc ấy, một sức mạnh khủng khiếp nâng tôi lên khỏi cái đi văng và liệng tôi vào tường. Chìm đắm trong một trạng thái nửa tỉnh nửa mê, tôi còn ý thức được rằng cái cửa sổ của căn hầm mà từ đó thường có một ánh sáng lờ mờ lọt vào bây giờ đã tối om một cách đột ngột. Miệng và mắt tôi đầy bụi và vì thiếu không khí, tôi bắt đầu ho. Tôi cảm thấy tha bất tỉnh đi còn hơn. Tôi bò trong bóng tối để tìm bố mẹ tôi. Mẹ tôi còn tỉnh, nhưng nằm dài trong hành lang hẹp, nối liền chỗ trú ẩn của chúng tôi với căn hầm chính. Trong lúc tôi gôi đầu nhẹ nhẹ lên trên đầu gối mẹ tôi, tôi thấy bà vợ ông đại tá thất thủ đi xuống cầu thang của căn hầm. Bà ta lấy tay che miệng, qua các ngón tay bà, máu chảy ròng ròng lan đến cánh tay và trên áo của bà ta. Mẹ tôi ngồi dậy, nói rằng phải cứu giúp người đàn bà bị trọng thương ấy nhưng vì run quá, chúng tôi không đứng dậy nổi.

Bà đại tá lão đạo đi vào trong căn hầm chính, chúng tôi đã đứng dậy được và cũng đi theo bà ta. Trong căn hầm chính cũng tối om và bao phủ một lớp bụi dày. Pista bước tới và bảo lấy băng để anh ta băng bó cho nạn nhân. Bà đại tá đang đứng ở ngoài sân cùng các toa chất đầy đạn được bị nổ tung. Luồng không khí chuyển động đã liệng nạn nhân vào một bức tường và quai hàm của nạn nhân bị vỡ.

Chúng tôi hết sức săn sóc bà ta, nhưng máu vẫn tiếp tục rỉ ra qua các lớp bông và gạc hút máu.

Trong buồng cầu thang, các con ngựa hoảng sợ, hí lên lên một cách hoảng loạn. Ông Radnai, bố tôi và ông bác sĩ leo lên trong sân. Những mảnh vỡ của lầu ba khi rơi xuống đã giết chết một trong những tên lính Đức. Trên đầu chúng tôi, các tầng lầu nứt nẻ trông thấy, nhưng chúng tôi vẫn còn sống, đó là điều quan trọng.

Pista đi tìm một y sĩ. Mới đầu, điều ấy đã làm méch lòng "ông bác sĩ", nhưng khi thấy mình không có khả năng cầm được máu cho nạn nhân, anh ta đã trở thành ít nói và thu mình nấp vào một xó hầm. Bệnh

của ông biện lý đã thuyên giảm, thuốc Ultraseptine đã làm cho ông bớt sốt, ông phản nản một cách cay đắng hành vi ngạo mạn quá đáng của những kẻ đã làm thiệt hại đến căn hộ của ông.

- Cờ Thụy Sĩ đã được kéo lên nơi cửa của tôi – ông ta kêu lên với giọng khàn khàn – Đó là căn hộ bất khả xâm phạm ngoại giao. Thụy Sĩ là một nước trung lập.

Không ai quan tâm đến những lời phản kháng của ông biện lý. Bà vợ ông chủ ngân hàng, quỳ cạnh giường của bà, cầu nguyện, hai bàn tay chấp lại giữ chặt cái bao da đựng nữ trang của bà. Mái tóc hung của Ilus đầy mồ hóng và đưa bé chuyện tội nghiệp của bà hét lên vì sợ. Ngay cả hai vợ chồng ông chủ quán cũng run rẩy, sợ người ta trả thù về việc họ cho mọi người ăn món ragu thịt ngựa, nhưng người ta chỉ không để ý đến họ mà thôi. Tử thần đã lướt qua chúng tôi quá gần và đã xóa đi những dự vọng của con người. Lặng thinh, chúng tôi chứng kiến hai con người ấy trở lại đây ở chung với chúng tôi. Tầng trệt không còn đủ an toàn đối với họ kể từ khi một tầng lầu trên đầu họ đã biến mất. Tiếng nổ đã làm thủng màng nhĩ của họ chẳng? Họ không còn nghe được nữa. Bà vợ ông đại tá nằm dài trên giường của bà, máu bà vẫn còn chảy. Con người kiên nghị ấy nhìn chúng tôi với ánh mắt hoài nghi, như thể bà không còn hiểu nổi được vì sao định mệnh đã trừng phạt bà như thế này.

Cuối cùng Pista cũng đã dẫn được một y sĩ đến săn sóc cho bà đại tá. Anh ta kể cho chúng tôi nghe một cách hãi hùng rằng toà nhà chung cư Vitez Utca chỉ còn là một đồng gạch vụn. Các người ở trong các căn hộ của toà nhà ấy sẽ chết ngộp, nếu người ta không khai thông được cửa thoát hiểm đem họ ra kịp thời. Từ tất cả các toà nhà gần đó, người ta ra khỏi hầm, đi đến trạm cấp cứu. Chúng tôi cũng đi đến đó theo sự hướng dẫn của Pista.

Một sự bình tĩnh lạ lùng xâm chiếm tâm hồn chúng tôi. Các toa đạn dược đã nổ tung và chúng tôi thoát chết...nhưng tôi cắn các đầu ngón tay để nén một tiếng kêu rùng rợn đang mấp mé trên môi tôi với ý nghĩ rằng chúng tôi cũng rất có thể chịu số phận như những người bị chôn sống trong toà nhà chung cư Vitez Utca.

Cả buổi chiều hôm ấy, tôi giãy giụa với ảo ảnh của một khuôn mặt co quắp vì chết ngộp, tôi tưởng tượng chúng tôi bị vùi dưới đồng gạch cát đổ nát và cứ mỗi hơi hít vào là tiêu tan một chút sự sống của chúng tôi. Những ảo ảnh ấy không để cho tôi được một lát yên tĩnh. Tôi phải tìm cách để nói chuyện với một người nào đó...Tôi đi tới căn hầm chính và ngồi xuống bên cạnh ông Radnai. Ông ta gấp quyển sách ông đang đọc lại và liếc nhìn tôi, ông hỏi:

- Cô có sao không? Cô có thấy ở đây ngột ngạt lắm không?

Rồi ông đề nghị:

- Hay là chúng ta ra ngoài một lát?

Chúng tôi đi ngang qua gần giường của bà vợ ông đại tá. Bà rên rỉ và bị sốt, ông bác sĩ ngồi ở gần giường và trầm ngâm.

Chúng tôi đi thăm các con ngựa ở trong buồng cầu thang..Tôi ghê rợn khi thấy một con đang gặm cái lan can cầu thang mà nó đã nuốt hết một miếng. Nước dãi lẫn máu từ môi miệng nứt nẻ của nó chảy ra đến tận ngực.

Radnai nói:

- Không có viên đạn nào để giải thoát cho các con vật tội nghiệp này. Một chuyến tàu chở đầy

đạn dược nổ tung gần bên chúng ta, trong nhà hầm đầy đạn trái phá, thép súng đại bác nóng đến độ muốn chảy, vì người ta bắn dữ dội, để dùng cho hết đạn trái phá trước khi quân Nga đến và các con ngựa tội nghiệp này sắp chết vì đói khát!

Các con ngựa bao quanh chúng tôi và hí lên như để than thở với chúng tôi và nhìn chúng tôi đăm đăm. Tôi không thể chịu đựng được vẻ nhìn của chúng và tôi cúi đầu. Một con đến gần tôi và húc nhẹ nhẹ vào lưng tôi, như thể để thúc đẩy tôi thương hại chúng, đem cho chúng một chút ít thức ăn, nước uống. Một niềm thất vọng nào nề xâm chiếm tôi. Tôi ôm cổ con ngựa ấy và khóc nức nở.

Ông Radnai nắm bàn tay tôi và kéo tôi trở lại vào cửa tầng hầm. Ông vuốt nhẹ đầu tóc tôi và nói:

- Tội nghiệp cô bé! Tội nghiệp thế hệ của cô bé! Thật đáng tiếc!

Tôi dừng chân lại nơi bậc cấp đầu tiên:

- Không, tôi không thể trở lại trong hầm – tôi nói với ông Radnai – hầm sẽ sập và sẽ vùi lấp chúng ta.

- Cô đừng sợ gì cả, bây giờ sẽ không còn xảy ra điều đó nữa. Cô hãy đi xuống đi...

- Ông không sợ sao? – tôi hỏi ông một cách đột ngột.

- Có chứ, tôi sợ chứ! Tôi sợ sẽ bị chết ngộp, tôi không biết gì về gia đình tôi hết và mạng sống của tôi tùy thuộc tính bất thường của vài người bị bệnh loạn thần kinh. Không biết khi nào họ sẽ tố giác tôi, hay để lộ gốc Do Thái của tôi vì một lời nói vụng về?

- Ông đừng sợ điều đó – tôi nói với ông ta – không có ai nghĩ đến việc làm hại ông đâu.

Chúng tôi lặng lẽ đi xuống hầm. Ông Radnai trở lại chỗ cũ của ông và lấy quyển sách nhỏ trong túi của ông ta. Nhưng tôi để ý thấy thay vì đọc, ông nhìn đăm đăm về phía trước mặt.

Vào khoảng sáu giờ, người ta trở về hầm và nói rằng họ đã không tìm ra được đường thoát hiểm của toà nhà bị sập. Một thanh niên và một thanh nữ đi theo họ. Thanh nữ ấy khoảng hai mươi hai, hai mươi ba tuổi, cô ta ôm cái áo lót bông, run lập cập và nắm chặt bàn tay chàng trai. Chúng tôi quan sát hai người mới đến ấy, tự hỏi họ là ai và họ muốn gì ở chúng tôi?

Pista nói:

- Hai người này ở tại chung cư Vitez Utca. Lúc chuyển tàu chở đạn nổ, họ không có ở nhà vì bận đi lấy nước, họ là hai người duy nhất thoát chết... Họ phải ở lại đây, vì nói cho cùng, họ không thể lang thang ngoài đường. Tôi mong cô bác ở đây sẽ đùm bọc họ... Về phần tôi, tôi sẽ xoay sở để tìm lương thực cho họ.

Chúng tôi nhìn họ, sửng sốt vì kinh ngạc, như thể đó là những con ma, đôi thanh niên nam nữ ấy hình như không thuộc thế giới này. Cũng như Thánh Thomas[1], chúng tôi những muốn sờ, nắm hai người ấy để biết chắc họ là người sống chứ không phải là ma.

Ilus, đang bồng đứa bé trên tay, là người đầu tiên lên tiếng. Bà bước tới gần họ.

- Lạy Chúa! – bà nói – tôi thấy là hai bạn yêu nhau... Hai bạn trẻ trung biết bao... Ngay cả tử thần cũng thương hại hai bạn. Tôi sẽ làm được gì để giúp đỡ hai bạn đây? Nếu trong căn hộ của tôi, còn có những vật gì còn nguyên vẹn, hai bạn có thể đem đến đây tất cả những gì mà hai bạn muốn. Và tôi cũng sẽ chia lương thực của tôi cho hai bạn.

Bà vợ ông chủ ngân hàng hứa sẽ cho họ dụng cụ nấu ăn, bà vợ ông chủ quán cho họ một hộp thịt hộp,

cậu sinh viên y khoa hỏi họ có đau ở chỗ nào không.

Một sự nhiệt tình bỗng bật dâng lên về phía họ từ tất cả trái tim. Như thể đây là lúc để trả một món nợ biết ơn mà người ta mắc với định mệnh. Từ căn hộ của Ilus, Pista và ông bác sĩ đem xuống một cái đi văng rộng và chần mền. Rồi hai người đi tìm kiếm một ít lương thực tại nhà hàng bán lương thực Utca. Đây là lần đầu tiên ông bác sĩ mạo hiểm ra khỏi hầm. Bà vợ góa của ông chủ nhà băng nói với họ:

- Các người cũng sẽ có thể lấy về một ít thịt để nấu món ragu.

Bà vợ ông chủ quán tái mặt, đó chẳng khác nào một lời buộc tội bà ta. Nhưng bà vợ ông chủ ngân hàng nói tiếp:

- Ngựa cũng là một con thú chẳng khác gì lợn. Chỉ cần một điều là thịt còn tươi, riêng cá nhân tôi, tôi không tởm thịt ngựa nữa... Tôi đói..

Các người khác không nói gì, nhưng những lời ấy được hai vợ chồng ông chủ quán hoan nghênh như một sự xoá tội.

Ilus dọn đến ở trong căn hầm của gia đình tôi, nhường lại cho đôi bạn Eve và Gabriel cái kho than của bà ta.

Trong cơn mê sảng đột ngột, ông biện lý ý thức được các sự kiện đã xảy ra. Từ nơi giường ông đang nằm, mồ hôi mồ kê nhễ nhại, ông gọi hỏi Eve:

- Này cô, hai người đã cưới hỏi nhau chưa? Bình thường, chỉ những người đã thành vợ chồng mới ngủ chung với nhau...

- Nhưng chúng ta không còn sống trong một thế giới bình thường nữa – Radnai phản bác – ông hãy lo tĩnh dưỡng, đừng buồn phiền và đừng xía vào công việc của người khác làm gì...

- Chúng tôi yêu nhau... - Gabriel nói một cách dịu dàng – mọi người chung quanh tôi, đều đã chết.

Nét mặt anh ta tái đi và anh ta kéo Eve sát vào người mình, anh nói:

- Lạy Thiên Chúa tối cao! Anh còn rùng mình khi nghĩ đến việc anh đã từ chối không cho em đi theo anh để lấy nước!

Chúng tôi không còn bàn luận đến sự hiện diện của đôi thanh niên nam nữ ấy nữa. Chúng tôi coi họ như họ đã ở đây với chúng tôi từ nhiều năm rồi.

Đối với tôi, kể từ nay, điều đáng kể hơn hết là tác phẩm "La peau de Chagrin" của Balzac. Vì cố gắng đọc cho nhanh, tôi xích tới quá gần tim đèn, tóc tôi cháy phừng lên. Tôi hét lên một tiếng. Mẹ tôi liệng ngay lập tức một cái mền trùm lên đầu tôi. Nhưng chẳng còn gì của những lợn tóc trước đây loà xoà trên trán của tôi. Cổ tôi cũng bị những vết phỏng đau đớn. Người ta đặt thuốc dán trên lỗ tai tôi và Pista dùng kéo xén các lợn tóc còn lại không đều nhau của tôi. Một thiếu niên buồn bã hiện ra trong tấm gương mờ mà tôi còn giữ được. Tôi không nhận ra được chính đó là tôi nữa.

Ngày ngày trôi qua một cách chậm chạp. Đêm đêm ác mộng, tôi tranh đấu chống lại một thế giới ma quỷ. Giấc ngủ không còn làm dịu những nỗi thống khổ của tôi. Còn đâu những giấc mộng đẹp, mà toàn là những cảnh tượng rùng rợn.

Đôi khi Pista biến mất suốt ngày, nhưng luôn luôn anh ta trở về với nụ cười trên môi, như thể anh ta là một con người mà ngay cả tử thần cũng không bắt được.

Sau một đêm nào đó, mà chúng tôi đã thức trắng để đợi bình minh. Đêm ấy các tiếng mìn nổ đã xảy ra liên tiếp. Dưới chân chúng tôi, đất rung chuyển dữ dội.

Khoảng sáu giờ rưỡi sáng, chúng tôi với mới chợp mắt vì kiệt sức, thì Pista đánh thức tất cả mọi người dậy. Anh ta cho chúng tôi biết ngay trong đêm ấy quân Đức cho nổ mìn phá sập tất cả các cây cầu trên sông Danube.

Chúng tôi không thể không nghi ngờ cái tin khủng khiếp ấy. Hoài nghi, chúng tôi nhìn sững Pista, rồi chúng tôi đồng lòng quyết định đích thân đi kiểm chứng những lời anh ta vừa nói. Chúng tôi nối đuôi nhau đi lên cầu thang, không chút nghĩ đến một viên đạn trái phá có thể bất thành linh xé xác chúng tôi ra từng mảnh. Sự phá huỷ các cây cầu đã trấn áp được tất cả các sự sợ hãi của chúng tôi. Nhưng sự bất chấp ấy còn dễ sợ hơn tất cả mọi sự. Chúng tôi đi vào trong căn hộ của ông đại tá. Pista cấm chúng tôi lộ mặt ra ngoài, anh ta nói rằng từ phía bên kia sông, những tay thiện xạ Nga nhắm bắn tĩa mỗi khi thấy bóng dáng con người. Núp sau những bức tường, chúng tôi nhìn xuyên qua những khuôn cửa đồ nát ... Các cây cầu sập xuống nằm trong dòng nước đục của sông Danube.

Khủng khiếp, tôi quan sát cây cầu treo Lanc-hid bị phá huỷ và nghĩ đến biết bao nhiêu lần tôi đã đi qua cây cầu này với bố tôi. Tôi thường đi đến gặp bố tôi tại quán cà phê Lanc-hid và sau đó hai bố con đi dạo. Ôi cây cầu Lanc-hid thân thương, người ta đã làm gì người? Và ở xa xa đằng kia, cầu Elisabeth cũng bị đánh sập – sương mù ban mai che phủ nó, như thể để che dấu thân hình đồ sộ của nó nay đã đầy thương tích. Tôi hình dung lại các vai cầu vòng cung nhẹ nhàng, duyên dáng của nó nối liền Pest với Buda, hai thành phố ở bên bờ sông Danube, như một nhịp điệu hài hoà, như một con đường ngoằn ngoèo bắc ngang bên trên dòng sông.

Sông Danube, xưa kia có nhiều du thuyền xinh đẹp và nước chảy mạnh; và bây giờ bị cản trở bởi sắt vụn cong queo của các cây cầu sập, nó hình thành những vạt nước xoáy làm chóng mặt, và nó hùng hổ ném những tảng băng lớn vào đê ở hai bên bờ.

Một quả bom nổ khá gần, kéo chúng tôi ra khỏi trạng thái tê mê. Chúng tôi trở xuống hầm. Tôi còn ở lại đằng sau và đưa mắt nhìn một lần cuối các cây cầu sập nằm trước mặt tôi như những người khổng lồ chết không chôn.

Buổi chiều chúng tôi đi lấy nước, nhưng không có hiệu quả. Chúng tôi trở về với những cái xô không nước. Vòi nước ở Kacsá Utca không còn chảy ra một giọt nước nào nữa. Tôi khát nước.

Chương 4

Đã hai ngày rồi chúng tôi không còn một giọt nước nào. Với nửa ly nước cuối cùng, sáng hôm nay, Ilus đã pha một bình sữa nóng cho đứa bé với chút ít sữa bột còn lại. Đứa bé tội nghiệp ấy yếu đến nỗi không ngồi được, nó nằm dài kiệt sức, đầu nghiêng qua nghiêng lại suốt những ngày dài vô tận

và rên rĩ trong cô hòng.

Vào khoảng giữa trưa, có ai đó bắt đầu kêu la trong hầm. Tôi chạy lại để xem đã xảy ra điều gì. Đó là tiếng kêu la của bà vợ ông chủ ngân hàng, mặc áo quần lót.

- Ôi! Tôi đã tìm được một con rắn! – bà vừa hét vừa múa may tay chân – thật khốn nạn khi không còn biết tắm rửa bằng cái gì!

Và bà đưa ra, cho tất cả những ai muốn xem, một con rắn phật phờ như nửa thức nửa ngủ nằm trên một mảnh giấy báo cũ. chúng tôi đứng vây quanh và ngắm con rắn. Sự kiện quan trọng ấy làm cho chúng tôi quên tình trạng khát nước được một lúc.

Bên ngoài, cảnh địa ngục lại bộc phát. Từ sáng sớm toà nhà đã bị trúng bom và chúng tôi không ngừng cảm ơn Chúa về việc đã được núp dưới những cái hầm vòng cung vững chắc của toà nhà đã được xây cất gần một trăm năm nay, thử hỏi chúng tôi đã ra sao rồi, nếu ở trong một ngôi nhà tân thời tường mỏng manh như giấy bìa? Ngay ở đây, với một độ sâu bằng độ sâu của một tầng lầu, đất không ngừng rung chuyển dưới chân chúng tôi, như thể có một ống dẫn điện chạy khắp tất cả phần đất của thành phố Budapest và chúng tôi đi không ngừng trên những dây điện cao thế.

Những lúc sau này, tôi đã có thói quen ngồi xếp bằng trên giường của tôi. Tôi run rẩy mỗi khi phải đi vài bước vì quá sợ những cơn địa chấn rung rợn ấy.

Kể từ khi không còn nước, người gác cổng và vợ ông ta không lộ mặt ra nữa. Họ đã tàng trữ đủ thứ và nhiều người nói rằng đã có trông thấy họ đem xuống hầm một thùng ton nô nhỏ, rất có thể là một thùng đựng rượu. Bây giờ, họ trốn biệt trong hầm riêng của họ để khỏi chia sẻ của quý cho bất cứ ai.

Tuy nhiên vào chiều hôm đó, người gác cổng có xuất hiện một lần khi ông ta lão đạo đem cái xô vệ sinh ra đổ ngoài sân. Trông ông ta có vẻ xanh xao và nhỏ thó hơn thường lệ, ông đi đầu cúi gằm xuống, bước chân khập khiễng đến nỗi hai lần ông để phân trong xô tung tóe ra ngoài. Tuy nhiên, không ai dám hé răng nói gì. biết ông ta là đảng viên Cộng sản, người ta sợ, nếu bị trách mắng, ông ta có thể trả thù một khi quân Nga đến giải phóng thành phố.

Khoảng bốn giờ chiều, tình hình trở nên yên tĩnh một cách bất ngờ. Quân Đức, kéo theo khẩu đại bác đặt trên một chiếc xe thiết giáp, đã rời khỏi đồn của họ ở trước toà nhà và con đường đột ngột trở lại yên tĩnh và vắng vẻ.

Chúng tôi từ từ leo lên sân. Các con ngựa đã gặm nhấm lan can cầu thang và một con đã yếu sức đến nỗi chỉ biết ngồi chồm hổm bằng móng. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi, tôi thấy một con ngựa ngồi. Chắc nó cũng muốn đến gần lan can để gặm, nhưng kiệt sức không đến được....

Cũng như mọi lần, Pista xuất hiện một cách bất thành linh, nhưng lần này với hai bàn tay không. Chúng tôi lập tức bao quanh anh ta để hỏi ý kiến anh về vấn đề nước. Anh ta nói rằng tại các hồ tắm của người Thổ Nhĩ Kỳ ở cách đây không xa lắm, có cơ may tìm được ít nước, vì các hồ tắm ấy không nối với hệ thống ống nước của thành phố.

Mặc dù đi đến các hồ tắm ấy chỉ mất chừng mười phút, đột nhiên chúng tôi cảm thấy không thể đi được. Rời khỏi hầm để đi trên một đoạn đường mà nơi đó một viên đạn trái phá hay một trái bom có thể bất cứ lúc nào xé xác chúng tôi ra từng mảnh, là một điều vô cùng mạo hiểm. Pista tuyên bố sẵn

sàng đi lấy nước về cho mọi người, nhưng hai xô nước thì chẳng thấm tháp vào đâu cho hai mươi người khát nước và dơ bẩn?

Bà vợ ông chủ nhà băng nói:

- Về phần tôi, tôi đi lấy nước và nếu có thể được tôi sẽ tắm luôn! Rận chí như thế này chịu sao nổi!

Tiếp theo những lời ấy, người ta bàn tán xôn xao về vấn đề ai sẽ tham gia đoàn người đi lấy nước. cuối cùng người ta quyết định tất cả mọi người sẽ đi, trừ bà Sarosi và ông Galabb, được chỉ định giữ hầm. Chúng tôi xách xô đi, nhưng ra đến đường, chúng tôi bắt đầu chạy.

- Hãy bình tĩnh nào! – Pista hét lên để làm dịu nỗi sợ hãi của chúng tôi – không phải chạy là tránh được đạn đâu!

Những người đang rình rập dưới cửa sổ của các ngôi nhà khác khi thấy chúng tôi ở ngoài đường, họ cũng mạnh dạn lên và cũng xách xô đi theo chúng tôi.

Chạy lúp xúp, chẳng mấy chốc chúng tôi đã đến địa điểm các hồ tắm. Các luồng gió mạnh do các vụ nổ bom tạo ra đã làm bật tung cửa chính ra khỏi bản lề. Để đi vào, phải leo qua một tảng đá lớn chặn ngang đường. Bên trong trên nền lát gạch bông, có xác của hai con ngựa chết, chân chống lên trời, bụng phình lên như thể tràn đầy nước. Chúng tôi đi vòng quanh để tránh đụng vào chúng và chúng tôi lòn qua một lỗ hổng toang hoác, trước kia là cái cửa xoay đi vào các hành lang dọc theo các hồ tắm. Nơi này, trước kia được trang trí bởi những cây kè và những cây vùng nhiệt đới, trồng trong những cái bồn xây bằng đá. Tại nơi này, trong thời bình, các chủ nhà tắm mặc đồng phục trắng tiếp khách đến tắm hơi. Nếu không có Pista hướng dẫn, chắc chắn chúng tôi đã lạc đường trong cái mê thất hoang vắng và lạnh lẽo ấy. bây giờ vấn đề được đặt với chúng tôi là tìm đến nơi cung cấp nước cho các hồ tắm nước sôi có pha lưu huỳnh.

Pista nói:

- Chúng ta sắp đi đến đó ngay đây.

Chúng tôi đi theo anh ta, nhưng, đột ngột, cả đoàn dừng lại. không biết đã xảy ra điều gì, tôi bước tới để xem thử. Vừa lúc ấy tôi nhìn thấy cái xác chết dưới hồ tắm. Các xác chết ấy nổi trên mặt nước màu teng đồng, con mắt lơ lơ, miệng há hốc. Áo quần đã mốc meo đến nỗi không còn có thể nhận ra đó là người Hungari hay người Đức, là lính hay thường dân. Một thí dụ hùng hồn về sự công bằng lớn của tử thần, không phân biệt giữa các chế độ hay các quốc tịch.

Trên đầu chúng tôi mái nhà đã sập, chúng tôi có thể trông thấy trời, nhà và gạch ngói chất đống hai bên hồ tắm, cái đống đồ nát ấy là một chương ngại vật khiến chúng tôi không thể vượt qua được.

Có ai trong đám đông than thở:

- Chúng tôi sẽ không đến được nơi có nước rồi.

Và Ilus khóc nức nở.

- Hãy đợi một lát – Pista nói và biến mất ở giữa những đống đồ nát.

Chỉ một lát sau, người ta đã thấy anh cố sức kéo ra một tấm ván dài. Sau khi đặt tấm ván làm cầu nổi hai bờ của hồ tắm, anh ta chạy qua tấm ván, đứng ở bờ bên kia, anh ta kêu to:

- Các người có thể đi qua, mỗi lần một người.

Đoàn người lần lượt đi qua một cách lặng lẽ. Ôi, thật là thảm thiết, cái cảnh những người trung lưu tội nghiệp ấy bị tước bỏ cuộc sống bình yên hàng ngày của mình và tập tễnh bước đi trên một tấm ván hẹp và trơn, trong lúc ở dưới đáy hồ tắm người chết, con mắt mở to hình như đếm các bước chân của họ và nhìn họ bước đi thất thểu.

Những người đầu tiên qua được bờ bên kia, nhìn chúng tôi như thể họ là những người có phúc lớn đã vào được thiên đường và quay nhìn trở lại về phía các người còn nơi khổ ải. Chỉ trượt chân một cái là sẽ rơi xuống nước bên cạnh kẻ chết trôi.

Đã đến lượt tôi đi qua. Toàn thân tôi run rẩy. Người ta bảo tôi đứng ở đó để đợi các người khác trở về, nhưng tôi không dám ở đây một mình với người chết dưới hồ tắm. Nếu mẹ tôi ở lại với tôi, chúng tôi sẽ không có đủ nước mà dùng và biết đâu chúng tôi có còn cơ may đến được nơi này một lần nữa hay không? Tôi đặt chân lên tấm ván và có cảm tưởng bị bắt buộc phải đi trên dây cáp giăng bên trên một cái vực thẳm mênh mông ở trong núi. Tôi đi đến được tới gần giữa, thì tấm ván rung rinh. Tôi hét lên một tiếng và ngã quỵ gối xuống ngay phía trên mặt của người chết trôi. Pista nhảy tới, ôm tôi và đặt tôi xuống phía bên kia.

Một sự thèm khát man rợ làm tôi quên đi tất cả mọi sự, vì tôi đã có các vòi nước trước mặt. Các ông dẫn nước bị hư hại nặng đến nỗi nước nóng có chất lưu huỳnh thoát ra từ mọi phía và kêu ầm ầm như một cái thác. Tuy nhiên, chúng tôi không dám uống, vì chỉ một hớp đầu tiên cũng đủ làm cho bỏng miệng. Bà vợ ông chủ nhà băng cởi áo bờ lu và chạy tới đứng dưới một vòi phun nước lạnh, mẹ tôi còn chưa biết đó là vòi nước lạnh, đã vội kêu lên:

- Coi chừng bị bỏng nước sôi đấy!
- Nước lạnh mà! – bà kia đáp lại.

Tất cả chúng tôi nhào tới để nốc nước lạnh của vòi phun nước ấy. Hầu hết mọi người đã cởi trần. Khoái lạc biết bao khi được đứng dưới tia nước để kỳ cọ thân thể đầy cáu ghét... người ta chuyền tay nhau một miếng xà phòng và người ta nhìn Ilus với ánh mắt cảm ơn, bà ta là người duy nhất đã đem theo xà phòng và sẵn sàng cho mọi người mượn.

Tính bên lên then thùng đã biến mất, bà vợ ông đại tá, ở trần, chạy lăng xăng giặt giũ áo quần lót của bà và Ilus kỳ cọ chân và bắp vế, vế váy đến tận háng.

Niềm hân hoan của chúng tôi đột ngột đổi thành nỗi kinh hoàng, một quả mìn vừa mới nổ rất gần nơi này. Chúng tôi mặc lại áo quần nhanh như chớp và vội vàng trở về hầm với những xô nước đầy tràn. Đạn trái phá càng lúc càng rơi xuống dữ dội hơn và Pista, nhanh nhẹn một cách lạ lùng, đi qua đi lại trên tấm ván như thoi đưa để giúp những người yếu đuối nhất chuyền các xô nước quý. Trên đường, chúng tôi chạy nép vào các bức tường và số nước mà chúng tôi quý như vàng không khỏi bị đổ bớt nước xuống đất, mặc dù chúng tôi vô cùng cẩn thận.

Ở trước toà nhà của chúng tôi, khẩu đại bác đang khạc đạn... Vui mừng xiết bao khi chúng tôi đã bình an vô sự vượt qua được ngưỡng cổng toà nhà. Hình như chúng tôi đã quên mất rằng chỉ một quả bom cũng đủ làm sụp đổ toàn thể toà nhà lên trên chúng tôi, ý nghĩ duy nhất của chúng tôi là sự tin tưởng rằng những bức tường vững chắc của toà nhà sẽ che chở chúng tôi chống đạn súng liên thanh và những

mảnh vỡ của mình.

Băng qua sân về hướng tầng hầm, một tình cảm mạnh hơn tôi thúc đẩy tôi tới phía các con ngựa. Hai xô nước của tôi xô nào cũng còn đầy được một nửa. Không bao giờ trong đời tôi, tôi quên được lúc này. Trước tiên tôi tới gần con ngựa ngồi, đưa nước cho nó. Tiếng hí sung sướng nó để thoát ra, nhắc tôi nhớ lại những tiếng mà chúng tôi reo lên khi tới địa điểm hồ tắm. Nó run run và uống nước từng ngụm lớn không ngừng nghỉ. Các con ngựa khác đi tới gần tôi một cách chậm rãi. Tôi phải cẩn thận, để mỗi một con đều có phần. Trong ánh mắt của những con vật ấy phản ánh một tình cảm biết ơn, một tình cảm gần giống như con người. Chúng vây quanh tôi, máu chảy ra từ nướu răng của chúng, và nước mắt lẫn mủ chảy ra từ con mắt chúng.

Bước xuống tầng hầm với hai cái xô không còn một giọt nước, tôi cảm thấy trong lòng nhẹ nhõm và tràn trề niềm vui, như thể trong thời bình, tôi vừa mới được tặng một món quà tuyệt đẹp

Chương 5

Lần hồi chúng tôi đã quen thói nhờ đến Pista mỗi khi cần đến một điều gì. Anh ta tìm được cách cung cấp cho chúng tôi hầu hết những gì cần thiết.

Một buổi sáng, chúng tôi đã yêu cầu anh ta đi mời một linh mục tại một nhà thờ ở cách toà nhà của chúng tôi chừng nửa giờ đi bộ, để có thể cử hành Thánh lễ. Pista đã nổi tiếng là một người không thể bị thương, hoàn toàn giống như một nhân vật đeo bùa thiêng, chỉ phác một cử chỉ là có thể xua đuổi mảnh vỡ của mình và trái phá rơi xuống như mưa chung quanh mình.

Ước ao của chúng tôi trở thành hiện thực nhanh hơn chúng tôi hy vọng. Chỉ hai ngày sau, Pista báo cho chúng tôi biết Thánh lễ sẽ được cử hành trong tầng hầm của chúng tôi vào sáng ngày mai. Quả thật là điều lạ lùng khi nghe nói đến những tiếng "buổi sáng" "buổi chiều" hay "buổi tối", vì trong bóng tối thường xuyên của căn hầm và với ánh sáng vàng vọt yếu ớt của những ngọn đèn mờ, con mắt đỏ hoe và luôn luôn chảy nước mắt không biết được ngày giờ.

Điều cố định duy nhất của thời khắc biểu là lúc chiếc máy bay oanh tạc đêm chấm dứt công việc của nó, lúc đó là vào khoảng bốn giờ sáng và sau đó có một sự yên tĩnh tương đối cho đến khoảng sáu giờ.

Ngày trọng đại đến. mới ba giờ rưỡi sáng tất cả mọi người đã thức dậy. Đêm ấy đã có tuyết rơi và chúng tôi có thể rửa ráy đôi chút với tuyết ở trong sân. Trong cái hầm chính, một cái bàn được phủ với tấm ra cuối cùng còn sạch sẽ mà chúng tôi đã có thể tìm thấy. Và chúng tôi ghi nhận như là một sự kiện đáng chú ý. Ông Radnai, người không tin thần thánh đã cạo râu và đã thắt cà vạt nơi cổ áo sơ mi của ông mà người ta không còn biết được nó là màu gì. Bà vợ goá của ông chủ ngân hàng chải gỡ những đám tóc rối của bà một cách tỉ mỉ. Và Ilus mặc một áo sơ mi sạch sẽ cho đứa bé của bà. Ngày hôm trước, Pista đã lấy được trong một cửa tiệm sáu cây đèn cây bằng cánh tay, đó là một báu vật vô giá.

Vài phút sau bốn giờ, một linh mục già đến, mang theo thánh thể đựng trong một cái hộp thép vàng và một bình rượu lễ. một góc căn hầm của Ilus được sắp xếp thành phòng xưng tội, người ta đặt ở đó một

cái chân ở dưới đất cho những người quỳ xưng tội. Rồi chúng tôi xếp hàng người này đứng sau lưng người kia và buổi xưng tội bắt đầu.

Đầu cúi xuống, ông Radnai cũng xếp hàng. Người gác cổng và bà vợ ông ta cũng có mặt ở đó, ăn mặc đàng hoàng như thể đi xem lễ ở nhà thờ. Eve không buông tay Gabriel ra, họ đứng hơi riêng biệt ra một chút. Ông biện lý sốt bốn mươi độ, ông nói huyền thuyên, vớ vẩn và sắp được sức dầu thánh lần cuối cùng. Etienne thắp đèn cây trên bàn thờ và căn hầm đột ngột sáng lên. Sau khi xưng tội, người ta lần lượt đến quỳ trước bàn thờ.

Đến lượt tôi, tôi cảm thấy tim tôi đập rất mạnh. Gần như khóc, tôi nói với vị linh mục:

- Thưa cha, con không muốn chết. Con mới mười lăm tuổi. Con sợ chết. Con còn muốn sống.

Khuôn mặt vị linh mục xanh xao, mí mắt sụp xuống, bất động trước mặt tôi. Biết bao lần, vị linh mục già đã phải nghe những lời phản kháng như thế, biết bao lần người ta nắm lấy bàn tay ông và nói "Thưa cha, con còn muốn sống lắm, người ta không thể chết đi trong sự tối tăm và dơ bẩn này, khi có những đất nước ở đó mặt trời chói lọi, ở đó người ta đi thung dung ngoài đường, trong lúc chúng con bị vây hãm ở đây, trong cái thành phố bị biến đổi thành nghĩa địa này..."

Về phần tôi, tôi nói:

- Thưa Cha, con run sợ mỗi khi phải đi ra ngoài, người ta chỉ còn có thể đi trên các xác chết, từ mọi phía những con mắt lơ lơ nhìn con với ánh mắt ngạc nhiên và trách móc, vì con còn ở trong số những người còn sống....

Vị linh mục già dịu dàng nói:

- Số phận của thân xác chúng ta không quan trọng nhiều lắm đâu. Cái chết mà chúng ta quá sợ, chỉ là một sự giải thoát, nó chỉ là lúc linh hồn thoát ra khỏi thể xác để vào cõi vĩnh hằng. Và con ơi, Chúa Trời thương yêu chúng ta biết bao. Người đón chúng ta với một tình yêu vô hạn và vô tận. Trong cõi thiên đường, không có chiến tranh, cũng không có người chết. Mặt trời, hoà bình, một niềm vui tuyệt vời đang đợi chúng ta ở đó. Chúng ta có thể sợ hãi điều gì nó ? Và những người chết chung quanh chúng ta ở đây, con đừng tưởng tượng là họ buộc tội chúng ta, trái lại, họ thương hại chúng ta, vì chúng ta còn phải chịu đựng những nỗi đau khổ của cuộc đời này. Con đừng quên rằng một người nào trong số những người đã trút hơi thở cuối cùng tại đây, giữa những đồng đồ nát này, sẽ mất phần trong đời sống vĩnh hằng.

Khi đi ra, tôi để ý thấy không còn một người nào nữa chung quanh tôi. Xuyên qua bức màn nước mắt của tôi, ánh sáng của các cây đèn cây phản chiếu tất cả các màu sắc của cầu vồng, các bức tường đã mờ đi, ngôi nhà thờ trở thành lộng lẫy, ở đó ánh sáng hình như càng lúc càng trở nên chói lọi hơn, như thể những tia sáng của mặt trời đã lọt vào đến tận đó. Những giọng run run hát những bài thánh ca và một niềm vui sướng trong sạch làm cho tôi hầu như mê mẩn tâm thần, tưởng mình đã thông cảm được với Thượng Đế...

Mãi một lúc lâu sau tôi mới trở về với thực tại. Tôi thấy Eve và Gabriel quỳ trước bàn thờ. Vị linh mục già cử hành hôn lễ của hai người. một cảnh không thể nào quên, đó là lúc hai người thề trung thành với nhau cho đến lúc lâm chung, lời thề nguyên thốt ra ở đây, nơi ngưỡng cửa của cõi vĩnh hằng và là nơi có bóng dáng thường xuyên của tử thần.

Linh mục từ giã chúng tôi vào lúc bảy giờ sáng, trong lúc máy bay oanh tạc dữ dội. Người ta tin rằng

ngày hôm ấy sẽ còn kinh khủng hơn các ngày trước đó. Toà nhà đã hư hại nặng và một phần hành lang của tầng ba đã đổ xuống trong sân.

Mỗi người kiếm một món quà mọn tặng cho đôi vợ chồng mới cưới. Ông Radnai tặng họ một quả cam. Ông đã giữ trái cam hoàn toàn khô ấy từ năm tuần rồi, không dám ăn, để dành cho những lúc khó khăn hơn. Người gác cổng đã đem đến một ly rượu. Mọi người đều vui.

Sau đó Eve đến tìm Ilus trong căn hầm nhỏ của bà ta và trao cho bà quả cam để bà cho đứa bé ăn.

Chương 6

Buổi chiều hôm ấy thật là khủng khiếp. Tôi ngồi bó gối trên giường không dám đặt chân xuống đất, vì tôi ghê sợ sự rung chuyển không ngừng ấy. Ánh sáng ngọn đèn mờ chập chờn, tôi thèm đọc sách, nhưng chỉ được một lát là nước mắt tôi chảy ra. Mẹ tôi không ngừng cảnh giác rằng sau này tôi sẽ phải mang kính cận.

Thử hỏi người ta còn quan tâm gì đến số phận của đôi mắt, nếu người ta chỉ còn sống được vài ngày nữa mà thôi? Lúc ấy tôi không còn sợ chết nữa, tôi chỉ sợ cái thời gian chuyển tiếp từ cuộc sống này đến cuộc sống trong vĩnh hằng, chúng tôi sẽ chết vì bom làm sụp đổ ngôi nhà trên đầu chúng tôi và chúng tôi sẽ chết ngộp dưới đồng đồ nát, hay chúng tôi sẽ bị chết thiêu bởi tia lửa của những súng phóng hoả? Nếu quân Đức đuổi chúng tôi ra khỏi nhà, chúng tôi sẽ làm mồi ngon cho quân Nga ở bờ bên kia sông bắn tỉa, họ sẽ bắn hạ chúng tôi hết người này đến người khác với súng có gắn ống nhòm của họ, họ sẽ có thể nhìn thấy chúng tôi nhăn nhó trước khi ngã xuống chết.

Pista quyết định sẽ đi ăn cắp cái khăn voan trùm đầu cô dâu cho Eve. Anh ta khoe là anh ta có nhớ có một cửa hàng bán đồ cưới ở vùng chung quanh đây. Bây giờ trước cửa hàng có một quả bom không nổ, nhưng Pista chắc chắn là ở trong đó còn một cái khăn voan trùm đầu cô dâu. Chúng tôi cố ngăn cản anh ta đừng đi, nhưng anh ta cười, để lộ cả hai hàm răng trắng và khoẻ.

Anh ta nói:

- Tôi muốn hôm nay sẽ là một ngày không thể nào quên đối với Eve.

Pista không ra đi một mình, vì ông bác sĩ muốn đi theo anh ta. Nạn đói trong hầm đã đến mức mà quyết định của ông bác sĩ đã được chúng tôi hoan nghênh. Chúng tôi biết ông bác sĩ rất thạo trong việc lột da, làm thịt ngựa. Chắc chắn ông ta sẽ tìm được xác một con ngựa và đem về những miếng thịt tốt nhất. Bà vợ ông chủ quán sẽ nấu một món xúp và một món ragu ngon lành.

Các con ngựa của chúng tôi vẫn còn sống. Những người ở dưới gầm cầu thang nói rằng họ có nghe chúng không ngừng giậm chân. Pista cho chúng tôi biết con ngựa ngồi bây giờ nằm dài thượt, chỉ còn sức để ngẩng đầu lên mỗi khi có người đến gần nó. Tôi nôn nóng đợi có dịp đi lấy nước về cho chúng uống.

Ông Radnai đến thăm chúng tôi để nói chuyện với bố tôi. Ông nói:

- Bây giờ là bây giờ và Pista vẫn chưa về.

Chúng tôi bắt đầu bồn chồn lo lắng, nhất là Ilus, vì nếu anh ta không trở về, đứa bé, con của bà ấy

không còn gì để ăn ngày mai, hộp sữa bột cuối cùng đã sạch bách.

Một lát lâu sau, ông Radnai lại gãi cằm và nói:

- Tám giờ kém mười lăm. Thật ngộ, các bộ phận máy móc nhỏ xíu của cái đồng hồ này – ông lớn tiếng nói tiếp, như thể ông suy nghĩ – nó được sản xuất ở Thụy Sĩ... Tôi khó tin rằng bây giờ còn đất nước ấy... Thụy Sĩ... Những vùng băng tuyết không khí trong lành, các môn thể thao mùa đông, những khách sạn sang trọng đầy khách du lịch, một người đầu bếp nhấc nhục hỏi khách thích món tôm hùm hay chỉ đơn giản món tôm he...

Mùi thơm của thức ăn nấu nướng xâm chiếm các gian hầm... lạy Chúa... Mùi thơm của nấu nướng! Những chữ tuyệt vời và tràn trề mùi vị! A ha! Phải ăn... sao, ăn sao?... Không, không ăn mà nuốt! Ăn ngấu ăn nghiền!

- Ông giáo sư, chắc ông đã đi du lịch nhiều lắm? – ông Radnai hỏi.

- Vâng – bố tôi đáp.

Nhưng ông ta nắm chặt cánh tay tôi, vì tôi vừa hét lên một tiếng khủng khiếp. Có một tiếng nổ rất gần làm chúng tôi hoảng hốt. Cửa hầm của chúng tôi bung ra đột ngột như bị đẩy đi bởi sức ép của một trái bom, nhưng không, đó chỉ là người gác cổng xô cửa bước vào. Ông ta mặt tái mét, môi miệng run run, chỉ đủ sức thốt ra mấy tiếng:

- Hãy ra mau! Người ta vừa mang anh ấy về...

- Pista? – tôi hỏi.

Một linh cảm khủng khiếp làm cho tôi ghen hợm.

Chúng tôi xô đẩy nhau chạy trong hành lang. Ông bác sĩ đặt Pista nằm xuống. Cả hai người đầy máu, như thể họ đã được nhúng trong một thùng nước sơn màu đỏ.

Có một tiếng khàn khàn ở đằng sau hỏi:

- Anh ta đã bất tỉnh?

- Anh ta chết rồi! – ông bác sĩ đáp một cách rụt rè, gần như với một giọng tạ tội – Chúng tôi đã đi quá xa, một quả mìn đã nổ ngay ở chỗ anh ta đang đi. Luồng gió đã ném tôi vào một bức tường, khi bụi và khói tan, tôi nhìn lại và thấy anh ấy đã chết rồi...

Bà vợ goá của ông chủ nhà băng thấy trong người khó ở và lão đảo rời khỏi gian phòng, mùi máu làm chúng tôi xúc động đến tận tâm can, Ilus khóc nức nở.

- Đây là cái bao của anh ấy – ông bác sĩ nói tiếp - trong đó có những gì mà anh ấy dành cho các người.

Anh ta đưa cái bao cho Ilus. Đã mất nhiều phút rồi mà bà ta chưa tháo được sợi dây, nhưng không có ai giúp bà ta, vì chúng tôi đứng sững như những hòn đá. Cuối cùng khi bà mở được cái bao ra thì người bà đã lấm bết máu. Với hai bàn tay run run, bà lấy ra được hai hộp sữa bột. Bà liền phá lên cười:

- Sữa cho con tôi, nó sẽ không chết đói! Lạy Chúa, đây là sữa cho con tôi! Cho đứa con tội nghiệp của tôi, sữa ngon cho em bé của tôi...

Bà ta phải mất một lát mới trấn tĩnh lại được và bà lục lọi dưới đáy bao, lấy ra một cái khăn trùm đầu màu trắng tuyệt đẹp.

- Khăn trùm đầu của cô dâu – ông Radnai nói, trong lúc nơi góc đường khẩu đại bác bắt đầu khạc đạn trở lại.

Eve lấy tay che mặt và lắc đầu quây quây:

- Dừng cho tôi cái khăn trùm ấy!

Ilus đang cầm cái khăn bước lại gần và phủ khăn trùm lên xác Pista, dịu dàng như thể bà đắp cho con bà đang ngủ.

- Cảm ơn, cảm ơn... - bà thì thầm không ngớt.

Cái hành lang chật hẹp biến thành một nhà thờ nhỏ với đèn nến thấp chung quanh người chết. Chúng tôi quỳ xuống và Eve cất cao tiếng đọc kinh cầu nguyện. Tấm khăn từ từ thấm máu và bên ngoài đạn trái phá rơi như mưa.

Đêm ấy máy bay ném bom không ngớt.

Chúng tôi đã uống hết số nước còn lại từ buổi trưa. Bây giờ không còn nước, không còn một giọt nước, chỉ còn máu, máu, máu khắp nơi...

Chương 7

Có tin loan truyền rằng lúc bình minh quân Nga đã chiếm được cái đồn binh ở đường kế cận. Trong đồn binh có chừng mười quân Đức đã cố thủ, từ mười lăm ngày nay, chống lại một đám đông quân vây hãm đồn. Như thế thì ngày chúng tôi được giải phóng không còn lâu lắc gì nữa. Một khi quân Nga có mặt ở đây, chúng tôi sẽ có thể lên trên các tầng lầu và từ bỏ cuộc sống ô nhục như những con chuột cống dưới hầm.

Khoảng bảy giờ sáng, bốn lính Đức vũ khí tận răng, thỉnh thoảng đột nhập vào trong sân. Họ đi tiểu liên xuống và cố sức đem lên một súng bazoca trong cầu thang. Rồi mang những kết đạn nặng, họ chiếm mấy gian phòng còn ít nhiều nguyên vẹn của lầu một.

Những hành động ấy làm cho chúng tôi rất hoang mang. Hình như họ có ý định biến toà nhà này thành một pháo đài và cố thủ cho đến cùng.

Nếu thế thì chúng tôi khó mà thoát chết vì một khi toà nhà này bị vây hãm, các súng phóng hoả sẽ nhanh chóng thiêu sống chúng tôi.

Mặc dù đang sốt nặng và đuối sức, ông biện lý nhòm dậy trong giường của ông, vừa nấc cụt vừa nói với giọng khàn khàn:

- Quân ngạo nghễ, vô nguyên tắc! Chúng muốn bắn ra từ căn hộ của tôi, vợ tôi quốc tịch Thụy Sĩ, một người trung lập, tôi sẽ khiếu nại với ông bộ trưởng...

Râu ria bạc phơ, loà xoà trên áo sơ mi đầm mồ hôi của ông. Giơ tay lên múa may, trong ánh sáng nhấp nháy của các đĩa đèn mờ, ông ta giống như một bộ xương. Những tiếng khóc nấc của bà gác cổng làm cho chúng tôi lung bùng lổ tai, trong lúc ông Radnai phải hạ thấp giọng nói với chúng tôi:

- Xin mọi người hãy bình tĩnh. Hễ quân Nga đến đây thì tôi sẽ đeo ngay huy hiệu ngôi sao vàng để họ biết rằng tôi là người Do Thái, và tôi sẽ che chở cho các người, như bây giờ các người che giấu tôi không cho quân Đức biết.

Bà vợ ông chủ nhà băng phản đối ngay lập tức:

- Với một ngôi sao vàng mà ông dám đối diện với các toán quân đang đánh nhau hay sao? Ông tin là cái huy hiệu ấy sẽ có ích hay sao?

- Chắc chắn là có ích, ngôi sao ấy là một biểu trưng, đó là dấu hiệu của những người bị tàn sát, vì khi quân Nga đến đây, nó sẽ là dấu hiệu của sự tôn sùng và đón rước những người đã chịu khổ nhục hy sinh.

Ilus đi vào, bồng đứa bé bọc trong chăn. Một tình cảm không thể giải thích được thúc đẩy người ta xum họp, người ta sợ sự cô đơn.

Bố tôi, ngồi trầm tư trong một xó góc, đột ngột kêu lên:

- Kia, lạ chưa, nước ở đâu chảy ra từ trong tường!

Chúng tôi vây quanh ông và đèn lượt tôi thấy từ bức tường có những giọt nước lóng lánh rịn ra.

- Có thể uống nước ấy không? – một người lên tiếng hỏi – phải có một cái xô để hứng nước này. Không có ai trả lời, chúng tôi nhìn bức tường như bị thôi miên, nước chảy ra càng lúc càng nhiều, chúng tôi kinh khủng khi thấy dưới đất đã có một lớp nước mỏng, nhưng luôn luôn tăng thêm. Nước lan tràn khắp nơi trong phòng.

Ông bác sĩ vội nói:

- Phải lập tức mức nước này đổ ra đường. Chúng ta phải sắp hàng chuyển các xô nước cho nhau...nhưng phải nhanh lên, nếu không chúng ta sẽ bị ngập nước!

- Đóng vòi nước lại! – ông biện lý kêu lên – hay gọi thợ ống nước đến...

Một lử, ông ngã người xuống trên đồng gối.

Chúng tôi chạy đi tìm xô và Ilus đặt đứa bé nằm trên giường của ông biện lý để tham gia mức nước. Chúng tôi sắp hàng từ hầm ra đến cổng xe và chuyển các xô nước cho nhau thật nhanh. Người cuối cùng đổ nước ra ngoài đường.

Mấy người Đức đã đi xuống và nhìn chúng tôi làm việc.

Một người trong bọn họ nói:

- các người làm việc mệt nhọc một cách vô ích. Các cây cầu sụp đổ, các tảng băng lớn dồn đông lại làm nghẽn dòng nước sông Danube, làm cho nước dâng lên trong các ống cống thoát nước, như bên trong một cái đập. Các người tưởng tượng có thể cho thoát hết nước sông Danube ra khỏi căn hầm của các người với những cái xô ấy sao?

chúng tôi nhìn người Đức ấy mà không muốn hiểu và chúng tôi tiếp tục chuyển các xô nước đầy tràn một cách máy móc.

Trong lúc ấy khẩu đại bác trước nhà đã bắt đầu khạc đạn trở lại. Điều ấy có nghĩa là các máy bay khu trục của Nga cũng sắp xuất hiện.

Chúng tôi thay luân phiên những người đứng ở những chỗ nguy hiểm, chỉ có hầm và cầu thang là những nơi tương đối an toàn. Chúng tôi tiếp tục công chàng nặng nhọc của chúng tôi mà không ngừng nghỉ suốt năm tiếng đồng hồ liền, luôn luôn bị đe dọa bởi các tràng đạn cối và các vụ mìn nổ. chúng tôi không có sự lựa chọn giữa công việc nguy hiểm ấy và viễn cảnh căn hầm bị ngập lụt trong thứ nước hôi hám ấy.

Vào khoảng giữa trưa, nước trong hầm đã hạ, chắc là đã tìm được một đường thoát khác và sự nguy hiểm hình như đã tạm thời gác qua một bên.

Chúng tôi đi xuống hầm, kiệt sức, đầm đìa mồ hôi và nhất là bị giày vò vì quá đói. Tầng hầm lâu nay đã là nơi nung nấu duy nhất của chúng tôi, bây giờ chúng tôi thấy nó thật ghê tởm. Mùi hôi thối của các cống nước bẩn hắt đã thấm vào chăn mền, bàn ghế và một ít bột còn lại mà chúng tôi thỉnh thoảng mới ăn một nhúm cầm hơi.

Chúng tôi cố sức làm như thể chẳng có gì xảy ra. Sự nguy hiểm bị ngập nước không còn nữa, căn hầm còn bảo vệ được chúng tôi, nhưng một nỗi hãi hùng không thể tả làm chúng tôi ghen ngạo. Bà gác cổng khóc không ngớt.

Vào xế trưa, cửa hầm đột ngột mở ra và một người lính Đức tay đang cầm tiểu liên xuất hiện.

Ông ta hét:

- Mau lên! Tất cả mọi người hãy lên sân ngay lập tức!

- Đã xảy ra điều gì? Vì sao chúng tôi phải ra khỏi hầm? – chúng tôi hỏi.

Nhưng ông ta chỉ lập lại là phải mau lên không được chậm trễ.

Bà vợ ông biện lý nói:

- Tôi, tôi bằng lòng đi ra, nhưng chồng tôi mới bị sưng phổi nặng, và ông ấy đã tám mươi tuổi rồi. Ít ra ông cũng phải để cho chồng tôi được yên thân.

- Tất cả mọi người phải đi ra, không trừ một ai hết – người lính Đức đáp – tôi không muốn bị trừng phạt khi cấp chỉ huy thấy có người còn ở lại trong hầm.

Chúng tôi phải tuân theo lệnh của ông ta. Ông biện lý được vợ ông ta và ông bác sĩ diu đi ra khỏi hầm. Ông Radnai đã lật ve áo lên và bước đi, đầu cúi xuống. Bà vợ ông chủ nhà băng vội vã tô môi son. Ilus bồng con. Eve và Gabriel cặp tay nhau bước đi, mặt mày rạng rỡ một niềm hạnh phúc mà dù có chết cũng không sao.

Tên lính Đức đập tung cửa phòng của hai vợ chồng người gác cổng. Bà vợ không thém ngẩng đầu lên nhìn. Sau khi thôi thúc ba lần, tên lính Đức nắm cánh tay bà ấy và lôi bừa ra ngoài sân.

Tất cả chúng tôi tập trung và im lặng chờ đợi. Ông bác sĩ có vẻ lo âu. Bốn người Đức tay cầm tiểu liên đứng đối diện chúng tôi. Viên chỉ huy nói:

- Số lương thực còn lại của chúng tôi bị ăn cắp. chúng tôi sẽ cho lục soát trong hầm.

Hai tên lính được chỉ định đi xuống hầm. Nhiều người trong chúng tôi muốn nói và ông biện lý, bất bình, cho rằng lời tố cáo ăn cắp là một sự nhục mạ. Nhưng viên sĩ quan cắt đứt với giọng nghiêm khắc:

- Im ngay!

Sau mười lăm phút, hai tên lính Đức đi lên và báo cáo chúng đã không tìm ra được gì hết. Viên chỉ huy nói chúng tôi sau khi lấy đồng hồ ra xem:

- Tất cả mọi người hãy nghe đây! Tầng gác xép giữa tầng nhà thứ nhất và tầng trệt chất đầy đạn dược. Nếu trong năm phút, các người không trả lương thực cho chúng tôi, tôi sẽ cho nổ sập toà nhà này. Tôi không cần phải biện giải hành vi với bất cứ ai, vì tôi sẽ không ra khỏi Budapest mà còn sống. Và nếu các đồng đồ nát của toà nhà này làm nghẽn đường thì đó sẽ là một chương ngại vật mà quân Nga khó có thể vượt qua... Tôi bắt đầu đếm năm phút đây!

Tôi cảm thấy thân thể tôi cứng đờ, trở thành lạnh toát và lạ lùng như thể tôi đã chết rồi.

Ông bác sĩ khóc nức nở. Ông đã từng lột da xẻ thịt những con ngựa chết một cách hoàn toàn thản nhiên, bây giờ ông khóc vì xúc động và sợ hãi. Ông rên siết:

- Tôi không ăn cắp gì cả, hãy để cho tôi đi!

Ilus mệt lử vì đã phải bồng đứa bé quá lâu, nhẹ nhẹ ngồi chuôi xuống đất, ngồi bệt trên tuyết dơ bẩn, bà hà hơi trên mặt đứa bé để cho nó bớt lạnh.

Viên sĩ quan Đức nói:

- Còn bốn phút nữa.

Bà gác cổng, người trước kia ở trong số những người đàn bà to béo, lực lưỡng nhất thủ đô và vì con trai bà chết, bà đã gầy đi đến nỗi người ta không còn nhận ra được bà, bây giờ bà nhìn chúng tôi như thể bà đang đếm các người bị kết án tử hình trên bãi đất thi hành án. Nỗi đau đớn của bà hình như đã dịu bớt. Cho đến nay, bà ôm ấp một mối hận thù cay đắng đối với những người sống, nhưng bây giờ chúng tôi chỉ còn sống được vài phút nữa thôi, nên tất cả hận thù hình như được hoá giải.

Bà vợ goá của ông chủ nhà băng có một cử chỉ đột ngột. Bà giựt cái bao da nhỏ đựng nữ trang đeo nơi cổ và bước tới, bà đưa cho các người lính Đức và nói:

- Các ông hãy để cho tôi ra đi, cái gia tài này sẽ thuộc về các ông.

Những người lính Đức đứng yên không nhúc nhích, chẳng tỏ vẻ quan tâm gì đến tiền bạc. Người ta có thể nói họ không còn là những con người bằng xương bằng thịt, mà đó là những con người máy.

Bố tôi và mẹ tôi nắm tay tôi và siết các ngón tay tôi càng lúc càng mạnh hơn.

Ông biện lý kêu lên rằng ông còn muốn sống. Tôi tự nhủ rằng ông đã sống tám mươi năm rồi, còn tôi, tôi mới mười lăm tuổi, tôi có nhiều lý do hơn ông để mà khóc.

Tôi cảm thấy hình như các bức tường của toà nhà bắt đầu rung rinh. Tôi chỉ còn trông thấy những hình ảnh quá mờ của những tên lính Đức trước mặt tôi. Chỉ các bàn tay của bố tôi và mẹ tôi siết chặt bàn

tay tôi giữ cho tôi còn sống ở giữa cái sân đầy đồ nát này... Rồi, tôi nghe một câu nói bằng tiếng Đức và tôi cảm thấy tôi bị ném xuống dưới đáy một vực sâu tối tăm.

Khi tôi hồi tỉnh, tôi lại thấy tôi ở trong căn hầm đáng căm thù xiết bao và đồng thời cũng thân thương xiết bao, tôi khóc oà. Người ta vây quanh tôi, người ta lảng xảng chung quanh tôi. Những tiếng nấc làm người tôi rung chuyển như một dòng điện. Người ta kể cho rằng hay rằng trước khi hết hạn năm phút, một người lính Hungari đã kêu to lên từ một trong những cửa sổ lầu hai rằng anh ta sẽ trả lại các lương thực cho quân đội Đức, nhưng yêu cầu họ để cho các thường dân được bình an.

Chắc chắn đó cũng là một người lính trong các toán quân tán loạn, như Pista. Không ai biết số phận của người lính ấy ra sao sau lời thú nhận của đương sự.

Chương 8

Màn đêm đã rủ bóng và những người từ trên sân đi xuống nói rằng các bờ sông Danube được chiếu sáng bởi những ánh hoả châu màu đỏ. Đó là cách quân Nga vạch giới hạn những nơi mà họ sắp phóng vào. Cái tin ấy không làm cho ai xúc động. Chúng tôi đã kiệt sức rồi. Bị một phen hú vía lúc ban chiều, chúng tôi không còn chút sức lực nào nữa.

Vào khoảng tám giờ, chiến sự bùng nổ dữ dội. Toà nhà của chúng tôi nhận được đạn trái phá liên tiếp và của máy bay oanh tạc ném bom khắp cả khu vực.

Đến mười giờ, nước lai bắt đầu chảy ra trong hầm. Chúng tôi thấy mực nước tăng lên từng giây. Không thể nào giải quyết tình trạng này với những cái xô, chỉ còn giải pháp là đi trốn. Nhưng đi đâu? Tìm ở đâu ra một nơi có thể ẩn núp tương đối an toàn? Chúng tôi không có thì giờ suy nghĩ, nước đã lên tới đầu gối. Tất cả mọi người hối hả mang đi những gì cần thiết hơn như thể. Chúng tôi nhét vào túi vài nắm đậu khô còn lại và cứu các chần mền bằng cách đưa chúng lên thật cao để chúng khỏi ướt. Ông Radnai lật đặt mặc áo và nước đã lên đến vạt áo sơ mi. Ilus quần con bà trong một cái mền. Bà vợ goá của ông chủ nhà băng vừa kêu vừa múa tay. Eve và Gabriel giúp đỡ tất cả chúng tôi, vì họ chẳng có gì để mang đi.

Chúng tôi vác quần áo của chúng tôi lên vai và đi tới cầu thang. Nước đã lên tới thắt lưng. Ông biện lý leo lên ngồi trên vai ông Radnai, bỏ hai chân ra hai bên, mỗi người chúng tôi cầm một cây đèn mờ. Một người lính Đức muốn đuổi chúng tôi đi xuống lại trong hầm, nhưng rọi đèn pin xuống phía dưới cầu thang, thấy nước đen ào ào tràn lên các tầng cấp. Anh ta chỉ cho chúng tôi một cửa của tầng trệt và nói rằng ai dám đi ra khỏi nơi đó sẽ bị bắn chết ngay lập tức.

Chúng tôi ở trong phòng của người gác cổng. Ông biện lý già và đứa con của Ilus được nằm trên cái giường duy nhất trong phòng.

Tia sáng đầu tiên của bình minh xuất hiện khi một sự yên tĩnh tuyệt đối xảy ra như có phép lạ. chúng tôi không dám tin vào lỗ tai của chúng tôi và chúng tôi áp tai vào tường để nghe ngóng.

Ông bác sĩ nói để ông đi xem những gì xảy ra ở bên ngoài. Tất cả mọi người phản đối, vì chỉ cần mở hé cửa ra là nhận được một tràng đạn súng tiểu liên. Nhưng ông ta nhún vai:

- Kể từ bây giờ chết là điều không thể tránh được và tôi thấy thà chết vì một viên đạn còn hơn là bị thiêu sống bởi các súng phóng hoả.

Ông đã tới phía cửa, vịn tay nắm và bước qua ngưỡng cửa. Toàn thân tôi run rẩy, tôi bịt tai lại, nhưng những tiếng súng nổ tôi chờ đợi với biết bao nhiêu hãi hùng đã không vang lên. Vài lát sau, tiếng của ông bác sĩ vang lên trong sự yên tĩnh:

- Ai nấy có thể đi ra được rồi, chúng nó đã đi hết rồi!

Một nỗi vui mừng điên dại xâm chiếm chúng tôi. chúng tôi reo hò. Ông biện lý nhảy cả tung như đứa trẻ con và la hét om sòm:

- Quân Đức rút đi hết rồi, thế là chúng ta thoát chết!

Chính ông ta là người vui mừng hơn như thế với niềm hy vọng được còn sống, ông, người đã tám mươi tuổi.

Ông Radnai, mặt mày còn tái xanh vì sợ, nhưng chưa chi ông đã khẳng định bằng một giọng quả quyết:

- Tôi biết rõ chúng nó sắp rút đi. Các người biết không, tôi dự cảm được những điều thuộc loại ấy.

Nhưng không ai quan tâm đến những gì ông ta nói.

Chúng tôi lao đảo đi ra ngoài sân. Trời đã bắt đầu sáng và ở đâu đó phía đông, mặt trời đã leo lên phía trên chân trời để rọi ánh nắng khắp thành phố Budapest đỏ nát.

Sân đầy súng liên thanh, khí giới đủ loại, đạn dược và đầu đạn rải khắp nơi. Trước cổng ra vào có một cái mũ kêpi Đức và hai két đạn trái phá còn nguyên nằm bên khẩu đại bác.

Trong ánh sáng lạ lùng và đầy khói ấy, các vật không còn cái hình thức thực tế của chúng nữa, cái sân này, con đường này, toàn thể thành phố, mờ ảo lẫn lộn trong một thứ ánh sáng phi vật chất, có vẻ như một phong cảnh ở mặt trăng khắp nơi đều có những khí giới bỏ lại. Trước mặt chúng tôi, một toà nhà, họ chết dần chết mòn vì ngộp. Ở đó, bên phía tay mặt, là một mảnh của tầng bốn nơi một chiếc đàn dương cầm chỉ còn nằm trơ ra đó nhờ vài viên gạch, gian phòng kế cận, chắc là phòng tắm, chỉ còn lại một bức tường với một cái giá vắt khăn.

Khắp nơi, tận xa lắc xa lơ, là những đồng đồ đỏ nát, những đồng đồ nát và nhiều những đồng đồ nát...

Trước hàng bán mứt nơi góc đường, có xác chết của ba con ngựa. Mùi thịt mới thối rửa bốc lên từ mọi phía. Lúc ấy chúng tôi chưa biết bầu không khí của thành phố sẽ còn ô nhiễm vì mùi hôi thối rùng rợn ấy trong nhiều tuần lễ nữa.

Vậy thì quân Đức đã đi đâu? Người ta có thể tin là chúng đã rút lui khỏi vị trí này. Nhưng không chắc chắn là như thế.. Vì sao có sự yên tĩnh này? Sự hãi hùng xâm chiếm chúng tôi. Bà vợ ông chủ nhà băng cho rằng quân Nga chắc đã có mặt ở đây vì h. đã chiếm được vùng kế cận từ ba tháng nay rồi. Nhưng thế thì họ đi đâu?

Sự phân vân ấy thật là khó chịu! chúng tôi có cảm giác như có những người đang canh chừng chúng tôi sau các bức tường, sau các đồng đồ nát, ngay cả sau xác con ngựa. Quân Nga chắc ở rất gần đây, có thể họ đã ở trong toà nhà kế cận, hay họ tin là quân Đức còn hiện diện trong toà nhà của chúng tôi, và chuẩn bị một cuộc đột kích mới?

Quá khủng khiếp, chúng tôi không dám đứng trong sân, chúng tôi rút lui trước hết vào dưới cửa lớn và sau đó vào trong các gian phòng của tầng trệt.

Sau mười lăm phút chờ đợi trong sự lo âu hồi hộp, Ilus thở hắt hắt chạy vào và cho biết người ta vừa khám phá ra có một người Đức bị thương trong cầu thang. Chúng tôi chạy ngay tới đó. Quả thật, phía sau cái cầu thang lớn bằng đá cẩm thạch, nơi trước kia chúng tôi cất các xe đẩy trẻ con, một người lính Đức còn trẻ nằm sóng sượt trong một vũng máu.

Ông Radnai nói:

- Chúng ta chỉ còn thiếu điều đó, nếu quân Nga thấy anh ta ở đây, tất cả chúng ta sẽ bị hành quyết. Chỉ một lát sau tất cả chúng tôi tập trung quanh người bị thương đang mất máu rất nhiều.

Ilus đề nghị với giọng phân vân:

- Phải săn sóc cho anh ta, tôi đi kiếm cái gì để làm băng..

- Bà đừng có hấp tấp như thế - ông Radnai phản bác – người này sẵn sàng để chúng ta chết đói trong hầm không một chút e ngại. Và nếu quân Nga biết được chúng ta đã săn sóc cho một người Đức, coi chừng, chết không kịp ngáp đấy!

Ông biện lý, vịn vai vợ đi tới.

- Các người này, phải băng bó cho anh ta, chính quân Nga cũng sẽ làm như thế, vì theo luật quốc tế, săn sóc cho thương binh là một bổn phận.

Ông bác sĩ nhún vai:

- Ông già lại nói quàng nói xiên nữa rồi. Ngày nay ở đâu người ta còn tôn trọng những hiệp ước quốc tế? Thành phố xinh đẹp của chúng ta đã ra sao rồi? Mt đồng rác hôi thối với hàng ngàn xác chết bỏ bê ra đó.

Bà vợ ông chủ ngân hàng nóng nảy kêu lên:

- Nhưng quyết định gì thì quyết định ngay đi chứ! Quân Nga có thể đến đây bất cứ lúc nào, thế mà các người còn đứng đây mà bàn cãi mãi. Về phần tôi, tôi rút lui khỏi nơi này và tôi không nghe không thấy gì hết.

Anh thương binh trẻ tuổi đã chống cùi tay một cách mệt nhọc, ngẩng đầu lên và luôn luôn quay mặt về phía người đang nói. Anh ta nhìn đắm đắm vào miệng chúng tôi như thể anh ta điếc, anh ta không hiểu được tiếng Hungari. Tuy nhiên chắc anh ta biết điều sống chết của anh ta đang được quyết định.

Nét mặt của anh ta trở thành khó chịu đối với chúng tôi, đến nỗi mọi người im lặng, một sự im lặng hoàn toàn, giọng như một đám sa mù dày đặc nhận chìm tất cả ý nghĩa của thực tế.

Tôi cảm thấy không còn đủ sức để quay mặt khỏi những giọt máu chảy ra càng lúc càng nhanh hơn xuyên qua bộ đồng phục rách nát.

Đột ngột tôi có cảm giác rằng các đồng đồ nát ở bên trên đầu chúng tôi biến mất và từ trời cao, Chúa nhìn chúng tôi để xem bằng cách nào chúng tôi vượt qua sự thử thách hiểm nghèo này. Chúng tôi sẽ có đủ khả năng hay không, để nhìn mạng sống của một con người bị cướp đi bằng cách để máu chảy ra từng giọt từng giọt cho đến hết? Tôi chắc rằng Chúa nhìn chúng tôi với lòng trắc ẩn và dưới sức nặng của ánh mắt người, ông bác sĩ phản chấn một cách đột ngột.

- Tôi đi tìm băng..

Một lát sau ông ta trở lại và băng bó cho anh thương binh.

- Anh ta bị thương nơi háng nặng lắm – ông bác sĩ nói với chúng tôi – không còn sống được bao lâu nữa. Chắc anh ta đau đớn lắm.

Chương 9

Người chủ tiệm bán bánh ngọt ở ngôi nhà kế cận lên vào nhà chúng tôi. Chúng tôi tiếp ông ta như thể ông ta đến từ một hành tinh khác.

Ông ta nói:

- Quân Đức đã bỏ con đường này. Một người trong bọn chúng đã cho tôi biết chúng liệu trước rằng quân Nga sẽ tập kích vào đây, nên chúng đã bỏ lại các thương binh. Con đường để đi lấy nước sinh hoạt bây giờ không còn gì trở ngại nữa, nhưng có điều hay hơn, quân Đức đã chất đồng vô số đồ quý giá trong toà nhà Pháp đình. Cửa đã bị phá tung và tất cả mọi người có thể lấy đi những gì mình muốn.

- Chúng tôi đi lấy nước – bố tôi nói – vì nước rất cần thiết cho chúng tôi! Ngoài ra chúng tôi không quan tâm đến những điều gì khác, chúng tôi không trở thành những kẻ cắp.

- Ăn cắp? – bà vợ ông chủ nhà băng khích bác – này ông giáo sư, ông không nghĩ rằng từ ấy hơi quá đáng sao? Tôi cho rằng sau ba tháng sống trong những điều kiện như thế này, chúng ta được phép tìm kiếm một sự đền bù thiệt hại chứ.

Bố tôi không trả lời, và chúng tôi xách xô đi lấy nước. Dưới các cửa lớn, những người râu ria dài không cạo, xanh xao vàng vọt và dơ bẩn đứng nhìn rồi đi ra ngoài đường, càng lúc càng đông hơn. Như thể cư dân của những hang động tập trung lại thành một đoàn người đi dự lễ, một đám đông mang những cái bao, chuyển động, băng qua mìn và xác chết, hướng đến toà nhà Pháp đình. Chung quanh các hồ tắm, mùi hôi thối của những xác chết thối rữa nồng nặc đến nỗi làm tôi buồn nôn và tôi phải đứng lại ở bên ngoài. Bố mẹ tôi đi vào bên trong và lấy khăn tay bịt mũi lại. Tôi rùng rợn khi nghĩ rằng bố mẹ tôi phải đi qua tấm ván bên trên người chết trôi.

Và trong lúc tôi đứng tựa vào một bức tường, tôi thấy một bà già đi vào trong một xưởng làm giấy. Tôi nhìn bà ta trong lúc bà ta chọn hàng hoá chất đống nơi chỗ bày hàng. Lúc bố mẹ tôi trở ra, bà ta băng qua ngưỡng cửa, hai cánh tay mang vô số cuộn giấy vệ sinh và giấy Cellophan. Bà ta biến mất với vẻ thoả mãn phía sau một cánh cửa, như thể vừa mới thực hiện một chuyến đi mua hàng quan trọng. Người ta lần lượt từng đoàn trở về từ toà nhà Pháp đình, người nào cũng khòm lưng xuống dưới trọng lượng chằng những bao nặng trên vai. Khi đến con đường nhỏ thông ra bờ sông Danube, họ nằm xuống sát đất và bò lặn về nhà. Chúng tôi nhìn sững sốt, ông biện lý, người trước kia chỉ xuất hiện trong những phiên toà long trọng hơn hết, bò, lết, bị đè bẹp dưới tấm nệm nặng. Tiếp sau là Ilus với một con chồn màu xanh quấn quanh cổ và một bao quần áo nơi tay. Bà vợ ông chủ ngân hàng mang một cái hộp đàn violin, và một cái lồng để nuôi chim. Ông Radnai đi sau cùng với ba ru lô đệm trải nền nhà. Chẳng khác nào một đàn kiến bắt tận kéo hay tha những đồ vật đủ loại. Họ tiến tới một cách khó khăn ở giữa những xác chết và dưới chân họ các đầu đạn chất đống lại như những đồng lá khô rụng xuống trong rừng mùa thu.

Mặt trời bắt đầu sáng long lanh. Những tia nắng buồn bã, yếu ớt chập chờn trong thành phố chết và ánh sáng tháng ba ấy làm cho cảnh tượng của thành phố càng thêm thê thảm.

Bố tôi nói:

- Chúng ta phải đề phòng những bệnh dịch.

Chúng tôi nghĩ đến những cái hầm trú ẩn đào trong những tảng đá bên dưới hoàng cung, nơi bệnh thương hàn hoành hành từ hơn một tháng nay.

Sân nhà chúng tôi có vẻ như là một hội chợ. Bà vợ ông đại tá có đến 5 máy chụp hình hiệu Leica đeo lưng lẳng nơi cánh tay bà. Bà khoe giá trị và phẩm chất của các máy mà bà đã lấy được. Ông Radnai vuốt ve các tấm thảm của ông ta như một người bán hàng Ả rập. Ông nói:

- đây đúng là những tấm thảm Ba Tư, tôi rất sành về các món đồ này.

Rồi ông và ông biện lý cãi nhau om sòm, vì ông biện lý cố chứng minh rằng cái thảm của ông ta có giá trị hơn.

Ilus đã đem về được một cái bao đựng đầy vớ lụa và sẵn lòng phân phát cho những ai muốn dùng. Tuy nhiên mẹ tôi đã cấm tôi không được nhận, và thế là tôi, đầu tóc bị cháy xém và cắt ngắn, tôi cảm thấy mình bị bỏ rơi.

Vào giữa trưa, chúng tôi đang còn bận rộn sắp xếp lại các đồ đạc cho có thứ tự, thì bên ngoài sự yên tĩnh đã không còn nữa. Chúng tôi nghe thấy tiếng giày boots rầm rập. Chúng tôi vội vã chạy ra cửa và thấy quân Nga đi tới.

Họ đi tới với hàng ngũ lộn xộn, choán hết bề rộng của con đường, khí giới chĩa ra phía trước. Áo tơi màu vàng của họ dơ bẩn và rách rưới. Tới mỗi nhà, một toán lính tách ra khỏi đoàn quân. Những đợt sóng binh lính xâm chiếm các ngôi nhà. Một mệnh lệnh từ cấp trên cấm không ai được chôn cất những người Đức chết, xác những người lính tử trận, cũng như xác những tù binh bị tàn sát, đều bị liệng ra ngoài đường.

Chương 10

Đêm ấy có người đập cửa. Chúng tôi nghe, sửng sốt vì sợ. Ông Radnai ra mở cửa và sự ngạc nhiên làm ông thụt lùi lại vài bước. Ba người Đức bước vào... Chúng tôi tái xanh cả mặt, như thể đã thấy những con ma. Đó là những tên lính đã muốn cho nổ sập ngôi nhà vì lương thực của chúng bị đánh cắp. Ông chủ quán hỏi:

- Các ông muốn gì nơi chúng tôi?

Viên đại úy đáp:

- Bây giờ chúng tôi không còn muốn gì nữa hết, chúng tôi chỉ yêu cầu các người cho chúng tôi một ít quần áo thường dân. Đó là hy vọng duy nhất và mong manh có thể làm cho chúng tôi thoát khỏi vòng nguy hiểm. Nếu người ta tìm thấy chúng tôi mặc quân phục chúng tôi sẽ chịu số phận như những người khác, nằm chết trước các ngôi nhà...

Lúc ấy chính là lúc mỗi người chúng tôi có thể đánh giá mức độ mà tôn giáo đã ảnh hưởng đến tư tưởng và hành vi của mình. Chúng tôi đã đối diện với quân thù đã phá hoại kinh đô của chúng tôi, họ là những người phải chịu trách nhiệm về tất cả sự đổ nát này. Nhưng bây giờ họ đứng đó, do dự, lo âu. Họ cũng có một gia đình ở một nơi nào đó tại nước Đức, vợ con và bố mẹ. Những người này chắc chắn đang cầu nguyện để được gặp lại họ... vì mỗi người lính đều có một người nào đó đợi họ quay về... và mỗi người đã hành động theo lệnh của cấp trên.

Tất cả chúng tôi đều có những tư tưởng giống nhau, vì sau một lúc chúng tôi đều hành động như nhau. Người gác cổng lấy trong tủ ra một bộ com lê và nói:

- Bộ này trước kia là của con trai tôi.

Chúng tôi rụt rè nhìn ông Radnai. Bây giờ ông ta đeo huy hiệu sao vàng. Người Đức có tội nặng hơn hết đối với ông ta và kể từ nay, lời nói của ông ta rất nặng ký đối với người Nga. Một lời tố giác của ông ta có thể đưa chúng tôi lên giá treo cổ. Ông ta nói với một giọng lạnh lùng:

- Tôi là người Do Thái, toàn thể gia đình tôi đã bị lưu đày...

Đến đây có một sự im lặng. Chúng tôi chỉ nghe những tiếng la hét om sòm của vài binh sĩ Nga ở đâu đó.

- Nhưng – ông Radnai nói tiếp – để chứng minh với các người rằng còn có lòng nhân đạo, tôi sẽ để cho các ông ấy chuồn đi....

Ông ta quay mặt đi và chỉ trong vài giây, chúng tôi lấy áo quần cho mấy người lính Đức mặc và họ rời khỏi nhà bằng cách đi nép sát vào tường, kẹp dưới nách cái bị đựng bộ quân phục của họ.

Đêm ấy, tiếng ồn ào của trận đánh ác liệt xảy ra ở một nơi xa xa nào đó, làm cho chúng tôi không ngủ được.

Sáng hôm sau, chúng tôi nghe nói quân Đức bị đánh tán loạn, đã tập trung lại và mở một cuộc chiến phản công. Chúng đã bị tàn sát cho tới tên lính cuối cùng.

Trong ngôi nhà của chúng tôi, đồ đạc mọi thứ lộn tung phèo vì từng lúc có quân Nga đi vào và đi ra. Ilus quyết định vượt sông Danube để trở về với gia đình bà ta. Chúng tôi tiễn đưa bà đến tận bờ sông, nơi mà trước kia là những khách sạn tráng lệ hơn hết của thành phố, bây giờ chỉ còn lại là một đồng đồ nát, dòng sông dơ bẩn, bị nghẽn vì các cây cầu sụp đổ, nơi đó các tảng băng còn chồng chất lên nhau và các bến tàu thuyền đã hoàn toàn bị ngập nước.

Vài người lính Nga, ở trên bờ sông, đòi một giá cắt cổ để chở hành khách qua bên kia sông, trên những chiếc thuyền mà họ đã tịch thu. Ilus thương lượng với một người trong bọn bằng cách nhượng cho đương sự cái đồng hồ đeo tay và một cái đồng hồ báo thức. Bà, đưa con bà và người lính bước lên một chiếc thuyền, rồi người lính chèo thuyền ra xa. Chúng tôi đưa mắt nhìn theo họ. khi thuyền ra tới

chỗ nước xoáy ở giữa sông, chúng tôi để ý thấy ở trên bờ phía bên kia có một tập lính Nga hươu hươu tay và bắn chỉ thiên để lôi cuốn sự chú ý.

Chúng tôi không hiểu lý do vì sao họ làm như vậy và chiếc thuyền tiếp tục chèo tới. Nó vừa lướt qua một cột trụ của cái cầu sập thì chúng tôi nghe một tiếng nổ lớn. Tất cả chúng tôi đều bị choáng váng vì tiếng nổ ấy. Chiếc thuyền, Ilus, đứa bé và cả người lính Nga đã vĩnh viễn biến mất trong các đợt sóng dữ dội.

Về sau chúng tôi biết được rằng để tránh cho thành phố khỏi bị ngập lụt, người ta khai thông dòng sông Danube bằng cách cho nổ mình phá hủy các trụ cầu. Vào lúc ấy, rất xúc động, nhưng không còn nước mắt, chúng tôi đứng yên tại chỗ, sững sờ, cho đến lúc lính Nga đuổi chúng tôi đi.

Với tâm trạng tang tóc, chúng tôi trở về nhà của chúng tôi, nếu người ta có thể gọi đồng gạch đá đổ nát, ở đó xác người lính Đức đang thối rữa trong cầu thang, là nhà của chúng tôi.

Trên đường, khắp nơi, các xác chết nhìn đăm đăm các người còn sống với cặp mắt lơ đãng của họ. Mùi hôi thối không còn có thể chịu đựng được nữa. Bố mẹ tôi quyết định rời khỏi Budapest ngay lúc nào có thể đi được, để về ngôi nhà của chúng tôi ở thôn quê.

Chương 11

Trước khi rời Budapest, chúng tôi muốn đến thăm những người bạn mà chúng tôi đã cho ở trong biệt thự Huvosvolgy của chúng tôi. Chúng tôi thêm chảy nước miếng khi nghĩ đến tất cả số lương thực mà chúng tôi đã tích trữ ở đó và chúng tôi tự nhủ rằng sau hai tháng, cuối cùng rồi bây giờ chúng tôi sẽ được ăn hả hê. Sự nguy hiểm duy nhất là đi lại trong thành phố. Quân Nga có thể tập trung người ta đi làm tạp dịch bất cứ lúc nào và một khi đã bị bắt thì rất khó thoát ra được.

Nhưng cuối cùng bố tôi và tôi quyết định mạo hiểm một chuyến. Hai tháng Budapest bị vây hãm đã để lại dấu ấn nơi con người bố tôi. Ông đi hơi khom lưng xuống. Với râu ria để mọc dài không cạo, vẻ mặt ông thật thê thảm, đáng thương, nhưng bây giờ đó là một điều hay. Ông xách hai cái xô rỗng và chúng tôi xé rách hai chỗ nơi áo vét tông của ông, như thế ông không lạc điệu giữa các đồng đồ nát và đáp ứng những đòi hỏi của chế độ mới. Mẹ tôi cho tôi ăn mặc như con trai, đeo kính cận, lại thêm một cái băng treo tay mặt giả bị thương. Cải trang như thế, chúng tôi đi, đặt niềm tin vào Thiên Chúa.

Dọc đường Bem, chúng tôi đi đến đại lộ Margit, lội bì bõm trong bùn lầy dơ bẩn lên đến tận mắt cá chân. Lính Nga đi chậm rãi trên lề đường. Họ đã tập trung lại một chỗ những người đi đường mà họ đã bắt được để lập thành đội ngũ đi làm tạp dịch. Họ đã để cho chúng tôi đi qua. Một ông già còm cõi và một thằng nhóc bị thương thì làm sao có thể dọn dẹp được các đồng đồ nát, nên họ đã tha cho chúng tôi đi. Chúng tôi đi ngang qua một rạp chiếu bóng. Những người làm tạp dịch khiêng ra xác một con ngựa chết. Tại miền phụ cận Széna Tér, có nhiều lính Đức chết. Tại đây, chúng tôi đã mở một đường xâm nhập hai ngày trước. Tất cả chúng tôi đã bị bắn hạ, đường rầy tàu điện ngập trong máu của lính Đức.

Đột ngột, bàn chân của tôi đặt trên một vật gì mềm nhão. Đó là một cánh tay người tách rời khỏi thân thể, nó còn mang quân phục Đức, chiếc nhẫn đính hôn lóng lánh nơi một ngón tay. Hai hàm răng tôi đập vào nhau cắn cập vì quá hãi hùng. Kể từ lúc đó, tôi bước đi, mắt chăm chú nhìn xuống đất. Gần trạm tàu điện Budagyongye, một quân nhân chết nằm sấp, hai cánh tay giang ra hai bên, như bị đóng đinh trên cây Thánh Giá. Gần bàn tay mặt của ông ta, rải rác có những tấm ảnh.

Trong cơn hấp hối, phải chăng người ấy đã cố gắng gửi một tin tức tối hậu cho những người thân bằng cách nhìn chăm chú vào nét mặt của họ? Và cũng như thế, ở trạm Budagyongye người ấy đã đợi một chiếc tàu điện từ trên trời xuống để rước linh hồn mình... Linh hồn người ấy hình như đã ở rất xa cái

thân xác bỏ lại trên lê đường.

Bây giờ chúng tôi đã đi qua những khu phố mà nhà cửa ít đồ nát hơn rất nhiều, quân Nga đã chiếm được vùng ngoại ô rất nhanh. Chính ở đây, chúng tôi đã phải thối lui và đi trở về, cách đây hai tháng. Hai tháng mà thật sự đối với chúng tôi dài bằng hai mươi năm.

Càng đến gần ngôi biệt thự, các con đường càng lúc càng trở thành quen thuộc với chúng tôi hơn. Lạy Chúa, miễn là ngôi nhà còn nguyên vẹn! nếu còn lại một ít lương thực, chúng tôi sẽ thoát khỏi vòng khó khăn. Và còn chàng ó những người thân, những người bạn tốt của chúng tôi, chắc họ đã bắn khoăn lo âu vì chúng tôi. Lúc ấy chắc đã giữa trưa... Chúng tôi xây xẩm mặt mày vì đói quá.

Cuối cùng chúng tôi đã đến trước ngôi nhà. Chúng tôi cảm thấy nhẹ nhõm. Nó vẫn còn nguyên vẹn. chúng tôi vượt qua hàng rào song sắt của khu vườn trước nhà. Trên sân trước mặt nhà, có vài cái bàn ghế. Chúng tôi đi vào tiền sảnh. Chúng tôi nghe có tiếng nói chuyện ở xa xa. Như những người mù, chúng tôi đi dần xuống nhà bếp. tất cả những người bạn tốt của chúng tôi đều ở đó và đang ăn. Họ ngồi ăn chung quanh một cái bàn đầy ắp thức ăn. Mùi thơm của rượu của thịt phảng phất trong gian phòng. Di Julia, cao lớn và mập mạp, ngồi yên bất động khi trông thấy chúng tôi, xúp đồ ra khỏi thìa của bà. Bà hỏi:

- Các người chưa chết hết cả sao?
- Chúng tôi còn sống – tôi trả lời một cách rụt rè, như thể để xin lỗi.

Sự kinh ngạc cực điểm của mọi người còn lâu mới tiêu tan, nhưng rồi họ cũng mời chúng tôi vào bàn. Di Julia hỏi tôi:

- Cháu yêu dấu, cháu có muốn ăn một chút gì không?

Tiếng "yêu dấu" thoát ra khỏi miệng bà như một lời nguyên bí mật. Bà ghét chúng tôi vì chúng tôi còn sống. Bà đĩnh ninh chúng tôi đã chết, cũng có thể bà đã thương tiếc chúng tôi đôi chút và bây giờ bà giận dữ vì đã khóc một cách vô lối.

Một trong mấy đứa con của bà, miệng bê bê mỉm cười, nói:

- Từ trên sân thượng, chúng tôi xem máy bay ném bom bờ sông Danube.

"Từ trên sân thượng" tôi nghĩ thầm và thìa xúp trong miệng tôi đột nhiên trở thành mặt đắng.

Khi đề cập đến chuyện bị đói khát hai tháng trời trong hầm, bố tôi nói:

- Chúng tôi sẽ mang đi một ít lương thực.
- Lương thực? Ông bạn thân mến của tôi ơi – di Julia kêu lên – có còn gì nữa đâu để ông mang đi. Với một gia đình đông người như gia đình tôi đây, chúng tôi đã tiêu thụ gần hết lương thực dự trữ rồi, vì nói cho cùng, người ta không thể bớt quá nhiều khẩu phần của con cái ở độ tuổi đang lớn. Và lại, chúng tôi chạy trốn từ Kolozsvar, cho nên khi đến đây, lương thực của chúng tôi đã cạn rồi...

Không nói một lời, chúng tôi đứng dậy và đi xem xét trong nhà. Chúng tôi thấy họ dùng vài trái giường và chăn mền của chúng tôi.

Di Julia lảng xảng chung quanh chúng tôi, bà nói:

- Chúng tôi tưởng tất cả gia đình anh đã chết rồi, không còn cần dùng gì nữa.
- Chỉ cần một cái quan tài thôi, phải không? – bố tôi nói thêm, một cách gay gắt.

Di Julia giải thích:

- Chẳng còn lại gì nhiều. Cứ mỗi lượt quân Nga đến đây, lương thực của anh trong các bao lại rơi đi. Họ đã lấy đi gần hết.

Chúng tôi gói ghém và mang đi những gì còn lại. Lương thực của chúng tôi đựng trong hai cái bao to, chỉ còn lại chưa đầy ba ký bột. Nhưng còn một ít đường và vài hộp thịt hộp. Tối nay, chúng tôi sẽ đánh một bữa tiệc.

Chúng tôi lên đường trở về, tâm hồn nhiều phiền muộn, thể xác mệt mỏi. mặt trời chói lọi chiếu thẳng ánh sáng xuống thành phố chết trải dài trước mặt chúng tôi. Chúng tôi gần như run sợ khi nhận thấy

mùa xuân đã đến, nhưng lần này tân xuân đã làm cho những mầm non đâm lên giữa hai ngón tay của một xác chết.

Cách xử sự của các người bạn chúng tôi hợp với quang cảnh hiện tại của thủ đô. Nó không còn gì là kỳ lạ và cũng không có gì là khó hiểu. tất cả những khái niệm về luân lý đều bị đảo lộn trong thành phố đồ nát này. Điều xấu được cho là điều tốt và những trái tim sắt đá đã có cơ may sống sót hơn những trái tim dễ cảm.

Một chiếc xe cam nhông chạy qua, trên xe chở đầy người mặc áo vét da và mang súng tiểu liên. Chiếc xe chỉ xóc một cái nhẹ nhàng khi cán lên một xác chết. Những con người giống như ma hiện hồn đi ngược chiều với chúng tôi trên lề đường, họ đều giả trang như chúng tôi như thể tất cả, họ và chúng tôi đều là những vai chính trong một vở kịch của Shakespeare, những người sống ngoài vòng pháp luật, sống bên lề một thế giới bình thường.

Những người ở trong ngôi nhà đồ nát của chúng tôi, ở Buda, hồi hộp đợi chúng tôi trở về. Họ nói với chúng tôi rằng họ đã trông thấy nhiều phụ nữ Nga mặc quân phục ở ngoài đường. Những người đàn bà này lắc đầu với vẻ động lòng trắc ẩn và nói rằng Budapest ở trong một tình trạng còn bi thảm hơn Stalingrad[2]. Chúng tôi cũng đã có thấy những nữ quân nhân Nga. Họ mang những cái yếm lớn bằng cao su rất cao to và bắp chân giống như những cột trụ. Chắc là họ có đủ sức mạnh để nâng một chiếc xe tăng lên vai.

Cuộc sống càng lúc càng khó khăn hơn, mỗi ngày lại có một vấn đề mới nổi lên. Trái bom không nổ đã đâm xuyên qua chiếc đàn dương cầm của tôi, vẫn còn găm vào sàn nhà, không ai dám động đến nó. Phòng thư viện chẳng còn cửa lớn cửa sổ, gió lùa thổi bay sách vở. Nơi phòng khách, lính Nga đã làm vấy bẩn các ghế pho toại. Chúng tôi cứ để mặc như thế. Không có cách gì có thể ở lại đây được, đâu đâu bất luận là trong phòng ngủ kín đáo nhất hay ở trên đại lộ, tất cả đều đầy phân người, rác rưởi và mảnh vụn – cho nên chúng tôi quyết định rời khỏi Budapest để về ở tại ngôi biệt thự của chúng tôi ở thôn quê, vùng Transdanebia.

Vì bên bờ này của sông Danube không có xe lửa, chúng tôi bắt đầu phải tìm cách qua Pest[3] ở bờ bên kia. Quân Đức đã làm đổ sập tất cả các cây cầu trên sông Danube, nhưng người ta đã cho chúng tôi biết rằng một cây cầu nổi đã được bắc ngang qua sông ở Baja, miền hạ lưu thủ đô.

Tại ga Soroksar, chúng tôi leo lên được một toa tàu nguyên trước kia dành để chở súc vật. chúng tôi quét dọn tàm tạm các đồng phân khô và chúng tôi chờ đợi. một đám đông chừng ba ngàn người cũng chờ đợi như chúng tôi từ buổi sáng. Mãi đến khoảng mười một giờ tối, chúng tôi thấy rõ ràng là không có chuyến tàu nào khởi hành. Răng đập lập cập trong đêm lạnh, bụng đói cồn cào, người ta chạy ụa vào làng nhỏ ở gần đó để tìm chỗ trú ẩn qua đêm. Hoảng hồn, các người nhà quê đóng chặt cửa và từ bên trong cửa sổ, họ kêu lên rằng chính họ cũng chẳng còn một chút gì, quân đội đã lấy đi hết, lấy đến tận các cái gối. Tuy nhiên, một người thợ mộc đã thương hại chúng tôi, cho chúng tôi vào trong xưởng mộc của ông ta. Chúng tôi nằm dài trên một đồng diêm bào. Tảng sáng, chúng tôi uống nước nơi giếng của ông ta trước khi đi ra ga.

Ngày hôm ấy, quân Nga bảo chúng tôi lên một chiếc xe lửa khác với chiếc hôm qua. Chúng tôi hỏi một nhân viên hỏa xa có biết họ sẽ làm gì chúng tôi không và khi nào tàu sẽ khởi hành.

Người nhân viên ấy nhún vai:

- Tôi không biết gì hết!

Trong lúc chờ đợi, lính Nga và đàn bà Nga lên chận ních toa tàu của chúng tôi.

Một người đàn ông mặt mày tái mét, mang một đứa bé con trong một cái túi đeo sau lưng nói:

- Đó là một dấu hiệu tốt, nếu người Nga lên, chắc chắn tàu sẽ khởi hành.

Một thiếu phụ mặt đánh phấn, môi tô son, không biết bao nhiêu tuổi với bốn đứa con của bà và một ông già rậm râu cùng đi với chúng tôi. Tất cả chúng tôi chen chúc trong một xó góc toa tàu để nhường

thêm chỗ cho các người lính, càng nhiều càng tốt, đồng thời cũng để thoát khỏi sự chú ý của họ. Chuyến tàu chật ních ấy còn đợi thêm vài giờ nữa, rồi bắt đầu chuyển bánh một cách chậm chậm sau một cái xóc đột ngột. Những người còn lại ở trên sân ga nhón nháo chen lấn, xô đẩy nhau chạy theo. Có người la hét và tìm cách bám vào các chỗ nhô ra của các toa.

Đoàn tàu tiến tới dọc theo một cái bệ cao bên cạnh đường sắt để xếp dỡ hàng hoá, đột ngột một người đàn ông tách ra khỏi đám đông và nhảy lên cái bậc chân của một toa dành cho quân đội Nga nhưng còn để trống, cửa vào toa đóng kín mít. Người đàn ông ấy lay cái tay nắm của cửa toa một cách điên cuồng, nhưng vô ích. Đám đông hét lên, cái bệ xếp dỡ hàng hoá rất sát vào đường sắt, nếu người nào đứng trên cái bậc chân để bước lên xe, ắt sẽ bị gạt mạnh xuống.

Người đàn ông kia mãi miết cố gắng mở cửa toa, nên không thấy sự nguy hiểm. Cái gờ bệ xi măng gạt ông ta xoay lộn đập vào thành toa. Đám đông khiếp đảm sững sờ, im lặng. Người ta có thể nghe thấy rõ tiếng vỡ răng rắc ghê rợn của những đốt xương bị nghiền nát. Mặt tím thẫm và sưng phồng lên, máu miệng chảy ra lai láng, người đàn ông ấy xoay quanh như một con gù, lên cao, xuống thấp. Chúng tôi hy vọng cuối cùng rồi ông ta cũng rớt xuống. Nhưng cái gờ bê tông không nhả ông ta ra mà tiếp tục nghiền nát ông ta khoảng chừng vài mươi mét.

Những người chứng kiến cảnh tượng ấy hét lên đau đớn và phản đối. Nắm tay đưa lên trời, người ta nguyên rủa. "Chúa ơi, vì sao Ngài để cho một con người bị nghiền nát như thế này?" Vài người lính Nga cố gắng kéo nạn nhân về phía họ, nhưng vô hiệu quả. Đàn bà khóc nức nở, nước mắt chảy trên mặt những người đàn ông lòng dạ sắt đá, một người lính Nga che mắt và bắn chỉ thiên như thể để báo động. Số phận bi thảm của một người Hungari vô danh đánh thức những tình cảm thương hại và khùng khiếp của họ. Đến mút đầu kia của cái bệ xếp dỡ hàng hoá, người đàn ông bị nghiền nát ấy, rớt xuống bên cạnh đường sắt như một cái giẻ rách màu vàng đầm đìa máu. Tàu lửa đi vào một đường cong và lòng chúng tôi tan nát trước cảnh tượng bi thảm ấy.

Đoàn tàu chạy với tốc độ từ hai mươi lăm đến ba mươi cây số một giờ, những người ngồi trên trần các toa xe ban ngày bị nóng như thiêu như đốt, ban đêm lạnh run cầm cập. Sau hai mươi bốn giờ ở trên chiếc tàu này, tất cả chúng tôi đều muốn chết đói chết khát. Đêm đầu tiên ở trong toa xe dành cho súc vật này quả thật vô cùng khổ cực.

Chúng tôi ngồi co ro trong một xó góc của toa xe, trên các túi xách của chúng tôi, một người lính nằm dài trước chúng tôi, kê vai trên chân bố tôi, suốt đêm, bố tôi không dám rút chân ra.

Chúng tôi đón bình minh với một tiếng thở dài nhẹ nhõm. Chúng tôi nghĩ đến ngôi biệt thự nhỏ của chúng tôi ở thôn quê, chốn yên thân mà chúng tôi đang đến gần. Chúng tôi sẽ thấy nó còn nguyên vẹn hay chúng tôi sẽ chỉ thấy một đồng đồ nát?

Vào khoảng giữa trưa có tin lan truyền rằng chuyến tàu sẽ đổi hướng đi và thay vì đến Baja, nó sẽ rẽ trái để đưa chúng tôi sang Nga, băng qua Rumani. Tin ấy do người đàn ông mặt mày xanh xao cho biết, ông ta nói rằng những quân nhân Nga ở trên tàu được về nhà nghỉ phép. Kể từ lúc ấy người ta ào ạt suy nghĩ để tìm cách trốn. Nhưng chuyến tàu, cho đến nay chạy chậm như rùa bò, đột ngột tăng tốc độ, lính Nga ca hát và bắn súng qua cửa sổ.

Buổi chiều, thật sự chúng tôi không còn biết chúng tôi là hành khách tự do hay là tù nhân bị lưu đày. Khi màn đêm đã rủ xuống, đoàn tàu giảm tốc độ và ngừng lại trong một ngôi làng nhỏ. Chúng tôi vây quanh người Nga và xin họ cho chúng tôi xuống để đi đại tiện. Để họ khỏi nghi ngờ, chúng tôi để lại tất cả hành lý của chúng tôi lại trên toa tàu rồi xuống xe, trốn vào trong rừng cây và chạy đi càng xa càng tốt. Cũng may là nơi đó có nhiều bụi rậm. Mười lăm phút sau, chúng tôi nghe có tiếng kêu và tiếng súng bắn để cảnh cáo, nhưng chúng tôi tiếp tục chạy và không một ai quay trở lại con tàu.

Mãi đến bây giờ, tôi vẫn không biết lúc bấy giờ nỗi lo của chúng tôi có căn cứ hay không. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng thà chịu cực khổ trên đường chạy trốn còn hơn là mạo hiểm ở lại trên tàu để cuối cùng đi

vào một trại tập trung ở Sibéri.

Sau khi ngừng lại một lát để bàn bạc, tất cả đoàn chúng tôi quyết định đi bộ đến Baja. Một người nhà quê cho chúng tôi biết Baja cách đây năm mươi kilô mét.

Chúng tôi phải mất ba ngày mới đến đó được. Đêm đầu tiên, người nông dân cho chúng tôi ở trong nhà ông ta, hai đêm sau người ta cho chúng tôi ở trong chuồng bò. Người ta còn cho chúng tôi bánh mì và sữa. Khi chúng tôi đến Baja thì đã bảy giờ tối. Một nhân viên hỏa xa cho chúng tôi biết những khả năng vượt sông Danube để qua bờ bên kia. Ông ta nói:

- một chuyến tàu nhà binh Bungari sẽ rời ga trong nửa giờ nữa. Nó chở súng đại bác trên những toa trần. Các người có thể leo lên các toa ấy. Đó là cơ may duy nhất của các người, vì cầu nổi chỉ được dùng cho các chuyến tàu nhà binh.

Sau khi cảm ơn nhân viên hỏa xa ấy, chúng tôi quan sát chiếc tàu điện nơi nhà ga. Thật là một quang cảnh đầy ấn tượng, vì hình như các bánh xe lửa không thể chịu đựng nổi trọng lượng của những khẩu đại bác to tướng. Một người lính Bungari vác súng đi bách bộ dọc theo ke ga. Bố tôi trình bày bằng tiếng Đức với người lính ấy rằng chúng tôi đã cuộc bộ trong năm ngày trên một chặng đường, nếu đi tàu chỉ cần năm giờ. Và bây giờ nếu chúng tôi không thể về nhà chúng tôi ở bờ bên kia sông, chúng tôi đành phải chết, vì không còn tiền và cũng không còn đủ sức để cuộc bộ trên con đường cũ theo chiều ngược lại.

Người lính Bungari ấy hiểu và suy nghĩ rất lâu. Đó là một chàng thanh niên nhiều lắm là hai mươi tuổi, nhưng lưng anh ta đã hơi còng xuống như dưới sức nặng quá chừng mà định mệnh đã bắt buộc thể hệ của anh phải chịu đựng.

Anh ta lại nhìn chúng tôi rất kỹ lưỡng và ra dấu cho chúng tôi leo lên trên các toa.

Bố tôi hỏi:

- Anh cần gì chúng tôi xin biểu để đền ơn anh?

- Không cần gì hết – anh ta nói một cách dịu dàng và giúp bố tôi, mẹ tôi và tôi leo lên toa tàu.

Rồi anh ta nói – dù có chuyện gì xảy ra đi nữa, các người hãy cứ bình tĩnh. Tôi sẽ thu xếp với các bạn đồng đội của tôi.

Ngồi trên giá súng đại bác, một lần nữa, chúng tôi lại chờ. Độ hai mươi phút sau, chừng mười lăm người lính Bungari lên và nằm dài trên sàn toa chẳng bận tâm đến sự có mặt của chúng tôi.

Đoàn tàu bắt đầu chuyển bánh. Chẳng mấy chốc đã đến cầu nổi. nhưng trông nó có vẻ mỏng manh một cách bước cười, đến nỗi chúng tôi có cảm thấy rằng cuộc đời chúng tôi sắp chấm dứt dưới đáy sông Danube cùng với các khẩu đại bác. Đoàn tàu chờ nặng di qua trên cầu nổi một cách cẩn thận, sông rộng gió lộng, nước sông màu lục lam chảy cuồn cuộn. Lúc ấy, các binh sĩ bắt đầu ca hát. Âm điệu du dương vang lên một cách xót xa trong đêm tối. Chung quanh chúng tôi nước vỗ đều đều và gầm thét trong lúc đoàn tàu chạy chậm chậm qua cầu và rung rinh nhẹ.

Từ lúc ấy, cái lúc đã tụ họp chúng tôi lại với nhau, những thường dân run cầm cập và những quân nhân nước ngoài ngồi trên những giá súng đại bác, cách nước sông Danube hơn nửa mét trong một đêm không sao, từ cái lúc ấy bốc lên một bầu không khí thanh cao diệu vợi.

Đoạn đường ấy có thể dẫn chúng tôi tới chốn cực lạc vô biên, chúng tôi, những người bị đầy ải, phiêu bạt ở giữa hai bờ sông. Tiếng hát càng lúc càng cất lên cao hơn, như thể nó đập vào cánh cửa nhà trời, để cầu xin cho vài linh hồn được thu nhận vào trong đó. Thân xác sẽ ở lại với các khẩu đại bác trong bùn lầy dưới đáy dòng sông.

Một cái xóc ngắn ngủi, đoàn tàu bắt đầu leo lên bờ dốc một cách mệt nhọc. Chúng tôi đã đến được bờ bên kia.

Sáng hôm đó, chúng tôi cảm ơn các binh sĩ đã sốt sắng giúp đỡ chúng tôi. Và chúng tôi lại lên đường để đi tiếp đoạn đường cuối cùng. Sau vài lần dừng chân ngắn ngủi, chúng tôi đã đến đích, sau ba ngày

cuộc bộ trên đường trường. Ngôi nhà của chúng tôi còn nguyên vẹn và hồ Balaton trải dài phẳng lặng trong vắt dưới chân những ngọn đồi xanh biếc, như thể nó không muốn biết gì đến những sự kiện bi thảm đã xảy ra trên hai bên bờ của nó.

Chương 12

Trong ba năm, chúng tôi sống một cách khiêm tốn, tại ngôi nhà nhỏ của mình. Chúng tôi đã lần hồi làm quen được với hoàn cảnh. Nhưng sự thanh trừng đã bắt đầu hoành hành và lan rộng chung quanh như một bệnh dịch đậu mùa. Chúng tôi phải quyết định liều chết và vượt biên trước khi quá chậm. Ngan ngừ có câu, không liều thì không bao giờ được gì hết.

Ngay trước ngày chúng tôi ra đi, tôi cưỡi xe đạp tới một ngôi làng xa, nơi không ai biết tôi. Tôi vào trong nhà thờ nhỏ chói lọi dưới ánh sáng mặt trời mùa thu để cầu nguyện. Về sau, dù tôi đã tham quan được các nhà thờ đẹp hơn hết ở châu Âu, các nhà thờ ấy vẫn không thể làm cho tôi quên ngôi nhà thờ nhỏ mà tôi đã vào cầu nguyện hôm ấy. Các vị Thánh được vẽ bởi một bàn tay chất phác mỉm cười với tôi từ trên các bức tường trắng, một bà già nhà quê cắm hoa tươi trên bàn thờ, lấp bập đọc kinh với cái miệng sún răng. Quỳ gối nơi hàng ghế cuối cùng, tôi chợt thấy vị linh mục đang ngồi nơi phòng xưng tội. Vì sao cái cảnh tượng ấy lại khơi dậy nơi tôi một sự xúc động mãnh liệt đến như thế? Như tiếp xúc với một dòng điện, một cái rung mình đột ngột làm sống lại nơi tôi toàn thể các kỷ niệm, cuộc sống trong hầm, lễ kết hôn của Eve và Grabiell, cái chết của người hùng Pista. Và bây giờ đây, ngày mai chúng tôi sẽ rời bỏ ngôi nhà nhỏ thân thương của chúng tôi. Đôi khi, định mệnh thúc đẩy những công dân hiền lành hơn hết đảm đương những trách vụ anh hùng. Một cách hầu như vô thức, tôi đến quỳ gối xuống ghế xưng tội bằng gỗ trắng.

Vị linh mục liếc nhìn tôi một cái rất nhanh và ngài đưa bàn tay lên che hai mắt của ngài lại.

Tôi thì thầm:

- Thưa Cha, con không định xưng tội, con chưa dọn mình sẵn, con chưa suy nghĩ đến các tội lỗi của con. Có một điều mạnh hơn con thúc đẩy con tin cậy vào Cha. Nếu Cha biết con là ai, con sẽ nói với Cha rằng ngày mai con sẽ vượt biên với bố mẹ con. Con rất sợ làm cho Cha bị liên lụy. Nhưng con từ xa đến đây, con đã vào đây một cách hoàn toàn ngẫu nhiên, vì thế con có thể trình bày với Cha chúng con sắp làm điều gì. Thưa Cha, con quá sợ. Con cầu nguyện nhưng không hết sợ hãi. Sau những lời cầu nguyện của con, chỉ có hư vô. Làm sao Chúa nghe được lời của con? Giọng của con yếu ớt, những tiếng kêu sẽ không bao giờ đến được tận Người. Vả lại, con có tội, vì con đã khóc bởi rất nhiều điều nhỏ nhặt trong suốt ba năm vừa qua. Trong lúc người ta chết chung quanh chúng con, con bất bình vì không bao giờ được khiêu vũ, vì con đã không thể đi chơi đâu đó với hai má hồng hào hân hoan. Ban đêm có những bóng ma ngồi nơi đầu giường con, những ảo ảnh rung rợn thay thế cho những giấc mộng đẹp của con và sáng sớm hôm sau, con không biết đó là những cơn ác mộng hay thật sự những người chết đã hiện hồn về để lôi kéo con xuống âm ty cùng với họ. Thưa Cha, con bất bình vì đã không thể biết được thế nào là sự vô tư lự của thời niên thiếu. Thời gian sung sướng của tuổi ấu thơ đã hoàn toàn tan biến trong ký ức của con. Tất cả đều đen tối chung quanh con. Không có gì khác ngoài sự lo âu. Khi một người nào dừng lại trước nhà, con tưởng tượng đó là một tên mật thám. Nếu con nghe có tiếng chân phía sau lưng con, con tưởng là con bị theo dõi. Tất cả những điều ấy chỉ là ảo tưởng, nhưng con bị giày vò. Con mong muốn được sung sướng xiết bao....

- Cha không biết con là ai, cũng không biết con từ đâu đến. Một người trong hàng trăm ngàn người. Cũng như con nói nhân danh tất cả hàng trăm ngàn người. nếu con vượt biên được, bản phận của con là kể lại những gì đã xảy ra tại đất nước này. Nhưng con hãy nhớ, công lý và nhân đạo quý

hơn hết mọi sự. Và lại tất cả những gì xảy đến cho chúng ta ở trần gian không phải là điều quan trọng lắm, bởi vì cuộc sống đích thực đang chờ đợi chúng ta ở thế giới bên kia trong cõi vĩnh hằng. Bà già đã làm xong công việc cung kính của mình và quỳ gối cầu nguyện dưới ngọn đèn dầu cháy trước bàn thờ. Tôi đi ra khỏi nhà thờ. Mặt trời lặn và bóng của cây Thánh giá đã lớn lên đến nỗi hình như nó trải dài ra đến tận tít mù và bao phủ toàn thể đất nước.

Bóng đêm đã rủ xuống khi tôi về đến nhà. Trời mưa và tay nắm của cánh cửa cổng vườn lạnh ngắt. Tôi rung mình khi bàn tay tôi tiếp xúc với nó.

Tôi vào nhà, bố tôi hỏi:

- Con ở đâu về?

- Con đi dạo – tôi trả lời một cách mập mờ để thoái thác, rồi tôi ngồi xuống một cái ghế, nhìn thẳng trước mặt tôi.

Bố tôi cầm giấy tờ nơi tay, mẹ tôi xếp áo quần vào một cái va ly. Cửa các tủ đều mở toang và trong một xó góc, một thùng sách đầy đến một nửa.

- Khi nào chúng ta ra đi? – tôi hỏi và hơi run vì nghĩ phải đi ra khỏi nhà dưới cơn mưa tầm tã như thế này.

- Tối mai, con ạ - mẹ tôi nói với tôi với giọng mà tôi thấy như giọng quở trách.

Tôi ngồi co mình gần bên lò sưởi, tôi không có sức mà cũng không muốn nhúc nhích. Hơi ấm của lò sưởi đã làm cho tôi tê mê và tôi có cảm giác như mình đang ở trong một rạp chiếu bóng mà trong đó bố mẹ tôi chuyển động trên một màn hình rất lớn. thật là kỳ lạ, tất cả những gì chúng tôi có.

Khi chúng tôi đến nơi này, cách đây ba năm, chúng tôi đã phải ra sức làm lụng như những người đi khẩn hoang ở miền Far West[4]. Chúng tôi đã đóng đinh và vít lại các cánh cửa bị hư hỏng. Chúng tôi đã tìm kiếm các dụng cụ nhà bếp vứt bừa bãi trong vườn phía sau nhà..

Mới đầu các người nhà quê đã nhìn chúng tôi với ánh mắt nghi ngờ, như thể chúng tôi không phải là những con người sống, mà là những con ma không chịu biến đi sau một cuộc biểu diễn pháp thuật. Khi họ gặp chúng tôi ngoài đường, chúng tôi thấy họ muốn sờ thử chúng tôi và sau lưng chúng tôi họ trầm trồ với vẻ vừa sợ hãi vừa khâm phục rằng chúng tôi là những người còn sống sót sau cuộc vây hãm Budapest. Rồi dần dần họ đã quen thuộc với chúng tôi. Một hôm, một người, trước chiến tranh thường bán sữa cho chúng tôi, đã đem đến cho chúng tôi một con gà mái đang ấp và trứng.

Ông ta nói:

- Bây giờ cô lớn quá.

Tôi lấy làm ngạc nhiên khi biết rằng sống trong hầm, tôi đã lớn lên thay vì chết.

Thỉnh thoảng có những người đến đây từ Budapest. Đó là những con người ốm nhom ốm nhách vì đói, phần nhiều họ phải trốn bên trên trần các toa xe lửa. Họ kể những chuyện khủng khiếp gây ra bởi hậu quả của mùa hè nóng bức và tác hại của mặt trời làm thối rữa các xác chết. Chúng tôi im lặng như thể chúng tôi xấu hổ vì không còn có thể cảm thấy sợ hãi, rung rợn, ghê tởm.

Đôi khi tôi bị xâm chiếm bởi một nỗi sợ hãi thâm kín, nhưng đó chỉ là một sợ hãi về thể chất. Trong những lúc đó, tinh thần của tôi hình như chẳng có gì liên hệ đến thân thể tôi.

Những ngày trôi qua sau cuộc vây hãm, tôi đã cảm thấy như bị lừa gạt và phản bội. Tôi đã rời căn hầm tràn đầy hy vọng. Một đứa trẻ chết trong đó, nó tiếp tục sống như một người lớn. Tôi ao ước người ta sẽ hân hoan chào đón tôi. Nhưng người ta chỉ quan tâm đến bản thân họ và mặt trời mơn trớn vuốt ve đôi cánh tay mảnh khảnh và khuôn mặt xanh xao của tôi với sự thờ ơ như thể tôi chỉ là một cọng cỏ. Đối với tôi, thời gian đã trôi qua trong sự lặng ngắt cảnh hồ Balaton và trong sự chờ đợi một người chưa hề quen biết và người ấy sẽ yêu tôi. Nhưng chẳng có gì xảy ra cả. Chỉ có các mùa nối tiếp nhau trôi qua...

Lúc bố mẹ tôi báo cho tôi biết chúng tôi sắp vượt biên, đối với tôi đó là tia hy vọng mới. Cuối cùng

rồi cuộc đời mới có thể bắt đầu.

Nhìn chung quanh tôi tự hỏi tôi có thể mang theo những gì. trước khi Budapest bị vây hãm, tôi có nhận được một cái áo ngủ, bằng lụa dài phết đất. Đó là cái áo con gái đầu tiên của tôi. Chưa bao giờ tôi mặc cái áo ấy. Tôi quyết định mang nó theo.

Tôi hỏi đột ngột:

- Còn con chó, nó sẽ ra sao? – nghe tôi hỏi, mẹ tôi đang xếp quần áo vào va ly liền ngừng tay lại ngay lập tức.

Chắc con chó đoán biết tôi đang nói về nó, vì nó đi ra khỏi cái xó góc nơi nó đang nằm và ngúc ngoắc đuôi. Nó là một con chó tạp chủng, nhưng vô cùng khôn ngoan và thông minh. Mỗi cử chỉ của nó phản ánh sự khiêm tốn, như thể nó muốn xin lỗi vì nó xấu xí. Nó nhìn chúng tôi một cách chăm chú và hình như nó mỉm cười. Chắc nó tin rằng chúng tôi nói những điều tốt lành về nó.

Phản bội một con chó còn độc ác hơn phản bội một con người, vì nó không biết rõ người ta nói tốt hay nói xấu về nó, mà chỉ xét đoán dựa theo giọng nói và vẻ mặt của người nói. Nếu người ta nói với nó những lời độc ác hơn hết, nhưng với vẻ mặt tươi cười và với một giọng dịu dàng, nó sẽ đến liếm tay một cách biết ơn. Tôi không muốn phản bội con chó tội nghiệp của chúng tôi.

- Rồi con chó sẽ ra sao? – tôi hỏi lại với một giọng giận dữ, để cho nó ý thức được nó đang bị đe dọa, nhưng nó không ngừng ngúc ngoắc đuôi.

- Hay là đem nó cho ông công chứng viên? – mẹ tôi nói. Nhưng vừa nói xong, mẹ tôi đã thấy là không thể được, vì chúng tôi không thể nói với bất cứ ai rằng chúng tôi sắp rời khỏi nơi này. Với lý do gì mà chúng tôi phải gởi con chó tội nghiệp này cho một người nào đó?

Vấn đề ấy chưa được giải quyết. Tôi đi đến tủ và điểm qua các đồ đạc của tôi. Tôi có một cái áo vải trắng để mặc mùa hè. Tôi sẽ mang nó theo vì bây giờ là tháng mười một và trời mưa. Tôi có một cái áo nhung màu rượu vang đỏ cắt may từ một tấm màn phòng khách. Chiếc áo ấy luôn luôn nhắc nhở tôi nhớ đến tấm màn và tôi không bao giờ chịu mặc nó, chỉ còn lại bộ đồng phục học sinh, cái áo thun và cái váy mà ngày nào tôi cũng mặc ở đây. Bộ đồng phục ấy bây giờ đã ngắn lại chật. Tôi có giày cao gót. Ngày mai chúng tôi phải cuộc bộ. Tôi chỉ cần đôi giày đế bằng mà tôi thường mang. Trong đáy tủ còn có sách vở của tôi và quyển nhật ký mà tôi đã viết trong thời gian Budapest bị vây hãm. Tôi phải đem đi hay để lại? Tôi còn thì giờ để quyết định. Có cả một đêm để suy nghĩ. Nhưng tối hôm ấy chúng tôi đi ngủ trễ. Cả nhà cẩn thận sửa soạn vali, như thể chúng tôi đi du lịch một cách hợp pháp. Chúng tôi tắt bớt đèn và kéo kín màn lại để bên ngoài không ai có thể nhìn thấy gì.

Vì sao tất cả đều có vẻ xa lạ đối với tôi? Như thể tôi chẳng quan hệ gì đến những phút tôi đang sống. Tôi thấy hình như nét mặt của mẹ tôi càng lúc càng hốc hác thêm dưới ánh sáng của ngọn đèn dầu. Và tôi nhận thấy tất cả những gì mẹ tôi vừa xếp vào trong cái va li, chắc chắn sẽ được bỏ vào tủ trở lại! Tội nghiệp bố mẹ tôi! Con đường ngày mai dẫn chúng tôi tới một tương lai vô định sẽ là một thử thách vô cùng cam go đối với bố mẹ tôi. Đối với tôi thì sao? Tôi, tôi phải hồi sinh để có thể cảm thấy bất cứ điều gì. Bây giờ đây, tôi đắm chìm trong một trạng thái uể oải, buồn ngủ và bướng bỉnh. Con chó ngủ trong cái xó góc của nó.

- Tôi phải làm gì với cái đồng hồ báo thức đây? – mẹ tôi hỏi, như thể bà không thể tự mình quyết định được – Có phải đem nó đi theo không?

- Con không biết – tôi đáp.

Mẹ tôi cầm nơi tay một cái cổ áo giả viền đăng ten. Bà nói:

- Cái này là hàng sản xuất tại Bruxelles. Tôi đã giữ nó suốt trong thời gian Budapest bị vây hãm. Tôi sẽ không bỏ nó ở lại đây.

- Hãy đi ngủ đi – đó là tiếng của bố tôi trong phòng kế cận. Nhưng chắc chắn ông ý thức được rằng câu nói của ông không có một ý nghĩa nào trong lúc này.

Cuối cùng rồi chúng tôi cũng đi ngủ. Cái gối của tôi trở thành cứng ngắt kể từ khi nó biết chúng tôi sắp đi. Người ta có thể nói rằng nó có thái độ phản đối. Tôi thao thức hồi hộp lo âu. Tôi giãy giụa trên giường. Tôi ngồi dậy. Tôi còn sống không đây?

Sáng hôm ấy, tôi thức dậy mà chưa hết bàng hoàng. Định thần, tôi thấy các đồ vật đã lấy lại hình dáng và màu sắc hàng ngày của chúng. Chỉ có điều là tất cả đều nặng hơn thường lệ. Tôi hầu như không cảm nổi ly cà phê của tôi. Trọng lực hình như tập trung vào đó. Mẹ tôi từ ngoài vườn trở vào nhà, bà đã ra vườn để cho gia súc, gia cầm ăn. Chúng tôi đã có nuôi chúng. Đó là một nhu cầu. Chúng sắp bị bỏ lại đây với số phận của chúng.

Tôi không thể nuốt trôi được miếng bánh mì của tôi. Như thể có một quả bóng bằng sắt trong cổ tôi, tôi càng ăn, nó càng lớn lên. Phải làm một món gì đó để ăn trưa. Thí dụ một con gà, để bớt đi được một con. Tôi mệt như đến nỗi không bắt được một con trong bầy gà. Chúng chạy trốn và kêu inh ỏi. Tôi đàn bỏ cuộc, vì tiếng om sòm huyền não ấy làm cho tôi không chịu nổi.

Trưa hôm ấy tôi hỏi bố tôi:

- Chúng ta sẽ có một người đưa đường không?
- Có – bố tôi đáp – Chúng ta chỉ việc đi đến gặp anh ta đúng giờ đã định.
- Ở đâu?
- Ở chỗ nhà hẹn trước.
- Thành phố nào? Làng nào?
- Tốt hơn là con không nên biết nhiều hơn.

Buổi chiều, một trong những cô con gái của ông công tố viên đến thăm tôi. Cô ta xử sự như thể chúng tôi sống trong thời bình. Cô ta đến để nói chuyện, cô ta rất vui vẻ và chúng tôi vây quanh cô ta, chúng tôi vận động như những con rối cột nơi những sợi dây. Chúng tôi hẹn gặp lại nhau trong hai ngày nữa. Tôi để một hồi lâu mới quyết định về giờ giấc, vì cô ta nói năm giờ và tôi nói năm giờ mười lăm phút. Tôi làm bộ như sự khác biệt nhau mười lăm phút ấy là rất quan trọng. Cuối cùng tôi đã tỏ ra thỏa mãn khi cô ta chấp thuận giờ hẹn của tôi.

- Nhưng đừng bắt tôi đợi đấy – cô ta cười nói.

Rồi cô ta kể rằng bố cô ta bị "theo dõi", rằng ban đầu gia đình cô ta thường bị người ta quấy nhiễu, người ta đến chỉ để xem các người trong gia đình có ở nhà hay không. "Chúng tôi đã quen với điều đó", cô ta nói thêm và lại cười, nhưng tiếng cười của cô ta làm cho tôi thấy khó chịu, vì tiếng cười không đúng lúc và tôi nhận thấy mắt cô ta vẫn nghiêm nghị. Mũi là điểm trung lập ở giữa một cái miệng và một cái cằm cười vui, với một vầng trán và đôi mắt nghiêm nghị. Điều gì sẽ xảy ra nếu tôi nói với cô ta rằng vài giờ nữa chúng tôi sẽ không còn ở đây? Ý nghĩ ấy kích động tôi đến nỗi tôi phải đi ra ngoài vườn chốc lát, để hứng gió thổi vào mặt, làm dịu bớt nhiệt lượng nội tâm đang làm hai má tôi nóng bừng. Nếu bây giờ có một người ở bên cạnh tôi, tôi sẽ nói, ngay cả với một người lạ, rằng, trong vài giờ nữa, chúng tôi sẽ lên đường đi vượt biên. Tôi muốn chia sẻ điều bí mật đang đè nặng tôi. Con chó cọ xát vào bắp chân tôi. Nó đã đi theo tôi và uốn cong mình lên như một con mèo.

Tôi đi vào nhà, run lập cập. Cô con gái ông công chứng viên đang từ giã bố mẹ tôi. Cô ta ôm hôn tôi và nhắc nhở:

- Đừng quên nhé, ngày mốt đúng năm giờ mười lăm nhé.

Chúng tôi nín thở cho đến khi cửa vườn đã đóng lại.

- Cũng may là cô ta đã không ở lại chơi lâu hơn – mẹ tôi nói và bà mở một cánh cửa tủ, như thể bà muốn để cho một người đang trốn trong đó đi ra.

Bố tôi cẩn thận lấy đồng hồ của ông ra:

- Tàu sẽ khởi hành lúc sáu giờ và bây giờ đã bốn giờ năm phút rồi. Chuẩn bị để đi cho kịp.

Tôi vội vã đi lấy áo quần. Tôi mặc bên trong cái áo ngủ và cái áo nhung, rồi mặc phủ ra bên ngoài cái

áo thun và cái váy thường ngày của tôi. Tôi có vẻ kỳ dị khi bước đi với thân hình phình to như thế. Bố mẹ tôi, cũng ăn mặc một cách lạ đời như thế, vì không thể mang theo nhiều hành lý được. Ngay cả mang một cái túi xách nhỏ đựng thức ăn cũng không được. Phải ăn một chút trước khi lên đường, nhưng không ai trong chúng tôi có thể nuốt được bất cứ cái gì.

Con chó này giờ chạy lăng xăng không chịu ngồi yên tại chỗ, bây giờ đứng nơi cửa, ngúc ngoắc đuôi và nhe cả lợi ra. Hình như nó muốn nói: tôi là người đầu tiên đã sẵn sàng, chúng ta có thể lên đường. Một lần nữa, tôi lại bị xâm chiếm bởi một cảm giác cô đơn. Không có ai nói lời từ giã, không có ai đợi tôi gần hàng rào để hôn tôi và thề nguyện sẽ trung thành với tôi suốt đời. Tôi không có ai mà với người ấy tôi có thể đồng ý về một mật mã để liên lạc bằng thư từ với nhau, để hẹn ngày gặp lại nhau. Tôi đứng yên bên cái tủ. Tôi không khóc. Sự đời đã đến cái mức vô nhân đạo đến nỗi nó không còn để lại một lối thoát nhỏ nào để người ta dịu bớt nỗi lòng phiền muộn, ngay cả một giọt nước mắt cũng không có. Bây giờ tôi muốn chúng tôi đi phứt cho rồi. Mỗi phút còn ở lại thêm trong các bức tường này làm cho tôi suy nhược hơn. Bố mẹ tôi còn chưa hoàn tất việc ăn mặc. Tôi chờ. Trước chuyến đi đến một tương lai vô định này, tôi duyệt lại các kỷ niệm của tôi. Tôi muốn đem theo kỷ niệm của vài người. Nhưng không còn một gương mặt nào còn sống nơi tôi và lúc ấy đột ngột tôi nghĩ đến các tập vở nhật ký của tôi. Tôi liền lấy ra, gấp lại và đút vào các túi áo.

Mẹ tôi cố gắng mặc vào chiếc áo măng tô lông thú lên trên nhiều lớp áo. Bà cũng khó khăn lắm mới nhúc nhích được trong lớp áo quần ấy. Thế là một con quỷ trong người tôi, hỏi tất cả những điều kia có thể có ích gì. Vì sao lại phải ra đi? Câu hỏi sâu cay và ác nghiệt. Kể từ lúc chúng tôi rời khỏi căn hầm ở Budapest gia đình tôi vẫn sống trong sự lo sợ. Nhưng bố mẹ tôi đã không bao giờ nói gì với tôi về vấn đề ấy.

- Đây là phút cuối cùng để thử vượt biên – bố tôi nói một cách dịu dàng. Với câu nói ấy tuy không có ý, bố tôi đã chấm dứt một cuộc bàn bạc mà thật sự chưa được bắt đầu.

Tôi đánh liều gợi ý:

- Ánh mắt của bố tỏ cáo bố, bố phải dời ánh mắt đi, bởi vì trong đôi mắt bố phản ánh sự sợ hãi.
- Con đừng nói đại – mẹ tôi mắng, với giọng không tự tin lắm và bà nắm cái bàn như thể bà muốn mang nó theo. Cả nhà có vẻ sững sốt. Bị kéo bởi chính trọng lượng của nó, cánh cửa tủ tự động mở ra. Trên bàn, còn một miếng bánh mì chiên và một bình nước đầy đến một nửa.

Mẹ tôi gói miếng bánh vào trong một cái khăn. "Để nó khỏi khô" bà nói. Khắp nơi đều ngăn nắp, một sự ngăn nắp quá tỉ mỉ, một sự ngăn nắp không có người sống ở đây. như thể ngôi nhà đã bị bỏ hoang. Tuy nhiên, chúng tôi còn ở trong đó, dùng dằng lưỡng lự. Bây giờ bất cứ ai cũng có thể vào để tiếp tục sống như chúng tôi đã sống ở giữa các bức tường này. Nhưng có người nào muốn sống cuộc sống ấy không?

Khi đi ra, chúng tôi không tắt đèn. Chúng tôi khóa cửa lại.

Mẹ tôi nói:

- Chúng ta hãy giữ chìa khoá. Chúng ta còn có thể trở về.
- Nếu chúng ta thành công, chúng ta sẽ không còn cần đến chìa khoá nữa và nếu chúng ta thất bại, chúng ta cũng không còn cần đến nó nữa....

Giọng nói của bố tôi dịu dàng và xúc động, như thể ông đã đọc câu ấy một trăm lần rồi. Và vung tay thật mạnh, ông liệng chìa khoá ra ngoài vườn. chúng tôi lắng nghe, nhưng không nghe thấy tiếng nó rơi. Như thể có một bàn tay vô hình đã chụp được nó trước khi nó rơi xuống đất.

Mỗi cử chỉ, mỗi lời nói của chúng tôi đã được nghiền ngẫm kỹ càng từ nhiều tuần rồi. Chúng tôi biết phải trả lời như thế nào nếu người ta hỏi chúng tôi. Trước hết chúng tôi đi đến ga xe lửa. Chúng tôi chỉ mua vé đến ga kế tiếp để nhân viên bán vé không thể nói đích xác chúng tôi đi đến đâu. Đến ga tiếp theo, bố tôi sẽ mua vé đến thị trấn biên giới. nếu toán tuần tra trên xe lửa hỏi chúng tôi đến làm gì ở

Ovares, chúng tôi sẽ nói ở đó có dì Charlotte, một người bà con xa và bà mời chúng tôi đến chơi. Đến Ovares, chúng tôi sẽ cố gắng xuống xe mà không bị người ta để ý lắm và chúng tôi sẽ đến nhà người đưa đường, ở ngoại ô. Chúng tôi sẽ đi theo ông ta. Ông ta sẽ đưa chúng tôi đến ga xe lửa của cái làng đầu tiên của nước Áo. Thế là chúng tôi sẽ đến Vienne. Chúng tôi có đủ tiền để trả công cho người đưa đường và để mua hai ngày Schillings tiền nước Áo. Sau đó sẽ hay. Đó là dự định của chúng tôi. Bây giờ chỉ còn việc là phải thận trọng để mọi sự diễn tiến theo như đã dự liệu.

Ra khỏi nhà, chúng tôi đi chậm rãi ngoài đường lớn. Mới năm giờ nhưng trời đã tối thui. Trời mưa. Con chó đi trước. Nó đi, nó chạy, nó dừng lại và quay gót trở lui để chắc chắn là không lạc chúng tôi. Bố tôi đi một cách khó khăn, ông không thấy rõ trong bóng tối. Mẹ tôi nắm cánh tay tôi. Tôi toát mồ hôi. Nhiều lớp áo quá làm tôi tức thở.

Chúng tôi đến ga.

Từ xa, đoàn tàu chạy tới gần với tiếng ầm ầm càng lúc càng to hơn. Cuối cùng nó vào ga. Chúng tôi bước lên các bậc chân bằng sắt để lên tàu. Con chó cũng nhảy theo chúng tôi và nó nhảy lên được trên cấp dưới cùng thì một hành khách nôn nóng muốn lên, đã đá nó rớt xuống đất. Con chó lại cố nhảy lên, nhưng các cửa đã đóng lại rồi. Đứng trong hành lang toa tàu tôi không hạ được tấm kính xuống. Tôi cố hết sức kéo nó xuống làm rách cả vạt áo, mồ hôi bắt đầu toát ra sau lưng tôi và hai hàng nước mắt tôi chảy ròng ròng. Tôi áp mặt vào tấm kính cửa sổ toa tàu những người ta không thấy tôi đang khóc và tuyệt vọng, hai mắt tôi mờ đi, qua tấm kính mờ hơi nước, tôi nhìn đăm đăm con chó bị bỏ lại.

Con tàu chạy và con chó sủa, nó chạy dọc theo ke ga, một bên toa. Nó chạy nhanh vô cùng và tôi có cảm giác nó sẽ bắt kịp chúng tôi. Nhưng nó càng lúc càng nhỏ đi, nó không còn sủa nữa, nó không còn sức để chạy nữa. nó chỉ còn là cái chấm nhỏ. Tàu đã rời khỏi ga và chạy giữa những cánh đồng tối đen.

Tôi đi vào trong phòng. Trong đó ngoài bố mẹ tôi còn có ba người nữa. Hai người đàn ông và một người đàn bà. Hoàn toàn im lặng. Người ta chỉ nghe tiếng tàu chạy. Trước chiến tranh, trong những toa như thế, hành khách nói chuyện rất râm ran. Bây giờ, không ai dám bắt đầu câu chuyện. Câu nói nào cũng có thể nguy hiểm và không tài nào nhận biết được ai là mật thám. Sự im lặng ấy có một cái gì đó thật dễ sợ. Tôi không có đem sách theo. Bên ngoài, tối đen như mực. Tôi nhắm mắt lại và tựa đầu vào lưng ghế. Ánh mắt của người đàn bà ngồi trước mặt tôi xoáy vào tôi làm cho mặt tôi nóng bừng, mặc dù tôi nhắm mắt. Tôi quyết định nhìn lại bà ta, đó là cách duy nhất để làm cho bà ta quay đầu đi.

Người soát vé đến. Ông ta đóng dấu vào vé của chúng tôi và không nói gì hết.

Bố tôi hỏi:

- Tới Bélatelep, tàu ngừng lại mấy phút?
- Chuyến tàu này không ngừng lại ở đó – người soát vé đáp. – Đã từ hai ngày rồi, chuyến tàu đêm không ngừng ở ga ấy nữa.

Người đàn bà ngồi trước tôi lại bắt đầu nhìn chúng tôi chằm chằm. Lần này, mẹ tôi đã kéo chúng tôi ra khỏi trạng huống khó xử bằng cách nói với bố tôi:

- Thế thì tốt hơn hết là chúng ta sẽ đến thăm họ sau khi từ Ovares trở về. Ông có thể mua vé đến tận ga ấy không?

- Có cách nào kéo dài vé của chúng tôi đến Ovares không? – Bố tôi hỏi người soát vé.

Ông ta gạt đầu và rút từ trong cái xắc ra một quyển sổ tay với rất nhiều tờ giấy than. Thật là rắc rối khi phải lấy vé trên tàu. Người soát vé phải ghi chép vào ba chỗ khác nhau, nhưng cuối cùng mọi sự cũng ổn thỏa và bố tôi cất các vé tàu vào trong túi áo. Chúng tôi rất muốn cởi bớt áo măng tô ra, nhưng không dám làm, sợ người ta để ý. Chúng tôi phải ngồi yên im lặng và không động đậy.

Sau một lúc lâu, mẹ tôi lại nói:

- Hình như trời không mưa nữa.

Bố tôi gạt đầu và để tàn thuốc rơi xuống áo măng tô của mình mà sau đó ông phải một cách rất tỉ mỉ. Tàu càng chạy đến gần thành phố biên giới, hành khách lần hồi xuống gần hết. Người đàn bà không mấy dễ thương kia cũng sửa soạn như hai người đàn ông. Chỉ lúc đó chúng tôi mới biết họ đi chung với nhau. Họ cũng đã xuống.

Bố tôi lấy đồng hồ ra xem. Ông nói:

- Tàu rất đúng giờ.

Chúng tôi đi ra hành lang. Tàu chạy chậm lại và vào ga Ováres. Chúng tôi là những hành khách duy nhất đi xuống. Lúc ấy là chín giờ rưỡi. Ở trên tàu chúng tôi đã toát mồ hôi, bây giờ chúng tôi run lập cập trong gió lạnh và ánh trăng thanh. Một nhân viên hỏa xa chạy dọc theo đường sắt, cầm nơi tay một cây đèn lồng dờ.

- Nếu người ta hỏi thì bảo là đi thăm dì Charlotte – bố tôi nhắc.

và tay cầm vé, chúng tôi đi tới cửa ra, cuối cùng chúng tôi đã ở trước nhà ga, trên một con đường hầu như hoang vắng. Hai người cảnh sát đứng trên lề đường phía trước chúng tôi. Họ nhìn chúng tôi.

Bố tôi bảo tôi:

- Đừng quay mặt lui. Hãy đi mau lên.

Chúng tôi đi theo ông. Ông biết rõ đường xá. Ông đã chuẩn bị kỹ lưỡng chuyến đi của chúng tôi. Chúng tôi rời khỏi trung tâm thành phố và đi theo các con đường nhỏ ít được chiếu sáng để đi càng lúc càng xa khỏi trung tâm thành phố. Đến vùng ngoại ô, bố tôi gõ cửa một ngôi nhà có cửa sổ sơn màu đen. cửa mở ra ngay và một mùi nồng nực khó chịu bay phả vào mũi chúng tôi. Một người đàn bà đưa chúng tôi vào nhà và dẫn vào một gian phòng được chiếu sáng bằng một bóng đèn sáng đến nỗi làm cho người ta quá mắt. Các bức màn đều được kéo kín lại rất cẩn thận. Tôi liếc nhìn quanh một vòng. Trên một bếp lò lửa hừng hực, toát hơi nóng, có một cái chảo đang bốc lên mùi hành. Ngồi nơi bàn một người đàn ông đang ăn. Ông ta không thèm đứng dậy khi chúng tôi vào và chỉ ra đầu cho chúng tôi ngồi xuống.

- Hôm nay không đi được! – Ông ta nói với chúng tôi. Cái cảm ông ta thật bực và tôi muốn thấy ánh mắt của ông ta, nhưng ông chỉ nhìn vào bát xúp của ông.

- Vì sao? – Bố tôi ngạc nhiên hỏi. Mãi tới lúc ấy, ông ta mới ngẩng mặt lên nhìn chúng tôi.

- Vì bà nguyệt! Bà sáng quá! Bà soi sáng tất cả. Không thể đi như thế được. Nhất là tôi không muốn liều mạng.

Bà vợ ông ta đặt thêm một đĩa thức ăn lên bàn. Tôi dò xét nét mặt ông ta. Tôi nghe những lời giải thích của ông ta nhưng vì sững sốt, tôi không hiểu hết ý nghĩa của tất cả những gì ông nói. Tôi chỉ hiểu như thế này, hôm nay không đi được. Có thể ngày mai...không phải vì ông ta. Ông ta không thể ra lệnh cho bà nguyệt được. Rồi ông giải thích cho chúng tôi bây giờ phải tạm lánh đi đâu đó và ngày mai trở lại đây vào lúc chín giờ rưỡi tối.

- Nhưng biết ở đâu đêm nay và suốt cả ngày mai? – Bố tôi hỏi. chúng tôi không thể đến khách sạn, cảnh sát sẽ được báo động ngay lập tức.

Bố tôi đợi người đưa đường cho chúng tôi ở lại trong nhà ông ta đêm nay. Nhưng ông ta nói rất thẳng thắn và dứt khoát:

- Tôi chỉ có nhiệm vụ đưa các người vượt qua biên giới, chấm hết, không có vấn đề ở lại trong nhà tôi, cảnh sát thường đi kiểm tra và mấy lúc sau này tôi đã bị họ để ý tới. Tôi chỉ còn làm một hay hai chuyến nữa rồi giải nghệ. Cái nghề này đã trở thành quá nguy hiểm.

Bà vợ ông ta nói thêm:

- Tốt hơn là các người hãy đi ngay lập tức. Tối mai hãy trở lại đúng giờ.

Chúng tôi phải đi. Nhưng đi đâu? Tôi đói lắm.

- Bà có thể cho tôi một chút ít nước không? – tôi nói với hy vọng bà ta cho tôi ăn.

Bà ta vội vã rót nước vào một cái ly và đẩy nó vào hai tay tôi. Tôi chỉ uống hai ngụm. Nước âm âm và có mùi thuốc khử trùng.

Chương 13

Một lát sau, chúng tôi đã ở ngoài đường. Phải đi ngay lập tức theo một hướng nào đó, làm như thể chúng tôi đang đi đường. Những kẻ lang thang sẽ bị nghi ngờ và nếu người ta hỏi chúng tôi đi đâu, mọi sự sẽ hỏng bét. Thế là chúng tôi vội vã đi một cách mạnh dạn, như thể sợ đến trễ nơi người ta đang chờ chúng tôi.

- Chúng ta đi đâu? – Tôi vừa hồn hển vừa hỏi bố tôi.

Không khí lạnh lẽo mà tôi hít vào sắc như một lưỡi dao.

- Có thể còn có một cơ may – bố tôi nói – Nhưng điều đó không thành công, chúng ta không còn giải pháp nào khác ngoài việc lại đáp một chuyến tàu và ở trên đó cho đến tối mai. Không thể đến khách sạn và cũng không thể ở trong phòng đợi của nhà ga, cảnh sát thường đến khám xét những nơi ấy. Chúng tôi đi theo những con đường lạ hoắc và cuối cùng đến trước một nhà thờ. Bố tôi bước lên tam cấp, chúng tôi bước lên theo. Cửa không khoá. Chúng tôi đẩy cửa bước vào. Trong bóng tối dày đặc, ngọn đèn chong đèn toả ánh sáng leo lét trước bàn thờ mờ ảo. Kiệt sức, mẹ tôi và tôi, chúng tôi ngồi ở hàng ghế cuối cùng. Còn bố tôi, ông biến mất. Chúng tôi phải ngồi đây cho đến sáng sao? Và sau đó chúng tôi sẽ làm gì, suốt cả ngày? Chúng tôi không thể ở mười bốn giờ trong một nhà thờ. Bây giờ tôi phải cầu nguyện nhưng tôi không còn đủ sức nữa. Tôi lạnh, tôi đói, tôi buồn ngủ.

Bố tôi trở lại và sờ vào vai chúng tôi. Ông nói nhỏ:

- Hãy đi theo tôi.

Chúng tôi đi dọc theo lối đi giữa của giáo đường để vào trong phòng mặc áo lễ và chỗ để đồ thánh.

Trong phòng tối om, nhưng tia sáng lọt qua kẽ hở của một cánh cửa cho chúng tôi thấy có một linh mục đứng trước mặt chúng tôi. Người bắt tay chúng tôi và bảo chúng tôi đi theo người. Người hạ thấp giọng nói với chúng tôi:

- Các con hãy thận trọng và đi lom khom cúi xuống sát đất khi các con ở trong gian phòng sắp đến. Cửa sổ không có màn và, ngoài đường, có một ngọn đèn đường chiếu sáng cửa sổ ấy. Ngôi nhà ở phía trước mặt là một đồn cảnh sát và các người cảnh sát có thể thấy tất cả những gì xảy ra trong phòng ấy. Nếu chúng ta treo một bức màn, điều đó sẽ gọi sự tò mò của họ.

Tôi muôn thấy nét mặt của vị linh mục ấy để biết mức độ nhân ái và sợ hãi của người, nhưng không thấy rõ được mặt người. Người mở cửa cho chúng tôi và chúng tôi đi vào bên trong phòng, cong lưng cúi xuống sát đất. Ngọn đèn ngoài đường đu đưa trong gió và bóng của nó giao động trên tường.

Chúng tôi ngồi bệt xuống đất.

Bố tôi nói:

- Chúng ta có thể ở đây cho tới tối mai.

- Làm sao ông có thể sắp xếp được việc này?

Nhưng bố tôi không trả lời.

Tôi nói:

- Có thể cởi áo ra không?

- Chỉ cởi áo măng tô mà thôi, nghe con – bố tôi dặn.

Không bao giờ tôi tưởng tượng ngồi bệt dưới đất mà cởi áo măng tô lại khó khăn đến thế. Chúng tôi giúp nhau được chừng nào hay chừng nấy. Bố tôi già rồi và huyết áp cao, nhưng ông không phàn nàn.

Bên ngoài, gió thổi càng lúc càng mạnh thêm. Dòng tia sáng của cây đèn lồng kính ngoài đường chiếu vào trên tường ở phía trước mặt, đến tận trần nhà, ở đó nó biến mất nhanh như chớp, rồi một chốc lát sau mọi sự bắt đầu lại như trước. Tôi chóng mặt như thể ngồi trên một chiếc tàu thủy. Tôi nhắm mắt lại, nhưng ánh sáng ấy vẫn làm cho tôi khó chịu. Tôi có cảm giác đang say sóng. Áo quần đầm đìa mồ hôi làm cho tôi ghê tởm và nổi khó chịu và uể oải ấy lôi cuốn tôi vào trong thế giới ác mộng. Tôi muốn mở mắt ra, nhưng cái tia ánh sáng giao động ấy làm cho tôi tê liệt. Trong cơn quay cuồng lo sợ và mê mẩn ấy, tôi thấy hiện ra một cái miệng mà môi miệng cong như vòng cung. Cái miệng ấy là của ai thế, khi nào và ở đâu tôi đã thấy và để ý đến nó, bây giờ tôi lại thấy nó? Nó mỉm cười và nói với tôi, nhưng tôi không nghe được nó nói gì.

Cái đêm cực hình ấy tiếp diễn. Có lúc tôi thấy chúng tôi vượt qua biên giới, nhưng ánh sáng giao động của ngọn đèn đường lại kéo tôi trở lại với thực tế. Hai giờ sáng. Bố mẹ tôi ngủ. Cái miệng ấy là của ai thế? Tôi lại ngủ thiếp đi. Tôi chạy trên một con đường tối thui. Một người chết chạy tới gặp tôi, một trong những người nằm chết trước nhà chúng tôi ở Budapest. Người ấy ra dấu cho tôi và mỉm cười với tôi "Chúng tôi đã ăn cắp chiếc nhẫn đính hôn của tôi đeo nơi ngón tay – người ấy nói với tôi, với vẻ vui mừng – Tôi đi đòi người ăn cắp phải trả lại nó cho tôi. Chắc chắn lão ta cũng sẽ trả lại cho tôi cánh tay của tôi."

Và tôi chợt thấy người ấy không có cánh tay. Một bông hoa trở ra nơi vết thương của ông ta và càng lúc nó càng lớn lên để rồi che khuất hết khuôn mặt của người chết. cuối cùng rồi bình minh cũng lộ dạng. Chúng tôi đã lấy lại được sức lực, giống như trên bãi chiến trường, người bị thương vừa được bình minh làm cho tỉnh lại và đang bò lết tới một ngôi làng.

Chúng tôi đã rời khỏi gian phòng ông cha xứ như thế đó.

Trong hành lang, chúng tôi mới dám đứng lên, vào một góc để đi vệ sinh và rửa ráy qua loa. Luôn luôn chúng tôi phải mặc áo quần trên người. Một lát sau chúng tôi lại ngồi bệt dưới đất trong gian phòng mà chúng tôi đã ngủ qua đêm, một linh mục già, nét mặt điềm nhiên mang cả phê phán cho chúng tôi. Người đề các lý cả phê xuống đất như thể điều đó là chuyện bình thường. Người không nói gì hết và hành động như thể không nhìn thấy chúng tôi.

Thời gian trôi qua một cách chậm chạp kinh khủng. Miễn là tôi nay không có trăng. Bây giờ trời đang mưa và lạnh.

Những giờ phút dài đằng đẳng ngồi bó gối bất động, rồi cuối cùng màn đêm lại rũ xuống. Ánh sáng giao động của ngọn đèn đường lại bắt đầu. Sáu giờ. Sau một thời gian chờ đợi vô tận, cuối cùng đã tám giờ. Tôi nép mặt vào hai bàn tay để che mắt tránh ánh sáng. Tôi có cảm giác như trán tôi tựa vào một bàn tay lạ. Cảm giác ấy không mới mẻ gì đối với tôi, nhưng bàn tay ấy là của ai và nó đã vuốt ve mơn trớn mặt tôi lúc nào?

Chín giờ, chúng tôi bò ra khỏi gian phòng. Vị linh mục già đứng trong bóng tối mờ, ra dấu vĩnh biệt chúng tôi. Từ phòng kho đồ lễ, chúng tôi bước vào giáo đường. Ngọn đèn trên bàn thờ toả một thứ ánh sáng lờ mờ trước mắt tôi.

Chúng tôi được trả lại cho đêm tối. chúng tôi vội vã đi tới nhà người đưa đường. Giữa đường, thỉnh thoảng chúng tôi nhìn trời. Những đám mây dày đặc giăng giăng, thấp đến nỗi người ta có cảm giác có thể sờ được chúng.

Đến nhà người đưa đường, bố tôi vừa gõ tiếng đầu tiên thì cửa đã mở ra liền. Lần này, hai vợ chồng người đưa đường có vẻ dễ chịu hơn. Bà vợ hâm rượi để mời chúng tôi.

Ngạc nhiên, bố tôi hỏi:

- Uống rượu? Bây giờ sao?

- Tôi đãi rượu tất cả mọi người trước khi lên đường – người đưa đường mỉm cười đáp – nó làm cho chúng ta tăng thêm sức mạnh, lên tinh thần. Tôi không thể làm gì được với những người sợ sệt. Mà

đôi bụng thì tất cả mọi người đều sợ, ngay cả tôi. Vậy chúng ta hãy uống, uống đi.

Ông ta uống cạn một ly rượu lớn đang bốc hơi. Tôi đưa ly của tôi lên miệng và nếm thử thứ nước ấy. Nó cay cay và âm ẩm. Tuy nhiên nó kích thích khẩu vị, tôi uống cạn ly một cách thêm thường và cương quyết. Nó làm cho chúng tôi phấn khởi lên, như thể người ta đã truyền huyết thanh cho chúng tôi.

Tôi nói với bố tôi:

- Con đã uống hết.

Tôi cười toe toét. Tôi có cảm giác miệng tôi mở rộng quá cỡ sang tận mang tai và không bao giờ có thể trở lại nghiêm trang được nữa.

Bố tôi nói:

- Con giỏi lắm! – ông cũng lên tinh thần như tôi rồi với một phong thái ung dung, ông chỉ ra cửa – bây giờ chúng ta có thể lên đường được chưa?

Người đưa đường uống thêm rượu.

Mẹ tôi nói:

- Ôi! Quá nhiều rồi, uống quá nhiều rồi. Nếu ông uống thêm nữa, ông sẽ lạc đường mất.
- Và nếu ông ấy lạc đường, điều gì sẽ xảy ra? – tôi nói rồi cười toe toét. Tôi muốn khóc, nhưng tôi lại càng cười to hơn.

Người đưa đường đột ngột nói:

- Thôi, chúng ta đi – ông ta vừa nói vừa choàng chiếc áo măng tô vào người. Ông ôm hôn vợ ông rồi căn dặn chúng tôi:
- Không bao giờ đi hàng ngang, người này bên cạnh người kia. luôn luôn đi hàng dọc, người đi sau cách người đi trước một chút, như thể không phải chúng ta đi chung với nhau. Nếu tôi ngừng lại, các người cũng ngừng lại. Nếu tôi nằm sấp xuống sát đất, các người cũng phải làm như thế. Nếu tôi chạy, các người cũng phải chạy.

Bố tôi ngắt lời ông ta một cách chắt chiu:

- Ông bạn của tôi ơi, tôi sáu mươi tuổi rồi, làm sao chạy theo ông nổi.

Người đưa đường đột ngột trở lại lạnh lùng:

- Bất luận bao nhiêu tuổi, chạy để cứu lấy cái mạng sống của mình thì cũng phải chạy – ông ta nói – Hãy lên đường thôi.

Chúng tôi đi ra trong đêm tối. Người đưa đường đi đầu, mẹ tôi đi tiếp sau, rồi đến tôi. Bố tôi sau chót. Chúng tôi đi cách nhau từ sáu đến tám bước. Lúc ấy là mười giờ kém mười lăm, đường vắng tanh. Tiếng bước chân chúng tôi vang dội như thể đang đi dưới một cái vòm tò vò. Chẳng mấy chốc, chúng tôi ra khỏi thành phố và đi vào những ruộng nho. Nho được chăm sóc rất tốt, nhưng rất khó đi trong đó. Đất gập ghềnh và trơn trượt. Trời lại tối thui. Người đưa đường đi nhanh và tất nhiên chúng tôi cũng phải đi nhanh theo. Bố tôi vấp và kêu lên một tiếng. Người đưa đường càu nhàu:

- Im ngay!

Trời tối, bố tôi bước đi một cách khó khăn, ông vấp vấp và trượt chân luôn, nhưng không dám kêu. Tôi muốn dìu ông, nhưng trong ruộng nho, người ta chỉ có thể nối đuôi nhau mà đi. Cuối cùng chúng tôi cũng đến được dưới chân một ngọn đồi. Một con suối chảy trước mặt chúng tôi và trời bắt đầu mưa trở lại. Mưa che chở chúng tôi, vì nó làm cho tầm nhìn yếu đi rất nhiều. Lính biên phòng cũng như cả chúng tôi.

Tác dụng của rượu trong người tôi đã hết. Tôi nhìn hai chân tôi và tôi nghe tiếng kéo lê của những bước chân mình. Tôi không biết tôi sợ hay không. Cái giai đoạn ấy làm tôi sững sốt, tôi không theo kịp các biến chuyển đang tràn ngập người tôi và tôi cảm thấy lâng lâng như đã ra ngoài giới hạn nhận thức của con người. Tôi tiếp tục bước đi.

Đột ngột người đưa đường dừng lại và đưa tay ra dấu cho chúng tôi ngồi xuống. Thở hổn hển, chúng

tôi ngồi bệt xuống trên cỏ ướt. Thật là thoải mái được ngồi nghỉ một chút! Tôi nhìn đồng hồ dạ quang của tôi: mười một giờ.

Lẽ nào chúng ta đã đi được một giờ rưỡi đồng hồ rồi? Mồ hôi bắt đầu lạnh trên lưng tôi. Tôi khát nước.

Người đưa đường lom khom đi đến gần chúng tôi. Ông nói nhỏ:

- Tôi không biết chúng đã đi qua chưa – rồi ông nói thêm – Tôi sợ.

Hải hùng và bực mình khi nghe ông ta nói như thế. Ông ta mà sợ, thì thử hỏi chúng tôi, chúng tôi còn sợ đến mức nào? Chúng tôi nằm dài xuống cỏ ướt. Không xa chúng tôi bao nhiêu là con đường lớn. Con đường đá ấy rõ ràng và nhẵn nhụi trong đêm tối. Chúng tôi vô cùng lo sợ khi biết rằng chúng tôi sẽ phải băng qua con đường rộng và nhẵn nhụi ấy. Chúng tôi còn phải đợi như thế này trong bao lâu nữa? Một tiếng còi xa xa xé tan tĩnh mịch. Vài phút sau, một chiếc xe chạy qua. Người đưa đường đứng lên và nói:

- Bọn chúng đi rồi. chúng ta có thể thử đi qua.

- Có phải con đường ấy là biên giới không? – tôi hỏi ông ta.

- Không phải. Biên giới còn xa – ông ta đáp.

Đây là biên giới? Biên giới như thế nào? Chúng tôi tới bờ đường. Mặt đường đúc bê tông trải rộng ra trước mắt chúng tôi như thể có một bàn tay vô hình nới rộng nó ra.

Người đưa đường ra lệnh.

- Chạy mau lên!

Bố mẹ tôi băng qua con đường lớn như thể đó là sân trượt tuyết. Hai ông bà muốn chạy, nhưng cứ lão đảo và vấp vấp. Chúng tôi đã ở giữa đường. Một sức mạnh bên trong người thúc đẩy tôi chạy, nhưng tôi phải theo tốc độ của bố mẹ tôi. Người hướng dẫn đã ở phía bên kia đường từ lâu rồi. Ông ta hoa chân múa tay và cầu nhàu nguyên rủa.

- Hú hồn! Sao mà chậm thế? – ông ta nói khi chúng tôi tới nơi – Bây giờ có một khoảng rừng trống không cây, rồi mới tới rừng già.

Con đường lớn trải dài phía sau chúng tôi như một giải băng ngăn tuyến. Chúng tôi chạy băng qua khoảng rừng trống và cuối cùng đã đến được chỗ có cây. Tôi tựa người vào thân cây ướt đầu tiên và thở dốc.

Người đưa đường không ngớt cầu nhàu:

- Đây là chuyến chót mà tôi đi với những ông bà già. Thật chậm chạp như rùa!

Chúng tôi tiếp tục đi, lá khô ngập đến tận mắt cá. Trời tối om, thỉnh thoảng một cành cây ướt chạm qua mặt tôi. Và tôi bỗng nhớ lại cái miệng và bàn tay mà tôi thường thấy trong các giấc mơ là của ai.

Của Pista. Tôi thấy lại anh ấy khi, một hôm, anh đã nói với tôi một điều gì đó, gần một bên ngọn đèn mờ. Tôi không còn nhớ những gì anh ấy đã nói với tôi, nhưng tôi thấy lại cái miệng và hai hàm răng trắng muốt của anh. Và bàn tay cũng của anh, cái bàn tay đã giúp tôi đi qua tấm ván bên trên người chết trôi. Chính ở tại đó, anh ấy đã vuốt ve mái tóc tôi. Và bây giờ tôi mới nhận thức được điều đó. Đúng, bây giờ, anh ấy đang ở bên tôi. Anh nắm bàn tay tôi, dẫn tôi đi.

Người đưa đường nói thật khẽ:

- Nằm xuống! Nằm xuống ngay lập tức!

Chúng tôi nằm dài trong lá khô ẩm ướt, nhưng bây giờ tôi không còn cảm thấy bị bỏ mặc. Có Pista ở đây để giúp tôi vượt qua những khó khăn trở ngại cuối cùng này. Người đưa đường ra lệnh cho chúng tôi tiếp tục đi. Tôi chỉ nghe giọng nói hách dịch của ông ta, tôi chỉ biết tôi đang tiếp xúc với đất mùn ẩm ướt và không thấy gì cả, vì trời tối. Bố mẹ tôi thở hắt ra. Chúng tôi đi. Chúng tôi phải ráng sức đi nhanh một cách rất mệt nhọc và tôi cảm thấy không còn đủ sức để liếc nhìn đồng hồ nữa.

Rừng đã trở lại thưa dần, người đưa đường càng lúc càng lo âu và cay nghiệt.

- Rồi các người sẽ phải trả thêm tiền cho tôi đây. Với các người già cả như các người, tôi sẽ đòi thêm tiền thôi.

- Ông sẽ có tất cả những gì ông muốn, nhưng hãy đưa chúng tôi vượt qua biên giới – bố tôi nói và tôi nghe tiếng của ông như thể ông đang ở rất xa xôi. Tuy nhiên, ông chỉ cách tôi có hai bước. Lại một khoảng trống không có cây và đột ngột mặt trăng bắt đầu sáng lên vàng vạc một cách lạ lùng. Người đưa đường lại nguyên rủa, nhưng tôi không còn để ý đến điều ấy nữa. Tôi đoán mồ hôi như tắm, tóc tai, quần áo tôi ướt đầm dề.

Cảnh vật trông sáng sủa hẳn ra dưới ánh trăng. Người đưa đường cầu nhàu:

- Đây là biên giới, mà cái mặt trăng quý sứ ấy lại sáng rực! chúng ta hãy chạy, các người hãy chạy, mệt lử cũng phải chạy.

Vì sao tôi đã luôn luôn tưởng rằng một biên giới tất nhiên nhiên phải là một chướng ngại vật hữu hình? Một barriere, một bức tường như những bức tường xây dọc theo một số con đường núi. Và bây giờ, trong lúc tôi ráng hết sức để chạy, tôi ngạc nhiên thấy biên giới chỉ là cỏ đen và ánh trăng thanh. Tôi chạy, như tắm trong ánh trăng, và nơi mà nó sáng tỏ hơn hết, nơi mà bàn tay tôi, tóc tai tôi và trái tim tôi sáng tỏ hơn hết, chính nơi đó là biên giới.

Hết khoảng trống, ánh sáng đột ngột nhường chỗ cho bóng tối. và tôi nghe tiếng của người đưa đường bây giờ đã bớt căng thẳng:

- Các người có thể ngồi xuống được rồi. Chúng ta đã ở trong "vùng không có người".

Tôi gục đầu xuống bên cạnh bố mẹ tôi. Tôi áp một bên má vào đất, vào mảnh đất vô chủ và bây giờ là đất của tôi.

Mới nghỉ được một chút, người đưa đường đã giục:

- Chúng ta hãy đi tiếp thôi.

Chúng tôi đạp lên đất nước Áo. Nhưng cái nhà ga mà chúng tôi phải đến còn xa. Mẹ tôi cởi giày ra và bó chân với khăn phủ la mà bà vừa xé làm hai miếng. Bố sẽ tiếp tục đi như thế đó. Bố tôi bước đi lao đảo, tuy nhiên lòng can đảm của ông không hề bị lay chuyển.

Tảng sáng chúng tôi đi đến một nhà ga nhỏ. Những bà bán rau quả rong và những ông mặc quần cụt bằng da đang ở trong phòng đợi. họ nói một thứ tiếng tôi không hiểu. Đây là lần đầu tiên trong đời, tôi ở nước ngoài. Nếu tôi nói, chắc họ sẽ nhìn tôi với sự ngạc nhiên. Người đưa đường đi đâu một lát với bố tôi rồi khi trở lại, ông ta bắt tay chúng tôi:

- Các người gặp may mắn. bây giờ các người đã được bình an vô sự. Chuyến tàu sẽ đưa các người đến Vienne khởi hành trong mười lăm phút nữa.

Và nói xong lời từ biệt ấy, ông ta biến mất trong đám đông.

Mẹ tôi mang giày lại và tôi, tôi thêm uống một ly cà phê nóng, thêm không thể tả.

Bố tôi nói:

- Tôi đã mua nơi ông ấy hai ngàn Schillings. Ông ấy đã để lại với giá thị trường và đã mua vé cho chúng ta đi Vienne. Thật là một con người trung hậu!

Tôi hỏi:

- với hai ngàn Schillings ấy, chúng ta có thể đủ sống trong bao lâu?

Bố tôi suy nghĩ một lát:

- Chừng hai tháng.

- Và sau đó, chúng ta sẽ ra sao?

- Sau đó, phải bắt đầu làm lại cuộc đời...

Phòng đợi càng lúc càng náo nhiệt. Các bà bán rau quả rong chất hàng lên những cái giỏ to và vội vàng đi ra sân ga. Tay chân chúng tôi tê cóng, chúng tôi lê bước với sự nỗ lực của người bị đắm thuyền, gàn ngật đi nhưng còn chống chọi với sóng gió và đã bơi tới đất liền nhưng kiệt sức.

Ngồi trên những cái ghế nhỏ dài, chúng tôi ngủ gà ngủ gật. một người soát vé đóng dấu vào vé của chúng tôi một cách thờ ơ. Phía trước tôi, một người đàn ông đốt thuốc hút ống điều một cách trịnh trọng. Mùi thuốc rẻ tiền làm cho tôi buồn nôn. Trời lại mưa. Cảnh vật tiêu điều, bầu trời u ám, những đồ nát hoang tàn luôn luôn là những đồ nát hoang tàn diễn qua trước mắt tôi. Tôi có cảm tưởng mình ở trong chuyến tàu này từ nhiều năm rồi, như thể định mệnh đã đóng đinh tôi vào cái ghế gỗ cứng này và bắt tôi phải đi không ngừng ở giữa những đồ nát hoang tàn, giữa những con người im lặng. Tôi đã tưởng ở bên kia biên giới, ở bên kia nước Hungari, trong những đất nước mà người ta gọi là Tây phương, bầu trời sẽ xanh ngắt và người người được sung sướng. Họ sẽ vây quanh chúng tôi vui mừng và nụ cười đón tiếp của họ sẽ làm cho chúng tôi quên đi quá khứ. Nhưng, trong chuyến tàu này, không có ai mỉm cười với tôi và khói thuốc càng lúc càng dày đặc hơn và rất khó chịu.

Chúng tôi đến gần thành phố Vienne. Tôi nhìn ra ngoài một cách khao khát. Trái tim đập nhanh. Đã biết bao lần, bố mẹ nói với tôi về thành phố tiên cảnh này, một thành phố luôn luôn vui tươi hơn hờ. Tàu ngừng lại ở giữa những đồng đồ nát. Đây chắc là nhà ga, vì tất cả mọi người đều đi xuống. Chúng tôi cũng xuống. Nước mưa chảy dọc theo các bức tường cháy đen. Chỉ trong vài giây, chúng tôi ướt đầm dề. Đám đông lôi cuốn chúng tôi ra cửa, áo măng tô của tôi càng lúc càng nặng và tôi muốn xé toang những áo quần mà tôi đã phải mặc, không thể cởi ra từ ba ngày rồi. Bỗng tôi cảm thấy các kim băng mà tôi đã gài để thân ngăn chiếc áo ngủ mặc trong bị bung ra. Tôi đứng giữa mưa, nước mưa từ mặt chảy xuống áo măng tô, ngắn hơn cái áo ngủ bằng lụa mà tôi mặc bên trong. Màu áo xanh tươi của chiếc áo ngủ dài phết đất ấy và màu xám của chiếc áo khoác tương phản đến nỗi nó bắt đầu làm cho người ta để ý. Họ đứng lại ngắm nghía tôi mà chẳng mỉm miệng cười.

Xấu hổ quá, tôi vừa khóc vừa lao mình tới một cái lều bằng ván gần đó. Cái áo ngủ làm tôi vướng chân, dính vào mặt cá, nước bùn lợt vào giày và bắn vào cái áo tơi. Đến được chỗ núp rồi, tôi phải đợi cho hai bàn tay hết run. Mới đầu muốn xé bớt phần vải lộ ra ngoài một cách dè dặt ấy, nhưng vải bền quá. Nó mạnh hơn tôi. Tôi đành phải mày mò mãi mới thân ngăn nó lại được với các kim băng cũ. cuối cùng tôi cũng trở lại với bố mẹ tôi và chúng tôi rời khỏi nhà ga. Mưa giăng giăng đầy trời, chúng tôi chẳng thấy rõ đường xá gì cả.

Chúng tôi cứ đi liều đến đâu hay đến đó. Cũng may là chúng tôi đi đến trước cửa một tiệm cà phê. Chúng tôi vào trong đó. Người bồi bàn liếc nhìn chúng tôi một cái rồi tiếp tục nói chuyện với một người khách. Tại một cái bàn khác, một cặp vợ chồng đang uống cà phê. Thỉnh thoảng người chồng mới nói vài tiếng, người vợ chẳng bao giờ trả lời.

Chúng tôi ngồi xuống. Người bồi bàn tới gần và đưa khăn lau sơ cái mặt bàn.

Bố tôi nói bằng tiếng Đức

- Ba ly cà phê và một ít thức ăn.

Chúng tôi mệt mỏi đến nỗi chẳng còn biết nói gì với nhau. Ngồi bất động, chúng tôi nhìn ra đường, trời đang mưa to gió lớn. một bà già mập phệ xô cửa bước vào, ôm trong tay một con chó chân lùn dài tai. Điều đó làm cho tôi nhớ lại con chó của tôi. Có thể nó còn chạy theo con tàu một cách tuyệt vọng và tin cậy vào lòng thủy chung của con người.

Người bồi bàn mang đến cho chúng tôi cà phê và ba lát bánh mì màu xám. Tôi cúi xuống trên ly cà phê của mình và nhắm mắt lại. Tôi uống. Tuy chẳng có mùi vị gì là cà phê hảo hạng nhưng nó nóng hổi và sưởi ấm cả thể xác lẫn tâm hồn. Ngoài đường mưa gió đã dịu bớt. Tôi ăn ngấu nghiến một lát bánh mì. Lúc ấy, tôi chợt nhìn thấy tôi trong một tấm gương ở trước mặt và tôi thấy tôi mỉm cười.

Bố tôi nói thì thầm:

- Chúng ta đã thành công.

Ông bảo bồi bàn tính tiền và rút trong xấp tiền ra một tờ trăm Schillings để lên bàn. Tên bồi bàn đến gần ngắm nghía nhưng không đụng đến tờ giấy. Rồi anh ta nói:

- Nó mất giá trị rồi. Số tiền mà ông có trong tay nó đã hết hạn lưu hành từ hơn một năm nay rồi, nó không còn giá trị gì nữa.

Trái tim tôi đập mạnh đến nỗi mỗi tiếng đập làm cho tôi đau nhói như bị một nhát dao đâm vào. Mẹ tôi khiếp sợ, bố tôi xanh mặt. Chúng tôi nhìn sững các tờ giấy bạc để trên bàn.

Người bồi bàn liền có thái độ hằn học:

- Các người không có gì khác để trả tiền ăn sao?

Người đàn ông ở cái bàn bên cạnh đặt tờ báo xuống và chống tay quan sát cảnh tượng ấy. Cặp vợ chồng im lặng kia cũng quay lui nhìn. Bà già có con chó lùn cũng quan sát chúng tôi.

Mẹ tôi cởi chiếc nhẫn duy nhất còn lại của bà, chiếc nhẫn bà không bao giờ cởi ra, chiếc nhẫn mà bà đã đeo từ ngày đám cưới. Từ chiếc nhẫn hột xoàn chiếu ra một tia sáng màu xanh lấp lánh, như một tiếng kêu cấp cứu.

Mẹ tôi đưa chiếc nhẫn cho tên bồi bàn:

- Đây, để trả tiền cà phê. Chúng tôi không biết tiền của chúng tôi đã hết giá trị.

Tên bồi bàn cầm chiếc nhẫn với vẻ hoài nghi:

- Phải đồ giả không?

Nhưng viên kim cương lấp lánh đến nỗi đã thuyết phục được anh ta.

Tôi năn nỉ mẹ tôi bằng tiếng Hungari:

- Mẹ ơi, đừng cho anh ta chiếc nhẫn ấy!

Bố tôi liền nói:

- Bắt buộc phải đưa thôi, con ạ. Chỉ Chúa mới biết điều gì đang chờ đợi chúng ta nếu anh ta sinh chuyện lời thôi. Chúng ta vừa mới tới đây một cách bất hợp pháp và chúng ta không có giấy tờ hợp lệ.

Mẹ tôi nói với người bồi bàn:

- Chúng tôi sẽ đến chuộc lại chiếc nhẫn này.

Anh bồi bàn lắc đầu và người ta thấy rõ anh ta đã quyết định sẽ không bao giờ nhận có quen biết chúng tôi và sẽ chối phăng tất cả mọi sự.

Anh ta cầm chiếc nhẫn với vẻ suy nghĩ, thấy lên thấy xuống trong tay và đút vào túi.

Vừa dọn dẹp ly đĩa, anh ta vừa nói với chúng tôi:

- Các người vừa mới tới đây, không phải thế sao?

Rồi anh ta rút lui vào phía sau gian phòng.

Lo âu, tôi hỏi:

- Và bây giờ?

Bố mẹ tôi im lặng. Năm phút ấy đã làm bố mẹ tôi già đi nhiều tuổi.

Một nỗi tuyệt vọng kinh khủng xâm chiếm lấy tôi. Tôi muốn khóc nức lên, nhưng mắt tôi ráo hoảnh. Và tôi tự hỏi, tận đáy lòng của bản thân tôi, không biết rồi đây có một ngày cuộc đời sẽ thương hại tôi và sẽ đồng ý cho tôi có một cuộc sống riêng của mình hay không.

Phần II - Sống không phải là dễ

Chương 1

Sau cuộc vây hãm Budapest, gia đình chúng tôi chẳng còn gì lại cả. Mặt tiền ngôi nhà bị thủng nhiều chỗ vì đạn trái phá. Tôi có thể ngồi trên sân nhà, trước kia được chăm sóc rất chu đáo, mà đứng

đưa hai chân trong khoảng không. Ngôi nhà mà tôi ở mười lăm năm đã trở thành một chỗ nguy hiểm cho mọi người. Khi tình hình ở Budapest đã ổn định, khi không còn xác chết trên đường phố, những người đi bộ muốn đi qua trước ngôi nhà của gia đình tôi, phải đi tránh ra xa để khỏi sợ bị đè bẹp nếu nó đổ sụp xuống. Các bức tường của phòng tôi đều bị nứt và những chỗ nứt nẻ đã làm cho tôi đau đớn như thể nó là những vết thương của chính mình.

Không còn lại gì cả, không còn một đồ vật gì còn nguyên vẹn. Các tàn tích cuộc sống của gia đình tôi đều phủ một lớp cặn bã ghê tởm. Dòng thủy triều lên menh mông của cuộc vây hãm dẫm máu ấy đã rút xuống, nhưng thành phố Budapest hình như đã bị vấy bẩn suốt cuộc đời.

Dì của mẹ tôi có một viên kim cương hình hoa hồng gắn trên chiếc trâm cài trên mái tóc khi bà còn trẻ, nhưng nay chẳng còn một cái ảnh nào của bà. Quan tài của bà là một đồng gạch đỏ nát, một đồng những mảnh vỡ của ly chén. Vào giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh, ngôi nhà bà ở đã sụp đổ và chôn vùi những người ở trong đó.

Dì tôi – tôi đã luôn luôn gọi bà như thế - đã sáu mươi lăm tôi và chồng bà bảy mươi khi tôi mới lên sáu – Sinh ra quá muộn, tôi chỉ biết ông bà của tôi qua các tấm ảnh của họ. Ngày táo mộ, tôi sợ hãi khi bố mẹ dẫn tôi đến nghĩa địa. Mùi hương nhạt nhẽo của hoa cúc, những cây nến thấp sáng lung linh mà mỗi người cầm trên tay làm cho tôi sợ hãi, một nỗi sợ hãi không thể nào diễn tả được. Những đêm sau đó, tôi chiêm bao thấy toàn là yêu ma.

Bảy tuổi, tôi có cảm tưởng rằng chung quanh tôi chỉ toàn là những người già. Tôi nhìn rất lâu những đường chân chim nơi khoé mắt của mẹ tôi và đầu tóc bạc hoa râm của bố tôi.

Bác tôi và dì tôi sống một cuộc đời rất thanh nhàn. Ngôi nhà của họ ở trên một ngọn đồi thoải thoải của Buda có rất nhiều pho sách kỷ niệm các chuyến du hành. Bác và dì tôi không có con. Tôi thường đến ở với họ vào ngày thứ bảy và Chủ nhật. Tôi có một phòng nhỏ tại ngôi nhà ấy. Trong phòng có giường và một cái tủ lớn đầy vải trải giường viền ruy băng lụa màu đỏ chung quanh giữa các lần xếp, dì tôi có để những gói oải hương, những giấc mơ thời thơ ấu của tôi đã thấm dẫm rất lâu trong mùi hương bí ẩn này.

Đường Đức Bà số 3. Đó là địa chỉ nhà của bác và dì tôi. Luôn luôn mặc y phục màu đen, dì tôi không bao giờ nhìn tấm bảng mang tên con đường ấy mà nét mặt không tỏ nỗi ác cảm. Một lần, tại phòng xưng tội, người ta đã xúc phạm đến danh dự của bà và từ đó bà có ác cảm với toàn thể giới cha cố. Rất lâu sau này, tôi mới biết bác tôi là người đã ly dị vợ, dì tôi không thể kết hôn với ông theo nghi lễ tôn giáo. Bồng bột với một mối tình lớn, dì tôi muốn được hưởng hạnh phúc thế gian và đồng thời cũng được làm phép cưới ở nhà thờ. Nhưng bà đã nhận được lệnh như một tôi hậu thư, phải từ giã người đàn ông mà bà yêu.

Thời thơ ấu, ngoài bố mẹ tôi, tôi chỉ biết có bác và dì tôi. Tôi sống hồn nhiên trong sự thương yêu và đùm bọc của những người thân ấy. Bố mẹ tôi hiền lành, vui vẻ, sống bên cạnh dì tôi, tôi tập được tánh thương yêu người già cả.

Tám tuổi, tôi là một đứa trẻ khôn sớm để cảm nhận được, trong cử chỉ và trong nét mặt của bác và dì tôi, tình yêu vô cùng, vô hạn của họ. Họ có một bà giúp việc rất giỏi về mọi phương diện, nhưng luôn luôn chính dì tôi giúp bác tôi mặc áo măng tô khi bác dẫn tôi đi dạo. Dì tôi đứng nơi ban công đợi cho đến lúc chúng tôi đã đi xuống dưới nhà và bà còn đưa mắt nhìn theo trong lúc chúng tôi đi theo con

đường khuất khúc xuống đồi. Bác tôi có một bộ râu ngạnh trê được săn sóc rất tỉ mỉ, nhưng màu hơi vàng vì khói thuốc ống điều ông hút thường xuyên. Mặc comlê đen và cầm một cây gậy thật đẹp, ông ngừng lại nơi những chỗ quẹo để giải thích cho tôi hiểu rằng với bệnh đau tim phải đi cẩn thận như thế. Tôi nghe một cách ngoan ngoãn, nhưng tôi quá vui mừng khi, đồ chơi của tôi như cái vòng hay quả bóng rơi xuống và lăn, tôi phải chạy theo để chụp lại.

Hai bên đường Đức Bà có những cây lặt. Mùa xuân hoa thơm ngát, màu thu trái lặt rụng xuống. Sau bữa ăn trưa, bác tôi và dì tôi nghỉ ngơi. Dì tôi nằm trong phòng của bà, bác tôi, đắp cái áo choàng màu xám, nằm trên ghế đi vắng trong phòng giấy của ông. Trong thời gian ấy, ngồi thu mình trong chiếc ghế phôi tôi, tôi đọc các tác phẩm của Dickens. Tôi làm quen với các nhân vật David Cooperfield, và Pickwich. Bà giúp việc ra về lúc ba giờ chiều. Bà đóng cửa nhẹ nhàng đến nỗi chỉ có một mình tôi nghe tiếng động nhỏ ấy. Có một lần tôi nhón chân đi ra tận ban công để nhìn bà ấy ra về. Có một quân nhân đứng đợi trước nhà. Hai người nắm tay nhau đi xuống đồi và bỗng nhiên tôi thấy ngôi nhà quá vắng vẻ.

Khi trời tối, buổi tối bác tôi và dì tôi đánh bài ngoài ban công. Các cây phong lữ thảo hoa màu đỏ tươi toả hương thơm ngát. Lũ côn trùng từ các vườn chung quanh bay tới như đã hẹn hò gặp nhau gần bên cây đèn bằng pha lê của dì. Trong khi đánh bài, luôn luôn hai ông bà nói bằng tiếng Anh. Tôi, nửa thức nửa ngủ, nghe họ nói chuyện với nhau.

Sáng chủ nhật, đến đón tôi, rồi cùng mẹ tôi, chúng tôi đi nhà thờ. Dì tôi đóng cửa sổ, bà không thích nghe tiếng chuông nhà thờ ngày chủ nhật. Suốt buổi sáng ngày hôm ấy, bà đánh đàn piano. Ở trong phòng giấy, bác tôi khẽ hát bản nhạc dì đang chơi.

Dì tôi có một gia tài riêng, bác tôi thì chỉ có tiền hưu, nhưng ông có rất nhiều bà con mà những người bà con ấy lại có tính tham lam. Dì tôi thuộc giòng dõi quý tộc và hơi kiêu, bà phiền muộn vì không thể quý trọng họ khi họ đến thăm. Còn có một điều nữa làm cho bà buồn, đó là tôi cương quyết không chịu học đàn piano. Khi dì tôi chơi nhạc Chopin, bác tôi ngồi trong một chiếc ghế phôi tôi, nhìn các ngón tay dài và mượt mà của dì lướt nhẹ trên các phím đàn.

Năm tôi mười tuổi, mừng sinh nhật tôi, bác tôi làm quà cho tôi ba quyển sách. Một quyển tiếng Hungari, hai quyển khác tiếng Anh. Và dì tôi đã đích thân làm cho tôi một món kem lạnh thật thơm ngon. Trong lúc bác tôi và dì ngủ trưa, tôi nhìn ba quyển sách đẹp của mình. Vì ghế của tôi ngồi gần chiếc đi vắng của bác nằm, tôi thấy bác ngủ rồi. Khô và nhăn nheo như vỏ hạt đậu, hai bàn tay to của bác để trên cái áo choàng màu xám. Nơi bàn tay mặt, bác có đeo một chiếc nhẫn cưới, trên bàn tay trái, một chiếc nhẫn mặt khắc hai chữ cái tréo nhau. Tôi thấy trên đồng tay của bác, lúc đó là bốn giờ mười phút. Tôi nghe tiếng bước chân nhẹ nhàng của dì đang pha trà trong phòng khách. Tôi biết trong vài phút nữa bà sẽ đến đánh thức bác tôi dậy và sau đó chúng tôi sẽ cùng nhau uống trà một cách vui vẻ. Tôi bèn ăn cho xong món kem của tôi. Bỗng tôi chợt có ý nghĩ rằng hôm nay kỷ niệm ngày sinh nhật của tôi (một sự kiện quan trọng đến với tôi) tôi có quyền đánh thức bác dậy. Thế là tôi tụt xuống khỏi ghế và đến sờ vào bàn tay của bác tôi. Nhưng bác tôi ngủ rất say, mặt quay vào trong tường. Tôi nghe tiếng nước để pha trà sôi. Lúc ấy mạnh dạn hơn, tôi nâng bàn tay bác tôi lên. Âm ỉm, nặng một cách lạ lùng, bàn tay ấy tuột khỏi tay tôi và rơi xuống bất động. Trái tim tôi đập dữ dội đến nỗi tiếng đập làm tôi cảm thấy ngực đau nhói.

"Bác ơi!...Bác ơi!..."

Chắc là tôi đã kêu to lắm vì chỉ một lát sau, dì tôi đã có mặt tại cửa.

Không bao giờ tôi thấy dì tôi cao lớn và đồng thời lại mảnh mai như trong chiều tà mùa đông năm ấy. Tôi có cảm tưởng rằng dì sẽ không bao giờ có thể đi vào phòng giấy của bác tôi. Bà nhìn chòng và bắt

đầu gọi to:

- Anh yêu, anh có muốn dậy uống trà không? Uống trà nhé, anh yêu?

Một lát sau, bà ngồi xuống bên chồng và đưa cả hai tay nắm lấy tay ông.

- Sao anh lại như thế này? – bà kêu lên – Sao anh có thể bỏ em mà đi như thế này? Sao anh không đợi nói với em lời từ giã?

Tôi không dám nhúc nhích. Tôi chỉ thấy hình như đôi môi của bác tôi hơi hé ra để nói lời vĩnh biệt.

Đi tôi chỉ còn có những cử chỉ xúc nổi. Nhưng rồi bà cũng trấn tĩnh lại. Bà đi vào trong phòng, lấy ra một cái chăn và đắp cho bác tôi. Sau đó bà muốn gọi điện thoại. Nhưng ngón tay của bà run đến nỗi không bấm số được. Bà bảo:

- Hãy gọi bố mẹ cháu đến đây ngay.

Tôi gọi điện thoại. Trong lúc tôi nói với mẹ tôi, dì tôi bật sáng tất cả đèn trong nhà.

Bỗng tôi cảm thấy buồn nôn. Mùa đông, các chậu hoa phong lữ thảo ở ngoài ban công được đem vào phòng ăn và buổi chiều hôm ấy mùi buồn nôn của chúng tràn lan khắp nhà. Tôi muốn mở một cửa sổ nhưng tôi không vận được tay nắm. Vì sao bố mẹ tôi còn chưa đến?

Đi tôi đi thờ thần trong các gian phòng, vừa đi vừa lẩm bẩm những lời không mạch lạc về tiệc trà và về sự chết chóc. Đèn sáng trưng, tôi không rõ mặt của bác tôi. Khuôn mặt ấy, sáng nay còn đầy sinh khí biết bao, bây giờ đã trở thành màu vàng và nhẵn thín. Các nếp da nhăn đã biến mất và trên khuôn mặt trẻ lại ấy, có một bộ râu ngạch trê khó hiểu.

Bây giờ tôi có thể hình dung được rằng ngay cả bác tôi, xưa kia, cũng đã có một thời trẻ trung.

Chuông cửa reo vang. Tôi chạy ra cửa và ngã vào vòng tay của mẹ tôi. Tôi khóc nức lên, nhắm mắt lại và cứ muốn giấu mình trong vòng tay của bà.

Bác tôi đã ra đi vĩnh viễn, trước mắt tôi. "Luôn luôn phải coi chừng với bệnh tim..." bác đã nói.

Nhưng đâu là linh hồn? Tôi tự hỏi. Đâu là tư tưởng của bác? Bác có nằm mơ trước khi chết không?

Bác còn có muốn nói gì nữa không?

Khi tôi hôn bàn tay bác, bàn tay ấy đã lạnh ngắt.

Sau đám tang của bác tôi, tôi nhận được một bức thư của dì tôi. "Cháu yêu quý của dì – bà viết – dì muốn cháu biết rằng khi đến lượt, như bác cháu, dì từ giã cuộc đời này, tất cả tài sản của dì sẽ thuộc về cháu. Dì muốn cháu giữ chiếc đàn piano của dì trong phòng của cháu...".

Tôi thường đến nhà dì tôi. Trên bàn ăn luôn luôn có đặt bộ đồ ăn của bác tôi và chai rượu hảo hạng để bên cạnh.

- Chiếc đàn piano – dì tôi không còn đụng đến nó nữa – nằm im lìm và có vẻ hoang lạnh ở giữa phòng khách lớn, như một cỗ quan tài.

Lần cuối cùng tôi với bố mẹ tôi đi đến căn nhà bị tàn phá của chúng tôi, dưới những quyền sách dơ bẩn tôi đã tìm thấy, hầu như nguyên vẹn trong cái khung của nó, một bức tranh khắc đời Buda đầu năm 1900. Khi đi vào phòng ăn, tôi chợt thấy trên tường có một cái đinh và tôi treo bức tranh lên trên đó. Ra ngoài đường, chúng tôi còn quay mặt lại nhìn một lần cuối cùng căn nhà. Xuyên qua mặt tiền nhà bị bắn thủng toang hoác, chúng tôi còn thấy bức tranh treo hầu như lơ lửng trong khoảng không. Đột ngột, một ngọn gió dữ dội thổi đến làm bụi bặm rơi xuống mù mịt. Thế là chúng tôi cất bước ra đi, mắt đầy bụi và nước mắt.

Trong ngôi nhà nhỏ ở vùng quê Fongod, nơi tôi sống một cuộc sống mộng du, tôi chỉ tìm cách tỏ ra là một cô gái đang lớn và chóng quên. Tôi không muốn làm cho bố tôi phiền muộn vì tôi mà tổn hao sức

khỏe. Tôi ca hát khe khẽ để bố mẹ tôi vui lòng. Với sự giúp đỡ của mẹ tôi, tôi đã cắt may một chiếc áo mặc mùa hè từ một tấm màn hoa. Khi bố tôi nói rằng, đối với những người còn trẻ tuổi, mọi sự dễ dàng hơn, tôi nói "Vâng, đúng như thế". Với hai tấm vải trải giường, tôi tậu được một con dê cái để vắt sữa cho bố mẹ tôi uống. Bà già nhà quê, người đã bằng lòng trao đổi với tôi bằng hiện vật, đã dạy cho tôi cách vắt sữa.

Nhưng ban đêm, một mình trong phòng riêng của tôi, tôi cất bỏ ngay cái mặt nạ vui vẻ và trở lại với các quyển sách. Ở đây, ở thôn quê, chúng tôi chỉ có những tác phẩm của những nhà văn Bắc Âu, vài quyển sách của Balzac, một quyển duy nhất của Flaubert "Bà Bovary".

Tôi ngủ thường mộng mị. Pista, người quân nhân tươi cười chết trong lúc Budapest bị vây hãm thường hiện ra với tôi. Nhưng tôi không sợ anh ta. Tôi cũng không sợ bác tôi. Tôi đã biết cái chết điềm nhiên của một ông già, nhưng tôi chưa hình dung ra được cái chết dữ dội của một người trẻ tuổi, tươi cười, can đảm.

Mỗi buổi sáng, cuộc đời bắt đầu lại. Những mùa hè kéo dài, vô tận, ngọt ngào, những mùa đông giá rét, tuyết rơi.

Tôi nhớ một ngày tháng Bảy, tôi đi bơi. Hồ Balaton mang tôi trên cái lưng màu xanh rực rỡ ánh mặt trời của nó. Rồi khi nhìn lui phía sau, tôi chợt thấy những làn nước xanh do tôi tạo ra trên mặt nước phẳng lặng khi tôi bơi. Người đời xa cách tôi đến nỗi tôi có một cảm giác cô đơn tuyệt đối. Trong khi tiếp tục bơi, tôi đã ngẩng đầu lên, như thể để khám phá ra Chúa Trời vô hình. Đột ngột, một làn sóng bất ngờ quất vào mặt tôi. Và cái tát ẩm ướt, trong suốt dưới ánh mặt trời ấy đã làm người tôi rung chuyển như bị điện giật. Nhờ nó mà tôi nhận thức được thân thể của tôi.

Rùng mình một cái, tôi ý thức được làn sóng ấy là do chính các cử động tôi làm để bơi. Lo sợ, vùng vẫy, tôi kéo cái áo lót lên che kín bộ ngực mình.

Hầu như hụt hơi, tôi vội vã bơi vào bờ, tôi trở thành nặng trĩu vì mệt lử và trong một lúc vô ý, tôi đã bị uống nước.

Cuối cùng rồi khi cảm thấy đã có sỏi đá dưới chân, tôi ngã nhào xuống trên bờ hồ.

Tôi thở hổn hển.

Một lát sau, trên đường trở về nhà, tôi biết rằng tình trạng cô đơn của tôi là không thể nào chịu đựng nổi.

Chương 2

Khi đến Vienne, chẳng có ai thêm để ý đến tôi. Chúng tôi đi trên đường, ít thấy đau đón dưới cơn mưa tầm tã, hơn là khi thấy nét mặt dữ tợn của gã bồi bàn ở tiệm cà phê khi hắn cho chúng tôi biết những tờ bạc Schillings mà người đưa đường bán cho chúng tôi là tiền đã hết hạn lưu hành. Mẹ tôi đã đưa cho gã bồi bàn ấy chiếc nhẫn cưới cuối cùng của bà, và, bây giờ, vì sợ hãi, chúng tôi đi như chạy, nhưng tới một nơi vô định.

Tôi ước mong có một người nào đó, miệng tươi cười, nắm tay chúng tôi để dẫn chúng tôi vào một ngôi nhà ấm áp, và người đó, với một cử chỉ tế nhị, chỉ cho chúng tôi cửa phòng tắm.

Dò xét khuôn mặt của những người qua lại trên đường, tôi chỉ thấy những con mắt lơ đãng, nét mặt cau có. Họ nhìn chúng tôi một cách lơ đãng, ánh mắt họ lướt qua trên chúng tôi như những giọt nước mưa.

Bố tôi nói:

- Hay chúng ta trở lại nhà ga?
- Để làm gì? – mẹ tôi hỏi.
- Ở đó có trụ sở của một phái đoàn lo cho những người tị nạn. Chúng ta đến xin ngủ ở đó đêm nay và ngày mai, tôi sẽ lo liệu.

Không có tiền để đi tàu điện, chúng tôi cuốc bộ trở lại nhà ga. Ở đó, hai mẹ con tôi phải chờ bố tôi tiếp xúc trước với phái đoàn. Trong nhà ga đồ nát, mẹ tôi đứng tựa người vào một bức tường sứt lở, bà có vẻ yếu đuối, rã rượi đến nỗi tôi hoảng hồn, ôm hôn lên mặt bà. Bà ngược mắt lên nhìn tôi và mỉm cười:

- Con ơi, gia đoạn khởi đầu một cuộc sống mới luôn luôn rất khó khăn... Nhưng chúng ta được tự do.

Đã lâu rồi mà bố tôi chưa trở lại. Tôi nhìn hai chân sưng phù lên của mẹ tôi, hai mắt cá chân đường nét mảnh mai của bà bây giờ chỉ còn là một khối thịt không có hình dáng. Và đâu đâu, trong cái nhà ga hoang vắng này, cũng không có lấy một cái ghế để ngồi. Gần bên chúng tôi có một phòng đợi cửa mở hé, nhưng nó không có mái nhà. Có vài nhân viên hỏa xa đi ngang qua gần chúng tôi, nhưng họ không để ý đến chúng tôi. Tôi quỳ gối xuống trước mẹ tôi và đặt bàn tay lên trên một bàn chân của bà, bàn chân nóng như lửa.

- Mẹ đau lắm phải không?
- Hơi đau thôi...

Tôi phải cố gắng lắm mới khỏi gục xuống và ngủ thiếp đi dưới chân mẹ tôi. Đột ngột, như thể họ từ dưới đất chui lên, chúng tôi bị bao quanh bởi những hành khách đợi một con tàu sắp vào nhà ga. Tôi đứng dậy, dò xét nét mặt họ, nhưng họ chẳng để ý gì đến chúng tôi, như thể họ không trông thấy chúng tôi ở đây. Tôi sờ cánh tay của chính mình, tôi vuốt mặt tôi với bàn tay dơ bẩn của chính tôi. Tôi băn khoăn tự hỏi "Có thể chúng tôi đã trở thành trong suốt trong ánh sáng lạnh lẽo của mặt trăng chẳng? Cho nên người ta đã không còn có thể trông thấy chúng tôi chẳng? Có thể chuyện chúng tôi vượt qua biên giới chỉ là một giấc mơ và tôi sắp thức dậy ở Fonyod chẳng?..."

Có ai đó đã kêu lên một tiếng mà tôi không hiểu nghĩa.

Một người lính Nga đứng trước mặt chúng tôi và đã kéo cái áo măng tô lông thú của mẹ tôi.

Người lính ấy ra dấu cho một người lính khác và vừa chỉ mẹ tôi vừa lặp lại những tiếng mà tôi không hiểu nổi.

Vừa lúc ấy, bố tôi trở lại và bảo chúng tôi đi theo ông.

Chúng tôi vội vã đi, vừa đi vừa run, vì có hai người lính Nga đi theo sau.

Bố tôi nói:

- Người ta vừa cho biết chúng ta đang ở ngay trong khu vực của Nga kiểm soát.
- Cuối cùng chúng tôi đã vào được trong cái trại làm trụ sở của phái đoàn.
- Một người đàn ông tóc đã hoa râm đang đợi chúng tôi. Ông ta nói:

- Hãy đi theo tôi...

Hai người lính Nga đứng ở bên ngoài.

Chúng tôi đi theo một hành lang tối om và sau khi loạng choạng bước đi, chúng tôi vào trong một gian phòng rộng được chiếu sáng bởi một bóng đèn điện duy nhất. Lúc ấy, người đàn ông kia mới nói:

- Khốn nạn, các người vượt biên giới một cách bất hợp pháp đến đây không có giấy tờ và đi lang thang trong khu vực của Nga! Vì sao các người không đến trong khu vực của Mỹ hay của Pháp?

- Lần chót tôi đến Vienne là năm 1926, tôi đã ở tại khách sạn Sacher – bố tôi trả lời, mặt mày tái mét vì mệt – Làm sao tôi biết được các khu vực?

Người quản lý trại nét mặt rầu rĩ bèn mỉm cười. Nghe nhắc lại thời vàng son của thành phố Vienne,

mặt ông ta tươi hẳn lên. Ông ta nói:

- Lễ tất nhiên! Khách sạn Sacher... Nhưng thời thế đã thay đổi... Các người hãy ở lại đây cho đến sáng ngày mai. Khoảng tám giờ, tôi sẽ dẫn các người đến ranh giới của khu vực, ở đó các người sẽ xoay sở với trung tâm đón tiếp người tị nạn, trung tâm sẽ lo liệu giấy tờ cho các người.

Trong gian phòng lớn bằng gỗ, mốc thối vì nước mưa ấy, có ba cái bàn và ghế dài, cái lò sưởi đốt bằng than để trong một góc phòng. Người quản lý trại lại nói:

- Mọi người hãy ngồi xuống đi, người ta sẽ đem xúp và bánh mì vào cho các người. Người đàn bà sắp đến đây không được biết gì cả. Nếu bà ta có hỏi, các người hãy trả lời rằng các người trễ chuyến tàu và không có tiền để ở khách sạn. Nhất là khi ngủ đừng có cởi áo quần ra. Ở đây không thiếu bọn du côn du đãng...

Với một cử chỉ bất ngờ đối với chúng tôi, ông ta đưa tay ra và nói tiếp:

- Chúc ngủ ngon và may mắn. Tôi sẽ đến gặp các người vào sáng mai.

Chúng tôi ngồi xuống một cái ghế dài, vài phút sau mồ hôi đã chảy xuống dọc theo lưng chúng tôi. Mẹ tôi và tôi mặc ít nhất ba cái áo dài mỗi người và bố tôi có trên người năm cái áo sơ mi. Khi còn ở bên Hungari, người đưa đường không cho chúng tôi mang theo va li, buộc lòng chúng tôi phải mặc chồng lên nhau tất cả áo quần chúng tôi có. Đã ba ngày rồi, chúng tôi không thể cởi áo quần ra.

Mẹ tôi nói:

- Ít nhất chúng ta phải cởi áo măng tô ra.

- Không được - bố tôi nói - người đàn bà sắp đem xúp đến sẽ thấy là chúng ta đã ăn mặc một cách khác thường.

Thế là chúng tôi tiếp tục ngồi đợi và tiếp tục toát mồ hôi.

Chẳng mấy chốc bà ta đến. Bà ta khoảng bốn mươi tuổi. Búi tóc bà ta dính chặt nơi ót như một tổ chim. Vừa tò mò quan sát chúng tôi, bà vừa đặt xuống trước mặt chúng tôi một cái khay sứ mẻ và ba bát xúp.

Bà ta hỏi:

- Có ăn thêm bánh mì không?

Mẹ tôi chỉ gật đầu, chứ không nói một tiếng nào.

Bà ta đem đến ba miếng bánh mì. Ngồi một bên lò sưởi, bà ta dăm dăm nhìn chúng tôi. Tôi e rằng sẽ thấy bà ta tan ra trong ngọn lửa hừng hực ấy, như một cây nến. Vừa ăn món xúp xong, tôi tưởng tượng một cách khá điên rồ rằng, với một cánh tay dài và một cái chụp hình phễu, tôi có thể úp lên trên ngọn lửa để tắt nó đi! Ăn hết xúp, còn lại dưới đáy bát một lớp cặn màu xám. Bánh mì thì dính vào vòm miệng và hôi mùi đất sét. Khi thấy chúng tôi thật sự đã ăn xong, người đàn bà kia ra dấu bảo chúng tôi đi theo bà ta.

Thẳng ngay đơ trong nhiều lớp áo quần như những con bù nhìn, chúng tôi lếch thếch dật dứ nhau đi sau lưng bà ta.

Đến ngưỡng cửa nhà ngủ chung, bà ta biến mất như bị nuốt vào trong những hành lang tối đen. Không khí trong nhà ngủ chung ngột ngạt. một ánh sáng màu xanh chập chờn trong một xó góc. Những tia sáng yếu ớt ấy của một bóng đèn điện duy nhất rọi lên trên những đồng áo quần rách. Đó là những người nằm ngủ đắp áo măng tô tồi tàn. Cái toa giường ngủ thứ hai mươi lăm ấy có hai dãy giường nằm. Đứng trong bóng tối mờ, tôi thấy hình như tất cả giường trên cao đều trống, người ta tập trung nằm ở bên dưới. Chúng tôi bước tới một cách cẩn thận, nhưng mỗi hơi thở làm cho chúng tôi nuốt vào một bùm không khí hôi thối mùi bùn.

Cuối cùng chúng tôi cũng tìm được hai chỗ trống ở bên dưới và một chỗ ở trên cao.

Mẹ tôi cởi áo măng tô và ngồi nơi mép một trong hai cái giường. Bố tôi đứng đó hoàn toàn lúng túng, tay cầm cái nón, ngạc nhiên rằng chúng tôi đã được tự do, nhưng dù sao cũng chán nản vì quá bẩn thỉu.

bố tôi nằm xuống giường bên dưới, và tôi, tôi leo lên giường trên cao. Tình trạng cực quấy của chúng tôi đã làm náo động những người đang ngủ. Tôi nghe những tiếng xì xầm. Từ mép giường ọp ẹp của tôi, đột ngột tôi thấy mặt của một người đàn ông rậm râu từ bên dưới nhìn về phía tôi. Hai con mắt ông ta lóng lánh trong bóng tối màu xanh, trông ông ta giống như một con thú đang rình một miếng thịt. Tôi thụt vào bên trong thật nhanh và đắp lên người cái mền nhám ráp hơi mùi mỡ cừu.

Bị dị ứng, da tôi nổi mề đay. Tôi có cảm giác như đang bị làm phiền cho vô số thú vật, tất cả đều đói ngấu, đều háu ăn. Tôi cũng có cảm giác như bị chích lâm râm ở da, đầu gối, bởi hai hàm răng nhọn. Tôi sờ thử, nhưng chẳng có gì.

Suốt đêm, tôi bị quấy nhiễu bởi những con thú tưởng tượng ấy.

Sáng hôm sau, khi chúng tôi thức dậy, thì tất cả những người ngủ trong phòng ấy đã đi đâu hết. Lưỡi nhớp nháp vì cái đêm ngọt ngào ấy, chúng tôi nói rất ít.

Người ta lại cho chúng tôi ăn một bữa xúp nữa, rồi người quản lý trại xuất hiện, nét mặt tươi tỉnh.

Dưới lỗ tai còn dính một chút kem cacao râu.

Ông ta cho bố tôi một địa chỉ rất có ích.

Ông ta cho biết cô của ông có một ngôi nhà ở bên khu vực Mỹ, có phòng cho những người tị nạn không có giấy tờ thuê, miễn là những người ấy đáng tin cậy. Ông ta dẫn chúng tôi đến tận ranh giới của khu vực Nga. Đó là một con đường nhỏ, mà gió mát buổi sáng đã làm khô lòng lẽ đường. Dưới tấm bảng tên đường, có một tấm bảng yết thị "Địa điểm khu vực Mỹ".

Bố tôi nói vài lời từ biệt, chúng tôi bắt tay ông ta và ông quay trở về.

Bố tôi nói:

- Đó là một người nhân hậu. Hôm qua, khi tôi kể với ông ấy những nỗi gian nan của gia đình mình, ông ấy có cho tôi mượn hai mươi Schillings. Bây giờ chúng ta có thể đi uống một ly cà phê nóng.

Chúng tôi vào một tiệm cà phê ở đường Burgasse. Bà chủ tiệm đang còn rưới nước lau nền nhà đầy bụi bặm. Tuy nhiên bà ta cũng mời chúng tôi ngồi và vài phút sau đem cà phê nóng ra.

Tôi vui mừng được biết chúng tôi có hai mươi Schillings.

Bố tôi nói:

- Hai mẹ con ngồi ở đây đợi tôi, một mình tôi đi đến trung tâm tiếp đón người tị nạn.

Tôi đi ra ngoài với bố tôi và bố tôi mua cho tôi một tờ báo buổi sáng, sau đó tôi trở về quán cà phê với mẹ tôi. Nhưng trước khi tạm biệt bố tôi, tôi vụt có một ý nghĩ hồ nghi. Tôi hỏi bố tôi:

- Này bố, làm sao ông ta lại có thể cho bố mượn tiền. Làm sao ông ta tin chắc rằng bố sẽ trở lại?

Bố tôi đã cau mày một chút:

- Lẽ tất nhiên là ông ấy tin chắc như thế, vì bố đã hứa sẽ trở lại. Và bố đã đưa cho ông ấy xem các tờ bạc Schillings của chúng ta. Ông ấy lấy làm tiếc cho chúng ta. Các tờ bạc Schillings ấy không còn được lưu hành từ hơn một năm rồi. Ông ấy đã giữ chúng lại và nói rằng ông sẽ đến một nhà băng xem thử có thể đổi lấy được một chút gì không. Ông ấy có thể làm được điều đó, bởi vì ông ta là người Áo, ông đã giữ lại hai mươi ngàn Schillings cũ ấy và đưa cho bố hai mươi Schillings mới. Bị xâm chiếm bởi một niềm xúc động rất dịu dàng, tôi đã nhìn người bố thân yêu của tôi, trung hậu xiết bao, tha thiết xiết bao, với những nguyên tắc của một xã hội tiểu tư sản, đến nỗi không hề tự hỏi một giây đồng hồ rằng cái ông kia có lừa phỉnh mình không.

Mẹ tôi và tôi đọc báo. Bà chủ quán rất tử tế. Mẹ tôi kể với bà ấy rằng chúng tôi vượt biên giới đã hai ngày trước. Mẹ có thể nói chuyện một cách tự do, chúng tôi đang ở trong khu vực của Mỹ. Bà chủ quán đem cho chúng tôi bốn lát bánh mì, trên đó bà đã phết một chút xiu margarine.

Mười hai giờ kém mười lăm, bố tôi trở về. Chúng tôi cùng nhau đi đến đường Kleeblattgasse. Cuối cùng rồi chúng tôi cũng đã có thể đáp một chuyến tàu điện. Ngồi gần tài xế, lần đầu tiên từ ba ngày rồi,

tôi chợt thấy mặt tôi trong kính chiếu hậu. Tôi xấu xí không thể tưởng tượng được và những giọt nước mắt của tôi đêm qua đã biến tôi thành một cô gái dân tộc bản xứ châu Mỹ hơi xanh xao, nhưng chắc chắn là hiếu chiến. Ngồi bên cạnh tôi là một chàng trai cao lớn tóc hung, còn rất trẻ. Theo tôi, sự hiện diện của anh ta dường như là một sự khiêu khích tử thần. Tôi đã thấy biết bao nhiêu người trẻ tuổi chết trong các đường phố ở Budapest. Tôi đã tưởng tượng anh ta bất động trong một bộ quân phục rách, khi anh ta mỉm cười với tôi, một nụ cười hơi rụt rè, thân mật, hầu như sợ hãi. Tôi cảm thấy máu của tôi chạy rần rần. Đúng rồi, anh ta sống động, và tôi cũng thế! Nhưng vì sao anh ta lại mỉm cười? Bởi vì tôi xấu xí, khổ sở, lồi thối và nặng nề như một con rùa trong đồng áo quần dày cộm của tôi? Tôi cũng mỉm cười và quay đầu về phía cái kính chiếu hậu, trong đó tôi thấy tôi mỉm cười.

Bố tôi nói:

- Đến trạm sắp tới, chúng ta xuống.

Chúng tôi với bước xuống đường, mặt trời và bầu trời xanh ngắt làm cho chúng tôi xúc động. Mặt trời tháng mười một ấy đã hơi suy nhược. Nhưng những tia sáng yếu ớt của nó đang mơn trớn vuốt ve một thế giới lạ lùng, một thế giới sống động.

Cuối cùng Vienne đây rồi. Vienne đang ở trước mặt chúng tôi. Nhưng thành phố này như thế nào? Một cái bánh sinh nhật to tướng cắt thành bốn miếng, mỗi nước trong bốn đại cường quốc ăn miếng bánh của mình. Như những con kiến, bất cứ lúc nào cũng có thể bị chà đạp dưới gót giày của những quân nhân, người dân thành phố Vienne chỉ mang trên lưng họ những mảnh vụn của một cuộc đời cũ.

Tôi khẽ kêu lên một tiếng:

- Mẹ, mẹ hãy nhìn kia...

Lần đầu tiên trong đời, tôi thấy một người da đen. Ông ta mặc quân phục. Nỗi ngạc nhiên vô tình của tôi đã không thoát khỏi sự để ý của ông ta, ông ta mỉm cười với tôi. Đó là nụ cười thứ hai trong ngày.

Mẹ tôi bảo:

- Con đừng bình phẩm một lời nào. Con hãy nhìn và im lặng.

Chúng tôi đã đến Kleeblattgasse. Đó là một con đường nhỏ, rất gần Graben. Chúng tôi dừng chân trước một ngôi nhà xấu xí nhưng đồ sộ với những bức tường rất dày. Bố tôi kéo chuông cửa. Chúng tôi nghe tiếng chuông, nhưng không có ai ra. Đến lượt mẹ tôi kéo chuông.

Cuối cùng rồi cửa cũng mở ra. Một người đàn ông đứng nơi ngưỡng cửa. Bố hỏi:

- Bà Wagner có ở nhà không? Cháu của bà giới thiệu chúng tôi đến đây...

Ông ta dẫn chúng tôi vào nhà.

Phòng trước của ngôi nhà tối thui và các cầu thang cũ kỹ kêu rảng rặc dưới bước chân của chúng tôi.

Một người đàn bà đón tiếp chúng tôi và mời chúng tôi ngồi trong một phòng ăn sáng sủa và ấm cúng ở lầu một. Bố nói với bà rằng chúng tôi cần một phòng trong vài tuần, sau đó chúng tôi sẽ đi Innsbruck.

Câu nói đầu tiên của bà ta là chuyện tiền bạc.

- Ông có tiền không?

- Có.

- Bao nhiêu?

- Bà đòi bao nhiêu về tiền phòng?

- Ông có giấy tờ không?

- Chưa có.

Bà ta nhún vai.

- Ở Vienne có những sự nguy hiểm rất lớn.

- Tiền phòng mỗi ngày bao nhiêu?

Bà ta cho biết số tiền.

Bố làm một bài toán nhanh như chớp và nói đồng ý.

Sau khi nhận tiền, bà Wagner dẫn chúng tôi lên lầu ba, mở một cửa phòng và để chìa khoá lại trong ổ. Bà ta nói:

- Trong đó cũng có nước...

Bố hỏi xà phòng. Bà ta hứa sẽ mang cho một miếng.

Trong gian phòng hẹp có hai giường, một tủ và một lavabô. Không chần chờ, chúng tôi bắt đầu cởi bớt áo quần ra. Với một tốc độ kỷ lục, tôi lần lượt cởi các áo dài, và các áo thun ướt đầm mồ hôi ra.

Chúng tôi được giải thoát khỏi tình trạng tù túng. Thoải mái biết bao! Nhưng gian phòng hẹp với tất cả áo quần lộn xộn bừa bãi của chúng tôi chẳng khác nào một cái chợ bán quần áo cũ. Trên giường áo dài chất đồng với áo sơ mi của bố. Đứng ở giữa gian phòng, trần truồng đến tận thắt lưng, bố tôi nói:

- Cái nón của tôi biến mất đâu rồi, bà có thấy nó đâu không?

- Ông cần có nó hay sao?

- Không – bố đáp – nhưng dù sao tôi cũng muốn biết cái nón của tôi đâu rồi.

Tôi tìm được trong túi áo măng tô của tôi một chiếc giày cao gót của tôi. Nhưng chiếc kia đâu rồi?

Tôi hỏi:

- Mẹ có thấy chiếc giày kia của con không?

- Không – mẹ tôi đáp.

Mẹ tôi lại nói:

- Chúng ta sẽ phải làm thế nào với đồng áo quần này?

- Phải mua một cái va li, bố vừa đáp vừa dội nước lên hai vai.

Bà Wagner mang xà phòng đến cho chúng tôi. Mẹ chỉ mở hé cửa ra một chút đủ để lấy miếng xà phòng.

Chẳng mấy chốc gian phòng đã tràn đầy nước và bọt xà phòng. khi đã sạch sẽ và chỉ còn trên người những áo quần cần thiết, chúng tôi cảm thấy đói bụng kinh khủng.

Bố nói:

- Chúng ta đi ăn..và mua một cái va li để xếp vào đó tất cả số áo quần kia.

Lúc đó là bốn giờ rưỡi. Những ánh đèn đầu tiên của thành phố Vienne bắt đầu nhấp nháy. Chúng tôi có đủ tiền để ăn một bữa tối thanh đạm. Khi rời khỏi ngôi nhà, chúng tôi đã để ý thấy không có cửa sổ nào của nó được chiếu sáng. Con đường nhỏ chìm trong bóng tối.

Trong lúc bố mẹ tôi tìm thành phố Vienne hoa lệ, kiểu cách, êm đềm, tràn đầy những điệu nhạc luân vũ, những nụ cười và mùi cà phê nổi tiếng xưa kia của mình, còn tôi thì nhìn, thèm thuồng và xúc động, thành phố Vienne ngày nay.

Đối với mẹ và bố, thành phố là người nữ nghệ sĩ lớn đang đóng vai chót của mình. Khi các người hâm mộ đến hơi quá gần, người nữ nghệ sĩ ấy xoè ra trước mặt mình một cái quạt đăng ten để che dấu những nếp nhăn do tuổi tác tạo thành. Nhưng, tuy tiếng hơi bẻ và khàn đi vì khói của chiến tranh, giọng của nữ nghệ sĩ ấy cũng còn làm cho người ta nhận ra được. Chính cái giọng ấy đã làm xúc động tâm can của những ai đã từng biết thời hoà bình thật sự và những cuộc du hành không cần hộ chiếu...

Tôi, tôi thấy một thành phố Vienne đầy những quân nhân thuộc bốn quốc tịch. những người dân ăn mặc lôi thôi lếch thếch, luôn luôn run rẩy dưới trời mưa đá, những tủ kính sáng choang nhưng hầu như trống rỗng và sự hồi hải của mọi người muốn trở về nhà mình.

Rời khỏi Graben, chúng tôi đi tới đường Herengasse. Mẹ chợt thấy một nhà thờ đèn sáng trưng.

Mẹ nói:

- Chúng ta hãy vào trong đi.

Và chúng tôi đi tới phía cửa lớn mở rộng.

Trên lễ đường, một nữ thanh niên Hội Cứu Thế quân đang hát. Giọng nữ cao của cô ta hình như muốn thách thức tiếng nhạc đại phong cầm. chúng tôi nhìn vào bên trong. Khoảng giữa của giáo đường rực

rờ trong ánh sáng màu vàng và lung linh của những cây đèn cây lớn. Một linh mục mặc áo lễ hai vạt thêu kim tuyến đang cử hành lễ Misa buổi chiều. Chiếc chén thánh bằng vàng đựng bánh lễ phản chiếu ánh đèn đến tận chỗ chúng tôi đứng ở ngoài đường.

Tôi cảm thấy lúng túng một cách khó tả. Cô gái mặc đồng phục hội Cứu Thế hát và chiếc nón lớn bị buộc bởi một dải nơ to kề bên lỗ tai, làm cho cô ta có vẻ như một con búp bê lỗi thời. Giọng hát thanh, kéo dài và đối kháng với âm thanh nhịp điệu dữ dội của chiếc đại phong cầm.

Nam hội viên Cứu Thế đệm đàn cho cô gái hát, ngồi trên một chiếc ghế" cao, bên dưới có cái hộp bằng đồng, để đựng những tặng phẩm. Anh ta nỗ lực làm cho chiếc tiểu phong cầm của mình có âm giai trầm và xâm chiếm tâm hồn người nghe để đối kháng với âm thanh của chiếc đại phong cầm. Người qua kẻ lại, có bỏ tặng phẩm vào hộp đồng hay không, nét mặt của hai hội viên Cứu thế vẫn điềm nhiên. Nét mặt của anh thanh niên chơi chiếc phong cầm nhỏ trẻ trung một cách lạ lùng. Nét mặt bất động hình như không trông thấy những người đi qua lại trước cái hộp đồng. Còn cô gái, cô ta hát, mắt đắm đắm nhìn vào một điểm vô hình. Điểm ấy cao hơn đầu người và thấp thua trời...

Tôi nói với bố tôi;

- Bố cho con vài đồng Groschen[5] đi.

Bố tôi bỏ hai đồng tiền vào lòng bàn tay tôi và tôi bước tới phía hai hội viên Cứu thế. Bằng một cử chỉ nhanh nhẹn, nhưng trịnh trọng, như thể tôi bỏ phiếu cho họ, tôi đặt tiền vào trong cái hộp đồng. Chúng tôi đi vào trong nhà thờ. Mùi hương trầm bao phủ tôi như thể có người đã trum lên trên đầu tôi một chiếc khăn che mặt. Chúng tôi tìm được chỗ ngồi ở hàng ghế sau cùng. Tôi nhìn và không mấy may có ý định cầu nguyện. Trong những ngày vừa qua, chúng tôi đã luôn luôn ở trong nhà thờ để tìm ở nơi đó một chỗ trú ẩn, để trốn tránh, để chờ đợi, để nghỉ ngơi. Lưng của tôi đã quen với những lưng ghế gỗ cứng. Nhưng tôi hôm ấy, một ấn tượng đã đập vào mắt tôi. Những nét lạnh lùng trên những khuôn mặt cau có. Tôi nghĩ đến những hình vẽ của trẻ con mà những nét vẽ bằng bút chì được tô lại bằng mực đen.

Lần này, tôi cảm thấy ngọt ngào....

Tôi ghé miệng vào tai mẹ tôi, hỏi nhỏ:

- Khi nào chúng ta có thể đi ra?

- Ngay bây giờ - mẹ đáp – sắp xong lễ rồi.

Chiếc đại phong cầm đột ngột im tiếng. Nhờ sự im lặng bất ngờ ấy, một giọng nữ xâm nhập vào trong giáo đường. Đó là giọng của cô gái hội viên Cứu thế. Nhưng liền sau đó tiếng hát của cô ta cũng im bật.

Tôi xúc động mạnh. Và tôi vội nghĩ đến các điều tôi mong muốn, những ước mơ của tôi. Tôi không cầu nguyện, tôi để cho tư tưởng của tôi phát triển rất mau. Những người ở hàng ghế đầu đã đứng dậy và tôi, bối rối, tôi còn phải phát hiện biết bao nhiêu điều! Rằng tôi ao ước viết một quyển sách, nhiều quyển sách và tôi muốn viết ngay từ ngày hôm nay và trong suốt cuộc đời tôi! Tôi cũng ao ước muốn có nhiều độc giả... Và rồi cũng có một mối tình lớn.

Mẹ tôi và bố tôi đứng dậy, chúng tôi ra khỏi nhà thờ. Nhưng chưa đi được bao xa thì tôi vụt có một ý nghĩ. Bây giờ tôi không còn nhớ những gì tôi đã nói với bố mẹ tôi, nhưng lúc đó tôi đã quay trở lại, vào trong nhà thờ vắng vẻ và tối om. Tôi muốn được Thiên Chúa thông cảm và tôi đã nói nhỏ vào tai Ngài: "Lạy Chúa, con cũng tha thiết muốn có một đứa con...lạy Chúa, hãy cho con những độc giả và những đứa con...."

Khi tôi ra gặp lại bố mẹ tôi thì trời đã mưa lớn.

Chúng tôi tìm một tiệm ăn nhỏ rẻ tiền. chúng tôi đã tìm được tiệm ăn này khi trở về đến đường Kleebattgasse. Cái tiệm ăn nhỏ thật là tuyệt vời! một cô hầu bàn tươi cười chỉ cho chúng tôi một cái bàn nhỏ xíu phủ khăn bàn bằng giấy. Nhiều người đang ăn bữa tối, có một bà phấn son loè loẹt tươi

cười gật đầu chào chúng tôi.

Bố tôi tỏ vẻ lo ngại:

"Bà ta muốn gì? Hay bà ta là gián điệp?"

tôi không dám nhìn về phía bà ta nữa.

Cô hầu bàn đến gần, lấy cây bút chì cài trên lỗ tai và chuẩn bị ghi những món ăn mà chúng tôi đặt. Bố tôi tái mặt khi nhìn thấy mảnh giấy viết tay kê các món ăn. Bố tôi nói:

- Chúng tôi không có những tem phiếu này...

Chúng tôi cúi xuống nhìn mảnh giấy viết tay và thất vọng.

Cô hầu bàn thông cảm rất nhanh.

- Nếu ông trả tiền mặt và thêm một ít tiền phụ trội, ông cũng có thể ăn bữa tối.

- Đồng ý – bố tôi nói – nhưng hãy mang thức ăn đến đây mau lên....

Khi cô hầu bàn đã đi xa, bố tôi nói thêm:

- Tôi có nhận được một ít tiền tại trung tâm đón tiếp, chúng ta có thể xoay sở trong hai tuần, nhưng sau đó...

Tối hôm ấy tôi không muốn chia sẻ những nỗi lo âu của bố mẹ tôi – cái bà phấn son loè loẹt mỉm cười với tôi và vừa làm duyên bà vừa đưa cho tôi xem con mèo già mà bà để trên đầu gối. Bây giờ đã khoe được con mèo cưng của mình, bà ta mới yên tâm.

Cô hầu bàn đem thức ăn tới và chúng tôi ăn rất ngon miệng.

Món xúp đậu lãng nóng hổi. Kể từ khi rời khỏi nước Hungari đến đây chúng tôi cũng chỉ được ăn một món đậu lãng! Sau đó, chúng tôi có được mỗi người hai lát bánh mì và khoai tây hấp.

Tôi quan sát một ông già đang ngồi ăn kế bàn chúng tôi, ông ta ăn một cách chậm rãi và trịnh trọng.

Ông cắt món xúc xích thành những lát nhỏ xíu và phết lên trên mỗi lát một chút mù tạt.

Trước khi rời khỏi Vienne, một người đàn ông trung hậu chỉ đường cho chúng tôi và khi biết chúng tôi là người tị nạn, ông hướng dẫn chúng tôi một cách vô cùng lịch sự và đã nguyện rửa chiến tranh.

- Chị tôi đã chết đói – ông ta kể lể - Bây giờ người ta đã có tất cả, nhưng trước đây, là nạn đói...

Thưa ông bà, đây là con đường mà ông bà đang tìm...

Nhưng tối hôm ấy, bữa ăn tối của chúng tôi thật dồi dào vô song.

Tôi đã có quyền được ăn một cái bánh ngọt. một cái bánh nhân mứt, mứt cà chua, đường được thay thế bằng sacarin (đường hoá học). Nhưng bánh cũng rất ngon.

Mẹ tôi nói với tôi:

- Con biết không, nếu con xin Chúa ban cho con một điều gì đó, khi con vào cầu nguyện trong ngôi nhà thờ mà con đã vào lần đầu tiên trong đời của con, thì những lời cầu xin đó chắc chắn sẽ được chấp nhận.

- Con biết – tôi đáp một cách hân hoan – con biết và con đã cầu nguyện...

Bố tôi hỏi:

- Bố mẹ có thể biết điều bí mật ấy của con không?

Và tôi đã thú thật:

- Con đã cầu nguyện xin cho con một đứa con.

Bố mẹ tôi đã hết sức ngạc nhiên.

Một lát sau, khi trên đường trở về nhà trọ, bố tôi nói với tôi:

- Con cũng có thể xin một giấy thông hành cho nó.

- Cho ai?

- Cho đứa con của con.

Tôi cười. Thật là một buổi tối hạnh phúc.

Tôi đã kéo chuông cửa. một người đàn ông lạ ra mở cửa. chúng tôi lên gian phòng nhỏ yên tĩnh của

chúng tôi và vài phút sau, chúng tôi đã nằm ngủ trong những chiếc giường thật sự, mặc áo ngủ một cách tự do thoải mái.

Sáng hôm sau, một ý nghĩ đánh thức tôi dậy. Bố mẹ còn ngủ, nhưng tôi, tôi cảm thấy rất tỉnh táo. Tôi thấy bố mẹ tôi ngủ rất say. Nhịp thở đều đều của bố mẹ tôi, sự tĩnh mịch hoàn toàn của ngôi nhà này, sự bất động của ba thân thể chúng tôi, làm cho tôi nản chí vô cùng. Ngay cả ngày hôm nay là ngày kỷ niệm sinh nhật lần thứ hai mươi của tôi. Ngày hôm qua tôi đã không nói gì về điều ấy, ngay cả trong bữa ăn tôi cũng thế. Hầu như tôi mong muốn bố mẹ tôi quên ngày kỷ niệm ấy đi, tôi đã chuẩn bị để chịu đựng một nỗi niềm sâu muộn cay đắng, các biến cố xảy ra dồn dập làm cho tôi ngạc nhiên đến sửng sốt.

Có thể ở dưới nhà có một bức thư được gửi đến cho tôi. Một phong bì dán tem cẩn thận, đóng dấu bưu điện nhiều chỗ, một bức thư từ xa gửi đến. Từ nước nào? Tôi không biết. Một bức thư mà người ta đã viết trong lúc chúng tôi vượt biên qua biên giới. Một bức thư tình, một bức thư đợi chờ, đầy những lời hẹn ước. Tôi hình dung một người đàn ông sốt ruột ở đâu đó trong cái thế giới rộng mênh mông này. Một người đàn ông đã chờ đợi tôi từ nhiều năm nay, đã từ xa theo dõi những nỗi sầu muộn và những niềm hạnh phúc của một cô gái tuổi thanh xuân. Hình ảnh của một người đàn ông và của đứa con trà trộn với nhau một cách lạ lùng. Đôi khi trong những giấc mơ của tôi, tôi cúi xuống trên một cái nôi trong đó có một đứa con mặt mày như người lớn.

No nê với những tiểu thuyết phân tích, tôi thường trốn khỏi một ngôi nhà tưởng tượng, lặp lại những lý lẽ của Nora Ibsen[6], và khi còn ở Fonyod, tôi đi bơi trong hồ Balaton, đi ngang qua cánh rừng dọc theo đồi, tôi tưởng tượng tôi là Emma[7] đợi tình nhân của nàng. Tôi đặt bày ra những cuộc đối thoại cả gan, tôi cự tuyệt những lời quyến rũ của những chàng hiệp sĩ tưởng tượng đang theo đuổi tôi và cuối cùng tôi lao mình xuống hồ như người ta lao vào một cuộc phiêu lưu lớn.

Nhưng sự thật lại khác rất nhiều. Trước khi rời khỏi Fonyod, tôi đã muốn dự một cuộc khiêu vũ do thanh niên tổ chức ở nhà hàng. Than ôi! Tất cả áo quần thời tiền chiến của tôi đều chật ních. Sự thật là tại tôi đã lớn lên. Tấm màn vải hoa trang trí phòng ăn của chúng tôi, đã trở thành cái áo dài của tôi. Cái áo đầu tiên không bó chặt ngực tôi. Mẹ tôi đã cho tôi đôi giày cao gót duy nhất của bà. Tôi đã biết cuộc đời ảm đạm của chúng tôi, ở đây, gần bên hồ, sắp chấm dứt. Dự định vượt biên được thai nghén nuôi dưỡng nâng niu và đã chín mùi được đem ra thảo luận mỗi ngày. Tuy nhiên, tôi còn muốn khiêu vũ một lần nữa ở Hungari. Tôi cũng muốn có nước da ngăm ngăm màu đồng để dự cuộc dạ hội và suốt ngày hôm đó tôi ở trên bờ hồ, đi lang thang trong cát nóng và mịn. Tôi đã cảm nắng nặng, bị sốt cao và vào cái đêm dạ hội hằng mơ ước ấy, tôi phải nằm liệt giường. Những ngày tiếp theo sau đó, tôi rất buồn. Tôi chỉ còn một lối thoát là hoàn toàn rút vào trong các giấc mộng của tôi. Tôi không trở lại Budapest nữa – học xong rồi, tôi sẽ làm gì ở đó? Các cánh cửa của tương lai đã đóng lại kín mít trước mặt tôi, ngay cả những bạn bè xưa cũ của bố mẹ cũng nhìn tôi như một người xa lạ. Cái cảm tưởng thấy mình vô ích trong cuộc sống của kẻ khác làm cho tôi chán nản tột độ. Giữa những kinh nghiệm của tôi về cuộc đời tình yêu và vấn đề chết chóc, quả thật có những tình trạng không thích hợp quá đáng. Bây giờ tôi có thói quen sợ một cách quá đáng. Sợ những nét mặt, những miếng lưỡi có thể thốt ra những lời độc ác. Tôi sợ ban đêm, vì nó đem đến cho tôi những ác mộng. Tôi biết tác dụng của sự thối rữa của thịt, tôi đã thấy trong mười ngày trước ngôi nhà của chúng tôi ở Budapest, mặt của các xác chết phủ một lớp vảy như cá sấu. Tôi đã biết nét mặt tuyệt vọng. Người hai mắt ứa lệ của những con ngựa ở Budapest chết dần chết mòn vì đói khát. Tôi cũng đã sống những lúc vô nghĩa lý và không thể biện minh được của những trận dội bom khủng khiếp làm rung chuyển bê tông cốt sắt. Tôi đã thấy một trẻ sơ sinh nút đôi vú cạn sữa của mẹ nó. Bây giờ tất cả những điều ấy lẫn lộn trong đầu óc tôi. Và nếu có một người nào đặt câu hỏi này với tôi " Cô muốn giống người đàn bà nào?" tôi sẽ trả lời không chút do dự "Giống Emma Bovary!" Nhưng khi một chàng trai ôm hôn tôi lần đầu tiên, tôi suýt ngất xỉu vì

cái cảm giác của đôi môi trên đôi môi mình đã làm làm tôi xúc động mãnh liệt.

Và bây giờ tôi đang ở đây, ở Vienne, tôi hai mươi tuổi, hôm nay là ngày sinh nhật của tôi và chung quanh tôi tất cả mọi người đều ngủ.

Tôi rời khỏi giường và mặc quần áo vào. Tôi đi xuống nhà bếp, nơi đó bà Wagner đã lảng xảng bên cái bếp ga của bà ta. Bà ta có hứa cho chúng tôi ăn điểm tâm.

- Chào bà – tôi nói và ngồi xuống trên một cái ghế.
- Chào cô – bà ta đáp một cách tử tế nhưng không mỉm cười – cô uống cà phê?
- Dạ, cảm ơn bà.

Tôi cảm thấy đói bụng. Cửa nhà bếp thỉnh thoảng mở ra. Trước tiên là một người đàn ông độ năm mươi tuổi, nói tiếng Ba Lan với bà Wagner. Ông ta đã nhìn tôi một cách lén lút và có vẻ nghi ngờ.

Chắc bà Wagner đã nói với ông ta tôi là người Hungari và tôi không biết tiếng Ba Lan, bởi vì, tôi thấy ông ta yên tâm nói chuyện dài dòng với bà Wagner và không đếm xỉa đến tôi. Tôi bèn cố ăn càng chậm càng tốt để thấy được tối đa cuộc sống trong cái nhà lạ lẫm này.

Cũng có một người đàn ông còn trẻ im lặng mà không thể biết là người nước nào, ông ta không nói một tiếng.

Người đáng nói hơn hết chắc chắn là một thiếu phụ tóc đỏ hoe, mắt xanh, lông mày dài, thân hình đồ sộ nhưng đẹp tuyệt vời, như những pho tượng La Mã.

Sau khi hỏi bà Wagner về tôi, người thiếu phụ ấy mỉm cười với tôi. Nhưng không phải là một nụ cười thân thiện, đó là một nụ cười của một người đàn bà muốn tỏ ra với một người đàn bà khác rằng ta đây không sợ ai hết. Tôi muốn được là người đàn bà kia.

- Tạm dừng chân ở Vienne à? – bà ta hỏi tôi, mặc dù câu hỏi ấy vô ích.
- Chúng tôi còn chưa biết ở lại đây vĩnh viễn hay lại phải ra đi – tôi trả lời, trái tim tôi đập thình thịch.
- Cô nói tiếng Đức giỏi lắm – bà ta nói và tiếp tục uống cà phê đen không có đường sacarin.
- Tôi học ở trường...

Vừa lúc ấy, bố mẹ tôi tới, có vẻ lo âu và căng thẳng.

- Sao con có thể đi ra khỏi phòng mà không cho bố mẹ hay? – bố tôi mắng.
- Con đâu có đi ra khỏi nhà – tôi trả lời, giọng lạnh lùng ngoài ý muốn.

Trong lúc đó bà Wagner đã giới thiệu thiếu phụ tóc đỏ hoe với mẹ tôi.

- Thưa bà, đây là Wanda. Nó là con gái của một trong những cô chị em họ của tôi. Nó là người Tiệp Khắc và cũng là người tị nạn như bà. Tội nghiệp con bé, chồng nó đã chết trong chiến tranh. Bây giờ nó có một vị hôn phu người Mỹ tuyệt vời để an ủi nó và chắc chắn sẽ đưa nó sang New York...

- Rất hân hạnh! – mẹ tôi nói và bà rất dè dặt, chỉ nói chuyện trong phạm vi hoàn toàn xã giao. Wanda dự bữa điểm tâm cùng với bố mẹ tôi, bà ta chống tay lên trên bàn và luôn luôn giữ nụ cười quảng cáo trên môi.

Tôi ghé miệng vào tai bố tôi nói nhỏ "Con sẽ trở lại ngay lập tức".

Tôi chạy vội xuống cầu thang. Ít ra tôi cũng muốn thấy cái hộp thư. Nhưng trên cánh cửa ra vào nhà ấy không có kẽ hở để người ta nhét thư vào. Và dĩ nhiên tôi nghĩ rằng ở đây tất cả mọi người đều như chúng tôi, chỉ là nơi quá cảnh không giấy tờ, không có địa chỉ nhất định.

Tôi trở lên phía nhà bếp, và mãi đến bây giờ, lần đầu tiên, tôi chợt thấy những dấu hiệu của cuộc sống. Ở lầu một, gần nhà bếp, nơi có một cái cửa hé mở, một đứa con nít nhìn cầu thang.

- Em nói tiếng gì? – tôi hỏi nó bằng tiếng Đức.

Nó đóng cửa lại thay vì trả lời.

Mặc... Tôi đi lên phòng của chúng tôi, nhưng đi chậm lại ở lầu hai. Ở đó có ba cửa. Tôi nghe có ai đó đang nói chuyện bằng tiếng Ba Lan. Và sau đó, tôi lên phòng của chúng tôi. Tôi nhìn qua cửa sổ,

đường phố yên tĩnh, một con chó cô đơn đang đánh hơi nơi các xó góc.

Một lát sau, khi người ta đi ra ngoài đường, bố mẹ tôi nói với tôi rằng bà Wagner đã mời chúng tôi dự tiệc trà. Bà đã hứa sẽ chỉ cho bố mẹ tôi nơi mà bố mẹ có thể xin được giấy tờ để rời khỏi Vienne và vượt qua Linz. Chúng tôi đang ở khu vực Mỹ của thành phố Vienne, nhưng chính thành phố Vienne lại nằm trong khu vực Nga của nước Áo, toàn thể lãnh thổ của nước Áo cũng được chia làm bốn phần như thủ đô Vienne. Mục đích của chúng tôi là đến được Tây phương một cách thật sự, nghĩa là rời khỏi những phần đất do quân Nga chiếm đóng. Bà Wagner có cho mẹ tôi biết một chuyến tàu đêm, khởi hành ở Vienne vào lúc hoàng hôn, sẽ ngừng lại ở Linz vào nửa đêm. Ở đó quân Nga kiểm soát rất kỹ lưỡng giấy tờ của hành khách. Những người có thể can cược là người Áo có thể đi tiếp dễ dàng, nhưng với giấy tờ cấp cho những người tị nạn, thì không thể đi qua được. Có hai giải pháp, một là kiếm một người hướng dẫn để đưa chúng tôi đi bộ, rồi đi thuyền. Hai là thuê làm giấy tờ giả mạo là người Áo. Trong cả hai trường hợp đều phải có tiền, mà tiền thì chúng tôi chẳng có.

Chúng tôi ăn bữa trưa cũng tại tiệm ăn nhỏ như tối hôm qua. Cô hầu bàn dễ thương tặng thêm phần ăn cho chúng tôi.

- Ngày một ông bà còn ở đây không? – cô ta hỏi.
- Than ôi, còn! – bố tôi trả lời như một cái máy – Không ở đây thì ở đâu?
- Ông bà thật gan dạ, thật gan dạ... - cô hầu bàn nói với vẻ khâm phục.
- Vượt qua biên giới còn khó hơn ở đây nhiều – mẹ tôi giải thích✓

Cô hầu bàn lắc đầu.

- Nhưng dù sao ông bà cũng thật gan dạ...

Bố tôi không còn kiên nhẫn được nữa.

- Đồng ý, chúng tôi gan dạ. Nhưng vì sao cô cứ lặp lại câu nói ấy mãi?
- Bởi vì, kể từ ngày một, chúng ta sẽ ở trong khu vực của Nga. Trong một tháng.

Bố tôi đánh rơi điều xì gà của mình.

- Người ta đổi khu vực?
- Cứ sáu tháng đổi một lần...

Trong một lúc như thế, tôi cảm thấy tôi hoàn toàn ở ngoài cuộc, như một thợ nề đi lang thang trên giàn giáo bên ngoài một ngôi nhà và quan sát những người ở trong nhà qua cửa sổ. Tôi thấy bố mẹ tôi tái mặt và mặt cô hầu bàn trở thành rõ ràng trong tất cả các chi tiết của nó, đến nỗi bây giờ tôi còn hình dung được nó với cái lỗ mũi dài, môi mỏng và e lệ, tóc uốn cong bằng một phương pháp rẻ tiền.

- Vâng, thưa ông, đúng như thế đó – cô hầu bàn lặp lại.

Chúng tôi ăn rất nhanh và chúng tôi trở về nhà trọ.

Bà Wagner đang ở trong bếp, bà không ngạc nhiên khi nhìn thấy chúng tôi đi vào.

Bà tiếp tục đan len.

Bố tôi yêu cầu bà trả lại tiền đã đóng trước để thuê phòng trong hai tuần. Bà lắc đầu.

- Không thể được! – bà ta nói – Không thể được!

Và chúng tôi có thể thấy trên khuôn mặt của bà ta lời từ chối ấy đối với bà còn khó chịu hơn đối với chúng tôi.

- Tôi đây, tôi cũng không có kế sinh nhai. Một người đàn bà góa đáng thương chống chọi đến đâu hay đến đó. Tất cả những người thuê phòng đều cuốn gói ra đi ngay tối mai! Thật là đại họa đối với tôi.

Nửa giờ sau, chính bố tôi lại phải an ủi bà ta.

- Nhưng bà Wagner ơi, vì sao ngày hôm qua bà đã không nói ra sự thay đổi mà bà đã biết trước ấy?

Bà ta khóc thút thít, nhưng mắt bà ráo hoảnh.

- Làm sao tôi tiên liệu được thế sự thăng trầm? Và lại tôi không thích xen vào vấn đề chính trị. Nhưng dù sao đi nữa, tôi cũng đã định báo cho ông bà biết vào chiều ngày mai.

Cuối cùng bố tôi hỏi:

- Nhưng chúng tôi biết đi ở đâu đây?

Bà ta có một ánh mắt tinh ranh khi trả lời:

- Ở tại trại tạm trú của những người tị nạn.

- Bà Wagner ơi, bà thật là tốt bụng! – bố tôi trả lời một cách lạnh lùng.

Bà ta vẫn tiếp tục đan len và rụt rè nói thêm:

- Ông bà có thể đi đến khu vực Pháp, nó rất gần đây, gần Graben. Hãy đến đó gặp quân Pháp và họ sẽ giúp đỡ ông bà....

Nửa giờ sau bố tôi ra đi. Và chúng tôi ở lại trong nhà bếp, ngồi lặng thinh trong một góc như những đồ vật bị người ta bỏ quên. Mẹ tôi đọc báo, bà lật các trang báo và tiếng giấy sột soạt làm cho bà Wagner giật mình. Không chịu đựng được sự ác cảm của chúng tôi, bà ta thở dài, đánh rơi cuộn len xuống đất, rồi đi pha trà. Tôi liếc nhìn số ly bà ta đặt trên bàn. Mẹ tôi đứng dậy nói với tôi:

- Chúng ta hãy lên trên phòng và đợi bố con ở đó...

Bà Wagner nhào tới trước cửa nhà bếp.

- Bà không thể làm như thế đối với tôi! Từ chối không chịu uống nước trà mà tôi đã pha! Không nên từ giã nhau với sự giận dữ trong lòng, biết đâu trong cuộc đời này chúng ta còn có khi cần đến nhau...

Trong thâm tâm, chúng tôi sợ bà ta. Chúng tôi hoàn toàn còn ở trong tay của bà và nếu bố tôi không nhận được sự giúp đỡ của các nhà chức trách Pháp, chính bà ta phải cứu chúng tôi ra khỏi lúc khó khăn.

Chúng tôi ở lại. Một lát sau, Wanda đến cùng với một người Mỹ gầy, nhỏ con trong bộ đồng phục lưng thụng như thể đi dự một cuộc khiêu vũ hoá trang. Chúng tôi bắt tay nhau, Wanda bảo anh ta ngồi xuống bên cạnh cô và rót nước trà mời anh ta.

Bà Wagner tiết kiệm nên không vặn đèn và chúng tôi ngồi đó, tay chân bải hoải, tinh thần trì trệ trong buổi hoàng hôn. Wanda gây được ấn tượng tốt. Mắt cô ta sáng ngời, cô ân cần săn sóc từng li từng tí cho anh chàng người Mỹ, trong lúc anh ta nói những lời khó hiểu. Wanda chủ toạ tiệc trà lạ lùng ấy. Tôi khâm phục cô ta, đó là người đàn bà bất hạnh đầu tiên mà tôi đã thấy, chắc cô ta đã phải trải qua một cuộc đời quá nhiều đau khổ. Cô ta nói với bà Wagner và làn tóc đỏ hoe đóng khung lấy khuôn mặt rất biểu cảm nhưng vắng bóng một nụ cười thật sự. Sau đó anh chàng người Mỹ kể một chuyện dài mà tôi không hiểu được một chữ. mới đầu tôi chăm chú nghe, tôi muốn tỏ ra mình là một tiểu thư trí thức đã học tiếng Anh trong tám năm trời, khôn nổi tôi phải thừa nhận rằng anh chàng người Mỹ này nói một cách hoàn toàn khác giáo sư dạy tiếng Anh của chúng tôi, anh ta nói một thứ tiếng khác hẳn.

Nước trà mà bà Wagner thỉnh thoảng rót thêm cho chúng tôi trở thành nhạt nhẽo. Nhưng tôi vẫn uống, như một người luôn luôn nâng chén MỪNG những điều dự định của chính mình. Tôi biết tôi sẽ viết một quyển tiểu thuyết về Wanda, về cuộc đời bất hạnh phải bán rẻ nhân phẩm của cô ta. Tôi đã thấy những đoạn, những chi tiết của quyển tiểu thuyết nảy ra, tôi đã tưởng tượng Wanda có một bạn gái tóc nâu, cùng tầng lớp, tầng lớp của gái giang hồ, cương quyết rút lui ngay khi đến tuổi ba mươi, trong một nơi mà người ta gọi là lương thiện.

Đó là một ả giang hồ mang thân thể của chính mình như một cái áo giáp và đành phải hoàn lương ngay khi chợt thấy những nếp da nhăn đầu tiên, những đường nhăn ở khoé mắt, ở đôi vú xệ. Lúc ấy ả tìm được anh nhà binh ngây thơ lẫn lộn tình yêu và thể xác, tình âu yếm và sự nhẫn nại. Anh chàng người Mỹ này đây sẽ đưa bà vợ người châu Âu của mình về một trong những thành phố của nước Mỹ, như người ta mang về một chiến lợi phẩm, mà không bao giờ biết chính bà ta đã bắt được một miếng mồi

ngon. Tôi đã nghĩ đến số phận của những đứa con của họ. Tôi đã tìm cách tô khuôn mặt của chúng. Tôi đã có thể hâm nóng nước trà nguội lạnh bằng cách cầm chén trà trong lòng bàn tay nóng hổi của mình. Tôi đang ở nơi nguồn gốc sự bí mật của chính tôi, nồng nhiệt và đồng thời tự hào. Trong bóng tối đêm hôm ấy, tôi đã vạch ra phương châm xử thế của tôi. Tôi phân chia những con người mà tôi đã biết cho đến lúc ấy thành hai phe. Những người mà tôi sẽ giữ lại theo hình thức ký ức mơ hồ một bên và bên kia là những người sẽ lấy lại được khuôn mặt của họ, do tôi tạo thành hay bóp méo. Tôi đã hoàn toàn mất ý thức về thực tại. Tôi đang ngồi ở giữa một chương mà một ngày nào đó tôi sẽ viết... Tôi muốn thoát ra khỏi cái không khí kỳ dị ấy, tôi đứng dậy và nói với mẹ tôi:

- Con lên phòng của chúng ta.
- Trong vài phút nữa mẹ cũng lên – mẹ tôi đáp.

Tôi lật đặt chào tạm biệt. Bàn tay Wanda mềm mại và ấm áp, đó sẽ là bàn tay của một người trưởng giả tương lai, anh chàng người Mỹ cũng nói vài lời chắc là xã giao và cuối cùng tôi đi ra ngoài. Tôi chạy lên cầu thang tối om và đâm bổ vào phòng chúng tôi. Tôi vặn đèn lên và khi đi ngang qua trước tấm gương treo trên bồn rửa mặt, tôi nhìn tôi trong gương. Tôi thấy tôi khác hẳn. Tôi nhìn tôi đắm đắm rất lâu, và đột ngột, gương mặt của tôi trở thành lạ hoắc, tôi phải nhìn trả một người giống tôi một cách lạ lùng. Từ giã người giống tôi như hệt, tôi vội vã tìm cái áo măng tô của tôi. Nó ở trong tủ. Tôi lấy nó ra, và liệng trên giường. Tôi không có kéo, tôi bút chỉ ở bên dưới áo với móng tay của tôi. trước khi ra đi khỏi Hungarie, tôi đã nhét vào lớp áo lót hai quyển tập học sinh. Đó là tập nhật ký mà tôi đã viết trong lúc Budapest bị vây hãm. Ở Fonyod đã biết bao lần tôi muốn đốt đi, vì sợ giữ một tài liệu nguy hiểm, nhưng không bao giờ tôi có đủ quyết tâm để đốt nó đi! Và bây giờ tập nhật ký của tôi đang ở Vienne và tôi không còn phải sợ gì nữa. Tôi vuốt ve cái bìa màu xanh trên đó có cái nhãn trắng với tên của tôi. Có một lần, chẳng bao lâu trước khi anh ta chết, Pista lấy một trong hai quyển tập để xem và đã nói với tôi "Cô viết mãi như thế này sao? Cô không nên làm hư đôi mắt đẹp đẻ của cô". Đó là lời khen chân thật đầu tiên mà tôi đã nhận được.

Tôi nhét tập nhật ký vào dưới cái gối của tôi khi mẹ tôi bước vào.

- Tội nghiệp con của mẹ, hôm nay là ngày sinh nhật của con mà mẹ chưa hôn con!
- Không sao đâu – tôi đã trả lời một cách vui vẻ, quên đi nỗi cay đắng lúc sáng sớm – không sao đâu, bây giờ mẹ hôn con cũng được.

Mẹ tôi ngồi trên giường, có vẻ vô cùng mệt nhọc và phiền muộn, con mắt cứ nhìn ra cửa để đợi bố tôi trở về. Điều bí mật của tôi đã lột phớt nơi môi.

Tôi đã nói ra trước khi có thể hối lại kịp:

- Mẹ, con sẽ viết một quyển tiểu thuyết. Đối với con, Wanda đó là Vienne. Con đã có ít nhất mười lăm nhân vật, mẹ tưởng tượng xem, tuyệt diệu biết bao nếu viết được cuộc đời một người đàn bà thay đổi tình nhân cùng lúc với sự thay đổi các khu vực! Mẹ đánh giá ý tưởng của con như thế nào?

- Xấu xa, kinh khủng, ghê tởm... - mẹ tôi suy nghĩ một chút rồi nói thêm một cách quả quyết.

- Con phải biết có những điều không nên nói ra và cũng không nên viết ra.

Nhưng tôi, tự tin. Tôi ứng khẩu để làm cho mẹ bối rối không có thể bắt bẻ được nữa. Tôi nói:

- Con cũng sẽ có trong quyển tiểu thuyết ấy. Một người da đen giết người như một Othello[8] tân thời.

Vừa lúc ấy bố tôi về. Những tin tức ông đem về rất tốt. Cơ quan tiếp nhận người tị nạn của khu vực Pháp đồng ý cho chúng tôi tạm trú tại một trong những khách sạn do họ được quyền sử dụng và họ sẽ cấp cho chúng tôi những giấy tờ cần thiết để vượt qua đường ranh ở Linz.

Tối hôm ấy, trong một lúc mơ mơ màng màng, tôi đã hình dung ra một vị hôn phu người Pháp của Wanda.

Đêm ấy tôi đã ngủ yên giấc không có ác mộng.

Chương 3

Sáng hôm sau, tôi lơ đãng, nghĩ vẩn vơ và tức tối bố mẹ tôi. Chúng tôi đi rất sớm tới đường Maria Hilferstrasse và trong một cửa hàng, chúng tôi đã tìm mua được một chiếc va li rẻ tiền bằng các tông. Bố tôi rất lo âu. Chiều nay chúng tôi phải rời ngôi nhà của bà Wagner để đến ở tại khách sạn Granben. Tôi xách cái va li bằng các tông ấy và nghĩ đến các va li da mà chúng tôi đã có ở Budapest thời tiền chiến. Trong những chuyến du lịch, những chiếc va li ấy thật sự là những cái tủ nhỏ lưu động, trong đó chúng tôi có tất cả những gì cần thiết. Tôi sẽ không bao giờ quên những cuộc đi du lịch ở Hungari ấy. Tôi, một đứa con gái nhút nhát và được nuông chiều ở trong một buồng hạng nhất, áp mặt vào cửa kính để nhìn các ngôi nhà nhỏ mà đoàn tàu vượt qua, đầu máy khắc ra khói và mờ hóng. Ôi các nhà ga Hungari, chúng xinh đẹp biết bao! Chúng đợi chúng tôi ở giữa một thung lũng, bên bờ một cái hồ và ở giữa những cánh đồng lúa mì. Nếu xuống xe, bịt mắt lại tôi cũng có thể nhận biết nơi đó là đâu chỉ nhờ mùi hương của nó. Mùi hương của những cây tùng, cây bách và của những con suối là thông điệp của đồi núi, sương mù ẩm ướt với mùi nhựa cây, đó là Kolozsvar, mùi thơm của những vỏ hầu và những loài rong rêu và cơn gió hiu hiu lấm tấm những giọt nước, đó là hồ.

- Kia, cái con mộng du! – Mẹ tôi kêu lên, vì khi băng qua đường, tôi đã không nhìn sang trái sang phải – Con gái yêu của mẹ, hãy thức dậy đi con!..

- Tuổi trẻ vô tư – bố tôi nhún vai thờ dãi.

Tôi khép mình trong sự im lặng của tôi, tôi không nhìn các con đường đang nhộn nhịp những người vội vã đi tìm chỗ tị nạn tại các khu vực mà trong các tháng sắp tới sẽ là khu vực của các cường quốc Tây phương.

- Và con mơ mộng...- bố tôi nói tiếp – Con quên rằng chúng ta đang ở Vienne, với vài Schillings trong túi và đang đứng trước một tương lai bấp bênh...

Không, còn lâu tôi mới quên rằng chúng tôi đang ở Vienne. Tôi đang nghĩ đến Wanda và đến quyết định của tôi về việc viết một quyển tiểu thuyết về cô ta. Nhưng tôi có một vấn đề nan giải. Làm sao có thể diễn tả được cả cuộc đời tình ái mà không có một kinh nghiệm nào khác ngoài cái nụ hôn mà ký ức mơ hồ còn đọng lại nơi tôi cho đến bây giờ? Nhưng để trấn an chính mình, tôi nghĩ đến Emily Brontë. Ấn mình trong một dòng tu kín, Emily Brontë đã có thể viết "Les Hauts de Hurlevent".

Chúng tôi về đến Kleeblattgasse. Chúng tôi muốn chào từ biệt bà Wagner, bố tôi đập cửa phòng bà nhiều phút nhưng không có ai trả lời. Một lát sau, chúng tôi rời khỏi nhà trọ với cái va li đầy áo quần. Khách sạn Graben tọa lạc tại một con đường yên tĩnh và sang trọng, rất gần Herrengasse. Tiền sảnh hôi mùi bụi bặm, phòng tiếp tân, với những hộp thư trống rỗng, những chiếc chìa khoá treo trên một tấm bảng, trông có vẻ buồn bã như nét mặt của một người bị mất trí muốn tìm lại những kỷ niệm của mình nhưng vô hiệu quả. Người gác cổng bỏ tờ báo xuống, nhìn chúng tôi đến gần, rồi cầm xem tờ giấy mà bố tôi đưa cho ông ta. Trong lúc ông ta đọc, tôi thấy bàn tay ông hơi run run.

- Ông có quốc tịch nào? – Ông ta hỏi.

- Hungari – bố tôi đáp.

- Năm 1912 tôi có ở tại Budapest – ông ta nói.

Ông ta đứng dậy và tìm chìa khoá một hồi lâu. Cầm chìa nơi tay, ông ta đi ra và ra dấu cho chúng tôi đi theo.

Ông ta bảo:

- Người Pháp bảo các người đến đây...Các người sẽ ở lại đây lâu không?

Bố tôi không trả lời.

Lên tới lầu ba, ông ta rẽ qua tay mặt và chúng tôi lặng lẽ bước theo ông ta. Tâm thảm màu đỏ đã bạc màu làm êm chân đi. Cửa chỉ của người gác cổng để mở cửa phòng số 43 là cửa chỉ của một người phục dịch nhưng giọng của ông ta thì đầy khinh khi. Ông ta nói:

- Nếu các người thấy không đủ ấm, hãy nói với người Pháp cung cấp than cho chúng tôi, chứ đừng chỉ cung cấp khách không mà thôi.

Ông ta đi tới phía cửa sổ, kéo bức màn và mở một cánh cửa.

- Các người cũng có một phòng tắm. Trước chiến tranh, đây là một gian phòng sang trọng. Một gian phòng đắt tiền...

Bố tôi, đột ngột nổi giận, đã đuổi khéo ông ta:

- Được rồi, ông bạn già thân mến của tôi, chúng tôi sẽ tìm được tất cả những gì chúng tôi cần...

Người gác cổng đi rồi, tôi lấy cái chìa khoá còn treo ở bên ngoài. với cái chìa khóa ấy, chúng tôi làm chủ căn phòng này...

Mẹ tôi xếp áo quần của chúng tôi vào trong những cái tủ to, trong đó có ít nhất năm mươi cái móc áo quần và mười lăm cái hộc.

Với một miếng xà phòng, tôi vào trong phòng tắm và đóng cửa lại, như có phép lạ, nước rất nóng. Trần tròng, tôi đứng trên tấm thảm nhỏ có tên của khách sạn, đợi cho bồn tắm đầy nước và vài phút sau, tôi dầm mình trong nước đến tận cổ. Thật là một cảm giác kỳ lạ, một niềm hạnh phúc gần như đau đớn.

Mắt nhắm lại, tóc ướt đầm, tôi nằm trong bồn tắm. Tôi có cảm giác rằng tắm xong tôi sẽ hiểu hết bút rút mệt mỏi. Đã tám ngày rồi, tôi bơi trong mồ hôi và nước mắt, cho nên hai chân tôi, lộ bộ trong nhiều ngày, bây giờ duỗi dài ra một cách thoải mái và tôi nghe như một tiếng trống xa xăm, tiếng đập của trái tim.

Tôi tắm xong, mẹ tôi bảo tôi đi ngủ một chút. Bố tôi đã đi rồi. Tôi chui vào một cái mền bằng lông to vịt biển, định ninh sẽ trời dậy ngay khi mẹ tôi tắm xong. Khi tôi thức dậy, thì đã bảy giờ tối. Bố tôi đang viết, cúi xuống trên bàn trong ánh sáng màu hồng của ngọn đèn đầu giường. Nét mặt mệt mỏi và ánh mắt đăm đăm của ông làm cho tôi xúc động kêu lên:

- Bố!

Ông xoay mặt về phía tôi tươi cười.

- Con đã ngủ thật ngon, con yêu dấu ạ!

- Mẹ đâu rồi?

- Mẹ con ở dưới nhà bếp của khách sạn. Có thể bà đang pha cà phê hay nước trà gì đấy. Họ đã cho phép bà làm điều đó.

Tôi sẽ giữ mãi kỷ niệm thời gian chúng tôi ở tại khách sạn Graben. Ôi, cuộc sống của chúng tôi tại đó thật khó tả. lâu ngày rồi, rốt cuộc thân thể chúng tôi cũng đã nổi lên phản kháng. Chúng đã chịu đựng trong thời kỳ căng thẳng, nhưng ở đây, trong lúc chúng tôi được nghỉ ngơi, cũng có dịp biểu lộ sự bất bình của chúng. Mất cả chân mẹ tôi sưng vù lên đến nỗi bà phải nằm liệt giường bốn ngày. Bố tôi bị chứng mất ngủ, mặt xanh lét và tôi phải vật lộn với những cơn ác mộng. Cú sốc về thể chất và tinh thần mà chúng tôi phải chịu đựng phơi bày ra những hậu quả của nó trong thời gian thư giãn ấy.

Ngay cả mấy năm sống ẩn dật bên bờ hồ Balaton, bố tôi đã có thể dạy học để kiếm đủ tiền chi dụng cho gia đình, bây giờ, ở đây, chúng tôi phải sống tùy thuộc vào các tổ chức cứu trợ. Từ sáng đến tối, bố tôi phải điền vào hết bản kê khai này đến bản kê khai khác. Nước Áo được chia làm bốn khu vực cho bốn siêu cường quốc. Chúng tôi muốn đến Innsbruck trong khu vực Pháp. Viên sĩ quan phụ trách hồ sơ của chúng tôi nghĩ rằng người ta sẽ nhận chúng tôi trong trại tị nạn ở Kufstein, cách Innsbruck năm mươi cây số. Nhưng trước hết phải vào được trong khu vực do quân đội các nước Tây phương chiếm đóng và muốn thế thì phải vượt qua đường ranh ở Euz. Đó là một con sông nhỏ gần Linz. Cầu xe lửa ở đó một bên do quân Nga và một bên do quân Mỹ canh giữ. Tầm tự do là nguyên lý của một cuộc

sống bình thường, nói rằng tự do là quyền căn bản của con người, điều ấy thật dễ dàng. Cái khó khăn vô vàn bắt đầu là lúc mà người ta đối diện với vấn đề ấy một cách thật sự.

Ít ra, thời ấy, tôi còn chưa biết rằng một con người mệnh danh là "người tị nạn" phải có số phận của một chính trị gia xu thời, rằng đương sự phải đóng vai một anh hề, một diễn giả dở của một xã hội Tây phương bị chia cắt, một nhân vật tội nghiệp, nói năng, kể lể, cố gắng thuyết phục, một chính trị gia hoạt đầu, thay đổi lý tưởng như một con tắc kè thay đổi màu da.

Thành phố Vienne còn để lại nơi tôi những gì? Cái cảm giác say sưa của một sự khám phá. Sự khám phá thành phố nước ngoài đầu tiên. Thời niên thiếu, tôi như là một cô gái bị giam cầm trong một ngôi nhà nhỏ và trong những truyền thuyết lớn. Bố mẹ tôi đi du lịch và tôi, tôi chờ đợi ở Hungari. Tôi cũng đã đi du lịch các nước Tây phương lần đầu tiên, nhưng không có giấy thông hành và hành lý gì cả.

Thành phố Vienne dễ thương, thành phố Vienne không có các buổi khiêu vũ, thành phố Vienne nghèo đói, đối với chúng tôi còn là thời kỳ của những niềm hy vọng không pha lẫn một chút chua xót đáng cô ấy nào. Tôi đã mua được vài tờ giấy trắng và một cây bút chì. Và trong lúc bố mẹ tôi đi đến các văn phòng và các tổ chức cứu trợ, tôi ở trong phòng khách sạn. Tôi muốn viết tiểu thuyết về Wanda. Tôi đã mến yêu cô ấy và đồng thời nguyên rủa cô. Cô ấy đã ngồi gần một bên tôi, vô hình, và cô chế nhạo tôi, với nụ cười khiêu khích chàng cô, tin chắc vào nhan sắc của mình. Tất cả những gì tôi còn thiếu về kinh nghiệm – toàn thể cuộc đời – tôi thấy bằng lời nói hoặc việc làm hung bạo. Tôi cũng trả thù. Tôi cho một tên da đen ghen tuông xé toạc áo ngủ của Wanda, cho cô ta bị tái tai bởi một anh Mỹ có dòng máu dân tộc thiểu số trong người, cô ta sẽ bị một tình nhân người Pháp bỏ rơi và bị một người Tiệp bắt cóc. Tôi buộc Wanda phải có những sự ô nhục, ghen ghét, hỗn hển, những cái hôn man rợ và những hành vi phản bội đê hèn. Tôi đã viết tất cả các sự kiện ấy ra giấy, nhưng nội dung của những chương tiếp theo sau đó ghê tởm đến nỗi trước khi bố mẹ tôi trở về, tôi đã xé bỏ tất cả và liệng vào sọt giấy trong phòng tắm.

Thoát ra ngoài một mình không phải là dễ dàng. Theo bố mẹ tôi, là bản doanh của bọn buôn thịt phụ nữ da trắng, ở đó bọn còn đồ giăng những cái bẫy kín đáo để sập những thanh nữ trong trắng ngây thơ. Ôi! Bố mẹ tôi đã làm cho tôi khó chịu với những chuyện cũ rích như thế của họ. Tôi muốn có một cuộc nói chuyện đối mặt với thành phố Vienne của tôi, một cuộc hẹn hò tình tứ với các công viên lãng mạn của nó, kỷ niệm của một lúc chỉ có hai đứa chúng tôi với nhau. Sau khi mua giấy và bút chì, tôi còn lại vài Schillings. Một buổi chiều, tôi ra đi mà không báo cho bố mẹ tôi biết khi chỉ có một mình, tôi nhìn tất cả với con mắt khác hơn và trong tấm gương của một tủ kính, tôi thấy tôi có mái tóc vàng hoe, hình dáng mảnh khảnh và thái độ rụt rè. Nếu tôi có một chút son nơi môi, theo tôi nghĩ, có thể tôi sẽ là một cô gái gần như đẹp. Tôi vào trong một tiệm cà phê nhỏ và kêu một tách cà phê, ở đó tôi đã hút điếu thuốc đầu tiên kể từ khi rời khỏi Hungari, thuốc chỉ còn một nửa vì đã rơi bớt trong túi áo tôi. Trước mặt tôi, có một bà già đang cho con chó của bà ta ăn những mảnh vụn bánh mì. Nửa giờ sau, tôi đã ra khỏi tiệm cà phê và chạy về khách sạn.

- Con đi đâu làm bố mẹ lo quá!

Tôi không nén nổi bức tức:

- Lạy Chúa, bố hãy để cho con yên, con đã lớn rồi!

Tôi thường hối hận sau khi đã nóng nảy với bố mẹ tôi.

Ngày hôm sau, chúng tôi đi để người ta chụp hình. Đây là cái máy chụp hình tự động đầu tiên mà tôi thấy. Một người đàn bà tươi cười bảo tôi ngồi trong một cái buồng nhỏ xíu, ánh điện sáng choang. Bà ta ôm đầu tôi và xoay mặt tôi về phía một tấm gương nghiêng nằm ở tận phía sau cùng của cái phòng nhỏ như cái hộp ấy. Bà ta bảo tôi:

- Hãy cười đi!

Tôi không muốn cười. Tôi sợ thấy cái mặt tôi in trên giấy láng. Tôi đã sống những năm tháng âm thầm

gần bên bờ hồ Balaton không có lấy một tấm ảnh. Tôi tránh nhìn vào gương, hình như không thấy ngay chính mặt của mình, tôi ít đau khổ hơn vì sự cô đơn của tôi. nhưng ở đây tôi là con mồi của cái con thú sáng trưng ấy, nó muốn cắn tôi và đốt cháy tôi với ánh sáng chói chang của nó. Sau sáu lần bấm máy, đến lượt bố mẹ tôi.

Mười phút sau, người ta trao những tấm ảnh nhỏ cho chúng tôi. trước mặt tôi là một khuôn mặt mệt mỏi và ốm nhom, tóc vàng hoe và lông mày đen nằm trên một cái cổ áo nhung cũ của chiếc măng tô của tôi.

Bố mẹ tôi cũng được chụp hình như thế. Ba cái đầu của những kẻ phạm trọng tội, ba khuôn mặt của những người ngốc nghếch, ba tấm ảnh có khuôn mặt nhìn nghiêng kỳ khôi. Đó là kỹ thuật chụp ảnh mới. Hai ngày sau, chúng tôi nhận được thẻ căn cước giả là người Áo. Tôi thấy tấm ảnh của tôi với cái tên là Elise Meyer. Khuôn và cái tên không phải là của tôi. Chúng tôi đã được tự do hay là những người mắc bệnh mất trí nhớ?

Tôi là con gái của hai ông bà Meyer. Nhưng trên tàu hoả, nhất thiết không được mở miệng nói một tiếng nào. Chúng tôi là người Áo đi thăm bà con ở Innsbruck, người ta căn dặn chúng tôi "Các người đừng làm lộ sự giả dối của mình bằng giọng nói. Người Nga rất nghiêm ngặt, đây là trạm kiểm soát chốt của họ. Họ rất cứng rắn, họ nhìn hành khách với giấy tờ của hành khách với vẻ đa nghi. Lẽ tất nhiên sự nguy hiểm khá lớn. Nếu các người được may mắn... Nếu không, họ sẽ trả các người lại cho các nhà chức trách Hungari

Vì sợ, chúng tôi đâm ra im lìm. Tối hôm ấy, khi rời khách sạn, chúng tôi đã lặng lẽ bước xuống cầu thang.

- Các người đã ra đi rồi sao? – Người gác cổng hỏi.

Chúng tôi chỉ gật đầu chào.

Ra đến ngoài đường, chúng tôi đi đến trạm xe lửa, chúng tôi luôn luôn không nói một lời nào. Mạng sống của chúng tôi đang lâm nguy. Nhưng nếu sáng ngày mai chúng tôi đến được Innsbruck, chúng tôi sẽ được tự do thật sự!

Câm nín, tôi đã tạm biệt thành phố Vienne, mặt đầm địa nước mắt, thởi kỳ ấy tôi rất mau nước mắt. Đúng tám giờ tối, chúng tôi đã có mặt trên sân ga, chen chúc giữa một đám đông. Có những người lính Mỹ da đen, gần bên chúng tôi, có một nữ tu nghiêm nghị, với một cái mũ vải hồ cứng hình bướm trên đầu và xa hơn nữa có hai người lính Nga.

Tàu lửa đến và chúng tôi lên một toa. Trong đó có những chiếc ghế dài đủ cho ba người ngồi. Bố tôi ngồi trước mặt tôi, mặt tái mét, gần bên ông là hai người thường dân, một người đàn ông ăn mặc lam lũ, có vẻ khổ sở nghèo nàn và một người đàn bà với một cái giỏ thật bụi trên đầu gối. Tôi cảm thấy đau nơi cổ, tuy không đau lắm nhưng đau dai dẳng không dứt. Đó là một mạch máu đập mạnh, như thể tôi có một trái tim khác ở bên dưới lỗ tai trái. Trái tim thật của tôi đập thình thịch trong ngực. Tôi buồn nôn. Tôi muốn nói với bố mẹ tôi rằng tình trạng căng thẳng này không thể chịu đựng nổi, thà đi xuống và trở lại khách sạn sống một cuộc đời vô tri vô giác như cỏ cây. Bây giờ đã mấy giờ, ngay cả điều ấy tôi cũng không thể biết được, bởi vì, một khi đã ngồi trong toa xe rồi, tôi không còn có thể hỏi giờ bằng tiếng Hungari hay tiếng Đức. Tôi biết rằng tàu sẽ khởi hành lúc hai mươi giờ rưỡi và chúng tôi sẽ đến trước cây cầu quyết định hai mươi bốn giờ kém hai mươi. Một cuộc hành trình ba giờ và bốn mươi phút.

Xe lửa chạy êm ái, không lắc lư, như thể lướt trên một đường dốc. nhắm mắt lại, tôi muốn ngủ hay giả vờ ngủ, nhưng không thể được. Bị buộc phải ngậm câm, đầu tôi tràn đầy những ý nghĩ... Tôi có thể nói chuyện một cách sôi nổi suốt cả đêm. Thật là nhục nhã khi người ta phải sợ đến như thế và cố bám riết vào vận may với một sự cầu khẩn âm thầm trong lòng. Và tất cả chỉ vì một khoảng cách nhau vài cây số. Người ta là kẻ chiếm đóng hay là người giải phóng, tùy theo người ta sinh ra ở phía Tây hay ở phía

Đồng. Nhưng giữa hai bên chỉ có những con người mà số phận phó mặc cho những biến chuyển chính trị đầy đura. Trong những lúc ấy, mở to mắt, áp mặt vào cửa kính, tôi chỉ còn biết thù hận con tàu. Bên ngoài, trời tối thui. Tôi không tìm đâu ra được một chút ánh sáng. Nếu người Nga thấy được chúng tôi, chúng tôi sẽ bị đura về lại Hungari! Lúc chúng tôi vượt qua biên giới Hungari để đến nước Áo, chúng tôi đã chạy bộ. Trong lúc kiệt sức, chúng tôi đã có thể nằm xuống đất ẩm ướt và giấu mặt vào trong lá mục. Nhưng con tàu này chạy với một tốc độ nhanh đến chóng mặt, như một cái nhà xác di chuyển với những xác chết ngồi trên những chiếc ghế dài. Tôi nhìn xuống dưới chân tôi. Tôi muốn được tụt xuống núp dưới cái ghế ấy!

Mẹ tôi ngủ gà ngủ gật, hay nói đúng hơn, bà giả bộ làm như vậy. Mí mắt trái của bà giật giật. Bố tôi nhìn một điếm vô hình. Miễn là những người Áo đích thực là người Áo không thấy vẻ sợ hãi của chúng tôi!... Cái gia đình thường dân Meyer ấy vì sao mà run sợ? Người đàn ông ôm o ngồi bên cạnh bố tôi đã đọc xong tờ báo của mình, ông ta xếp nó lại và lơ đãng để nó rơi xuống chân. Tôi không dám lượm cũng không dám hỏi mượn tờ báo ấy, dù nhờ nó thời gian sẽ trôi qua nhanh hơn. Cửa toa mở ra, một nhân viên soát vé người Áo đi băng qua toa chúng tôi ngồi, sang đầu kia toa. Phải chăng đó là dấu hiệu chúng tôi sắp đến cây cầu quyết định? Mẹ tôi mở mắt ra, nhưng mí mắt trái của bà vẫn giật giật. Người đàn ông lượm tờ báo lên và bà nữ tu nắm chặt cây thánh giá nơi chuỗi hạt của bà. Người đàn ông ngồi phía trước mặt tôi bắt đầu nói chuyện với người đàn bà ngồi bên cạnh ông ta, bà này đang gọt vỏ một trái táo bên trên cái giỏ của mình. Mẹ tôi nhìn tôi, bà cũng có vẻ đói bụng. Người đàn bà kia chìa cho người đàn ông nửa trái táo và ông ta ăn một cách ngẫu nhiên. Bây giờ tất cả mọi người đều nói và sự ồn ào ấy càng làm nổi bật lên sự câm nín của chúng tôi.

Ở bên ngoài, đột ngột có ánh đèn. Tàu chạy chậm dần, rồi ngừng lại. Những ám hiệu do quân Nga hét lên xé tan màn đêm. Những tiếng nói ấy bắt buộc chúng tôi phải run sợ trong một toa xe lửa, phải cô đơn giữa một đám đông và nguyên rủa chuyển đi. Bố tôi thọc tay vào túi áo vét, chắc là ông muốn rút cái thẻ căn cước của ông ra, ông không thấy nét mặt phản đối của mẹ tôi, bà phải nói bằng tiếng Đức "Khoan đã... hãy đợi chúng tôi hỏi đã..." Người đàn ông ngồi phía trước mặt tôi nhìn vào chúng tôi như thể ông ta vừa khám phá ra sự hiện diện của chúng tôi và bà nữ tu thì nhìn vào chuỗi hạt của bà. Đó là lúc chúng tôi lo âu hồi hộp hơn hết. Lính Nga đã đến. Người xét thẻ căn cước đội một mũ lông thú, ông ta nhìn các hành khách, so sánh mặt hành khách với ảnh trong thẻ. Đến hàng ghế của chúng tôi, ông ta ngược mắt nhìn tôi rồi nhìn tấm thẻ căn cước. Ông ta thấy giống như đúc. Sau đó, ông ta xem giấy tờ của bố mẹ tôi. Tất cả đều hợp lệ. Người đàn ông ngồi bên cạnh bố tôi cầm trong tay trái một trái táo khác và bỗng tôi hiểu ra rằng ông ta ăn vì sợ. Người Nga lấy tấm thẻ của người đàn ông kia, nhìn và nói vài lời với một người Nga khác. Người đàn ông kia, bất động với nửa trái táo trong tay, chờ đợi như bị thôi miên. Không còn tiếng lao xao trong toa xe trong toa tàu nữa, tất cả mọi người đều im lặng, đều lắng tai nghe, nhưng không ai dám quay đầu, cũng không ai dám nhìn. Người Nga ra đầu cho người đàn ông kia và nói với ông ta bằng tiếng Đức "Hãy đi xuống..."

Ông ta rời khỏi toa tàu, có một người lính Nga đi kèm. Bà nữ tu cầu nguyện. Bà ta cầu nguyện cho ai? Cho người không quen biết kia? Sự chờ đợi vô tận ấy làm cho tôi khiếp đảm mà tôi chưa bao giờ biết đến cho tới bây giờ.

Mồ hôi toát ra và chảy dài trong lưng tôi, mặt tôi ướt nhèm. Tôi không còn muốn nhìn nét mặt thiếu não của bố mẹ tôi. Tôi nhắm mắt lại để liều mạng đâm mình vào trong những giấc mộng của mình. Tôi muốn đi đến một đất nước mà ở đó không có những cuộc kiểm soát, bắt bớ. Tôi muốn rời khỏi châu Âu. Ở Kufstein, chúng tôi có thể lựa chọn một đất nước định cư như người ta lựa chọn một tấm vải trong một cửa hàng. Chúng tôi sẽ có thể chọn một đất nước thật xa châu Âu, như nước Úc, hay một nước ở Nam Mỹ...

Tàu lại bắt đầu chạy. chúng tôi đã ở trên cầu và trông thấy ánh đèn của thành phố Linz càng lúc càng

gần hơn. Rõ ràng là chúng tôi đã thoát nạn.

Tàu lại ngừng. Bà nữ tu quay đầu về phía tôi. Rụt rè, tôi mỉm cười. Bà ta cũng mỉm cười đáp lại.

Cửa toa tàu mở ra và ba đại diện của ba cường quốc bước vào. Viên sĩ quan người Pháp chào tất cả mọi người bằng cách đưa ngón tay chạm sơ qua mũ ca lô của mình. Người đại diện nước Anh ra tay nhận các giấy tờ và người đại diện nước Mỹ vặn đinh ốc để mở nắp một cái hộp lớn và dài bằng kim loại. Không nói cho chúng tôi biết trước, ông ta xịt một thứ bột màu vàng vào chúng tôi, như thể chúng tôi là những con cá mòi phải ướp muối. Ông ta mở hé áo măng tô của bố tôi để xịt thêm một ít bột vào trong đó. Bố tôi ngạc nhiên đến nỗi không có lấy một phản ứng bất bình. Hai vai của bà nữ tu cũng dính đầy thứ bột màu vàng ấy. Mẹ tôi nhận được phần bột nhiều nhất vào trong lưng, phần còn lại trong bộ ngực của bà. Người Mỹ có thể xịt bột DDT mà không sợ nguy hiểm, vì ông ta mang găng tay cẩn thận. Ông ta mở nút trên áo măng tô của tôi và xịt vào cổ tôi. Tôi phải xoay mặt một cách đột ngột vì má tôi cũng dính đầy bột DDT. Quá sức chịu đựng của tôi, tôi gục đầu vào vai mẹ tôi và khóc.

Mãi đến lúc xe lửa đã chạy trong khu vực Mỹ, chúng tôi mới đi ra ngoài hành lang để nói chuyện. Chúng tôi đã ở trên đất của một châu Âu tự do, con tàu đã trở thành thân thiện đối với chúng tôi. Tôi mở cửa kính, không khí lạnh bao trùm lấy chúng tôi thật dễ chịu mát mẻ. Trở vào trong toa, tôi ngồi thu mình vào xó góc của mình, mệt lử, tôi cố ngủ. Một hành khách tắt ngọn đèn chính và chúng tôi ngồi yên bất động, như đã được xông hương thơm để ướp xác, dưới ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn chong đèn.

Đến Linz, một cặp vợ chồng trẻ đã ngủ rồi. Đối với hai người ấy, đó là một chuyến đi không có cảm xúc, họ đã không phải vượt qua tuổi vàng ở âm phủ để tìm lại nụ cười. Bà vợ có thai để hai bàn tay dịu dàng ôm ái trên bụng mình, để che chở giấc ngủ cho đứa con sắp chào đời. Đối với tôi, chuyến đi này đau khổ xiết ao, với những áo quần dán vào một thân hình lo âu, với những nét ỉ dột trên một khuôn mặt vắng bóng tuổi thanh xuân, với những nỗi phiền muộn sâu độc của một tâm hồn mà định mệnh đã dành cho sự sầu não! Những nét mặt của bố tôi, trong chỗ nửa sáng nửa tối hình thành một cái mặt nạ lạ lùng, nơi đó sự già nua pha lẫn với vẻ ngạc nhiên. Mẹ tôi ngủ với vẻ mặt dịu dàng như thể bà ý thức được rằng không nên động đây nếu không muốn thức dậy.

Bên ngoài, màn đêm không để lộ những điều bí mật của nó. Bên ngoài, đó là sự tự do vô hạn và không có sắc thái khác nhau. Chúng tôi tìm kiếm gì ở đây? Chúng tôi khởi hành từ đâu và tới cái đích nào? Trong tình trạng nửa ngủ nửa thức ấy, tôi lưỡng lự. Tôi muốn có thêm hai mươi tuổi nữa, có những quan niệm đã nảy nở đầy đủ. Tôi muốn gọi lại những kỷ niệm của tôi, nhưng tôi chẳng có gì ngoài lòng khao khát muốn được hoàn toàn tự do, tôi muốn vươn tới tất cả, sẵn sàng nếm mùi, thưởng thức, sờ mó, tôi muốn xua đuổi những ảo ảnh, thay thế chúng bằng những ấn tượng hữu hình.

Tuy nhiên, ở bên ngoài, như một phép lạ, bình minh đã lộ dạng. mới đầu chỉ là một cái phong nhỏ màu xám, rất xa, trong khoảng không vô tận. Sau đó xe lửa chạy như bay giữa một đám sa mù màu hồng, những màu sắc mới chớm hình như dán sát vào các cửa kính đầm nước, ngọn đèn chong đèn màu xanh mất đi mãnh lực độc ác của nó, những khuôn mặt lơ đãng bây giờ đã trở thành trẻ trung một cách tuyệt vời, không có nét nhăn và vô tư lự. Người ta có thể nói đó là những đứa trẻ đẹp như những tiểu thiên thần đi chơi trong đường hầm màu xanh và trắng.

Bà xơ dựa vào lưng ghế gỗ, bà có vẻ trầm tư mặc tưởng, nước da bà trong trẻo như ngọc trai. Tất cả đều sáng ngời, đó là phép lạ của ánh bình minh.

Người đàn ông trẻ tuổi ngồi trước mặt tôi, vươn vai, duỗi mình, ngáp ngắn ngáp dài. Và phép lạ đã hoàn tất, cảnh tượng ấy dù đã mất đi cái ảo ảnh quyến rũ của nó, tôi biết, chính mắt tôi đã thấy có những ngày như thế... cho nên, kể từ ngày ấy, tôi thích bình minh.

Bộ mặt thật của buổi sáng, u ám, lạnh lẽo, thù nghịch, làm tôi ngạc nhiên khi đột ngột thấy mình đang ở giữa một vùng núi non trùng điệp. Chân trời rút hẹp lại chỉ còn bằng bề rộng của đường sắt, sông Inn, xanh ngắt, hùng hổ với những thác nước dữ dội, những làn sóng bạc đầu của nó, chạy theo xe lửa. Xe lửa thì chạy hết tốc độ. Đôi lúc, trên một đỉnh núi ngạo nghễ, xuất hiện phé tích của một thành trì thời xưa. Trong toa tàu không khí ngột ngạt vì những hơi thở hôi hám. Người đàn bà có thai, lộ vẻ đói bụng, bà ta gặm một lát bánh rán và óc không để rơi rớt một chút nhỏ xíu nào. Các khuôn mặt đều phì ra vì ngủ không yên giấc. Tôi nhìn hai bàn tay tôi, chúng quá dơ bẩn. Các ngón tay của tôi làm cho tôi đau đớn, đây là một nỗi đau đớn âm thầm, dai dẳng. Nguyên nhân là cái tầng hầm ẩm ướt nơi đó tôi đã sống trong thời gian Budapest bị bao vây, nước chảy dọc theo những bức tường dính đầy hoả tiêu. Tôi chưa bao giờ được đeo một chiếc nhẫn quý, để biết cái cảm giác khi tiếp xúc với nó như thế nào, nhưng nỗi đau đớn mà tôi có trong các khớp xương ngón tay, tôi ưa thích nó, nó thay thế chiếc nhẫn. Cuối cùng chúng tôi đã đến được Innsbruck. Mẹ tôi xuống xe với sự bối rối của một người đi tàu thủy bị đắm phải xuống xuống cấp cứu bằng một cái thang dây. Khi ra khỏi nhà ga, toạ lạc ở trung tâm thành phố, tôi cảm thấy bị đè bẹp bởi những ngọn núi trơ trẽn bao quanh thành phố Innsbruck. Ở Hungari, phải đi một ngày trời mới thấy được dãy núi xanh ở xa xa. Người ta có thời giờ để làm quen với cái cảnh tượng ấy, nhưng ở đây núi non sừng sững trước mặt chúng tôi, lạnh lẽo và thờ ơ.

Trời rất lạnh. Ánh mặt trời lóng lánh trên những đỉnh núi phủ tuyết. Đường xá nhộn nhịp và đầy du khách. Một đoàn thanh niên đi ngang qua gần chúng tôi, họ vác trên vai giày trượt tuyết. Một thanh nữ nhìn chúng tôi với vẻ thích thú, chiếc áo thun màu đỏ rực rỡ như hoa mồng gà. Với chiếc áo măng tô màu đen của tôi, tôi cảm thấy mình như một con quạ trong tuyết trắng tinh. Nhưng chẳng mấy chốc tuyết đã tan dưới chân chúng tôi. Từ lúc đó chúng tôi lội bì bõm trong những vũng nước màu xám nhơ bẩn gần một bên nhà ga, chúng tôi uống hồi hã một ly cà phê, chúng tôi phải đến càng sớm càng tốt, văn phòng đăng ký và sắp đặt chỗ cho những người tị nạn. chúng tôi phải đến trại tị nạn Kufstein ngay chiều hôm nay.

Tại văn phòng đăng ký, chúng tôi phải điền vào những bảng câu hỏi đã được lập sẵn đến mỗi cả tay. Văn phòng được sưởi rất ấm, tất cả các nhân viên đều có một giọng nói đều đều, đơn điệu như nhau, một bầu không khí buồn ngủ sau một đêm thức trắng. Ôi, khó khăn biết bao khi phải nhớ lại những việc người ta đã làm trong mười năm trước! năm 1938, tôi ở đâu? Ở trường học. Lúc đó tôi mấy tuổi? Chín tuổi và sáu tháng. Đảng phái nào? Hướng đạo viên. Những chuyến di chuyển chính kể từ năm ấy? Chỗ dành cho các câu trả lời thật hạn chế, phải dùng ngôn ngữ vắn tắt của điện tín mới đủ chỗ để trả lời. Vào khoảng bốn giờ chiều, một nhân viên của văn phòng cấp cho chúng tôi những thẻ căn cước mới. Ông ta để trước mặt chúng tôi một hộp mực để đóng dấu và chỉ vào ô trống dưới tấm ảnh, nói:

- Xin vui lòng in dấu ngón tay vào chỗ này...

Đột ngột, tôi nổi giận và chỉ đưa ngón tay cái chạm nhẹ vào hộp mực. Người nhân viên thấy chúng tôi còn bỡ ngỡ cái cảnh làm tị nạn, ông ta giúp đỡ tôi bằng cách nắm lấy ngón tay tôi, bắt tôi phải lặn qua lặn lại ngón tay trên hộp mực. Đến lượt bố mẹ tôi cũng phải làm như vậy. Tôi ngắm nghía hình dấu ngón tay cái của tôi, có những đường cong song song hình thành ở giữa những đường vòng đồng tâm. Có phải dấu ngón tay của tôi không? Tấm thẻ căn cước mới này cũng chứng nhận rằng chúng tôi đã được khử trùng. Ra khỏi văn phòng ấy, tôi bị chóng mặt và mẹ tôi phải ngồi xuống trên cái ghế dài ở hành lang. Từ sáng sớm đến giờ chúng tôi chưa ăn gì cả. đã bốn giờ rưỡi chiều rồi. Chuyến tàu của chúng tôi khởi hành trong bốn mươi lăm phút nữa để đi Rufstein. Đã biết bao lần tôi nghe nói đến cái thành phố nhỏ ấy tại trường học! Đó là nơi các nhà vua Habsboutg[9] đã giam cầm các nhà ái quốc Hungari.

Chúng tôi đi trở lại trên con đường dẫn tới nhà ga. Buổi sáng thời tiết thật tuyệt vời thích hợp cho

những môn thể thao mùa đông và cho những áo thun màu đỏ tươi như người ta loan báo trong những giấy quảng cáo. Nhưng bây giờ những đám mây đen ùn ùn kéo tới che phủ bầu trời và một ngọn gió quái ác tạt tuyết vào mặt chúng tôi. Đúng là thời tiết của những người tị nạn. Một chiếc xe lửa nhỏ không được sưởi đủ ấm chở chúng tôi đi Kufstein, chúng tôi đến đó lúc 7 giờ rưỡi tối trong một trận bão tuyết. Trước nhà ga, một nhân viên hỏa xa chỉ đường cho chúng tôi tới trại và chúng tôi dần bước đi trên con đường chỉ được chiếu sáng lờ mờ. Tôi bước đi cẩn thận hai hàm răng lại và thường hỉ mũi để mũi khỏi tê cóng! Chúng tôi lặng lẽ đi, không mở miệng ra nói tiếng nào. Tôi tìm trong ánh sáng yếu ớt của những ngọn đèn đường một tấm bảng chỉ đường, một mũi tên chỉ hướng đi đến trại.

Và rồi đã đến lúc chúng tôi tới trước một cái barriere. Chúng tôi đã tới đích. Một người gác barriere ra khỏi bót gác, xét giấy tờ của chúng tôi với một cây đèn pin và nói với chúng tôi điều gì đó bằng tiếng Nga. Chúng tôi rất lầy lăm khó chịu. Ở đây, cũng còn có cả người Nga nữa sao? Người gác chỉ cho chúng tôi một cái rạp bằng ván ở xa xa có ánh đèn sáng, giở thanh chắn lên, chúng tôi vượt qua ranh giới của trại tị nạn Kufstein. Trong cơn bão tuyết ấy chúng tôi chỉ có thể đoán biết có vô số rạp, có rất ít ánh đèn nơi cửa sổ. quần áo ướt mềm, chúng tôi đi vào trong văn phòng trại, nơi đó một nữ nhân viên tiếp đón chúng tôi. Chúng tôi đứng trước mặt bà ta, tóc bà ta đỏ hoe và bà đeo kính gọng kim loại.

- Cả ba người đều là người Hungari phải không? – bà ta hỏi.

- Phải.

- Tôi sẽ gọi ngay trưởng đoàn Hungari.

Bà ta nói tiếng Đức với một giọng lơ lớ khó nghe rồi mời chúng tôi ngồi xuống. Tôi có thể ngồi, nhưng tôi không còn muốn sống nữa. Tôi muốn ngủ thiếp đi ở ngay đây, mê đi vĩnh viễn. Tôi không còn biết đói là gì nữa.

Trưởng đoàn người Hungari vào, chào người nữ nhân viên rồi nói với chúng tôi:

- Các người đến trễ quá... Đã ăn uống gì chưa?

- Chưa.

- Tôi sẽ dẫn các người đến nhà ăn, để ít nhất các người cũng có món xúp ăn tạm tối nay...

Chúng tôi đi theo ông ta. Nhà ăn ở đây cũng giống như nhà ăn tại trại tạm trú ở Vienne và người đàn bà mang xúp cho chúng tôi nói tiếng Nga...

Mẹ tôi hỏi ông trưởng đoàn:

- Vì sao có nhiều người Nga ở đây thế, thưa ông?

Ông bạn mới của chúng tôi nhún vai:

- Họ là người Ukraina. Phần nhiều họ thuộc quân đoàn Vlassov.

Tôi không biết quân Vlassov là ai và tôi cũng không hỏi.

Sau khi ăn món xúp nóng, chúng tôi đi ra trở lại trong cơn bão tuyết. Ông trưởng đoàn đi trước chúng tôi, tay cầm một đèn pin. Tôi cảm thấy nước chảy vào trong giày của tôi. Đế giày đã mỏng đi nhiều rồi khi chúng tôi còn ở Vienne. Chúng tôi đi dọc theo một dãy rạp bằng gỗ chỉ có ánh đèn yếu ớt.

- Đây, chúng ta đến nơi rồi – ông trưởng đoàn nói và bước vào một trong cái rạp.

Chúng tôi ở trong một hành lang rộng tối mờ, hai bên có nhiều cửa đóng kín. Ở đây đâu đâu cũng hôi mùi hành và mùi nước tiểu. Ông trưởng đoàn cố mở cánh cửa thứ bảy bên tay mặt. Cái chìa khóa cứ xoay mãi trong ổ khóa. Phải mất mười phút chúng tôi mới vào được trong phòng và đó là một gian phòng lạnh lẽo, vồn vện có ba cái giường, chỉ được chiếu sáng bởi một bóng đèn nhỏ treo trên trần. Cũng có một cái tủ, ở giữa phòng có một cái bàn và hai cái ghế.

Ông trưởng đoàn nói:

- Ông bà gặp may. Những người ở phòng này trước ông bà mới ra đi được một tuần nay và có để

lại cho ông bà một cái lò sưởi.

Quả thật có một cái lò sưởi nằm trong một xó góc như một con thú bị bệnh.

Ông trưởng đoàn lại nói thêm:

- Tôi quên tự giới thiệu. Tôi là Karpai. Đại tá Karpai...

Mẹ tôi gật đầu mỉm cười, nhưng sau đó bà lại hỏi:

- Ông đại tá tin là chúng tôi có thể sống ở đây sao?

Bố tôi còn đứng yên một chỗ, ông còn xách cái va li trên tay, tất cả ở đây đều dơ bẩn đến nỗi ông không dám để cái va li xuống.

Ông đại tá có vẻ lạc quan:

- Thưa bà, khi người ta mới tới đây, luôn luôn người ta thấy khó sống nổi, nhưng ngày mai tôi sẽ giúp đỡ ông bà. Ông bà sẽ sắp xếp cuộc sống của ông bà... Các cửa hàng chỉ mở vào buổi sáng...

- Các cửa hàng? – bố tôi lặp lại, giọng mỉa mai – Nhưng chúng tôi không có tiền.

- Không sao – Karpai trả lời – Không sao, ở đây ông bà sẽ có tất cả những gì ông bà cần mà không phải trả tiền. bây giờ tôi xin chào ông bà. Ông bà đừng quên rằng cuối cùng ông bà không còn phải buồn phiền nữa, ông bà ở đây như nhà của ông bà... Có nước ở cuối hành lang gần các phòng vệ sinh đấy.

Ông đại tá đi ra và chúng tôi ở lại.

Mẹ tôi ngồi trên một cái nệm độn rơm đầy những vết dơ bẩn. Bà sờ với cái vẻ ghê tởm những cái chăn mềm nặng mùi mồ hôi của những kẻ khác. Bố tôi quan sát trong phòng như thể ông đang tìm một vật bỏ quên. Vừa lúc ấy lần đầu tiên chúng tôi nghe được giọng nói thân mật và gần như là tâm phúc của một người đàn bà lạ. Một người đàn bà đang ngâm nga, nhưng bà ta ở đâu? Một cách vô thức, tôi nhìn xuống dưới các giường ngủ, bà ta không có ở dưới đó. Tôi mở cái tủ ra, trong đó chỉ có những cái chăn màu xám. Bà khẽ hát một giai điệu trữ tình "Lili Marlene". Và bây giờ lại có một người đàn ông lên tiếng:

- Tao đã nói với mày không được liếm dao...

Chúng tôi lấy làm lạ quá. Làm sao người ta có thể vừa ngâm nga vừa liếm một con dao?

Người đàn ông nổi nóng:

- nếu mày tiếp tục liếm dao, tao sẽ tát tai mày...

một tiếng nói thì thầm và bây giờ người đàn bà hát rõ hơn.

"Über der Kaserne, in dem Grossen Tal; Steht eine Laterne..."

Có tiếng của một cái tát tai. Một đứa con nít hét lên và người đàn bà tiếp tục hát.

"Wie einst, Lili Marlene... Wie Einst, Lili Marlene..."

Một giọng nữ thứ hai nhập cuộc:

- Nếu anh còn tát tai Géza một lần nữa, anh sẽ biết tay tôi.

- Tôi sẽ tát tai nó nữa nếu nó không nghe lời tôi và mẹ nói sẽ ngồi yên không làm gì cả...

Và người đàn bà hát không biết mệt kia lại tiếp tục hát.

"Wie einst, Lili Marlene..."

Bà ta là láng giềng của chúng tôi ở trong phòng phía tay mặt. Còn nơi có một đứa con nít liếm dao, đó là những người láng giềng của chúng tôi ở trong phòng bên phía tay trái.

Ôi! Còn lâu lắm trời mới sáng. Biết bao giờ mới tới bình minh!

Tôi leo lên trên một cái ghế và móc một cái chăn vào những cái đinh lớn đóng nơi khung cửa sổ. dưới cái giường của tôi, khám phá còn một ít than gói trong tờ báo cũ và một ít củi.

Trong lúc mẹ tôi lảng xãng chung quanh mấy cái giường, tôi nhóm lửa. Nhưng hai phút sau, khói từ lò sưởi bốc lên nghi ngút. Thay vì được sưởi ấm, chúng tôi phải mở toang cửa sổ cửa lớn để cho thoáng gió. Trong lúc chúng tôi để gian phòng làm mờ cho ngọn gió dữ dội ập vào, chúng tôi run lập cập.

Trong hành lang, cửa phòng phía tay trái bật mở và một thiếu phụ đi ra, tay xách một cái xô. Bà ta nhìn chúng tôi chằm chằm rồi biến mất trong dãy phòng vệ sinh. Vài phút sau, bà ta trở lại.

- Hình như các người là người Hungari, phải không? – bà ta vừa hỏi chúng tôi vừa dẩu cái xô ra sau lưng.

- Than ôi! Phải – bố tôi đáp.

Tôi thấy bố tôi đã kiệt sức.

- Hãy đợi tôi một lát – bà ta nói rồi đi vào trong phòng, chỉ hai phút sau đã trở ra – Hãy vào trong phòng chúng tôi một chút.

Bà ta mời chúng tôi và chúng tôi nhận lời một cách vui vẻ. Trong phòng ấm áp, một người đàn ông thái độ vui vẻ bắt tay chúng tôi. Một đứa trẻ lật đật leo lên giường. Một cách vô ý thức, tôi liếc mắt tìm con dao.

Hai vợ chồng ân cần mời chúng tôi uống cà phê nóng và biểu lộ tấm lòng hào hiệp tự nhiên của người Hungari – ông chồng trước kia là thợ giày ở Budapest, hai vợ chồng đã đến đây một năm rồi, với đứa con ngủ say nhờ viên thuốc ngủ. Họ giải thích cho chúng tôi biết các lẻ lỏi của cuộc sống mới tại đây, họ hứa sẽ để lại cho chúng tôi tất cả những đồ đạc mà họ không thể mang đi được, ba ngày nữa họ sẽ lên đường đi định cư ở Venezuela.

Chúng tôi trò chuyện rất lâu với họ. Đứa trẻ ngủ trong vòng tay của mẹ nó. Chúng tôi nói thì thầm như thể sợ có ai nghe được những gì chúng tôi nói. Người thợ giày giải thích với chúng tôi về đất nước Venezuela xa xăm. Bà vợ ông ta ngồi nghe, với vẻ tin chồng, đứa trẻ hồng hào ngủ say và từ đôi môi hé mở của nó chảy ra một dòng nước miếng.

- Khuya lắm rồi, chúng ta hãy về phòng thôi – mẹ tôi nói.

Chúng tôi trở về gian phòng lạnh lẽo và nằm dài trên những chiếc giường được bọc lại bởi các áo măng tô của chúng tôi. Tôi run lập cập đến nỗi tôi phải trùm lên đầu một chiếc mền dơ bẩn...

Chương 5

Những ngày đầu tiên của chúng tôi ở Kufstein chẳng khác gì một cơn ác mộng. Nếu chúng tôi đã không phải nhóm lửa bằng cách cọ xát hai miếng gỗ vào nhau, thì đó là nhờ các bạn bè hướng dẫn chúng tôi trong các mê hồn trận của trại tị nạn. Trong chiến tranh, các thị trấn lều trại này là nơi đóng quân của lính Đức quốc xã và sau chiến tranh nó trở thành chốn nương thân của những người tị nạn. Theo con mắt của tôi, Kufstein là một trại mồ côi menh mông, trong đó những đứa con bị bỏ rơi có thể lập lại cuộc đời trong sự đùm bọc của một tổ chức quốc tế. Tất cả những đứa con mồ côi đều được nuôi ăn, được cấp áo quần, được đăng ký và khám sức khỏe như nhau. Tôi không hoàn toàn khó chịu với số phận của mình, bởi vì, thời kỳ ấy, tình cảm của mỗi người tùy thuộc vào một sự so sánh mà ai cũng có thể làm được một cách dễ dàng. Sự tự do của Tây phương đối với chúng tôi là một kỳ tích sống và Hungari chỉ xuất hiện trước con mắt chúng tôi như là một nhà tù lớn. Nhưng sự kiện nước Hungari bây giờ chỉ là một nhà tù lớn và chúng tôi bắt buộc phải ăn bám ở nhờ, sống y lại vào kẻ khác, là một thảm kịch. Chúng tôi tự nhủ "Sung sướng biết bao được sống ở nơi đây..." và đồng thời chúng tôi cũng tự nhủ "Rốt cuộc chúng tôi lại bị bắt buộc phải ăn chực năm chờ ở nơi đây..."

Khám sức khỏe, tôi được chứng nhận là mạnh khỏe nhưng suy dinh dưỡng. Tuy bề ngoài hơi mảnh khảnh, nhưng dai sức trong công việc. Bây giờ tôi còn cảm thấy trên lưng tôi sự tiếp xúc của những ngón tay chẩn bệnh cho tôi. Lúc bấy giờ, tôi có cảm giác rằng tôi sẽ giữ những dấu vết ấy suốt đời. Tấm ảnh quang tuyến X chứng tỏ tôi có những lá phổi và một trái tim sắt. Bác sĩ nhãn khoa nhìn vào

mắt tôi với cái gương nhỏ sáng rực trong gian phòng tôi, ông ta nắm đầu tôi trong một tay và cúi xuống trên con mắt tôi với sự tò mò của một chàng trai đã lớn nhìn trộm một điều bí mật qua lỗ khóa. Tôi cảm nhận được hơi thở của ông ta và một giọt ánh sáng trắng, chói chang lượn quanh trong đầu óc tôi. Đột ngột, tôi có ý nghĩ khủng khiếp rằng, thật ra công việc của ông ta chỉ để dò xét tư tưởng của con người. Một lát sau, khi tôi cố đọc những chữ được chiếu sáng trên bảng đen của ông ta, tôi mới nhận thấy con mắt của tôi đã mờ đi trong thời gian tôi ở dưới tầng hầm, tôi viết quá nhiều dưới ánh sáng leo lét của một cây đèn dầu.

Tất cả những con mắt nhìn vào cái bảng đen, tất cả những con mắt đã quen với gian nan cực khổ! Trại tị nạn phải chi nhiều tiền để mua kính cận và những người dân Lituanie, Ukraina, Hungari, Tây Ban Nha và Nga ngấm nhìn sự tự do của mình sau gọng kính của chính mình.

Những đất nước bề ngoài hấp dẫn hơn hết, thật ra lại rất dè dặt đối với chúng tôi. Nước Úc rất kỳ những người bị bệnh sâu răng. Họ chỉ muốn cho định cư những người mạnh khỏe, lực lưỡng, tràn trề sức sống, với những hàm răng trắng rắn chắc. Tôi tìm hiểu về nước Anh. Đảo quốc này được quý chuộng trong lòng tôi và đầy sương mù trong trí tưởng tượng của tôi, thiếu những nữ y tá để chăm sóc những bệnh nhân tâm thần. Còn có một khả năng khác, đi làm thợ mỏ. còn về vấn đề di cư sang châu Mỹ, nó được quy định bởi biết bao thể thức mà chỉ bằng kê các câu hỏi quan trọng và những điều kiện cốt yếu mà người ta phải điền vào thôi, đã dày như một quyển sách nhỏ. Tôi nghĩ đến việc phải học một cái nghề nào đó. Nhưng trong thâm tâm, chúng tôi không muốn di cư một chút nào. Theo số mệnh tiền định, chúng tôi đã sinh ra là người châu Âu và bố mẹ tôi lấy làm sung sướng đã quá tuổi để di cư. Ở đây, ở Kufstein, trên mỗi môi miệng, có tên của một đất nước khác.

Nhờ ông bạn thợ giày, chúng tôi đã trở thành những nhà tư bản. Ông ta và vợ của ông đã cho chúng tôi vô số những đồ dùng hữu ích, trước khi đi định cư ở Venezuela. Thế là chúng tôi có thể đến lãnh thức ăn trưa và tối tại nhà ăn, đem về ăn ở trong phòng của chúng tôi và nhờ có cái bếp điện, chúng tôi tự mình nấu lấy bữa sáng.

Tôi đã trở thành mẫn cảm đến nỗi rất dễ nổi giận và các phản xạ của tôi dữ dội đến nỗi chỉ tiếp xúc với một vật hay một ánh mắt cũng có thể làm cho tôi run lên bần bật. Tôi dậm chân tại chỗ trong sự yên ổn giả dối ấy và tôi không có được niềm hạnh phúc của sự cô đơn, tôi bị nhốt chung trong một phòng với bố mẹ tôi. Đau khổ xiết bao khi phải thay áo quần trong lúc người khác phải xoay lưng! Và ban đêm bị đánh thức bởi những tiếng động ở chung quanh mình, người đàn bà ngâm nga ca hát không biết mỗi miệng ở bên phải chúng tôi là người Lituanie, bà ta điên, bà ta đã thấy cả gia đình bà bị sát hại và sự ngẫu nhiên hay niềm trắc ẩn của số phận đã đưa đẩy bà đến tận nơi này. Bà ta kể chuyện của bà với tất cả mọi người. Khi bất chợt thấy bà ta, tôi sợ hãi bỏ chạy trốn, đôi mắt xanh lè của bà, vẻ nhìn của bà chẳng khác nào của một con thú bị săn lùng, làm cho tôi nổi da gà. Gian phòng của gia đình đã đi định cư ở Venezuela bây giờ là phòng của một cặp vợ chồng trẻ người Nam Tư. Họ làm tình từ sáng đến tối và từ tối đến sáng, luôn luôn với nhịp độ đều đều và những tiếng rên rỉ như nhau. Những ngày mùa đông dài một cách khó chịu đã cướp đi nụ cười của tôi.

Bố mẹ tôi đã làm quen với cộng đồng người Hungari tại trại tị nạn Kufstein. Hết người này đến người khác, họ kể chuyện vượt biên của họ. "Khi tôi vượt qua biên giới...mặt trăng...các con chó...hàng rào dây thép gai...Người đưa đường... Nhưng lẽ tất nhiên chúng tôi sẽ đi định cư..có lẽ tại Argentina... Đất nước có tương lai đầy hứa hẹn cho con trai tôi là kỹ sư...nghĩa là nó cần học một năm nữa tại trường đại học Innsbruck.."

Cậu con trai ấy tôi thứ bảy nào cũng về trại tị nạn Kufstein. Cậu ta cao lớn, có vẻ vụng về, đã bắt đầu có triệu chứng hói đầu và đang chờ ngày lĩnh bằng tốt nghiệp. Cậu ta muốn lấy vợ trước khi đi định cư. Đó là định kiến của tất cả các chàng trai trẻ tuổi, chọn một lục địa và một cô vợ. Tôi làm gì giữa những chàng trai ấy? Một sinh viên y khoa cũng muốn kết hôn với tôi, vì anh ta đã chọn nước Úc, mà

nước Úc thì từ chối không nhận những người độc thân. Ôi! Tôi tự thấy mình đáng ghét khi phải mặc những bộ áo quần do những người không quen biết cho. Tôi có cảm tưởng tôi là một hình nhân đi điều hành để giới thiệu áo quần của các tổ chức từ thiện quyên góp.

Các áo quần ấy được gửi tới đây trong những cái bao lớn, được khử trùng và chúng đem tới đây một thông điệp thân thiện của tất cả các nước hoà bình trên thế giới. Có một lần, tôi mất cả một buổi chiều để phân phối các đồ viện trợ ấy. Tôi sẽ không bao giờ quên đôi giày cao như núi ấy, giày mới, nhưng được sản xuất từ hồi chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Đó là những đôi giày phụ nữ bằng da màu vàng và trang trí bằng da hoẵng màu trắng, giày ống, giày ghệt, giày bột tin. Có một đôi giày bột tin bằng da láng mịn như xa tanh màu hoa cà. Đó là loại giày ống của những người đàn bà biểu diễn trò cưỡi ngựa. Ở trại tị nạn Kufstein, ai sẽ mang thứ giày ấy?

Cũng có những chiếc áo thuộc loại mà người ta đã thấy trong các phim cũ của vua hề Charlot.

Sau khi phân phối các đồ vật viện trợ xong và cửa hàng của trại đã đóng cửa, tôi mặc thử áo quần cao bồi chần bò của miền Tây nước Mỹ. Bà trông coi cửa hàng trong tuần ấy là người Ukraina, nhìn tôi nhìn tôi với vẻ vui thích. Bà ta đi đến gần tôi và đột ngột đưa hai bàn tay to lớn nhưng xương xẩu định ôm ngang hông tôi. Ngạc nhiên, tôi thụt lùi và bà ta cười nói với tôi bằng tiếng Đức rằng tôi xinh quá. Tôi lật đật thay lại áo quần cũ của tôi và trở về phòng. Về sau, chúng tôi có được nhận quần áo tân thời một chút, nhưng tôi muốn giữ lại cái áo măng tô cũ của tôi. Nó được cắt may bởi một thợ may trứ danh của Budapest nhân kỷ niệm sinh nhật lần thứ mười lăm của tôi.

Được trang bị những đồ dùng cũ đã sờn và với một nụ cười dè dặt trên môi, chúng tôi tham dự vào cuộc sống ở trại tị nạn. Bố tôi tìm được một thư viện cho mượn sách, ít ra chúng tôi cũng đã có sách để đọc. Tôi thường đến ngôi nhà nguyện được thiết lập trong một căn nhà gỗ của trại, cầu nguyện để tìm một sự giải khuây.

Mùa xuân đã đến gần và tôi có cái cảm giác ngọt ngào rằng tôi đã trẻ nải, thiếu cố gắng trong cuộc sống. Bình minh đã sáng hơn và tôi thức vào lúc bốn giờ sáng, mở mắt ra, nhưng nằm yên trên cái đệm đơn sơ. Tôi ấp ủ một mối tình vãn vơ. Tôi muốn yêu một người. Nhưng người nào? Ai là người tôi sẽ có thể yêu? Như một người bị giam cầm, tôi muốn thoát ra khỏi nơi này để tìm một cuộc sống khác. Trong sự yên tĩnh bề ngoài của những ngày đầy ưu phiền ấy, tôi chuẩn bị một lối thoát cho chính mình. Với một ít tiền trong túi mà trại đã cấp cho, một hôm tôi đi đến thành phố Innsbruck. Tôi muốn được tự do, không có bố mẹ tôi và tiếp cận với toà lãnh sự Pháp.

Ngay từ hồi mới lên năm, tôi đã yêu mến nước Pháp như người ta yêu mến một người bà con ở xa, lừng danh và hào hiệp. Mười bốn tuổi, bộ trường thiên tiểu thuyết của đại văn hào Balzac đối với tôi là một món ăn tinh thần phong phú, tăng thêm sức mạnh và làm lớn lên tâm hồn của tôi, một cô gái tuổi mới lớn. Sau đó tôi say mê các tác phẩm của Stendhal, Maupassant. Tôi không bao giờ quên tác phẩm "La Dame aux Camélias" của Alexandre Dumas Con. Tôi cũng rất thích đọc "Les Femmes Savantes", "Tartuffe", "Le Bourgeois Gentilhomme" của Moliere. Tôi tìm lại những tác phẩm ấy trong toà lãnh sự Pháp ở Innsbruck.

Trong tiền sảnh, một người tùy phái có vẻ buồn ngủ mời tôi ngồi trước một cái bàn với hai tờ giấy ghi các câu hỏi để điền vào. Chính tại đó tôi đã thấy George lần đầu tiên. Anh ta ngồi thẳng băng trên một cái ghế dài với khuôn mặt trái xoan có một vẻ thống thiết dưới mái tóc vàng nâu. Anh ta nhìn tôi, tay cầm một cái giấy thông hành. Tôi cúi xuống, bắt đầu nghiên cứu các câu hỏi và tôi có cảm giác anh ta vẫn nhìn chăm chăm vào tôi.

Anh ta đứng dậy và đến bên tôi:

- Cô có muốn tôi giúp cô điền vào bảng các câu hỏi không? – Anh ta nói bằng tiếng Hungari.
- Sao anh biết tôi là người Hungari? – tôi trả lời nhưng không nhìn anh ta.
- Nhờ giọng nói của cô.. Khi cô nói với người tùy phái..Nếu tôi có thể giúp ích được gì cho cô...

Vừa lúc ấy cửa văn phòng bật mở/ và một cô nhân viên gọi tên anh ta. Anh ta biến mất vào trong văn phòng ấy.

Tôi còn lại một mình với hai tờ giấy và điền các câu trả lời. Tôi giải thích rằng tôi mong muốn có được một việc làm và tôi cam đoan sẽ là một cô bảo mẫu lý tưởng, một cô giáo để trông nom và dạy dỗ trẻ con ở trong nhà. Georges ra và đến lượt tôi được gọi vào văn phòng. Ở đó, tôi biết ngay lập tức nguyện vọng của tôi được sang Pháp làm bảo mẫu là một chuyện khôi hài. Nếu tôi là thợ mỏ hay công nhân nông nghiệp thì sẽ dễ dàng, nhưng nước Pháp đang tràn ngập những nữ quản gia, bảo mẫu, nữ gia sư. Theo lời diễn tả của cô nhân viên toà lãnh sự, tôi thấy một đội quân phụ nữ người nước ngoài, quốc tịch Thụy Điển, Tổ Cách Lan, Hoà Lan, vân vân, diễn hành ở Paris với lá cờ đặc biệt của nghề làm bảo mẫu...

- Nhưng chúng ta đang ở trong khu vực Pháp – tôi nói – Tôi tin rằng từ khu vực Pháp thì có thể đến được Paris dễ dàng hơn.

- Không phải là vấn đề khu vực. Mỗi nước có những nguyên tắc chính đáng để tự bảo vệ chống lại các cuộc nhập cư của người nước ngoài. Cô phải hiểu rằng, nếu chúng tôi để cho tất cả mọi người vào nước Pháp...

Tôi đã từ giã cô nhân viên toà lãnh sự với tâm trạng rất khó chịu, vì đã thất bại hoàn toàn không thực hiện được dự tính của mình.

Georges đợi tôi trong tiền sảnh và tự giới thiệu trong cơn gió của mùa xuân khắc nghiệt ấy một cách thoải mái như thể anh ta đang ở trong một phòng khách ở Budapest. Tôi biết được họ tên của anh ta.

- Tôi có thể tiễn đưa cô không?

- Bây giờ tôi đến nhà ga, tôi phải đáp chuyến tàu năm giờ để trở về Kufstein.

Chúng tôi đi, trong màn mưa li ti, đến nhà ga.

- Cô sẽ đi Pháp? – Anh ta hỏi tôi.

- Vâng, tôi đã muốn đi, nhưng thủ tục rắc rối quá!

Đèn đường thành phố Innsbruck đã bật sáng và mặt đường nhựa lóng lánh.

Trong một lúc vô ý, tôi nhìn Georges. Anh ta đẹp trai. Anh ta nói với tôi rằng anh ta sắp đi Pérou, nơi đó, người bạn thân hơn hết của anh ta, bạn học chung một lớp ròng rã trong tám năm, đã tìm ra một mỏ bạc.

- Ở Lima, thủ đô nước Pérou – anh ta kể - Tôi sẽ có một con ngựa, một roi ngựa, và những người đầy tớ người da đỏ.

- Anh bao nhiêu tuổi?

- Hai mươi ba...

- Anh đã làm gì ở Budapest?

- Sinh viên trường luật. Đáng lẽ tôi sẽ trở thành một công chức cao cấp như bố tôi và môn luật đối với chức vụ ấy rất cần thiết. Nhưng tôi đã từ giã Hungari ra đi và sắp đi tới Pérou.

Chúng tôi đã tới nhà ga. Tôi lấy vé cho chuyến đi về và đưa cho nhân viên soát vé. Georges trở lại với một vé ra sân để tiễn tôi. Tôi đã đưa tay cho anh bắt:

- Chào tạm biệt và chúc anh lên đường bình an.

- Cảm ơn cô – anh ta nói và anh ta đứng lại trong mưa. Tôi nhìn anh ta qua cửa sổ xe lửa.

Tối hôm ấy ở Kufstein tôi rất buồn. Bố tôi biết gia đình của chàng trai ấy, bố tôi nói bố anh ta là một người có tiếng. Trước khi ngủ thiếp đi, tôi đã nghĩ rằng, nếu anh ta không đi Pérou, tôi sẽ có thể yêu anh ta.

Tôi đã thấy biết bao thanh niên chết trong lúc Budapest bị bao vây, tôi còn giữ trong ký ức của tôi những khuôn mặt ngơ ngác với ánh mắt lơ đãng ấy, những lỗ miệng há hốc ấy, cho nên tôi không thể không xúc động khi nhìn thấy vẻ mặt duyên dáng tươi cười của Georges. Anh ta lại có thời cơ làm kẻ

đồng cảnh. Về trẻ trung của anh ta không phải là một chi tiết, mà là một điều làm cho anh ta trở thành một người có giá trị. Cái cổ cuốn tròn của chiếc áo thun len của anh ta cũng là một kiểu đặc biệt, chứng tỏ anh ta sống theo sở thích, và dự định của anh ta đi Pérou để đào mộ, đã tạo cho anh sự vinh quang là một con người can đảm không gì lay chuyển được. Đầu trần, tóc vàng nâu, trong cơn mưa và cái vẫy tay chào từ biệt của anh ta có một vẻ tao nhã và lãng mạn.

Tôi đã cho anh ta biết tên tôi trước khi tàu lặn bánh. Như thế anh ta có thể viết thư cho tôi. Một tuần lễ sau tôi nhận được bức thư đầu tiên của anh ta gửi từ Paris. Tôi đã rung mình một cái và có cảm giác lo âu khi thấy nét chữ của anh ta. Bức thư, tự nó không có gì quan trọng, lại có sự quan trọng của một di bút. Nét chữ của Georges hoàn toàn giống như nét chữ của bác tôi. Đã biết bao lần tôi nhìn thấy trên bàn giấy của bác tại ngôi nhà ở đường Đức Bà, những hàng chữ cân bằng nhau một cách lạ lùng, hầu như được chạm trổ trên giấy trắng với mực đen, còn các con chữ thì tròn trịa, nối liền với nhau bằng những đường con nhỏ xíu rất khéo.

Với kiểu chữ cổ lỗ ấy, chàng thanh niên hầu như còn xa lạ đó, nói với tôi từ Paris rằng anh ta sắp lên đường đi Pérou. Thế là tôi vẽ khuôn mặt nhìn nghiêng sạm nắng của Georges, vẽ không có giấy và bút chì, tôi vẽ khắp nơi, trong đêm tối, trên các ngọn lá xanh mùa xuân và trước chân tôi, ngay trên đường, khi tôi đi đến thư viện để mượn sách.

Bức thư bất ngờ ấy, với đặc điểm là viết theo kiểu chữ xưa giống như bác tôi thường viết, đã gây được một ấn tượng tốt đối với bố mẹ tôi.

- Sao? – bố tôi nói – con đã nói chuyện với một thanh niên chưa quen biết và anh ta dám viết thư cho con? To gan thật! Ừ, bố anh ta là một người có phẩm hạnh, nhưng chắc gì anh ta cũng là người có phẩm hạnh như bố anh ta? Dù sao đi nữa thì tính thật thà của anh ta cũng không thể đặt thành vấn đề, bởi vì quá thật, kiểu chữ viết rất tốt, rất tốt... Một sự giống nhau lạ lùng!

Tôi nghe tất cả các điều bố tôi nói với một vẻ thờ ơ không che đậy, một cách hơi khinh khỉnh và theo tính khí bất thường của tôi, tôi ghét hay yêu bố mẹ tôi? Cuộc đời xao động và không lối thoát của tôi đã cướp đi những nụ cười lễ độ, những lời lẽ dịu ngọt của tôi, cẩn trọng, có ý thức tránh sợ xuất, đề phòng những điều không hay có thể xảy ra. Thời gian trôi qua, tôi viết những truyện ngắn để giải khuây. Tôi không còn chịu đựng nổi sự có mặt của bố mẹ tôi. Tôi thấy bố mẹ tôi làm trở ngại cho một tương lai mà tôi sẽ có thể xây dựng và để làm cho họ hoảng sợ, để tỏ cho họ thấy rằng tôi ý thức được tôi đã hai mươi tuổi, mỗi ngày tôi lại đưa ra một dự định của mình.

"Con sẽ đi Úc và con sẽ lập một nhà xuất bản ở Melbourne..." hay là "Con sẽ có một cơ hội độc nhất ở nước Anh nhận hai nữ y tá của Kustein, con sẽ có thể đến đó trong ba tuần nữa..."

- Con có điên không đó? – mẹ tôi hỏi.

- Không – tôi đáp – nhưng con sẽ qua đó để tận mắt xem các người điên. Hình như trong những trường hợp bệnh nặng, họ nằm lì trên giường và tè ra trong quần... Ở đó con sẽ viết một cuốn tiểu thuyết về một nhà thương điên... và lẽ dĩ nhiên là bằng tiếng Anh.

Khi bố tôi nói với tôi rằng tôi phải cẩn thận đề phòng khi đi trên những con đường nhỏ của trại tị nạn sau hoàng hôn, tôi chán nản không thể tả. Tôi sẽ không bao giờ thoát ly gia đình được hay sao. Tôi cứ ở mãi trong cái vòng luẩn quẩn của tình yêu vô lý của ông bố và bà mẹ chẳng biết làm điều gì khác cho tôi ngoài việc thương yêu tôi. Và tôi muốn được yêu thương một cách khác kia. Tôi ghét những chi tiết thơ ấu của tôi. Tôi biết hồi ấy tôi đã được thương yêu chịu đựng, tôi ngoan ngoãn và thông minh, tôi đã học đọc trong lúc những đứa trẻ khác mới bắt đầu tập đi. Tôi đã nghe nói rằng vì tôi ghét không chịu học đàn dương cầm, nếu không "một đứa bé có thiên tài" như tôi sẽ trở thành một tay chơi dương cầm nổi danh. Tôi cũng đã thường nghe nói rằng hiếm có một thiếu nữ trong trắng thủy mị và đứng đắn như tôi và tôi phải cẩn thận, rất cẩn thận để khỏi đánh mất sự trinh nguyên ấy.

Vì thất vọng, tôi ghi tên học một khóa cắt may. Nhưng thay vì nhìn thấy kim chỉ, tôi thấy một cái hình

thang trên bảng đen. Bà giáo sư đã giải thích rằng cái hình thang là hình vẽ một cái quần. Tôi đã bỏ học vì xưa nay tôi không bao giờ ưa môn toán!

Nhưng rồi một phép lạ bất ngờ đã lặng lẽ đến với tôi. Tôi có một người bạn gái ở trại tị nạn, thỉnh thoảng tôi có đến chơi với bà ta. Là giáo sư pháp văn ở Budapest, bà ta thường gọi lại thời còn non trẻ của bà ở Paris và những bạn thân của bà ở thành phố ánh sáng ấy. Bà chuẩn bị đi định cư ở Nam Mỹ, bà đã rời khỏi Hungari đồng thời với chúng tôi, nghĩa là vào cuối tháng Mười một năm 1948. Theo lời yêu cầu của tôi, bà ta viết thư cho một trong những bà bạn người Pháp của bà, ở Versailles, đã từ lâu bà ấy muốn tìm một người bảo mẫu cho con gái yêu của bà mới bảy tuổi. Bức thư trả lời bằng lòng từ Versailles đến Kufstein vào cuối tháng năm. Tôi trình bức thư ấy cho bố mẹ tôi xem với vẻ đắc thắng của một thanh niên đa đo trình mắng da đầu của kẻ bại trận mà anh ta lấy được đầu tiên với các bậc đàn anh của anh ta. Bố tôi thấy việc đi ấy là không thể nào chấp nhận được, ông bèn cho là tôi đã không suy nghĩ cho chín chắn, là liều lĩnh.

- Con muốn đi làm nơi nhà những người xa lạ sao? Ai biết được một cái bẫy có thể đang chờ con! Con phải xin học bổng để vào học tại trường đại học sư phạm Sorbonne.

- Con có thể làm được việc đó ở Paris... Con không còn muốn ở đây nữa.. Và lại, họ đâu phải là những người xa lạ, không quen biết? Bà bạn của con biết họ rất rõ. Không, quả thật con muốn thà chết còn hơn là tiếp tục sống như thế này. Con muốn một gian phòng mà cánh cửa do tự tay con đóng lại, ở trong đó con sẽ chỉ có một mình, một cái tủ với những vật dụng mà con sẽ mua với tiền lương của con, con muốn trau dồi thêm tiếng Pháp. Con yêu mến trẻ con, một bé gái lên bảy tuổi, dễ dàng thôi. Bố mẹ sẽ giết chết con bằng cách giữ riết con ở lại đây. Mỗi thế hệ mỗi khác. Những quyền của tuổi trẻ... Những kẻ buôn thịt đàn bà da trắng, bọn buôn gái đi ở Paris có những con mèo khác để quất chứ đâu có đợi con.. Nhưng lẽ tất nhiên con sẽ cẩn thận đề phòng. Con xin bố mẹ hãy nhận ra rằng bố mẹ không có lý... khi nói rằng một thiếu nữ đứng đắn, con nhà gia giáo, không thể một mình ở Paris. Trước hết con sẽ không phải chỉ ở có một mình, con sẽ là cô bảo mẫu, là gia sư của một cô bé bảy tuổi. Và đời nào các thiếu nữ đứng đắn lại phải vượt biên giới một cách lén lút không có giấy thông hành? Con thấy như thế còn kỳ cục hơn, phải bò bốn chân như thú vật, phải sợ cả ánh trăng, sợ bị chó rượt đuổi, phải khóc úp mặt vào đồng lá mục.. Một thiếu nữ đứng đắn phải bước chân lên trên một cánh tay bị rời ra của một xác chết? Bị rời ra vì nó đã thối rữa... Một thiếu nữ đứng đắn ăn thịt những con ngựa bị đạn trái phá xé xác ra từng mảnh... Khi con thi đậu tú tài ở Budapest, con cảm thấy có một chàng trai đi sau lưng, con đã run sợ, không biết anh ta nhìn gì, cái mắt cá thanh tú hay cái vế con nhà tiểu tư sản của con.. Bố mẹ còn muốn gì nơi con nữa? Và nếu thời buổi này chỉ là hiểm nguy và đau khổ, con cũng sẽ cứ đi. Nhưng bố mẹ hãy nghĩ lại đi. con đã ngoài hai mươi tuổi và sáu tháng... chúa biết con đã thành niên từ bao lâu rồi và bố mẹ cũng như là em gái của con. Vì sao con lại không có một đứa em gái?

Tôi đã hân hoan được thoát ly gia đình khi đáp xe lửa đi Paris. Nhưng tôi đã bị đầu độc bởi những lời khuyên răn và bởi tất cả các cuộc đối thoại mệt nhọc ấy. Tôi đã phải nói rất nhiều trong nhiều đêm dài mới thuyết phục được bố mẹ tôi. Bố tôi đã tiễn đưa tôi lên tận căn buồng của tôi trên toa tàu, bố tôi đặt cái vali mua ở Vienne vào ngăn lưới để hành lý trên đầu tôi và ôm hôn tôi. Sau đó bố tôi đi xuống đến đứng với mẹ tôi trên sân ga. Tôi còn phải chờ năm phút nữa tàu mới khởi hành và tôi sốt ruột nhìn đồng hồ nhà ga Kufstein. Nhưng trước khi kim đồng hồ tới đích của nó, một phút trước khi tới đích, nét nhìn của tôi gặp nét nhìn của bố mẹ tôi. Và tôi, bị xâm chiếm bởi một nỗi lo sợ vô hạn và một niềm triu mến mệnh mông, tôi muốn xuống xe, ngã vào vòng tay của bố mẹ tôi và biểu lộ chỉ bằng một cử chỉ duy nhất tất cả tâm lòng của tôi, lòng yêu thương của tôi trong hai mươi năm và sáu tháng đối với bố mẹ tôi. Chính trong cái phút ấy, tôi thấy nét mặt mẹ tôi rầu rĩ nhưng bà cũng gượng cười, một nụ cười răn mắng. Tôi tin rằng bà đã muốn nói với tôi trong sáu mươi giây, tất cả những gì người mẹ có thể

nói với đứa con gái của mình đang ra đi để chinh phục một mảnh đất nhỏ trong cái thế giới mênh mông. Bản tính tôi không thích tâm sự. Tôi có tính trầm lặng, ít nói. Chính ở bên cạnh mẹ tôi, tôi đã biết đến cái chết ở Budapest, nhưng hai mẹ con không bao giờ nói đến chuyện sinh đẻ, vì nỗi đau đớn khi sinh đẻ, tình yêu lứa đôi, hay về người đàn bà. Với tính kín đáo nét na, hay bẽn lễn ấy, tôi đã có thể vượt qua tuổi dậy thì một cách lặng lẽ. Đến khi đọc một tác phẩm của Pearl Buck, tôi mới biết đến nỗi đau đớn của một người đàn bà Trung Hoa khi sinh đẻ. Và về sau, đến lượt tôi cũng phải trải qua cảnh vượt cạn, mồ côi một mình. Nhưng bây giờ đây, trong lúc con tàu bắt đầu lăn bánh một cách chậm rãi, mẹ tôi cũng bước tới dặn dò "Hãy cẩn thận nghe con", mẹ tôi nói và, trên khuôn mặt của bà, tôi thấy bà có thể nói với tôi trong vài giờ. Bố tôi cũng bước tới gần: "Phải rất cẩn thận nghe con". Ông cũng nói với tôi và tàu chạy càng lúc càng nhanh hơn. Tôi cúi xuống trên khung cửa kính. Bố mẹ tôi đã xa rồi và tôi kêu to lên: " Con thương yêu bố mẹ vô cùng, con sẽ trở về mau thôi...con thương yêu bố mẹ vô cùng..."

Con tàu chui vào trong một đường hầm, nó thở khò khè và tôi khóc.

Chương 6

Tôi đã báo trước cho bà Bruller biết để bà đợi tôi tại sân ga. Tôi cũng đã gửi ảnh của tôi, để bà có thể nhận ra tôi một cách dễ dàng. Nhưng tôi tin rằng, không có ảnh bà cũng sẽ không nhận lầm tôi với một người nào khác. Tôi đã chuẩn bị để có điệu bộ của một người bảo mẫu tận tâm, nghiêm nghị và rất chú ý đến những người chung quanh mình, đúng như thế, một người khiêm tốn nhưng đứng đắn, không để mình bị dụ dỗ bởi những lời lẽ phỉnh gạt. Nhưng mặt mày nhăn nhó vì một đêm thức trắng và hai bàn tay rịn mồ hôi vì sợ hãi, tôi nhìn thành phố Paris đang đến gần. Trên sân ga lúc nhúc những phu khuân vác, tôi thấy khó lòng mà chen lọt vào giữa đám đông ấy. Tôi chần chờ trước căn buồng trên toa tàu của tôi với cái măng tô cũ may ở Budapest khoác trên cánh tay và chiếc va li các tông cứng để dưới chân. Trái tim tôi đập thình thịch, tôi định ninh có một vết đen dài trên trán tôi vì tôi đã ngồi gần cửa sổ. Hồi sáng, tôi thấy mép cửa sổ đầy mồ hóng. Tôi nhìn người ta đi ngang qua trước mặt tôi và trong lúc tôi còn chần chờ, đến nỗi tôi không thấy người thiếu phụ sờ vào cánh tay tôi và nói:

- Cô Christine?

Tôi giật nảy người, đáp:

- Vâng, chào bà.

- Xe của tôi ở trước nhà ga, cô hãy đi theo tôi...Có mệt lắm không?

Tôi thở dài và đáp:

- Mệt kinh khủng...

Chắc chắn tôi có một vết mồ hóng ở đâu đó nơi mặt, vì thế bà Bruller mới hỏi tôi câu ấy. Tôi cố nhìn mặt tôi trong kính chiếu hậu xe hơi, nhưng không nhìn thấy được.

- Bây giờ bé Monique đang ở đâu, thưa bà? Chắc bé đang ở trường học?

- Không. Ở trong giường của nó. Nó bệnh...Cô đã có lên sởi chưa?

- Dạ thưa bà, tôi đã có lên sởi rồi, lúc còn ở Budapest.

Đột ngột bà ta nhìn tôi, bà có thể làm điều đó, trong khi xe đang chạy trên xa lộ.

- Ở Budapest?

Bà ta nói điều đó với vẻ ngờ vực, đến nỗi một cách vô ý thức, tôi sờ vào cái lỗ nhỏ gần núp tai mà bệnh thủy đậu đã để lại cho tôi.

- Vâng, ở Budapest.. – tôi trả lời.

Sau vài phút im lặng, bà ta nói tiếp:

- Cô sẽ có khá nhiều việc phải làm trong những ngày đầu. phải ngăn không cho con bé gãi... ngứa dữ lắm.

Bà ta nói với tôi bằng giọng một nhà giáo mệt mỏi nhắc lại nhiều lần cùng một điều với một người đàn ông. Tôi muốn nói ở Budapest bệnh sởi cũng làm cho ngứa ngáy, nhưng tôi nghĩ rằng nên im lặng thì tốt hơn.

Bà ta lại nói tiếp:

- Tôi đã giữ hai bàn tay của con bé suốt đêm, chồng tôi đã phải thức luôn hai ngày...

Còn người giúp việc? Tôi đã không hỏi câu đó. Tôi lại nói:

- Khi tôi lên sởi, tôi đã mang găng tay....

- Giữ tay nó thì chắc ăn hơn... - bà ta nhún vai nói.

Tôi đã thấy xuất hiện các ngôi nhà của khu phố Versailles, nhưng trước khi vào trong thành phố, bà Bruller cho xe chạy theo một con đường nhỏ và một lát sau xe ngừng lại trước một ngôi nhà cũ có một tầng lầu, tường bao phủ bởi giống cây leo trường xuân, với một cái vườn đầy cỏ dại, cửa rào song sắt, đã rỉ sét vì mưa.

Bà Bruller mở cửa vào nhà. Tiền phòng nhỏ hẹp một cách lạ lùng, với hai cửa phòng bên tay mặt, một cửa phòng bên tay trái và cái cầu thang lên lầu một. Tôi để va li và áo măng tô xuống và đi theo bà ta. Ở lầu một, có bốn phòng, mà một phòng là của Monique, con bé đang ở trong đó với một bà láng giềng của bà Bruller, có nhiệm vụ canh chừng nó.

- Cảm ơn bà chị - bà Bruller nói và cúi xuống đưa bé.

Tôi bước tới gần và thấy một khuôn mặt sưng tấy, đỏ và hoàn toàn biến dạng vì những mụn nhọt đang nổi lên và lan ra khắp mặt.

- Bé Monique đó - bà Bruller nói với tôi.

Nghe tiếng của mẹ nó, con bé hét lên một tiếng và rồi rên rỉ.

Tôi cúi xuống nhìn nó và tôi có cảm giác hai người đàn bà kia đang nhìn tôi để dò xét. Không một cử chỉ nào của tôi được lọt ra khỏi sự dò xét của họ. Tôi cảm thấy mình vụng về và nặng nề, như thể họ đã cột vào tay chân tôi những vật nặng vô hình trước khi tôi bước vào trong gian phòng này. Tôi tìm hai con mắt của đứa bé. Tôi muốn cảm nhận được sự tiếp xúc đầu tiên ấy giữa nó và tôi. Và nếu tôi có thể, bằng một nụ cười, làm cho nó im đi không rên rỉ nữa, thì đó sẽ là một sự thành công. Tôi còn chưa yêu mến nó. Không thể yêu mến vì bồn phận nhưng tràn đầy thiện chí và đè nén một cái rùng mình ghê tởm, tôi sờ nhẹ vào một bàn tay của nó. Trên khuôn mặt bị biến dạng, hai con mắt được thay thế bởi hai kẽ hở đầy nước mắt. Bà láng giềng thì thầm nói chuyện với bà Bruller. Tôi đứng lúng túng gần bên giường. Tôi phải làm một cái gì đó để cho họ vừa lòng. Con bé không ngừng rên siết. Nó rên với nhịp độ đều đều, tôi hy vọng cố làm quen với tiếng rên ấy như tiếng tích tắc của cái đồng hồ báo thức. Tôi ngồi xuống mép giường, con bé nín thinh, có lẽ vì ngạc nhiên và hai người đàn bà kia lặng lẽ đi ra thật mau. Họ chỉ đợi tôi ngồi xuống, bị giam ở đó trong một thời gian vô định. Khi Monique muốn sờ mặt nó, tôi giữ hai bàn tay của nó lại, tôi chụp bàn tay của nó khi nó vừa mới giơ lên, tôi không thể rời con mắt khỏi nó, những cử chỉ của nó thật bất ngờ, nhưng tôi luôn luôn nhanh tay hơn nó. Cửa sổ của gian phòng ấy được đóng lại một cách cẩn thận. Bức màn chỉ để lọt vào một thứ ánh sáng lờ mờ. Tôi không có đồng hồ. Tôi cố gắng phân biệt những tiếng động xa xa ở trong nhà, người ta đóng và người ta mở cửa ở tầng trệt. Có tiếng đàn bà, có thể là bà Bruller, nói chuyện bằng điện thoại, tôi nghe vài tiếng "chắc chắn" và "lẽ tất nhiên". Tôi như lênh bênh trong ánh sáng lờ mờ ngọt ngào ấy.

Monique mau mệt hơn tôi. Tôi thấy nó đối chọi với một tia sáng như một con ruồi nhỏ trên một tờ giấy diệt ruồi. cuối cùng, Monique ngủ thiếp đi, nó không rên nữa. Tôi đứng lên và lúc ấy tôi mới nhìn gian phòng, như một người mộng du được người ta thức dậy một cách thình lình và ngơ ngác thấy mình mặc

áo ngủ trên nóc một ngôi nhà năm tầng. Gian phòng ấy khá rộng. Bên cạnh tủ có một cái đi văng, vài thứ đồ chơi để rải rác trên một cái kệ, một cái tủ nhiều hộc mà hai cái hộc ở dưới cùng mở toang. Những tia sáng mặt trời lọt vào khắp nơi và trong các tia sáng ấy là vũ điệu thường xuyên của bụi bặm, bức màn không che kín hoàn toàn cửa sổ. Tôi rón rén đi đến gần cửa sổ. vườn ở bên dưới yên tĩnh. Một con gà mái trắng lặng lẽ bước đi và tìm sâu bọ.

- Nó ngủ rồi à?

Tiếng thì thầm của bà Bruller ở sau lưng tôi làm cho tôi giật mình, thiếu đường hụt hơi.

- Dạ, nó ngủ...

- Nhưng cô còn đợi gì nữa? Cô hãy đi ăn trưa, chắc cô đói bụng rồi.

Tôi đi với bà ta xuống tầng trệt. Mùi dầu đun nóng và thịt rôti phảng phất trong nhà. Tôi nói:

- Tôi muốn đi rửa tay một chút.

Bà ta thấy điều đó là đương nhiên, nên chỉ cho tôi một cái cửa. Mãi tới bây giờ tôi mới thấy tôi trong một tấm gương. Tôi chà xát hai bàn tay với một miếng xà phòng và tôi nhìn mặt tôi trong tấm gương. Không có vết đen trên trán của tôi, nhưng hai con mắt tôi thâm quầng vì mệt mỏi. Những đêm chờ đợi ở Kufstein và chuyến xe lửa, trong đó tôi đã trải qua mười tám giờ không chợp mắt, đã để lại những nét hốc hác và mệt mỏi trên khuôn mặt tôi. Tôi nhìn phòng tắm. Có hai cái áo choàng để mặc sau khi tắm xong. Cả hai cái đều đã sờn vì dùng quá lâu, men bồn tắm đã bị tróc lở. Trên kệ có một ống kem đánh răng, những bàn chải đánh răng đã mòn vì được dùng khá lâu, một số ly nhựa màu hồng có dấu son môi. Nhưng ở đây cũng có một cửa sổ trông xuống vườn. Tôi cũng thấy có hai đôi giày vải. Tôi đi ra khỏi phòng tắm và bà Bruller dẫn tôi đến phòng ăn, ở đó có một người đàn ông mảnh khảnh, đang đọc một tờ báo.

- Đây là Christine – bà Bruller nói và tôi cảm thấy hơi lo bởi vì bà ta không nói cho chính xác Christine người bảo mẫu. Chỉ còn được gọi là Christine, phạm vi công việc của tôi trở thành rộng lớn, không có giới hạn.

- Cô đi chuyến tàu đêm có mệt lắm không?

Ông Bruller hỏi tôi và đưa tay ra cho tôi bắt. Nhưng ông ta không đợi câu trả lời của tôi mà cúi xuống đọc tờ báo trở lại.

Bà Bruller chỉ chỗ cho tôi ngồi và nói với tôi:

- Cô hãy ngồi ăn với chúng tôi, như một người trong gia đình...

Rồi bà ta nói với chồng:

- Anh yêu, anh có vui lòng để tờ báo của anh xuống không?

Ông ta ngồi tĩnh lặng, không nhúc nhích. Cái giọng nhỏ nhẹ của bà đối với ông, vì có sự hiện diện của tôi, bất ngờ đến nỗi ông không nhận thấy rằng bà đang nói với mình.

- Hãy để tờ báo xuống đi...

Cái giọng nói thật sự ấy làm ông giật nảy mình, như thể đó là tiếng nổ của đạn trái phá. Ông ta để tờ báo xuống bên cạnh đĩa thức ăn của ông, và chúng tôi bắt đầu ăn món ragu và khoai tây hấp.

- Christine, cô hãy vui lòng đi lấy muối.

Tôi đứng dậy:

- Thưa bà, nhà bếp ở đâu?

- Cửa bên phía tay trái, cô sẽ tìm thấy muối để trên bàn.

Tình trạng trong nhà bếp thật là bừa bãi. Soong chảo bát đĩa, ly chén, tất cả đều để ngổn ngang dưới đất. Hình bóng thoáng qua của người nữ tì nhìn tôi một cách khinh khỉnh. Nhưng đó chỉ là một ảo ảnh mà tôi đã có trong khi tôi tìm muối.

Khi trở lại phòng ăn, tôi giả vờ như tôi chẳng thấy gì trong nhà bếp hết.

Bà Bruller hỏi:

- Cô rời khỏi Hungari vào lúc nào?
- Tính đến nay đã bảy tháng...
- Vì sao chậm thế? Vì sao cô đã đợi đến năm 1948 mới đi?

Ông Bruller muốn xen vào câu chuyện:

- Ở bên đó chắc mọi sự không được vui vẻ lắm.
- Ô, không...
- Cô đã luôn luôn ở Budapest?
- Cho tới khi tôi đậu tú tài.
- Ở bên đó, chắc là buồn, buồn lắm – bà Bruller nói, rồi thêm – Cô sẽ giúp tôi rửa bát đĩa sau bữa ăn nhé?
- Tôi vui lòng làm việc ấy, thưa bà.

Ông Bruller nói với tôi một cách lịch sự:

- Tôi không tin là có những phụ nữ Hungari tóc vàng nâu. Tôi đã hình dung họ với những bím tóc đen, đôi khi dài đến tận mắt cá.

- Hiếm có những phụ nữ như thế - tôi đáp để lảng tránh.

Hai ông bà rời khỏi bàn ăn rất nhanh. Bà Bruller giải thích với tôi rằng bà lợi dụng giấc ngủ của con gái bà để nghỉ ngơi một chút.

- Chồng tôi trở lại văn phòng của ông ấy ở Paris..Thôi, tôi để cô làm việc. Cô sẽ tìm thấy những gì cần thiết để rửa chén bát. Tôi sẽ chỉ cho cô phòng của cô sau. Nhưng, trong những ngày khó khăn sắp đến, cô sẽ ngủ trên đi văng trong phòng của Monique.

Tôi nghe tiếng xe của ông Bruller rồ máy và tôi còn lại một mình, lúng túng, chán nản với một đồng soong chảo, bát đĩa, ly chén.. cao như núi trong một ngôi nhà lạnh ngắt như tờ, giữa một khu vườn đầy cỏ dại.

"Con hãy viết thư cho bố mẹ ngay lập tức, mẹ tôi đã căn dặn. Ngay trong ngày con tới nơi!"

Nhưng nào tôi có được một phút rảnh rang! Tôi phải bắt đầu tìm kiếm và tập trung những thứ cần thiết để rửa soong chảo, bát đĩa cho sạch sẽ. Tôi đun nước sôi trong một cái thùng nấu giặt áo quần. Tôi tìm được một cái bàn chải, nhưng nó đã cũ và xác xơ như một con chó bị bệnh rụng lông. Tôi phải nấu nước sôi đến ba lần. Khi tất cả mọi thứ đều sạch sẽ và sáng ngời, tôi muốn ngồi xuống nghỉ ngơi một chút thì bà Bruller đã lên tiếng gọi:

- Christine hãy lại đây mau lên... - tôi chạy tới cầu thang, từ trên lầu một, bà nói:

- Cô vui lòng pha cho tôi một bình trà thật loãng và một cốc sữa nóng cho Monique.

Sau khi đã cật lực làm việc rửa ráy dọn dẹp bề bộn ấy, tôi đã biết tìm ở đâu ra trà, sữa và sự thất vọng.

Mãi cho đến tối, bà Bruller không ngớt ra lệnh:

- Christine, cô vui lòng dọn dẹp giúp phòng ngủ của tôi, tôi đã kéo chăn mền ra khỏi giường rồi, cô có thể sắp đặt giường nệm lại cho ngay ngắn...Nếu cô có rảnh thì giặt giúp áo quần của Monique. Tôi đã chắt đóng trong phòng tắm. Thường thường, tôi giao tất cả cho tiệm giặt ủi, nhưng áo sơ mi của con bé mỏng manh quá. Cô không thấy trong phòng sinh hoạt chung có quá nhiều bụi bặm sao? Nếu cô có thói quen ăn quà vặt buổi chiều thì cứ tự nhiên.

Tôi bắt đầu sắp đặt lại giường nệm của bà và ông chủ. Đây là lần đầu tiên tôi thấy một cái giường rộng kiểu Pháp. Trước tiên tôi lột các tấm vải trải giường. Bà chủ cho rằng vải trải giường đã bẩn rồi, bà đưa cho tôi tấm vải mới. Tấm nệm khổng lồ, nặng trĩu khi tôi giở nó lên và nó mềm oặt đến nỗi tôi không thể lật nó xuống lại được, nó cứ nằm xếp đôi lại ở chính giữa giường như một người khổng lồ đau bụng. Nhưng cuối cùng rồi tôi cũng thành công và gian phòng đã trở nên có ngăn nắp. Trong một phút không chú ý của bà chủ, tôi liếc mắt nhìn xuống dưới vườn và thấy con gà mái đang ở phía trước

cửa sổ. Hoàng hôn đã nhuộm vàng bộ lông trắng của nó. Nó ngẩng đầu lên và nó nhấp nháy mắt trái để tỏ lòng thân thiện với tôi. Tôi và nó nhìn nhau, chúng tôi đã trở thành đồng loã và tôi quyết định sẽ gọi nó là Oline. Nó giống như một nàng tiên trên đám cỏ xanh đậm.

- Christine, cô làm gì đó?

Nói cho đúng, tôi làm gì đó? không làm gì cả. Và tôi lặp lại như tiếng dội lại của chính tôi:

- Thưa bà, không làm gì cả.

- Cô mệt?

- Thưa bà, hơi mệt.

- Cô hãy đi theo tôi, chúng ta đi nấu cơm tối. Nửa giờ nữa ông nhà tôi sẽ về.

Trước khi xuống tầng trệt, tôi đi vào trong phòng Monique. Ngồi dựa lưng vào các cái gối chồng lên nhau, nó đang đọc một quyển sách nhi đồng. Thấy tôi vào, nó nói:

- Cô kể cho em nghe một chuyện cổ tích đi.

Tôi muốn ở lại, nhưng bà Bruller đã thúc giục:

- Christine, cô không xuống sao?

- Cô hãy ở lại đây – Monique khóc vờ - cô hãy kể chuyện cổ tích đi.

Tôi đi xuống và bà Bruller nói:

- Không nên làm cho một đứa bé khóc.

- Tôi không muốn làm cho nó khóc, nó gọi tôi và tôi đã đi vào trong phòng nó. Nó muốn tôi kể cho nó nghe một chuyện cổ tích.

Nét mặt bà Bruller trở nên nghiêm nghị:

- Đừng quá cứng chiều mà làm hư nó, nhất là đừng làm cho nó hư.

Tôi lật rau, gọt vỏ trái cây, tôi dọn bàn, trải khăn.

Bà Bruller cho tôi một cơ hội tốt:

- Cô ra vườn đi, đi vòng ra phía sau nhà, ở đó có một cái chuồng, chúng tôi có một con gà mái đẻ mỗi ngày một quả trứng, cái trứng đó là của Monique.

Tôi hân hoan đi ra vườn với một cái thở phào khoan khoái. Con đường nhỏ quanh nhà vắng vẻ, bóng tối đã phủ các gốc cây, không khí ẩm áp mơn trớn mặt tôi. Tôi tìm thấy cái chuồng gà gần hai bụi cây. Cửa chuồng mở. Tôi bước tới gần và thấy trên lớp rơm màu vàng một quả trứng trắng sáng ngời, tôi sờ thấy nó còn nóng, chắc Oline ở đâu đó không xa lắm. Nó xuất hiện. Tôi ngửa bàn tay đưa tới phía nó những mẩu nhỏ bánh mì, nó nhìn thức ăn ấy một cách cẩn thận, nhưng lưỡng lự, từ chối không ăn, và bước vào chuồng. Tôi đóng cửa chuồng và trở vào nhà với quả trứng tươi.

Trong bữa ăn tối, tôi phải lên lầu thăm chừng Monique hai lần và sau đó tôi phải nuốt nhanh những gì đã nguội lạnh trong đĩa thức ăn của tôi. Bà Bruller đưa cho tôi vài trái giềng, chần mềm... và rất buồn rầu, tôi chuẩn bị chỗ ngủ của tôi trên cái đi văng ở trong phòng của Monique. Ôi! Tôi muốn có một cái phòng riêng cho tôi xiết bao! Nhưng có lẽ vài ngày nữa tôi sẽ có cái phòng của người giúp việc. Tôi không hề nghe họ nói gì đến người giúp việc cả.

Tôi không có áo mặc trong nhà, nên tôi phải mặc lại áo quần trong phòng tắm, trước khi trở lại phòng của Monique chỉ cách đó vài bước. Với một viên thuốc an thần Monique lại ngủ ngon giấc và bà Bruller nói rằng tôi rất hên là đã đến đây khi con bé đã gần hết bệnh.

Ông chủ về rất trễ. Tôi nghe tiếng thắng xe của ông trong khi tôi đang ngủ chập chờn. Cái mền của tôi quá ngắn, tôi phải nằm co để cho ấm và từ cái gối phẳng phất một mùi mốc. không biết bà Bruller đã lấy cái gối từ đâu ra để đưa cho tôi. Tôi buồn ngủ để nên đã không khóc.

Thật là kinh khủng, sự sâu kín của con người. Tôi ở đây bốn tuần rồi và tôi đã biết mặt họ, đã biết những tiếng họ thường dùng, được biết cái lối kín đáo của họ bước đi khiến đôi giày vải của họ bị biến dạng, được biết vẻ mặt cau có của họ lúc sáng sớm và được biết những thức ăn mùi vị lạt lẽo mà

họ ăn.

Monique mới khỏi bệnh, mặt mày còn xanh xao, trợn mắt nhìn tôi đăm đăm trong các bữa ăn và nó nói rằng tất cả những gì mà bố mẹ nó không dám nói, nó hoàn toàn tự do vì nó chỉ là một đứa trẻ. Tôi không nói rằng nó ghét tôi, tình cảm của nó đối với tôi tệ hơn. Nó nhìn tôi một cách lạnh nhạt, nó kêu la và khóc lóc, rồi nó nín thinh và chờ đợi.

Nó hỏi tôi:

- Vì sao cô nói tiếng Pháp giọng hơi khác chúng tôi? Nước Hungari, có phải như đất nước Trung Hoa không? Vì sao cô ăn chung bàn với chúng tôi? Những người giúp việc luôn luôn ăn ở nhà bếp mà...

Bố nó can thiệp như một nhà ngoại giao và một người theo nhân bản chủ nghĩa:

- Coi kìa Monique, con biết rõ rằng Christine không phải là một người giúp việc trong nhà chúng ta, cô ấy là bảo mẫu của con.

Monique cứ nói tự nhiên, không chút ngại ngùng:

- Cho đến bây giờ con không có bảo mẫu, mà chỉ có người giúp việc... Vì sao ba lại gọi cô ta với một cái tên khác?

- Con còn nhỏ mà nói quá nhiều, không tốt – mẹ nó nói – Con hãy ăn cho ngoan và sau đó Christine sẽ đưa con đi ngủ.

Đưa nó đi ngủ. Để cởi những gì Monique mang trên người nó là cả một cuộc vật lộn. Để mở nút các áo thun và tháo giày của nó, tôi phải quỳ gối xuống trước mặt nó. Tôi cũng phải kể chuyện cho nó nghe, tôi không có tài kể chuyện, tôi ngáp dài ngay khi tôi bắt đầu kể một chuyện. không phải là lỗi tại tôi, nhưng những chuyện kể cho con nít làm cho tôi buồn chán muốn chết. Giá như tôi có thể kể chuyện Wanda! Wanda sẽ có một tình nhân người da đen...

"Không biết có tình nhân thì có vui vẻ, có dễ chịu không?" nhưng nét mặt nghiêm khắc của mẹ tôi cấm tôi dùng từ "tình nhân", tôi trong sạch hoá các tư tưởng của tôi và tôi đặt lại câu hỏi "Không biết có chồng có vui vẻ, dễ chịu không?"

Monique thúc giục:

- Cô kể chuyện đi chứ...

- Ngày xưa ngày xưa...

Tôi hình dung Georges đang đứng trong cái mỏ bạc của anh. Tôi thấy anh đi ngập tạt mắt cá trong bạc lỏng, như lội trong một con suối. Monique lại nói:

- Nếu cô không kể, em sẽ mách má cho mà xem.

- Con sẽ mách má điều gì, cục cưng của má? – Bà Bruller hỏi, bà xuất hiện trước cửa phòng, mặt trát đầy kem láng bóng. Bà mặc áo choàng hơi hở ngực sau khi tắm, bà đã mặc áo ngủ. Tôi cũng nghe tiếng chân đi tới đi lui của ông Bruller. Tôi hầu như thương hại cho ông khi tôi nhìn thấy vợ ông. Hôn bà, là hôn một miếng thịt mỡ!

Bà nói với tôi:

- Christine, cô không có óc tưởng tượng sao? Con bé tội nghiệp này thích nghe chuyện thần tiên lắm...

Cuối cùng mọi người đều đi ngủ. Ngày mai họ tha hồ dậy trưa, còn tôi, tôi được tự do. Ngày mai, Chủ nhật, tôi đi Paris. Hình như tại đó có một buổi lễ trong nhà thờ dành cho cộng đồng người Hungari. Kể từ khi đến đây, tôi không có ngày chủ nhật, và ngày mai tôi sẽ có trọn một ngày. Tôi sẽ ra đi ngay vào lúc chín giờ, để đến kịp xem lễ vào lúc mười một giờ.

Tôi thức giấc rất sớm và phải nằm yên chờ thời giờ trôi qua. Tối hôm trước, theo lệnh của bà Bruller, các cửa sổ phải đóng thật kín, bà sợ ăn trộm và rất sợ các luồng gió lùa. Vào khoảng bảy giờ rưỡi tôi mới trỗi dậy, tôi nhón chân đi vào phòng tắm. Tôi đã giật mình khi tiếng nước từ vòi chảy ra nghe to quá. Tôi phải vận bớt nước cho chảy ra từ từ và đóng cửa phòng tắm lại cẩn thận. cuối cùng tôi gác lại tất cả để ra đi. trước khi đi, tôi đem thức ăn và nước uống cho con gà mái Ondine. Thấy tôi, nó rũ lông cho bay bớt bụi bặm và mổ các mảnh vụn bánh mì trên lòng bàn tay tôi một cách say sưa. Tôi có cảm giác rằng các cú mổ của cái mỏ con gà Ondine là những nụ hôn âu yếm, một sự biểu lộ tình thương. Sáng hôm ấy, tất cả đều vươn tới một sự nảy nở hoàn toàn của niềm vui tươi.

Tôi dần bước đi nhanh trên con đường dẫn đến nhà ga. Tôi có một cái áo dài vải len màu xanh, tóc tôi rũ loà xoà trên vai và quyển sách kinh lễ Misa to đến nỗi tôi không gài nắp cái xách tay lại được. Mặt trời cuối tháng sáu đã khá nóng và những kẻ lang thang ngủ vỉa hè ở khu phố Versailles đã tung mền ra khỏi người trong giấc ngủ chập chờn của họ. Tôi hình dung những gia đình ở phía sau những bức rèm khép kín. Nhưng không có người nào có vẻ mặt của ông hay bà Bruller. Với một sự kiên trì hợp lý và có ý thức, tôi muốn bảo toàn cái hình ảnh mà tôi đã hình dung về nước Pháp từ bao nhiêu năm nay rồi. Tôi biết ông bà Bruller chỉ là một trường hợp cá biệt. ngày hôm qua, tôi đã gửi một bức thư cho bố mẹ tôi, một bức thư ngắn, vắn tắt, đại ý nói rằng "Con rất mạnh khoẻ, và con bằng lòng được ở tại nước Pháp".

Và tôi rất xúc động khi ghi tên mình vào sau chữ "người gửi" với địa chỉ ở Versailles. Dù ai cho tôi cả một gai tằm, tôi cũng sẽ không thú nhận với bố mẹ tôi rằng bà Bruller đã bắt tôi phải làm việc tất bật suốt ngày, cho nên mãi đến nay tôi vẫn chưa đi thăm được điện Versailles, các vườn hoa, bóng dáng thấp thoáng của Marie Antoinette mà tôi ái mộ như Fersen đã say đắm đến mức tôn sùng. Dù chính thể Cộng hoà, người ta cũng tha thứ tất cả cho một hoàng hậu đã biết yêu. Chính Stephan Zweig cho tôi biết về Marie Antoinette trong quyển sách mà ông đã viết về bà hoàng hậu bạc mệnh này.

Sáng hôm ấy, các con đường vắng vẻ của thành phố Versailles toả hương thơm trong ánh mặt trời sáng chói. Tôi đáp xe lửa vào phút chót và ngồi thu mình dựa lưng vào một cái ghế gỗ dài cứng, tôi bị xâm chiếm bởi một nỗi sợ hãi khó tả. Tôi sắp đi xem Paris. Ôi, tôi muốn đi xem thành phố ánh sáng một cách khác kia. với một giấy thông hành hợp lệ trong túi, một cái mũ bê rê màu xanh trên đầu, cái máy đánh chữ xách tay và tập "chi phiếu du lịch" trong túi xách. Khi tôi xây dựng những ước mơ đi thăm Paris, tôi hình dung tôi tới Paris như thế đó.

Khi tôi đưa vé để ra khỏi sân ga, tôi thấy ngay lúc đó rằng hai bàn tay tôi thô ráp xù xì và móng tay tôi giòn dễ gãy. Tôi phải lau chùi quá nhiều lần nhà bếp của bà Bruller, với những chất tẩy rửa hại da. Trong phòng đợi của nhà ga, tôi chợt thấy bảng chỉ dẫn tàu điện ngầm chạy trong thành phố. Tôi lập tức đi xuống đó, khỏi đi ra ngoài đường. Các cô bán vé rất lịch sự giúp tôi khám phá ra địa điểm của ngôi nhà thờ mà tôi muốn đến. Tôi rời khỏi tàu điện ngầm ngay ở phía trước nhà thờ.

Sau khi đi qua sân, tôi vào trong nhà thờ còn vắng vẻ. Tôi quỳ xuống trên một cái ghế để cầu nguyện, tôi quan sát những người đi vào từng đoàn nhỏ và tản mát trong các hàng ghế. Một mùi hương trầm phảng phất và tôi có cảm giác rằng trong vài phút nữa chắc tôi sẽ đói bụng lắm, tôi đã ra đi từ Versailles mà không ăn điểm tâm.

Tôi rất lơ đãng trong lúc lễ Misa được cử hành, tôi chỉ hiểu được vài lời trong bài thuyết giáo "Các con hãy lương thiện, siêng năng và nhu mì". Lễ chấm dứt, tôi đi ra cái sân nhỏ, nơi các đồng bào của tôi đang trò chuyện với nhau. Về sau tôi mới biết đây là nơi họ có dịp gặp nhau mỗi tuần một lần. Tôi không quen biết ai trong số họ cả. Tôi đợi tại một xó góc sân, không có mục đích, chỉ để giết một chút thì giờ và đột ngột, một sự bất ngờ xảy ra. Tôi chợt thấy Georges đang nói chuyện với một người đàn ông trẻ tuổi khác. Trong ánh nắng, mặt Georges xanh xao và có vẻ rất mệt nhọc. Tôi nhìn anh ta trong

ba bốn phút, anh ta mới chợt thấy tôi. Với một nụ cười hoài nghi, chắc là đang tìm kiếm tên tôi trong ký ức, anh ta đi đến bên tôi và đưa tay ra:

- Xin chào.

Sau một chút im lặng, anh ta nói thêm:

- Christine...

- Chào Georges. Ông chưa đi Pérou? Cái mỏ bạc bây giờ ra sao rồi?

Georges hơi nhăn mặt:

- Cái mỏ bạc ấy bị nhận chìm dưới nước rồi.

Đột nhiên tôi xúc động đến nỗi phải kêu lên:

- Ôi tội nghiệp Georges....

- Không đến nỗi nghiêm trọng đến thế đâu – anh ta đáp và nói tiếp rất nhanh – Tôi có thể đưa tiền cô về không? Mà, sự thật, vì sao cô lại ở Paris? Cô đã gặp những điều khó khăn ở Innsbruck...

Chúng tôi đi ra sân nhà thờ. Ngoài đường đã nhộn nhịp người qua lại, nhưng tôi chợt thấy một tiệm cà phê. Và tôi vội vã băng qua đường để đi ngay tới đó.

- Cô đi quá nhanh, khéo vấp – Georges nói với tôi và mỉm cười.

- Tôi muốn uống một ly cà phê, nhưng phải nhanh lên...

Anh ta nắm lấy cánh tay tôi để dắt tôi đi, trong đám đông người qua lại. Và cái nắm tay thân mật ấy đã gây ra nơi tôi một sự phản ứng kỳ lạ, phần thân thể bên trái của tôi, gần bên anh ta, nóng lên và trong khi phần bên tay phải thì lạnh ngắt. Khi đã ngồi vào một cái bàn nhỏ trong tiệm cà phê, nhắm nháp một lát bánh mì, tôi nhìn thẳng và mặt của anh ta. Tôi uống cà phê, nhưng rất khó khăn, tôi muốn dấu hai bàn tay thô ráp của tôi...

Đột ngột Georges hỏi tôi:

- Cô ở đây một mình?

- Vâng, có độc một mình!

Và tôi nghe tiếng của tôi hỏi:

- Còn ông?

- Hoàn toàn cô độc.

- Và bây giờ ông không đi Pérou nữa, ông dự định sẽ làm gì ở đây?

- Tôi đã ghi tên học luật... và sau đó...

Georges rút ra một chiếc thuốc lá và tôi thấy nơi bàn tay trái anh ta có đeo một chiếc nhẫn mang huy hiệu của một gia đình quý tộc.

Thấy tôi nhìn chiếc nhẫn, anh ta nói:

- Ô, cô biết không, tôi ít khi đeo nó. Tôi không thích nó... Và cô, cô muốn làm gì ở Paris?

- Viết sách.

- Viết sách gì?

- Tiểu thuyết, rất nhiều tiểu thuyết, những truyện ngắn.

- Cô quen biết những nhà xuất bản ở Paris chứ?

- Tôi? Những nhà xuất bản ở Paris? Tôi không quen biết một người nào ở Paris cả và tôi làm việc ở Versailles, tôi là bảo mẫu cho một em bé gái bảy tuổi..

Sau một hồi đi dạo, chúng tôi đến bên bờ sông Seine.

Georges nói với tôi:

- Tôi sẽ hướng dẫn cô đi xem Paris.

Nhưng tôi lắc đầu:

- Khoan! Để sau đã...

làm sao tôi có thể kể với anh ta về cuộc sống mà tôi phải đeo đuổi, về sự thẽ mà tôi phải làm lụng vất

và từ sáng đến tối? Làm sao tôi có thể nói với anh ta rằng giả sử anh ta đã đi Pérou thì có lẽ hay hơn, vì tôi đã có lòng triu mến anh ta? Tôi quá cô đơn nên tôi không thể không yêu anh ta ngay lập tức...

Georges nài nỉ một cách lịch sự:

- Nhưng dù sao tôi cũng sẽ hướng dẫn cô đi xem Paris.

Tôi nhìn dòng nước sông Seine, tôi giả vờ trầm ngâm suy nghĩ, nhưng sự thật tôi dò xét anh ta và dò xét chính mình. Mọi sự đều dễ dàng đối với định mệnh: hai người cô đơn, trẻ trung và sợ hãi, gặp nhau ở Paris, trên bờ sông đó, một người đàn ông đang ngồi câu cá, trên các bậc cấp, một cặp tình nhân hôn nhau, người này thường thức đôi môi của người kia, như thể họ là những người có nhiệm vụ nếm thử thức ăn và chúng tôi là vua chúa, họ phải chứng minh với chúng tôi rằng món ăn không có thuốc độc. không, ông bạn của tôi ơi, tôi không muốn tất cả những điều ấy, đó sẽ là một thứ tình yêu được sửa soạn một cách quá khoa học!

"Ông bạn không nghe tôi... Tôi nói rằng...."

...Và một lần nữa, lần cuối cùng tôi phải nỗ lực để tự giải thoát. Tôi kể ra tất cả những gì tôi đã nghe nói về tình yêu. Kể cả câu người ta nói rằng một người đàn bà có mái tóc vàng nâu không bao giờ được yêu một người đàn ông có tóc vàng nâu.

Tôi xoay mặt về phía anh ta để nói lời từ giả và bỗng nhiên tôi ghen ngào xúc động. Anh ta có vẻ lo âu, căng thẳng và nghiêm nghị.

Tôi đáp:

- Vâng..vâng..Chúng ta có thể gặp nhau vào Chủ nhật tới...

Tôi có cảm giác rằng ngày hôm ấy sẽ kéo dài mãi mãi không còn có Versailles nữa, không còn có Monique nữa. Chỉ có một tình yêu man mác, rụt rè.

Chương 8

Cuộc sống của chúng tôi ở Versailles có nhịp độ của một cái đồng hồ cát. Tôi làm việc từ sáng đến tối, không một chút nghỉ ngơi. Tôi không thích nghe những mệnh lệnh gay gắt và thúc giục của bà Bruller, tôi lật đật làm trước khi bà ta ra lệnh. Một cuộc chạy đua điên cuồng. Tôi phải ẻ vai gánh vác tất cả công việc trong nhà. Buổi sáng, tôi là người thức dậy đầu tiên, tôi sửa soạn bữa ăn điểm tâm và tôi đi đánh thức cô bé Monique luôn luôn nũng nịu, luôn luôn sẵn sàng quấy rầy, với một thùng nước mắt phía sau cặp mắt đen của nó. Bà Bruller đi xuống phòng ăn, bước chân lảo đảo vì còn ngái ngủ, mồm mệp vì những giấc mơ. Ông Bruller, nóng nảy, tay sờ mặt bị dao cạo làm đứt da và nhìn cái khăn tay dính máu của ông. Trong lúc bà Bruller đi mau đồ dùng hàng ngày, thì tôi quét dọn nhà cửa và trông chừng Monique chơi trong vườn suốt ngày, vì nó được nghỉ hè. Những tiếng kêu thất thanh của con gà Ondine thường buộc tôi phải xuống xem sự gì đã xảy ra. Một hôm Monique đã đổi đầu với tôi:

- Cô hãy để cho tôi yên, con gà mái này là của tôi.

- Nhưng cô không cho phép em được hành hạ nó – tôi đáp, hơi dữ dội.

Monique dọa tôi:

- Má đã nói là Má làm thịt nó, vì nó không đẻ nữa.

Quả thật Ondine đẻ quá mệt mỏi. Từ một tuần nay tôi đi nhặt trứng của nó mà không có. Nó kêu cục tác, cục tác một cách tuyệt vọng, xoay đầu nhìn tôi trù trù bất quyết. Nhưng tôi không bao giờ nghĩ rằng tánh mạng của nó bị đe dọa. Trong lúc tôi nói chuyện một cách sôi nổi với Monique, thì nó chạy trốn và biến mất sau một bụi cây rậm rạp.

Tôi trở lên lầu một và tiếp tục dọn dẹp quét tước trong phòng ngủ của ông bà chủ. Cái giường với tình

trạng âm âm lạt lẽo của nó, các cửa sổ mà tôi mở toang ra một cách đột ngột, những đồ vật mà tôi làm cho linh động trong trí tưởng tượng của tôi, tôi đều quyết định rằng chúng có một cái hồn. Và đây là cái lược đầy tóc đen của bà Bruller, nó rên siết "Thật là ghê tởm..." và đây là những đôi giày vải mà đế giày đã mòn lẹm gót, chúng khóc nỉ non "Người ta có thể nói chúng tôi là những con lạc đà hay những con voi..." Ngôi nhà đã hoàn toàn thoáng khí, bà Bruller rùng mình ớn lạnh, bà kêu lên "Ôi luồng gió ló lạnh quá!"

- Thưa bà, nay đã là tháng bảy rồi.

- Nhưng con bé sẽ bị bệnh viêm tai cho mà coi.

Tôi không nói một lời nào nữa, tôi đóng các cửa sổ lại và ngẫm nghĩ "Ồ, thật là khốn nạn! Ta sẽ thoát ra khỏi nơi này!"

Bà Bruller lấy cái ghế xếp duy nhất trong nhà ra và nằm phơi nắng, bà tự buông thả mình hoàn toàn, tôi hầu như chắc chắn rằng không bao giờ bà hiến thân cho chồng bà với một vẻ khoái lạc đến như thế.

Tôi sửa soạn xong bữa ăn trưa và lúc một giờ và ông Bruller về tới nhà. Ông ta thắng xe nghe kèn kẹt, và tôi, tôi cũng muốn nghiêng răng kèn kẹt. Tôi đóng vai bồi bàn và đến khi tôi có thể ngồi xuống, tôi ăn qua loa cho xong bữa, tôi mệt quá nên không thấy đói. Tôi đem cà phê ra ngoài vườn cho ông bà chủ. Tôi trở vào rửa chén bát và những mẩu chuyện mà hai ông bà nói với nhau lọt qua cửa sổ mở của nhà bếp tới tận tai tôi. Tôi biết họ đã thuê một biệt thự ở bờ biển kể từ ngày một tháng tám.

"Một cuộc nghỉ mát thật sự... Một cuộc nghỉ mát lý tưởng..."

giọng nói của ông chủ hứa hẹn những điều tuyệt vời, những chuyện hảo huyền.

"Em sẽ không cần nhìn đến bếp núc, nhưng lẽ tất nhiên, Christine, nó sẽ bằng lòng, không khí ở đó trong lành..."

ngày mai, tôi sẽ nói với họ quyết định của tôi. Hôm nay tôi còn là tôi mọi, nhưng ngày mai, họ sẽ biết rằng con chim sẵn sàng bay đi.

Nếu tôi có thì giờ nằm nghỉ một chút, tôi sẽ ngủ thiếp đi ngay lập tức. Tôi muốn ngủ được một giấc dài, không mộng mị, ngủ như chết. Tôi run run vì mệt và tôi giật nảy mình khi nghe tiếng nói của bà chủ. Sau khi rửa chén bát, tôi sửa soạn bữa ăn nhẹ buổi chiều, sau đó tôi đi với Monique "Con bé tội nghiệp bị nhốt suốt cả ngày". Nó thích chạy nhảy và trốn vào trong các xó, tôi chạy theo nó, tôi thở hổn hển. Tôi đã học được cách khóc mà không có nước mắt, nước mắt làm cho cổ họng tôi nóng bỏng và để lại một vị cay đắng trên vòm miệng. Tôi chụp được Monique, tôi nắm chặt bàn tay nó. "Ái, cô làm em đau", nó nói. Nhưng tôi không nói gì cả, tôi cứ đi và hai đầu gối tôi run run.

Khi trở vào trong nhà bếp, tôi bắt đầu sửa soạn bữa ăn tối. Bà Bruller đi vào nhà bếp, bà ngồi trên một cái ghế và nhìn tôi:

- Christine, chúng ta sắp đi nghỉ mát ở bờ biển. Ở đó, cô sẽ bớt xanh xao. Sự thật, vì sao cô xanh xao đến như thế? Tôi hy vọng là cô không có bệnh gì chứ? Tôi phải lo âu là vì con bé.

Tôi gọt vỏ những củ khoai tây cũ, chúng xanh nhạt và hư nhiều chỗ. Bà Bruller chống tay lên bàn và phán một câu như để mở đầu dấu hiệu còn gọi chó săn đến ăn bộ lòng của con thú săn được.

- Ngày mai Chủ nhật, tôi sẽ làm thịt con gà mái, nó rất béo, chúng ta sẽ có một món xúp ngon lành, ông chủ mê món xúp gà lắm.

Tôi tiếp tục gọt vỏ khoai tây, không thèm nhìn cái mặt tàn bạo của bà chủ. Sáng Chủ nhật, tôi sẽ ra đi luôn, không trở lại đây nữa.

Tối hôm ấy, sau bữa ăn tối, tôi được phép đi tắm. Tôi vào trong phòng tắm, đóng cửa lại và một khi đã trần truồng, tôi nhìn thân hình tôi. Nó gầy nhom, hai xương bả vai nhô lên.

Đã hai tháng rồi, tôi sống như một bà chủ nhà quái dị mời vào trong túp lều tranh của mình cả một gia đình. Khách mời của tôi là ông và bà Bruller và con gái của ông bà là Monique. Tôi đã chăm sóc họ rất chu đáo, nhưng tôi đã làm xong nhiệm vụ của tôi rồi, ngày mai tôi sẽ ra đi. Với hai tháng tiền lương

trong túi, tôi sẽ thuê một cái phòng nhỏ xíu và kiếm một công việc khác.

Có tiếng gõ cửa.

- Cô tắm chưa xong sao?

- Thưa bà, xong rồi.

Ở trong giường của tôi, tôi nằm co như mọi đêm. Tôi còn thức dậy một lần nữa để lấy nước cho Monique.

Khi tất cả đã ngủ yên giấc, tôi suy nghĩ. Tôi không trở về trại tị nạn Jufstein. Tôi muốn, tôi phải ở lại Paris. Tôi sẽ tìm ra được một việc làm khác. Thân thể tôi đau đớn vì mệt mỏi và tôi không dễ được giấc ngủ. Tử tưởng của tôi sáng suốt lạ lùng. Không thể giữ một chỗ tối tắm nào trong tâm hồn của tôi, vì sao phải nói dối với người khác hay chính mình? Ngày mai Georges sẽ đợi tại sân ga Saint Lazare, như thường lệ, cuộc gặp ngày mai sẽ là cuộc gặp quyết định.

Không khí nóng nực trong ngôi nhà này làm cho tôi ngột ngạt. Tôi cảm thấy choáng váng, mơ màng giữa mộng và thực. Tôi hất tung cái mền đắp chân như thể xua đuổi một con chó già nằm ngủ trên chân tôi. Mùi mốc của cái gối làm tôi nghẹt thở. Nằm yên không cựa quậy, tê mê, tôi cảm thấy mồ hôi toát ra và chảy dọc lưng tôi, nổi niềm cô đơn hành hạ tôi như một cơn đau dai dẳng.

Tôi chờ đợi bình minh và trong ánh sáng vừa ló dạng, tôi mặc áo quần, tôi ngồi trên mép giường và vào khoảng bảy giờ, tôi xách cái va li nhỏ bằng các tông cứng của tôi. Tôi rời khỏi nhà và đóng cửa lại cẩn thận. Tôi đi tới cái chuồng của Ondine. Nó ngủ trên ổ rơm của nó. Tôi đánh thức nó dậy. Nó xù lông và muốn bảo vệ những quả trứng vô hình của nó, nó ấp. Tôi đuổi nó ra khỏi chuồng, nhưng nó không hiểu gì cả và cứ đi được năm bước là nằm xuống và kêu cục tác cục tác. Tôi thì thầm:

- Mày ngu lắm, bà ta sẽ giết mày nếu mày ở lại đây...

Nhưng Ondine, với một bản năng muốn làm mẹ bền vững, lại nằm xuống, nó muốn ấp trứng. Tôi bắt nó. Gần nhà ga, trong một con đường nhỏ, tôi đã có thấy nhiều lần một bà già làm vệ sinh cái lồng nuôi chim yến của bà nơi cửa sổ. Chắc chắn bà sẽ không roti con chim của bà khi nó không hót nữa. Tôi ôm Ondine và bước nhanh, tôi để nó trước cửa ra vào của bà già.

Nửa giờ sau, tôi đáp xe lửa đi Paris.

Chương 9

Nếu tôi có đủ can đảm để thú nhận ngay từ lúc đầu rằng cuộc hôn nhân của tôi là một thất bại, thì có lẽ đó là điều hay. Nhưng năm đầu tiên tiếp theo cuộc thành hôn của chúng tôi không hề để cho tôi có thời giờ để làm một sự phân tích. Bây giờ tôi đã có độ lùi thời gian cần thiết để đánh giá cho thật đúng, tôi lặp lại trong tôi nhịp điệu của nỗi niềm phiền muộn ấy, cái hôn đầu tiên và cái tát đầu tiên, cái mỉm cười giả dối đầu tiên và những sự im lặng kéo dài đã thường làm vẩn đục ánh mắt của chúng tôi. Bây giờ tôi còn thấy tôi đến ga Saint Lazare. Georges đứng đợi tôi trên sân ga, tay cầm một bó hoa. Anh xách cái va li của tôi và chúng tôi đi đến một khách sạn nhỏ yên tĩnh nơi anh ở tại Passy. Tôi đã tô điểm cho anh không biết bao nhiêu phẩm chất và tài năng, đến nỗi tôi đã giống như một người chuyên nghề trang trí, mặc áo quần quá nhiều cho con búp bê bằng sáp của mình với biết bao hân hoan nồng nhiệt, rồi cuộc con búp bê chảy ra và người chuyên nghề trang trí chỉ còn lại hai bàn tay không. Tôi đã không ngót bình phẩm những lời nói và những cử chỉ của Georges và với một lòng vị kỷ kỳ dị, tôi đã làm biến hình tất cả. Tôi đã muốn sống với một vị anh hùng và tôi đã quyết định rằng bố của những đứa con tôi sẽ là một nhân vật danh tiếng khắp thế giới, thí dụ một luật sư mà các lời biện hộ,

các bài lý đoán sẽ làm lòng người xúc động, và để lại nhiều ấn tượng sâu sắc. Tôi đã ngạc nhiên khi có một lần Georges như vậy với tôi rằng anh không thích môn luật một chút nào.

Tôi hỏi:

- Thế thì anh thích làm gì?

Trước khi trả lời tôi, anh đốt một điếu thuốc để hút, mặt anh trở thành tươi tỉnh và hầu như ngây thơ sau làn khói:

- Anh luôn luôn muốn làm một kỹ sư.

- Thế thì tuyệt vời – tôi reo lên và tôi thấy như bàn tay anh trên một cái nút bấm để khởi động cho một cái đập nước vận hành và từ đó cả một vùng đất hoang và mệnh mông sẽ được khai phá và trở thành thịnh vượng.

- Nhưng không – anh lại nói – trở thành kỹ sư, đó chỉ là một mơ ước của tuổi mới lớn..Anh muốn trở thành kiến trúc sư...

Và tôi đã khâm phục anh như thể anh là Le Corbusier.

Đáng lẽ ra tôi đã phải khoan dung hơn, thành thật hơn, và từ bỏ cái bầu không khí hân hoan thoải mái do tôi tự tạo ra cho chính mình.

Và khi tôi thức dậy nằm bên anh lần đầu tiên, tôi mới cảm thấy tất cả đã thay đổi, trừ tôi. Tôi ra khỏi cái đêm ấy với một trạng thái sáng suốt cay đắng và kinh ngạc đến sững sờ. Tôi không còn hiểu được bà Bovary nữa. Có quả thật vì chuyện ấy mà bà ta đã đi đến Rouen mỗi tuần hai lần không?

Sáng hôm ấy, Georges đưa tôi đến tháp Eiffel. Anh muốn tôi nhìn toàn cảnh thành phố Paris. Đối với ngân sách quá eo hẹp của chúng tôi, đi thang máy quá đắt và Georges nói với tôi rằng hai ta leo bộ cầu thang vậy. Tôi ngẩng đầu lên và ngắm nhìn cái tháp khổng lồ với một niềm thất vọng hoàn toàn. Tôi khát nước kinh khủng và mỗi bước tôi cảm thấy đau nhói.

Tôi không muốn làm Georges thất vọng, chúng tôi hiểu nhau quá ít. Anh nhìn tháp Eiffel tràn trề hân hoan, hai mắt long lanh, anh nói:

- Anh chỉ thích những phụ nữ thể thao...

- Em khát nước quá...

Không biết bà Bovary có cũng khát nước như tôi không?

- Lên trên đó em sẽ uống một chai coca cola...nào gắng lên...

Giày cao gót của tôi gõ các tầng cấp như mỏ của một con chim gõ kiến. Tôi nắm lan can sắt và cố gắng bước vì Georges theo tôi sát gót, không để cho tôi có dịp nghỉ một lát cho đỡ mệt. Quảng trường Champ de Mars trở thành càng lúc càng nhỏ, tôi cố gắng không nhìn qua bên trái hay bên phải, nhưng cái tháp ấy như một con thú khổng lồ đã bị lột da để lộ rõ gân thịt và khớp xương bằng sắt và hai bên, trên cao và dưới thấp chỉ là vực thẳm. Bầu trời ấy, cái kiến trúc điên rồ ấy, và các mái nhà ngói rung rinh, các ống khói hình như đu đưa trong gió, tôi chỉ còn thấy tháp Eiffel như một con hươu cao cổ khổng lồ đang rướn cái cổ dài và cứng đờ của nó đến tận chín tầng mây và ngậm trong cái miệng khát nước của nó một chai coca cola! Leo mãi rồi chúng tôi cũng đến được một tầng bằng phẳng, không biết là tầng thứ tư hay thứ năm. Tôi có cảm giác rằng tôi xoay vòng quanh kể từ khi mới sinh ra và rằng tôi sắp xoay vòng quanh trong cái quan tài của tôi như một con vượn mà người ta sẽ nhanh tay búng một cái để nó tiếp tục quay tít ngay khi nó muốn ngừng. Lúc bấy giờ tôi không biết rằng tôi sẽ xoay quanh như vậy trong sáu năm trời, rằng tôi sắp xoay quanh luôn luôn chính mình, vừa xoay vừa hát một khúc nhạc đơn điệu...

Trên một tầng bằng phẳng của tháp Eiffel, Georges dẫn tôi tới đứng tựa lan can.

Bây giờ chính cái tháp bắt đầu rung rinh. Tôi đã tưởng rằng gió sắp cuốn chúng tôi đi. Ở thật xa bên dưới, trong một thế giới khác, không biết là quả đất xa hay mặt trăng gần? Tôi không biết nữa. Tôi thấy những chiếc cầu nhỏ xíu trên một con sông cũng nhỏ xíu và những ngôi nhà không lớn hơn những bông

lúa trên một cánh đồng lúa mì.

Tôi nghe tiếng nói của Georges:

- Em thấy kia là nhà thờ Đức Bà, đền Panthéon, đảo Saint Louis và lâu đài Chaillot...

Một nơi thù hận làm cho tôi nhắm mắt lại.

Tôi không muốn thấy cái thành phố Paris không thể đến gần được ấy. Chóng mặt đến buồn nôn, nắm chặt cánh tay Georges, tôi tưởng tượng một người ở tại một trong những ngôi nhà ấy, tưởng tượng có một người đàn ông cô đơn một mình trong phòng của ông ta và đang ngâm thơ.

Thần thờ như người mất hồn, tôi quay mặt về phía Georges và tôi kêu to trong gió:

- Anh có thích thơ không?

- Không thích lắm – anh đáp – Nhưng em hãy nhìn Paris kia!

Cuối cùng chúng tôi đã đi xuống và từ bên dưới, tôi còn liếc mắt nhìn cái tháp một cách ác cảm, như một con bệnh mà người ta đưa cho xem, sau một cuộc giải phẫu khó khăn, khúc ruột thừa ngâm trong cái bình có thuốc nước khử trùng.

Ở bên dưới, chúng tôi uống một chai coca cola, cái quán bar ở bên trên đã đóng cửa, hai bắp đùi tôi run rẩy dưới bàn. Georges, vui vẻ, sung sướng, nghiêng mình về phía tôi hỏi:

- Em có mệt không, em yêu?

Tôi nổi xung muốn trả lời một câu thật bức bối, nhưng tôi cảm nhận được trong giọng nói của anh ấy một chút tự cao tự đại, vì đã làm được một kỳ công lưu lại được một kỷ niệm mật thiết, giọng nói của anh đượm một niềm tự hào lạ kỳ của giống đực. Anh nghĩ đến cái đêm đầu tiên của chúng tôi và tôi chỉ có trong tâm trí những tầng cấp của cái tháp Eiffel.

- Ừ, em rất mệt – tôi đáp và rút bàn chân mặt ra khỏi chiếc giày của tôi, mà anh không nhận thấy. Tôi che giấu sự giận dữ của tôi sau hai hàng mi dài của mình và dựa ngửa vào lưng ghế. Đó là một thái độ giả dối ung dung, nhân hậu, chắc chắn không có hậu quả. Tôi không được quên rằng Georges là người bạn đời của tôi, thân thể và tâm hồn tôi thuộc về anh. Tôi không được làm rắc rối thêm cả một tương lai vì quá tự lự.

Tối hôm đó tôi ngủ với hai chân sưng vù và nóng hâm hấp, mình mẩy ê ẩm và tâm hồn thanh thản.

Chương 10

Chúng tôi yêu nhau đậm đà trong những lúc hồi tưởng những kỷ niệm ở Hungari. Georges đã mô tả với tôi căn phòng của anh lúc anh còn niên thiếu, trong phòng không có một tấm màn vải lụa và các bức tường luôn có ánh sáng. Tôi nói về thư viện của chúng tôi, về trường trung học của tôi trên đồi Rozsadomb, về bố mẹ tôi mà tôi còn yêu mến hơn tuyệt vời, về bác tôi, người có nét chữ như anh. Những dự định của chúng tôi được xây dựng cho suốt đời và Georges trả lời một cách lơ lửng các bức thư của bố mẹ anh thúc giục anh đi Úc. Lúc này là đầu mùa thu. Mặt trời chói lọi. Đôi khi chúng tôi đi dạo, tay trong tay, trong khu phố cổ Passy. Bố mẹ Georges, lo lắng cho tương lai của chúng tôi, muốn chúng tôi đi khỏi châu Âu. Bố mẹ tôi, nhất là mẹ tôi, đòi chúng tôi phải làm lễ cưới ở nhà thờ. Trước khi đi nhận việc làm mới, cũng làm bảo mẫu theo sự giới thiệu của một tổ chức Thiên Chúa giáo, tôi tham khảo danh sách các nhà xuất bản ở Paris mà Georges đã chép trong một quyển niên giám ở bưu điện. Hỏi thăm các bạn đồng hương của tôi, tôi biết được rằng, tại một nhà xuất bản lớn, cũng có một người Hungari đọc và đánh giá các bản thảo của các nhà văn gởi đến.

Một buổi chiều, tôi đi đến địa chỉ ấy. Ngôi nhà tôi tìm thấy ở trong một đường hẻm cụt. Tôi bấm chuông một hồi lâu trước cửa lớn. Ngôi nhà có vẻ như bị bỏ hoang. Với trái tim hồi hộp và mười hai

truyện ngắn trong cái bìa cứng màu xanh, tôi chờ. cuối cùng rồi cũng có tiếng chân. Một người đàn ông mở cửa.

- Cô muốn gặp ai?
- Chào ông...Tôi có thể nói chuyện với ông đọc và xét bản thảo người Hungari ở đây được không?

Ông ta nhìn tôi một cách lịch sự:

- Cô là người Hungari?
- Dạ phải...Ông đọc xét bản thảo người Hungari đó có ở nhà không ạ?

Ông ta nhìn cái bìa cứng màu xanh:

- Cô đem bản thảo đến à?
- Dạ. Thưa, cái ông đọc bản thảo ấy có nhà không ạ?
- Thưa cô, chưa đến giờ làm việc, nhưng cô có thể vào và đợi một lát. Cô thư ký của ông giám đốc có thể đã có mặt ở đó. Cô hãy lên lầu một, cửa thứ hai bên trái.

Trong tầng trệt, nơi ông ta đưa tôi vào, ánh sáng lờ mờ. Tôi thấy những chồng sách lớn chất trên một cái quầy rộng. Tất cả đều có mùi mốc như cái gối của tôi ở Versailles, đó là mùi giấy cũ đầy bụi bặm như trên gác xép của căn hộ chúng tôi ở Budapest. Người gác cổng đi theo tôi, im lặng như một con chó lớn có thói quen đi theo chủ của nó đến nghĩa địa. Tôi quay mặt lại nhìn ông ta, nhưng không dám hỏi ở đây có xuất bản sách của các tác giả còn sống, hay chỉ là một nhà bảo tàng các sách cũ.

Tôi gõ vào cánh cửa ông ta chỉ.

- Vào đi! – có tiếng ngạc nhiên trả lời tôi.

Một bà tóc đã hoa râm ngồi sau một cái bàn giấy lớn, ngược mắt nhìn tôi:

- Cô là ai mà vào được đây? – bà ta ngạc nhiên hỏi.
- Chào bà. Người gác cổng đã chỉ và bảo rằng có bà ở đây. Tôi được nghe rằng ở đây có một ông phụ trách đọc và xét duyệt các bản thảo người Hungari. Tôi có đem theo đây một bản thảo.

Tôi đưa bản thảo cho bà ta, nhưng bà ta không đụng tay đến mà chỉ hỏi:

- Bản thảo gì thế?

Tôi đã rút lại tập bản thảo.

- Truyện ngắn..Mười hai truyện ngắn...

Bà ta không có vẻ gì là có cảm tưởng tốt vì số nhiều truyện ngắn, nhưng đã mời tôi ngồi.

Trong lúc bà ta quan sát tôi, tôi đợi những câu hỏi về quốc tịch của tôi, tôi đã rời khỏi Hungari lúc nào, vân vân. Nhưng không, bà nói:

- Cô lầm rồi. chúng tôi không có người đọc và xét các bản thảo người Hungari. Ai đã có chỉ dẫn sai cho cô thế?

Làm sao có thể giải thích với bà ta rằng đó là những chỉ dẫn mà người ta đã trao đổi với nhau trong sân nhà thờ sau lễ Misa ngày Chủ nhật?

Đã định đứng lên để từ giã, tôi nán lại hỏi thăm bà ta:

- Bà có biết ở đâu tôi sẽ có thể đưa các truyện ngắn của tôi để nhờ họ xét cho xuất bản không?
- Bà ta mỉm cười một cách lịch thiệp, bà ta nhìn tôi như thể nhìn một đứa trẻ nhất định muốn đi nhưng mỗi bước mỗi té, vì hai chân của nó không chịu đựng nổi trọng lượng thân thể của nó.

- Chắc cô biết, truyện ngắn, khó lắm...Người ta không thể bán được truyện ngắn, nếu không phải là một tác giả có tầm cỡ như Maupassant..Ngày nay có thể bán chạy, nếu đó là truyện dài...

Tôi gằn như reo lên:

- Bà muốn một cuốn tiểu thuyết?

Rồi tôi như thấy bóng ngạo nghễ của Wanda xuất hiện trước mắt tôi và ngồi vào cái ghế pho toại bên cạnh bàn làm việc.

Bà thư ký của ông giám đốc trả lời:

- Đúng như thế, cô hãy viết một cuốn tiểu thuyết và khi nào cô viết xong, hãy đem đến cho chúng tôi...

Tôi đã đọc được trên mặt của bà ta cái điều chắc chắn rằng bà ta đã đuổi tôi đi luôn không bao giờ trở lại nữa. Bà ta không biết rằng với Wanda vô hình, chúng tôi có đến ba người trong văn phòng của bà. Tôi đã nói với bà ta lời tạm biệt và trên ngưỡng cửa, tôi xoay người về phía bà ta, nói thêm:

- Trong ba tháng nữa, tôi sẽ trở lại đây với quyển tiểu thuyết của tôi.

Kiên nhẫn cho đến cuối cái màn kịch mà chắc chắn bà ta coi như một trò đùa ấy, bà ta nói:

- Cô không nên quá vội vã, cô đến khi nào cũng được...

Tôi đi xuống theo cái cầu thang nhỏ. Người gác cổng đợi tôi ở dưới đó. Tôi liếc nhìn các quyển sách để trên quầy, chúng không được cất xén.

Tôi hỏi:

- Vì sao ở đây có nhiều sách như thế?

Người gác cổng nhún vai, và trả lời vắn tắt:

- Tổng kê.

Tôi hỏi thêm:

- Và sau khi tổng kê, chúng sẽ được gửi đến các nhà sách để bán, phải không?

- Bán?

Tiếng "bán" ấy nổ ra như một trái bom làm chảy nước mắt nước mũi. Người gác cổng hỉ mũi một cách cẩn thận vào khăn tay và thay vì trả lời tôi, ông ta hắt hơi nhiều lần.

Ông ta đi theo tôi đến tận cửa và nói:

- Bán được sách khó lắm cô ơi, khó lắm!

Tôi lại thấy mình ở ngoài đường dưới ánh hoàng hôn, trong cái không khí ẩm áp của ngày cuối tháng tám ấy, như trong một thế giới khác. Tôi xúc động và sung sướng. Còn đây là lần đầu tiên tôi tiếp xúc với một nhà xuất bản trong cuộc đời theo đuổi văn nghiệp của tôi.

Tôi đi đến sân trước của một quán cà phê và ngồi xuống một cái ghế bên một cái bàn nhỏ. Bồi bàn đem đến cho tôi một tách cà phê, chung quanh tôi, người ta đang chè chén say sưa, nào nước ngọt nào bia... Tôi nhìn người đi qua đi lại trên đường với một niềm vui sâu sắc. Tôi tìm những chữ đầu tiên của cuốn tiểu thuyết của tôi, câu đầu tiên sẽ thu hút được độc giả. Tôi muốn tránh không nói đến những phong cảnh, những niềm hạnh phúc, hoan hỉ, những lý luận phân tích. Tôi muốn mở đầu cuốn tiểu thuyết của tôi bằng một câu mô tả hành vi thô bạo bất ngờ. Tôi nhắm nháp từng tí cà phê một và tôi buồn vì lại phải bắt đầu làm người giúp việc. Nhưng không có điều gì có thể ngăn trở dòng tư tưởng dồi dào của tôi, Wanda đã hiện diện, tôi đã thấy cô ta thất thểu trong cơn bão tuyết, trên một con đường bị bỏ rơi với một đứa con trong tay, gần một biên giới mà nàng phải vượt qua một cách bất hợp pháp. Nếu tôi có được ba tháng tự do, tôi sẽ viết cuốn tiểu thuyết của tôi...nhưng mặc kệ, ở trong nhà người khác, tôi cũng sẽ viết, thức khuya để viết...hay thức dậy sớm để viết...

Trong tàu điện ngầm, cái ảo ảnh của đồng sách không bán được ấy lại hiện ra với tôi, nhưng tôi tự an ủi "Ngay cả tư tưởng nghèo nàn hơn hết cũng sẽ trở thành cao quý trong một sự chờ đợi lâu dài đến như thế".

Về đến nhà, tôi đã kể tất cả với Georges và hỏi anh:

- Anh có tin là một nhà văn có thể sống được với các quyển sách của mình không?

- Dĩ nhiên là được – anh đáp – thí dụ, Margaret Mitchell...

Chương 11

Khi tôi trông thấy lần đầu tiên ngôi nhà ở thị trấn Garches, tôi quên nỗi ưu phiền khi phải rời khỏi Paris. Georges đang tìm một việc làm, anh ở trong một khách sạn nhỏ tại phố cổ Passy ở Paris. Hàng ngày anh cắt những lời rao tìm người làm trong nhật báo. Tôi đến Garches vào một ngày thứ hai và tôi biết tôi sẽ không gặp lại anh ấy trước ngày chủ nhật...

Tôi mạnh dạn bước đi trên con đường dẫn tới một ngôi nhà, băng qua một vườn hoa mà vẻ đẹp mong manh có thể không chịu đựng nổi ngọn gió đầu mùa hơi mạnh. Mùa thu đã lấp ló sau những đóa hoa hồng đã mãn khai, tôi chỉ nhìn chứ không dám đụng đến chúng, vì sợ làm rụng các cánh hoa mà ngoài mép đã ngả vàng.

Các cửa lớn mở rộng, tôi bước qua ngưỡng cửa một cách rụt rè, nhưng khi đã ở trong tiền phòng lát đá trắng và đứng trước một cái tủ có ngăn kéo, bên trên có dựng một tấm gương soi, tôi chợt thấy tôi mỉm cười. Tôi cẩn thận đặt cái va li giấy cạc tông cứng trên một tấm thảm Đông phương đã phai màu, vì ngày nào mặt trời cũng đến đùa giỡn trên các họa tiết của nó từ bao nhiêu năm rồi và tôi hít mùi của ngôi nhà. một cách vô ý thức, tôi đưa mắt tìm kiếm những trái táo chắc là phải có ở trên một cái tủ, trong một cái gạt tàn, có một điều thuốc bị bỏ quên đang cháy dở và một mùi nước hoa mà một chiếc áo dài đã để lại phảng phất trong không khí trước khi người mặc nó rời khỏi ngôi nhà.

- Cô?

Một người đàn bà mặt mày tròn trịa. Mặc một cái tạp dề dài tới mắt cá, bước tới phía tôi.

- Cô là bảo mẫu của Sibylle?

- Chào bà, tôi là bảo mẫu...

Tôi không nói tên của Sibylle, tôi không muốn nói về đứa bé, tôi đang vô cùng hoan hỉ, tôi sợ niềm hoan hỉ chấm dứt quá nhanh.

- Tôi là người nấu bếp. Tôi đưa cô đi xem phòng của cô – bà ta vừa nói vừa cầm tay tôi.

Ở lầu một, tôi thấy những cửa lớn thông ra hành lang trải thảm. Ở lầu hai, tôi đã vô cùng ngạc nhiên khi bà bếp đưa tôi vào một gian phòng xinh xắn, màn và vải mỏng trải trên giường màu hồng, trên một cái bàn có một bình mực và tập giấy viết thư. Thấy các vật ấy, tôi tràn trề hy vọng. Trong ngôi nhà này, tôi sẽ năng viết thư cho bố mẹ tôi.

Bà đầu bếp đứng dựa vào tường:

- Cô có cần gì không? Phòng tắm của tầng lầu này ở gần phòng của Sibylle, cái cửa thứ ba bên tay mặt khi cô đi ra tại phòng này..Bây giờ tôi đi xuống dưới. Tôi phải nấu bữa ăn tối.

Chưa hết ngạc nhiên, tôi để va li của tôi trên một cái ghế. Và tôi hỏi:

- Khi nào bà chủ và các cô cậu về?

Bà bếp cười tủm tỉm.

- Bà chủ đã ra đi với ông chủ và các cô cậu ngay sau bữa ăn trưa. Họ sẽ về vào đúng trước bữa ăn tối. Bà chủ có cho tôi biết rằng hôm nay cô sẽ đến đây. Cô không muốn ăn gì sao? Cô đã ăn quà buổi chiều chưa?

- Bà vui lòng cho tôi một ly sữa.

Nhà bếp rộng rãi, sáng sủa, có hai cửa sổ trông ra vườn. Bà bếp để trên bàn trước mặt tôi một lát bánh mì phết bơ và một ly sữa. rồi bà ta ngồi xuống đối diện với tôi.

- Tên tôi là Rose, cô có thể gọi tôi là Rose...Và cô, cô tên gì?

- Christine.

- Tôi cũng có một đứa cháu gái gọi tôi bằng cô, nó cũng tên là Christine, nhưng tóc nó không phải vàng nâu. Cô, cô có tóc vàng nâu như Sibylle. Tôi cắt thêm cho cô một lát bánh mì nữa nhé?

Tôi không còn nữa, nhưng tôi hy vọng là bà sẽ nói thêm cho tôi biết về bé Sibylle.

- Hình như ở đây có bốn đứa con nít và đứa bé nhất sáu tuổi?

Bà bếp vòng hai tay để trên bàn và nói:

- Sibylle mới năm tuổi rưỡi. Nó rất xinh.

- Nó có ngoan không?

- Nó rất ngoan và hiền lành lắm. Tôi đã nhiều lần nói với bà chủ rằng Sibylle không cần một người bảo mẫu...

Với những lời ấy, bà bếp vừa đe dọa một cách độc ác chỗ làm, việc làm của tôi. Với một vẻ nghiêm chỉnh, như thể tôi tới đây với một bằng cấp bảo mẫu chuyên nghiệp do một trường nổi tiếng của Thụy Sĩ cấp, tôi nói:

- Một đứa trẻ luôn luôn cần được chăm sóc chu đáo về nhiều phương diện và cũng còn có anh chị nó nữa...

- Bốn đứa, hai trai và hai gái – Rose nói với vẻ hãnh diện như thể bà ta là bà nội của chúng – Nhưng cô sẽ chỉ chăm sóc một mình Sibylle...

Bỗng bà ta im lặng một lát rồi hỏi:

- Cô người nước nào?

- Hungari.

Nước mắt tôi trào ra, vì tôi buồn vô hạn khi nghe cái từ Hungari do tôi vừa nói, cắn chặt răng, tôi muốn nuốt hai hàng nước mắt, nhưng vô hiệu, tôi nhục nhã, gục đầu xuống bàn.

- Tôi không muốn làm cho cô khóc, cô thứ lỗi cho tôi...

Làm sao có thể giải thích với bà ta rằng tôi không giận bà, rằng chính cái từ Hungari đã làm cho tôi xúc động đến nỗi không thể cầm được nước mắt? Tất cả những nỗi đau đớn âm ỉ mà tôi đã đè nén bấy lâu nổi dậy, tôi khóc cuộc đời mà tôi đã mơ ước, bố mẹ ở xa, Georges cũng ở xa, và tôi, luôn luôn bị giày vò bởi câu hỏi "Cô người nước nào?"

Tôi cảm nhận được bàn tay của bà bếp để trên mái tóc tôi, tôi ngẩng đầu lên, bà ta cũng khóc. Bà kéo ghế của bà đến gần ghế tôi.

- Cô nhớ nhà phải không? Ô đừng khóc nữa. Tình trạng này sẽ không kéo dài mãi mãi...

Tôi tìm cái khăn tay của tôi.

- Tôi không muốn trở về bên đó nữa, nhưng tôi muốn có "một mái nhà" của tôi ở đây.

Với cái tạp dề mới ủi thẳng băng và mái tóc bạc hoa râm, bà giống như một vú già. Nếu tôi có thể đặt đầu tôi lên cái vai ấy, tôi sẽ tìm lại được quá khứ, sự bình an, đồng quê, thời thơ ấu. và tôi đã làm như thế.

Bà nói thì thầm bên tai tôi:

- Rồi cô thấy cô sẽ được sung sướng ở nơi đây. Bà chủ rất tốt bụng và các con của bà không hung dữ như những đứa trẻ khác.

Tôi muốn cãi lại rằng không có đứa trẻ nào hung dữ, nhưng tôi quá mệt mỏi không còn đủ sức để bênh vực bất cứ ai.

Tôi lên phòng của tôi, đóng cửa phòng lại và ngồi xuống giường. Với một cử chỉ uể oải, tôi kéo tấm vải phủ giường và nhắm mắt nằm xuống, úp mặt trên gối.

Tiếng động của một chiếc xe hơi làm tôi giật nảy mình, loạng choạng vì mới chớp mắt được một chút, tôi đi đến bồn rửa mặt và rửa khuôn mặt mình với nước lạnh. Khi tôi đi ra, trong tiền phòng đã có đông người. Tôi tìm một điểm tựa, đó là gương mặt của bà chủ. Tôi đã có thấy bà một lần trong văn phòng của tổ chức Thiên chúa giáo đã giới thiệu tôi, nhưng lần đó chỉ có vài phút. Ở đây bà vội vã đi tới bên tôi:

- Chào Christine. Cô đến đây đã lâu chưa?

- Thưa bà, tôi đến lúc bốn giờ.

Mấy đứa con của bà đứng bên bà, bà giới thiệu từng đứa một:

- Đây là Sibylle..

Con bé đưa tay ra cho tôi bắt. Bà chủ bảo:

- Sibylle, hãy chào cô đi con.

- Chào cô...

Bà chủ nhắc:

- Cô Christine.

Và Sibylle lập lại:

- Cô Christine.

Bà chủ nói tiếp:

- Và đây là Bruno, Gabriel, Odette và Mireille.

Tất cả những gương mặt trẻ trung ấy đều xoay về phía tôi. Chúng lặng lẽ nhìn tôi với ánh mắt nghiêm nghị và dò xét, nhưng bà chủ đã vội đánh tan sự im lặng nặng nề ấy.

- Các con, đây là Christine. Má đã nói với các con nhiều về cô ấy, để các con tiếp đón cô ấy với tất cả sự nhã nhặn, dễ thương của các con và cố gắng để có thái độ dễ chịu hơn nó như các con đã thường có.

Cửa vào nhà mở ra. Đó là ông chủ.

- A! – ông ta nói – Cô đây à? Chào cô. Cô đi đường có mệt không?

Sau vài phút nói chuyện, bà chủ đi lên lầu với tôi và các con của ba để chỉ cho tôi phòng của chúng và công việc của tôi.

- Cô không có việc gì phải làm với Gabriel, Odette và Mireille. Cô sẽ chỉ chăm sóc Sibylle và rất hiếm khi phải chăm sóc Bruno. Nhưng tối nay chúng tôi đã về trễ. Bây giờ phải để cho tụi nhỏ đi tắm đã.

Tôi chà xát phòng vào thân thể mảnh mai của Sibylle và tắm cho nó thật sạch sẽ, nó còn chưa hỏi tôi người nước nào. Nó hiền lành, dễ thương và tôi, dè dặt. Sự khôn ngoan ấy buộc tôi phải đề phòng.

Bruno chơi trò tàu ngầm trong buồng tắm và không muốn ra khỏi nước.

Tám giờ, tất cả chúng tôi ngồi chung quanh cái bàn lớn của phòng ăn mà tôi đã thấy lần đầu tiên. Tôi ngồi một bên Sibylle và chăm nom cho cho nó ăn. Khi đi vào, tôi thấy có một bức tranh, nhưng bây giờ, nó ở phía sau lưng tôi và nó kêu gọi sự hiếu kỳ của tôi. Tôi nôn nóng đợi bữa ăn tối chấm dứt. Rose phục vụ chúng tôi, tôi ngại ngừng khi bà ấy phải phục vụ tôi, tôi đã khóc trên vai bà, đáng lẽ tôi không nên để cho bà phục vụ tôi. Nhưng bà cho điều đó là tự nhiên.

Bà chủ có mái tóc rất đẹp, những bím tóc quấn chung quanh đầu như là một cái vương miện. Ông chủ nhìn bà với ánh mắt khâm phục và ông có một nụ cười lơ đãng khi nhìn tôi. Ông có những món ăn riêng vì phải ăn kiêng.

Nhịp độ ăn chậm rãi một cách dễ chịu của bữa ăn tối ấy, cuộc nói chuyện thận trọng của mấy đứa trẻ, không khí ấm cúng của phòng ăn và sự hiện hữu của bức tranh tuyệt đẹp mà tôi đã chợt thấy khi bước vào gian phòng này, làm nổi bật nhân cách của bà chủ. Bà làm cho cuộc trò chuyện trở thành linh hoạt một cách dễ dàng, bà nói với mỗi đứa con một câu như phân phát kẹo cho chúng, bà có cử chỉ thân mật kh để bàn tay bà lên trên bàn tay chồng, bà hỏi thăm sức khỏe của Rose, và nói chuyện về một bà bạn mà bà đã đến thăm chiều hôm trước.

Khi mọi người rời khỏi phòng ăn, tôi mới đối diện với bức tranh.

Tôi đánh liều nói:

- Phải chăng đây là một bức tranh thuộc trường phái Rembrandt?

- Bức tranh ấy là của chính danh họa Rembrandt – ông chủ nói, với một giọng nhã nhặn.

Tôi cầm tay Sibylle và đi tới phía cầu thang, đã quá lâu rồi, bây giờ tôi mới cảm thấy sung sướng lần đầu tiên.

- Christine...

Tiếng của bà chủ đã làm cho tôi quay về phía bà. Tôi đứng lại với bé Sibylle trên một bậc cấp của cửa cầu thang.

- Dạ thưa bà.

- Tôi lấy làm tiếc, nhưng tôi phải nói với cô rằng, sáng hôm nay, tôi có nhận được bức thư của người bảo mẫu mà chúng tôi đã có từ bốn năm nay. Bà ấy đã phải trở về Hà lan vì mẹ của bà bị bệnh. Bây giờ bà ấy cho tôi biết rằng mẹ bà đã lành bệnh và bà sẽ giao cho một người chị của bà chăm sóc, để bà có thể trở lại đây với chúng tôi. Như thế, tôi chỉ có thể giữ cô ở lại đây hơn một tháng, nhưng cô hãy yên tâm, chồng tôi và tôi, chúng tôi sẽ tìm cho cô một chỗ làm việc khác. Cô thông cảm, phải không?

- Dạ thưa bà, tôi rất thông cảm.

Bà chủ mỉm cười.

- Cô đừng có lo, chúng tôi sẽ sắp xếp được tất cả mọi sự.

Tôi tiếp tục đi lên cầu thang với Sibylle, bàn tay của nó trở thành ấm áp và thân thiện trong bàn tay tôi. Lần đầu tiên nó nói với tôi:

- Em rất tiếc cô phải ra đi... người bảo mẫu kia cũng dễ thương, nhưng dù sao cô cũng có thể ở lại đây với em mà...

Trong phòng của Sibylle, tôi đã thay áo cho nó và đã đặt nó nằm vào giường.

- Cô vui lòng kể cho em nghe một truyện cổ tích đi, và cô lấy cho em một quyển sách ở trên kệ. Tôi đã kể cho nó nghe một chuyện khá dài và sau khi đắp mền cho nó, tôi trở về phòng của tôi. Giấy viết thư đã trở thành vô ích ở trên bàn. Một tháng sẽ trôi qua mau thôi. Nhưng sau đó tôi sẽ làm gì?

Ngày hôm sau, khi tôi dẫn Sibylle và Bruno đến gặp bà chủ, tôi thấy bà đang đánh máy.

- Tôi dịch sách – bà chủ giải thích với tôi.

Tôi liền nói với hai đứa nhỏ.

- Hai em đi chơi với cô, không được quấy rầy mẹ.

Bà chủ nhìn tôi với vẻ ngạc nhiên:

- Đây là lần đầu tiên tôi được nghe một câu nói như thế trong ngôi nhà này!

Thấy cái máy đánh chữ của bà, giấy má của bà rải rác ở trên bàn, một cây bút chì rơi trên tấm thảm và tất cả các vật ấy trong các tia sáng của mặt trời mùa thu, tôi rất thèm nói với bà rằng tôi mơ có được một cuộc đời hoàn toàn giống như cuộc đời của bà, với một công việc và những đứa con đến chào hỏi buổi sáng. Nhưng tôi đã nín thinh, dẫn Sibylle và Bruno đi dạo một vòng.

Thật là một tháng không thể nào quên, một tháng vui buồn lẫn lộn. Tôi đêm từng ngày như một tù nhân tự nguyện giam mình trong cảnh sung sướng tạm thời của mình. Tôi viết những bức thư lạc quan cho bố mẹ tôi và tôi về thăm Georges mỗi chủ nhật. Anh đã nhận làm tài xế cho một trong những ông hoàng Nga sống sót sau cuộc cách mạng năm 1918. Ông hoàng ấy sống cô độc một mình trong một biệt thự lộng lẫy ở Paris, do một nữ đầu bếp trung thành phục vụ. Bà đầu bếp ấy nói cho Georges biết rằng đã lâu lắm rồi, ông hoàng vui tính, luôn luôn tươi cười ấy, với cái khuôn mặt bị bệnh sần sùi da của ông, đã lấy được một phụ nữ người Mỹ giàu có, nhưng hai vợ chồng sống mỗi người một nơi, bà với tước hiệu bà hoàng ở bên Mỹ và ông, với số tiền mà bà gởi cho ông hàng tháng.

Trong các ngày chủ nhật, chúng tôi kể cho nhau nghe những chuyện về tính ngoan ngoãn, dễ thương thông minh của Sibylle, và tính tình bất thường của ông hoàng Nga. Hầu như đêm nào Georges cũng phải lái xe đến một hộp đêm và anh học môn luật quốc tế với ánh đèn của ngọn đèn nhỏ trong xe. Nhưng chiếc xe ấy có khi bị chết máy khi đèn đỏ chuyển sang đèn xanh. Các xe khác bóp còi inh ỏi, và ông hoàng không tiếc lời chửi rủa. "Chúng ta phải có một cuộc sống độc lập..." Chúng tôi không ngớt

lập lại câu ấy.

Cuối tuần thứ ba, bà chủ đưa tôi đến một gia đình bà quen biết, bà nói rằng họ đang tìm một người bảo mẫu cho đứa con của họ. Tôi được họ quan sát rất cẩn thận. Hình như họ cho rằng thể lực của tôi không đáp ứng được công việc mà định giao phó. Họ nói với tôi "Cô có vẻ mảnh mai mà nhà này thì to lớn".

Bà chủ của tôi thất vọng, bà muốn giữ cả hai người bảo mẫu để tôi khỏi lâm vào cảnh thất nghiệp. Không bao giờ họ nói đến nước Hungari bất hạnh và cuộc đời tị nạn của tôi. Chúng tôi thường nói chuyện về Balzac và Roger Martin du Gard. Họ lấy làm lạ là ở Hungari chúng tôi cũng am hiểu nền văn học Pháp, nhưng họ không nói ra, tôi chỉ thấy điều đó trong ánh mắt của họ. Trong những buổi đi dạo chơi với Sibylle, tôi học thêm được những tiếng Pháp mà tôi chưa biết, những tiếng thường dùng trong cuộc sống hàng ngày và những từ ngữ mà trẻ con ưa dùng. Một hôm, tôi hỏi nó:

- Đây Sibylle, hãy trả lời cô nhé, thế nào gọi là mơ màng?

Nó trả lời không chút do dự:

- Suy nghĩ khi đang ngủ...

Hỏi nó một chữ, tôi muốn nó không trả lời được và tôi hy vọng chính mình sẽ là người giải nghĩa cho nó, nhưng con bé năm tuổi rưỡi này đã chứng tỏ được rằng không những nó thông minh mà còn rất lanh trí.

Khi tôi rời khỏi Garches, già từ sự sung sướng tạm thời của tôi để nhận lấy những phiền muộn chắc chắn đang đợi mình, bà chủ đưa cho tôi một chiếc phong bì hai tháng tiền công thay vì một và ôm hôn tôi một cách cảm động. Các đứa con của bà cũng lần lượt ôm hôn tôi, và Sibylle nói với tôi, giọng ghen ngào:

- Cô có thể trở lại thăm em không?

- Ừ, chắc chắn Christine sẽ trở lại con ạ - bà chủ đáp.

Rose đã cho tôi một hộp kẹo và nói rằng rất tiếc tôi không có dịp làm quen với cháu gái của bà, cũng có tên là Christine.

Chính ông chủ lái xe đưa tôi về Paris. Ông để cho tôi xuống trước cái khách sạn nhỏ ở khu phố Passy.

- Chào tạm biệt cô.

- Chào tạm biệt ông.

Có thể tôi sẽ gặp lại họ?

Chương 12

Với hai tháng tiền lương, tôi quyết định thuê một cái máy đánh chữ và lao vào cuộc phiêu lưu mới, đánh máy quyển tiểu thuyết đầu tiên của tôi: Wanda. Kể từ lúc tôi trở về Paris, Georges thường đến thăm hỏi tôi và con đường nhỏ náo động cả lên khi thấy xuất hiện một chiếc xe hơi lộng lẫy đến thế. Nhưng một hôm, nó chết máy trước cửa khách sạn nhỏ và Georges ở giữa một đám đông người chế giễu bất lực không nổ máy cho xe chạy được.

Ông hoàng Nga có những nỗi ưu phiền của ông ta, tiền ở Mỹ gửi đến chậm và chính bà bếp phải cho ông hoàng mượn tiền để trả lương cho Georges và để chi tiêu trong chương trình vui chơi buổi tối của ông.

Cái bàn nhỏ trong phòng của tôi chỉ vừa đủ sức để chịu đựng trọng lượng của cái máy chữ to tướng. Đó là một cái máy chữ hai tầng hiệu Remington. Cái bàn phím chữ rung rinh phát lên tiếng rền rĩ mỗi khi tôi đánh máy và cuối mỗi hàng, tiếng chuông vang lên to đến nỗi cái bà người Anh ở phòng bên

cạnh đã nhiều lần yêu cầu tôi phải đổi máy khác. Tôi phải giải thích với bà lý do tại sao tôi không thể đổi được. Tôi viết bằng cách đánh máy chữ, trong khi tai tôi phải nghe những tiếng ồn khó chịu ấy. Tôi nấu ăn trên cái bồn rửa mặt được đẩy lại bằng một tấm ván và cái rề xô ét xăng phát ra những tiếng nổ liên tiếp như đầu máy xe lửa đầu tiên chạy bằng hơi nước.

Người ta đã viết một cuốn tiểu thuyết như thế nào? Tôi đã có các nhân vật của tôi, nhịp gia tốc của một động tác mà tôi còn chưa thấy phần kết thúc, nét mặt của một người đàn bà và khung cảnh ở Vienne.

Tôi đi dọc ngang trong cái phòng nhỏ xíu của tôi và một buổi sáng, tôi đã tìm được câu mở đầu "Anh nhà binh tím lầy Wanda một cách thô bạo..." Tôi còn chưa biết anh nhà binh nào – tôi tiên liệu đến năm người – sẽ làm cái cử chỉ thô bạo ấy, nhưng với câu mở đầu đó, tôi lao vào chương đầu tiên của tôi. Tôi đánh máy bảy hay tám giờ mỗi ngày và buổi chiều, khi tôi đi ra ngoài một chút, tôi cảm thấy hân hoan và an tâm một cách tuyệt vời các trang giấy mà tôi đã đánh máy xong.

Thời tiết thay đổi và trời mưa đã buộc tôi phải ở luôn trong gian phòng nhỏ của khách sạn. Georges về với tôi khi nào anh rảnh rỗi và chúng tôi bàn bạc với nhau về tương lai của chúng tôi. Anh giải thích với tôi rằng sự thành công chỉ là vấn đề vận may được đem lại bởi một tư tưởng sáng tạo. Chính vào lúc ấy anh đăng lời rao trong một tờ báo buổi chiều, nội dung như sau "Một người trung niên cần vốn một triệu đồng (có thể hơn) để phát động chiến dịch quảng cáo một phát minh phi thường. Lãi to cho người cho vay vốn. Tôi thương lượng việc vay vốn nội trong 24 giờ. xin trả lời nơi mục báo này. Khẩn".

Anh muốn tôi phải lạc quan hơn, nhưng, khi anh giải thích các nguyên lý của vật phát minh của anh, sự nhiệt tâm của anh làm cho tôi phát sợ. Anh muốn sáng chế một máy lạnh không đông đá. Anh quyết định sẽ lắp cái máy ấy từng bộ phận một, ngay trong phòng của chúng tôi.

- Bằng cách nào anh sẽ có được dòng điện cần thiết? – tôi rụt rè hỏi.

Anh có vẻ chán nản và gần như là giận dữ khi tôi nhắc cho anh nhớ lại thực tế hiển nhiên của khách sạn. Tôi muốn đổi cái bóng đèn của tôi, thay vào đó một cái bóng sáng hơn và chúng tôi đã vấp phải việc nổ cầu chì. Ông chủ khách sạn bảo vệ kỹ ngân sách của ông ta.

Georges ra đi với vẻ khó chịu và còn lại một mình, tôi hồi tưởng cuộc bàn bạc về tương lai của chúng tôi. Chỉ sau khi anh đã ra đi, tôi mới thấu hiểu tầm quan trọng của một số lời anh đã nói "chúng ta chỉ thua nhau có hai tuổi. Khi em ba mươi tuổi, anh sẽ là một người đàn ông ba mươi hai tuổi. Em hãy tưởng tượng sự khác biệt. Một người đàn ông ba mươi hai tuổi bắt đầu cuộc đời của mình, trong lúc một người đàn bà..." Sự im lặng của anh thật là hùng hồn. bây giờ tôi nghe và hiểu rõ sự im lặng của anh hơn những lời anh nói.

Tối hôm đó, hai con mắt tôi quá mệt mỏi, bao phủ bởi bóng tối, núp sau các mí mắt nóng bỏng của tôi, tôi nghĩ rằng tôi còn được chín năm trẻ trung.

Ông Szabo xuất hiện trong cuộc đời chúng tôi như một ngôi sao băng hứa hẹn thực hiện tất cả những hy vọng thầm kín. Cái tên của ông chứng tỏ ông là một người Hungari như những người Hungari khác, nhưng ông hoàn toàn khác những người Hungari mà tôi đã biết cho tới ngày hôm nay. Cái đầu tròn vo và lóng bóng vì hói của ông và những cử chỉ hào hiệp của ông – ông cho năm trăm francs tiền boa sau khi uống một ly cà phê năm mươi francs, đã làm cho ông nổi tiếng trong một tiệm giải khát sang trọng gần đại lộ Champs Elysées. Chúng tôi biết ông đã là một nhà kinh doanh ở Hungari, theo những lời đồn thổi kính cẩn về ông, trước chiến tranh, ông bán bột mì bằng wagon xe lửa và bán cừu từng bầy. Ông sống trong một biệt thự lộng lẫy ở vùng ngoại ô Paris và chỉ di chuyển với một người Ba Lan vừa là tài xế vừa là thông ngôn của ông. Ông Szabo không nói được một chữ tiếng Pháp. Ông đã rời khỏi Hungari trong những ngày cuối cùng của cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai và hình như ông đã chở được cả một chuyến xe lửa đầy hàng hoá xuyên qua nước Đức đang bại trận. Nước Thụy Sĩ đã chấp nhận ông Szabo và chuyển tàu của ông. Vài năm sau, ông đã đến với gia tài còn lại của ông và một bà

vợ người Thụy Sĩ, đã để cho ông bốn đứa con trong năm năm.

Georges là người đầu tiên có ý kiến yêu cầu ông Szabo ứng trước cho anh một số vốn, nhưng không phải để làm cái máy lạnh không đông đá, mà là để quản lý một tiệm cà phê bình dân và làm giàu.

Tôi muốn ở trong các phòng nhỏ của tôi và viết, mà không quan tâm đến thế giới chung quanh, nhưng số tiền mà tôi có sau khi rời khỏi Garches giảm thiểu đi rất nhanh và ngày nào tôi cũng xem mục các lời rao để tìm một chỗ làm bảo mẫu. Georges cũng muốn từ giã ông hoàng Nga và chiếc xe trong đó anh phải thức mỗi đêm trước cái hộp đêm ở đường Pigalles. Một người trung gian môi giới cho chúng tôi biết có một tiệm cà phê bình dân mà bà quản lý hiện thời đang muốn nhường lại. Ông ta nói với chúng tôi rằng quán bar ấy nằm trong một khu phố bình dân và vì địa điểm thuận lợi của nó, tương lai của nó được bảo đảm.

- Anh sẽ phục vụ ở quầy hàng và em sẽ làm đầu bếp – Georges nói với tôi, hai mắt anh sáng ngời vì hân hoan – Anh sẽ làm việc cho đến sáng ở sau quầy hàng, nhưng em, em phải tranh thủ đi ngủ càng sớm càng tốt, bởi vì buổi sáng em sẽ bị bắt buộc phải dậy sớm.

Ông Szabo nghe các dự tính của chúng tôi với sự chú ý hơi lơ đãng một chút của những nhà kinh doanh lớn phải giải quyết nhiều vấn đề cùng một lúc, ông tài xế người Ba lan luôn luôn ở bên cạnh ông Szabo, trong lúc ông hỏi chúng tôi. Sau khi bàn luận dông dài, ông bằng lòng ứng trước cho chúng tôi số tiền cần thiết ban đầu, và ông sẽ được hưởng một lợi suất phần trăm trong nhiều năm trên tiền thu nhập.

Ông nhìn tôi với vẻ rất phân vân:

- Cô có đủ sức làm bếp để phục vụ cho bốn hay năm mươi người không?

Tôi khẳng định tôi làm được điều đó, nhưng trong lòng rất lo.

Phải kiếm một người Pháp cho mượn tên làm quản lý, vì là những người tị nạn, chúng tôi không thể xin được giấy phép.

Một hôm chúng tôi được mời tới nhà ông Szabo và làm quen với bà vợ ông. Đó là một người đàn bà tóc vàng nâu, gầy, đôi mắt lạnh đậm, ăn mặc hờ hang. Bà ta khinh khi chúng tôi ra mặt và cuộc nói chuyện uể oải bằng tiếng Đức làm cho tôi buồn ngủ. Trong bữa ăn trưa, tôi có cảm giác bà Szabo nhìn tôi chòng chọc, nhìn từ đùi đến đĩa thức ăn của tôi và dừng lại ở đó như một con ong vò vẽ không muốn biến đi trước khi đốt được.

- Thừa bà, các con của bà đều được mạnh khỏe chứ ạ?

- Rất, rất mạnh khỏe - bà ta trả lời tôi và khi phát âm, bà ta rung những chữ "r" ấy to đến nỗi tôi tưởng chừng như nghe những chữ "r" là tiếng trượt của bánh xe patin mà bà đã cột vào lưỡi bà.

- Chúng hiện đang ở chơi với bà ngoại chúng tại Bâle trong hai tuần.

Ông Szabo định ăn một miếng thịt đã nguội trong đĩa của ông thì bà kêu lên:

- Ông hãy coi chừng cái bao tử của ông...Đừng ăn thịt đã nguội mà sinh bệnh, hãy nghĩ đến bầy con của ông chứ!

Rồi bà nói tiếp ngay, với vẻ dữ dội hiếm có nơi những bà lớn:

- Ông cũng phải coi chừng cái tiệm cà phê ấy. Mất tiền thì vô cùng dễ dàng hơn là kiếm được tiền. Hãy nghĩ đến tương lai của mấy đứa con...

- Hilda, bà đừng sợ, áp phe này không xấu đâu. Hai người này can đảm dám nghĩ dám làm, không sao đâu mà bà phải lo. Bà cũng nên nghĩ đến ba ngàn cái máy chữ mà tôi đang chờ.

Cho đến bây giờ, núp trong một sự thờ ơ giả vờ, tôi cứ lảng lảng nghe hai ông bà Szabo nói qua nói lại. Tôi cũng đã quá mệt mỏi trí óc cũng như thể xác. Có thật Georges tin rằng tôi có thể đảm đương nổi một công việc như thế không? Anh đã hứa với tôi sẽ thuê cho tôi một người giúp việc để rửa bát đĩa ly tách và sau một thời gian sẽ thuê một cô bồi bàn. Anh tin rằng tôi có đủ sức khỏe và nghị lực đến nỗi tôi không dám làm cho anh vỡ mộng. Tôi muốn là người vợ mà anh hằng mơ ước. Cái tiếng

"máy đánh chữ" làm tôi ngạc nhiên một cách lý thú. Tôi xoay về phía ông Szabo:

- Ông nói về các máy đánh chữ?
- Tôi đang đợi ba ngàn máy của Mỹ. Tôi sẽ lũng đoạn thị trường châu Âu với những cái máy rẻ tiền ấy. Và sau đó tôi sẽ nhập vào đây mỗi lần hàng vạn cái.
- Tôi có mua được một cái máy ấy không?
- Không có điều gì dễ dàng hơn. Cô có thể có hai cái, nếu cô muốn...

Người giúp việc đem trái cây đến, bà Szabo lấy một trái táo và ông Szabo một trái chuối.

Georges đề nghị:

- Chúng ta sẽ đi xem cái quán bar đó vào ngày mai chứ?
- Vào lúc ba giờ chiều? – ông Szabo nói.

Mừng rỡ với ý nghĩ sẽ có một cái máy đánh chữ mới rẻ tiền, tôi đề nghị:

- Thưa ông, tốt hơn là chúng ta đi đến đó vào buổi tối. Giờ đông khách, người môi giới nói rằng người ta rất tập nập...

Ông Szabo đồng ý:

- Hãy đến tìm tôi ở nhà hàng gần đường Champs Elysées vào lúc sáu giờ, chúng ta sẽ đi chung xe với nhau...

Bà Szabo một lần nữa lại nói với chồng như thể không có sự hiện diện của chúng tôi:

- Có thật ông tin vào họ không đấy?
- Lẽ tất nhiên là tôi tin cậy, họ là những thanh niên can đảm...
- Nhưng vấn đề là tiền do chúng ta bỏ ra..- bà nhấn mạnh – một bầy con...

Ôi! Những đứa con ấy, tôi hình dung chúng xài tiền như nước và lau giày của chúng với những tờ bạc một ngàn francs.

Chúng tôi rời khỏi ngôi biệt thự được sưởi thật ấm áp vào lúc bốn giờ chiều, gió lạnh lọt vào cổ áo măng tô cũ. Tôi tránh một cách cẩn thận những vũng nước, đôi giày của tôi chỉ còn dùng được khi đường khô ráo. Tôi rùng mình vì lạnh và Georges, nắm cánh tay tôi, hỏi:

- Có điều gì không ổn? Vì sao em buồn?

Gương mặt trai trẻ của anh thật sự lộ vẻ tò mò. Anh không chế giễu tôi. Thật tình anh muốn biết có điều gì không ổn. Nhưng làm sao giải thích với anh tình hình của chúng tôi? Tôi không ưa cái mũ của anh, cái mũ ấy làm cho anh trông quá trẻ. Anh cũng đã hơn hai mươi ba tuổi sắp hai mươi bốn rồi. Tôi chỉ trả lời anh khi chúng tôi đã ngồi trong tàu điện ngầm.

- Không có gì cả, hoàn toàn không có gì cả.

Anh nói thêm:

- Em không được ngã bệnh, vì chúng ta sắp có tiệm cà phê bình dân của chúng ta rồi.

Im lặng, tôi nhìn các bức tường màu đen của con đường hầm, dọc theo đó tàu điện ngầm chạy hết tốc độ. Georges cầm bàn tay tôi trong tay anh. Chúng tôi yêu nhau.

Ngay từ đầu, tôi đã có ác cảm với người thông ngôn già của ông Szabo và lão già ấy cũng ghét tôi ra mặt. Lão có vẻ là một tay chơi bời. Tựa người lên trên cái ba toong, mũ để trên bàn gần bên ly rượu đã uống cạn, lão ta quan sát chúng tôi như một con mồi cầm già nên mắt đã bớt tinh, phải hạ xuống càng lúc càng thấp hơn để khỏi sảy con mồi của nó. Lão ta nói tiếng Pháp và tiếng Hungari đủ để phiên dịch các câu ông Szabo và khi có mặt chúng tôi, lão ta dịch nhanh hơn để chứng tỏ khả năng làm thông ngôn của lão.

Trước khi chúng tôi ra đi, ông Szabo đã đuôi khéo lão ta với câu "Chúng ta sẽ gặp nhau sau, tại câu lạc bộ" và ngồi trong chiếc xe của ông Szabo, chúng tôi đi xem cái tiệm cà phê bình dân ấy. Ông Szabo lái xe rất dở, trời lại mưa.

Georges hỏi tôi:

- Em sợ?

- Vâng, em sợ - tôi đáp.

Sau khi tìm đường một cách tỉ mỉ trên một tấm bản đồ đã cũ, chúng tôi đến được một con đường dài và hẹp của thị xã Levallois. Ông Szabo cho xe chạy cẩn thận, một chiếc xe tải to tướng đậu ở giữa đường. Có những bóng người đang bốc dỡ hàng trên xe cam nhông xuống và trong ánh sáng vàng vọt của con đường ấy, chúng tôi thấy trên vai của họ, những nửa con bò thịt đầm đìa máu.

Người hàng thịt đứng trên ngưỡng cửa hàng của ông ta để điều khiển các phu khuân vác bốc dỡ hàng và khi ông ta thấy ông Szabo hạ kính cửa xe xuống và thò đầu ra ngoài, ra dấu xe đậu ở giữa đường làm nghẽn đường, người hàng thịt hét to lên vài tiếng.

- Ông ta nói gì thế? – ông Szabo quay sang hỏi Georges và Georges trả lời ngay lập tức.

- Chẳng có gì quan trọng, ông ta nói hãy đợi cho một lát nữa thôi...

Nhưng sự thực không phải như thế. Sau lưng ông Szabo, tôi đưa mắt hỏi Georges, nhưng anh đặt một ngón tay trở của anh lên môi ra dấu bảo tôi im lặng.

Cuối cùng rồi chúng tôi cũng tìm ra được cái quán bar chúng tôi muốn tìm. Từ ngoài đường, chúng tôi chỉ thấy một cái cửa kính che màn vải ca rô và những cửa sổ cũng được che bằng thứ vải ấy.

Ông Szabo bước vào đầu tiên, chúng tôi đi theo ông ta, ngoan ngoãn và hồi hộp. Quán vắng tanh và trong bóng tối lờ mờ của phòng ở phía sau, chúng tôi thấy những chông ghế chất lên trên những chiếc bàn./

Bỗng xuất hiện một người đàn bà sắc đẹp quyến rũ, một sắc đẹp mà đàn bà gọi là thô tục và đàn ông phải e dè nể nang. Tóc đen, quần và bôi sáp làm cho bóng tóc, hai vai tròn trịa, vẻ khiêu dâm, dành riêng cho đàn ông gói đầu lên đó, một cái nệm tuyệt vời độn thịt và những tiếng đập của trái tim, tất cả bày ra những cảnh tượng lạ lùng đối với chúng tôi và làm cho ông Szabo chóng mặt.

- Các người đến để quản lý?

Tôi có cảm tưởng rằng bà bắt đầu một bài ca mà điệp khúc sẽ là cái câu thân mật hầu như đa tình ấy.

Ông Szabo quay về phía tôi, với vẻ bị kích thích và rất hoan hỉ:

- Bà ta nói gì thế?

Người thiếu phụ bước về phía chúng tôi và tôi thấy hình dáng của hai bắp đùi dài của bà khép chặt vào nhau bên trong cái váy.

Ông Szabo quên rằng cửa hàng vắng tanh, không có lấy một người khách. Ông đứng trước cái quầy hàng và thiếu phụ rót rượu cho ông uống. Tôi lặng lẽ nhìn và chúng tôi biết rằng bà ta là người Tây Ban Nha, quản lý cái bar này đã hai năm rồi, nhưng vì một cuộc đấu khẩu dữ dội với chồng, bà ta muốn trở về quê hương ở Barcelone.

Georges phiên dịch rất đúng những lời kiêu cách, điều độ của bà ta và ông Szabo ngà ngà say bởi lu rượu mạnh, tựa người vào quầy hàng, không ngừng quan sát với vẻ khâm phục bà quản lý phơi phới tuổi xuân. Bà ta chẳng ngưng ngừng một chút gì về tình trạng vắng tanh của cửa hàng.

- Tôi chẳng còn quan tâm gì đến cửa hàng kể từ khi tôi và chồng tôi cãi cọ nhau một trận dữ dội – bà ta nói và đôi vú hình quả lê nâng cái áo thun màu vàng của bà ta lên với một vẻ ngây thơ trơ trẽn. Bà ta lắc đầu, làm rung rinh các khuyên to bà đeo nơi tai.

tôi chợt thấy một cái máy hát ở trong một góc. Tôi đút một đồng tiền vào trong kẽ hở được chỉ bằng một mũi tên, tôi muốn làm cho cửa hàng này có tiếng nhạc để xua tan bầu không khí trống vắng, quạnh hiu.

Georges đứng gần một bên tôi, anh có vẻ trầm tư:

- Em hãy đi theo anh... - anh nói với tôi – Bà ta nói được một ít tiếng Đức và anh đã để bà ta tự do nói chuyện với ông Szabo. Bây giờ chúng ta có thể đi xem qua cửa hàng một chút. Em có tin lão Szabo sẽ bằng lòng bỏ tiền ra không?

Câu trả lời của tôi bị át đi bởi một nhạc khúc kích động và điệu nhạc van ây làm quay cuồng những bóng hình, bụi bặm và nỗi buồn bã. Bản nhạc Dòng sông xanh phát ra từ một cái đĩa đã mòn, những tấm màn đầy bụi bám, những chồng ghế chất cao lên trên bàn, ông Szabo và ánh mắt lăm lét với hy vọng chiếm đoạt cái thân thể ấy, mùi bia đã ngả chua...đôi với tôi bấy nhiêu điều là đã quá lắm rồi.

- Hãy đi theo anh. – Georges giục.

Tôi đi xem cái nhà bếp tồi tệ với những soong chảo to tướng treo bên trên một cái lò than.

- Đồ đạc hơi cũ một chút – Georges nói – nhưng không sao. Chúng ta sẽ trang bị lại cho đàng hoàng.

Chúng tôi đi xuống tầng hầm chỉ được chiếu sáng bởi một bóng đèn nhỏ. Mùi mốc meo làm chúng tôi buồn nôn và trên một cái thùng tô nô lớn, đã hoàn toàn mục nát, mạng nhện giăng đầy.

- Em yêu, em biết chúng ta sẽ làm gì ở đây không? – Georges nói với tôi - Một quầy rượu...một quầy rượu rất trang nhã...Người Pháp thích những tầng hầm, miễn là chúng phải có tính cách lãng mạn hay độc đáo. Chúng ta sẽ cho sơn quét lại các bức tường và sau đó chúng ta sẽ đặt những mạng nhện giả, có thể cả một bộ xương được chiếu sáng một cách tài tình treo trong một xó góc..và để làm cho em vừa lòng, chúng ta sẽ làm nổi bật tính cách trí thức của quán bar này, đây sẽ là một hộp đêm của giới văn học. Lẽ tất nhiên về sau chúng ta sẽ thuê một ban nhạc. Mọi việc rồi sẽ thông suốt, phải không, em yêu!

Tôi im lặng, âm ức trong lòng mà không nói ra được. Khi đi lên trên cửa hàng, chúng tôi thấy ông Szabo đã say mềm.

- Tôi cho các người tiền đề quản lý cửa tiệm này – ông nói áp a áp úng – cho nhiều hơn những cái gì mà các người đã muốn...

Thiếu phụ người Tây Ban Nha mỉm cười. Bà ta đuổi mình ở sau quầy hàng, chiếc áo thun căng thẳng trên đôi vú sẵn sàng toác làm đôi.

- Ôi, tôi sẽ bằng lòng được trở về Barcelone – bà ta thở dài nói.

Tôi không ngạc nhiên, tôi cũng bằng lòng được ở Barcelone, hơn là ở đây.

Khi chúng tôi từ giả ông Szabo trước cửa câu lạc bộ của ông, ông nói rằng ông cảm ơn chúng tôi đã đưa ông đi xem cửa tiệm và hứa sẽ cho chúng tôi số tiền cần thiết vào tuần sau. Chúng tôi đưa ông vào tận cửa cái câu lạc bộ sang trọng ấy.

Khi ông ta đã đi vào trong cầu thang, Georges hỏi người gác cổng:

- Đây là câu lạc bộ gì của cái ông vừa đi lên cầu thang đó?

Người gác cổng trả lời với vẻ khinh bỉ:

- Đó là một sòng bạc, chơi Baccara và Rulette, nhưng chỉ dành riêng cho các hội viên của câu lạc bộ.

Tôi nghĩ thầm "nếu ông ta đánh thua, sẽ không còn có chuyện quản lý cửa hàng nữa lại càng hay!" nhưng tôi không dám nói gì cả. Georges quá lo âu.

Chúng tôi chỉ gặp lại ông Szabo trong phòng khách của câu lạc bộ. Ông hứa giao tiền cho chúng tôi hết ngày này đến ngày khác và luôn luôn chúng tôi đến cái phòng khách sang trọng ấy vào lúc sáu giờ tối. Tôi không quan tâm đến một người đàn bà khác cũng có mặt tại đây với vẻ chờ đợi một ai đó.

Georges chán nản, lần nào cũng hỏi tôi:

- Em có tin rằng hôm nay ông ta sẽ ký chi phiếu cho chúng ta không?

Tôi nhún vai nhưng im lặng không nói gì.

Khi ông Szabo đến, chúng tôi đứng khựng lại, hầu như bị ông ta thôi miên. Ông ta bước qua ngưỡng cửa và đưa hai bàn tay ra, ngày nào cũng với sự vồn vã quá đáng:

- Các bạn thân mến của tôi, các bạn trẻ của tôi, tôi lấy làm xấu hổ vì đã làm cho các bạn phải chờ đợi, nhưng thú thực tôi không thể nào rời khỏi bàn được...

Mặt ông ta đỏ phừng vì chứng sưng huyết, mắt ông ta đỏ ngầu, hằn lên những tia máu làm chúng tôi phát sợ.

- Người môi giới kinh doanh bất động sản gia hạn cho chúng tôi một tuần nữa – Georges trình bày.

- Nhưng với một tuần, chúng ta có cả thời gian vô tận trước mắt – ông Szabo vui mừng nói, rồi nói thêm – tôi phải gỡ lại mới được, viên thông ngôn của chúng ta đánh luôn luôn ăn, còn tôi thì thua, nhưng tôi không thể thua hoài, nếu thế thì vô lý quá...

Ông ta đã nhìn ra phía cửa:

- Các bạn thân mến, tôi phải trở lại...

Một hôm tôi hỏi ông ta:

- Ông Szabo, vì sao ông không trở lại cửa hàng bánh ngọt? Công việc của ông đang đợi ông ở đó... Và các máy đánh chữ. Chúng ra sao rồi?

Ông ta cắn môi dưới:

- Chúng đang còn ở chỗ hải quan, bây giờ tôi chưa có thể đóng thuế hải quan được

Tôi nói thêm một cách độc ác:

- Ông Szabo, các con của ông có được mạnh khỏe không?

Mặt ông ta toát mồ hôi:

- Tôi đã cho vợ tôi về Thụy sĩ ở với bố mẹ của bà ấy rồi, cái biệt thự tôi thuê quá đắt, nhưng bà ấy sẽ trở lại ngay khi nào tôi mua được một căn hộ.

Người đàn bà kia, nghe được cuộc đối thoại của chúng tôi, bèn cup mi mắt nặng trĩu xuống, như thể bà ta đã nghe câu nói vừa rồi của ông Szabo hàng trăm lần rồi. Đột nhiên, người đàn bà không quen biết kia trở thành một đồng minh, tôi muốn xoay về phía bà ta và nói với bà:

- Bà bạn thân mến, cũng như tôi, bà cũng đang đợi một thằng điên phải không?

Cửa mở ra và chúng tôi thấy hai người đứng trên ngưỡng cửa. Viên thông ngôn và một người đàn ông loắt choắt, ông ta nhào tới người đàn bà kia và nói ấp a ấp úng:

- Mọi sự đều suông sẻ, em yêu.

- Hãy đi về với tôi ... - người đàn bà nói với giọng rên rỉ.

- Em hãy về trước đi, em yêu. Lát nữa anh sẽ về ngay mà.

Người đàn bà ngược đôi mắt ngời ánh căm hờn, thì thầm với một vẻ điềm nhiên làm chúng tôi nổi da gà:

- Đồ ngốc!

Người đàn ông đến bên bà ta, ghé miệng vào tai bà để giải bày gì đó.

Người thông ngôn Ba Lan vẫn đứng trong cửa hé mở, lên tiếng thúc giục ông Szabo:

- Cậu trở vào với tớ đi.

- Bây giờ ông ta xưng hô với ông như thế sao? – tôi hỏi ông Szabo.

Ông ta đã đứng dậy và chìa tay mặt ra cho chúng tôi bắt:

- Đối với tôi, ông ta là một người bạn, một người bạn thân... và ông ta biết đánh bạc, chính ông ta đã đưa tôi vào đây.

Đề tỏ vẻ nóng nảy, viên tài xế kiêm thông ngôn gõ vào cánh cửa như đánh trống:

- Hãy nhanh lên, anh bạn già...

Ông ta nắm cánh tay ông Szabo và lôi ông đi.

Bước trên con đường lạnh lẽo, Georges xoay về phía tôi:

- Em có tin rằng ông ta sẽ thôi đánh bạc không? nếu ông ta tiếp tục đánh, ông ta sẽ bị khánh tận.

Nhưng ở đời luôn luôn là như thế đó... quen thói rồi, không chừa được nữa...

Tôi vùng vằng như một con chó muốn thoát ra khỏi cái vòng cổ của nó:

- Làm sao em biết được điều đó mà hỏi? Em chỉ biết nội trong năm ngày nữa chúng ta phải kiếm được một công việc gì đó mà làm...

- Chúng ta đã có thể sung sướng xiết bao với cái quán bar – Georges nói tiếp, mà không nhận thấy điệu bộ giận dữ và chán nản của tôi.

Đó là một trong những đức tính của Georges, anh biết mơ mộng và tiến bước trong cuộc đời với vẻ điềm nhiên khùng khiếp của một người mộng du đi dạo trên mái nhà, vững tâm một cách vô ý thức, bởi vì những người chung quanh anh thức tỉnh và có đủ tinh ý để không đánh thức anh dậy một cách đột ngột...

Tôi chẳng còn hiểu được tôi nữa. Tôi đã làm gì với cái thể xác của tôi, với các tư tưởng đen tối của anh? Tôi viết những bức thư lạc quan cho bố mẹ tôi, tôi đã quen nói dối về một cuộc sống dễ chịu, có bọn bè công việc phải làm, nhưng có triển vọng sáng sủa, đến nỗi sau khi viết xong một bức thư, tôi hầu như sung sướng. Tôi tự ru ngủ với những từ của chính tôi và tự nhủ rằng thật là tuyệt vời đã được ở tại Paris, đã được hai mươi tuổi và đã có một tình yêu lớn. Nhưng sự thật ở đâu đâu. Ý nghĩa của cuộc đời tôi, được tô điểm bằng những yếu tố mà tôi muốn tin là đích thực, ý nghĩa của ngày tháng trôi qua của tôi được tiềm tàng trong các trang của cuốn tiểu thuyết của tôi. Tôi biết rằng tôi sinh ra là để cầm bút, để theo đuổi văn nghiệp, nhưng tôi cũng cảm thấy được rằng trước khi sách của tôi được xuất bản, tôi phải im lặng. Sách của mình được xuất bản... Tôi nhìn tên của những nhà xuất bản trong tủ kính của các nhà sách và đôi khi tôi bước vào nhưng không có khả năng mua được cuốn nào hết. Rụt rè, tôi hỏi một điều chỉ dẫn và tôi hít mùi thơm của quyển sách, tôi sờ bìa của chúng. Tôi đã viết được một trăm trang cuốn Wanda, tôi đói bụng còn cào trong khi đánh máy, tôi cho Wanda ăn tràn hòng gan ngỗng béo và uống sâm banh. Tôi đánh máy với những cái mền quán chung quanh phần dưới người tôi và cái áo măng tô cũ phủ trên vai tôi, nhưng Wanda ở trong căn hộ của nàng ở Vienne, một căn hộ sang trọng được sưởi ấm đến nỗi nàng đi chân trần trên những tấm thảm dày. Trong lúc tôi thờ ơ và buồn bã trong vòng tay của Georges, tôi vừa làm cho nàng ngây ngất trong niềm hoan lạc ở cuối chương. Tôi ghen ghét Wanda...

Chương 13

Bà Saulner, bà chủ mới của chúng tôi, mập mạp nhưng không đến nỗi thô tháp, bà thích ăn những món ăn bổ dưỡng và uống một ly sữa chua sau bữa ăn, luôn luôn có một nụ cười nửa miệng trên khuôn mặt của bà. Ở đây, công việc ngập đầu. Một ngôi nhà mười hai phòng, tám đứa con thân hình cao lớn, trong đó có sáu đứa con trai, con mắt tròn vo như mắt của mẹ chúng, một nhà bếp hoàn toàn được trang bị để phục vụ cho tất cả những cái lỗ miệng háu ăn ấy. Cái bàn ăn luôn luôn là một vấn đề nan giải đối với tôi khi tôi phải lau chùi nó. Nó rộng như một cái sân trượt tuyết, tôi phải leo lên một cái ghế để lau những vết rượu ở chính giữa bàn – các đứa con có thể uống một ly rượu mỗi bữa ăn. Như thế tốt cho sức khỏe của chúng, còn chúng tôi, ăn trong nhà bếp, chỉ được uống nước máy. Bà chủ rất tận tụy và bà cũng có tinh thần trách nhiệm rất cao. Bà không muốn để những người giúp việc cho bà sa vào cái thói hư tật xấu nhậu nhẹt.

Khi chúng tôi đến lần đầu tiên trong ngôi nhà giàu sang này, bà gác cổng đã vọt ra khỏi phòng của bà ta, bà ta hỏi chúng tôi với giọng gắt gỏng:

- Các người đi đâu?
- Đến nhà bà Saulner...

Bà ta lại hỏi một cách lơ lửng:

- Các người đến nhà bà Saulner? Đến xin giúp việc nhà hay có việc riêng?

- Đến xin giúp việc nhà.

Đắc thắng, bà ta chỉ cho chúng tôi cái cầu thang dành cho người giúp việc ở phía bên trái cửa chính. Thế là chúng tôi đến nhà bà Saulner theo ngả nhà bếp. Bà bếp đưa chúng tôi vào phòng khách.

- Em có nhận xét gì không? – Georges đã hỏi tôi. Anh muốn biết ý kiến của tôi rồi mới nói ý kiến của anh.

tôi không thể trả lời, bởi vì bà Saulner đã bước và bắt tay chúng tôi thật mạnh, bà nói:

- Tôi bằng lòng thuê các người, vì các người có lý lịch tốt.

Bà bếp đem đến một cái khay với ba cái ly, một hộp cà phê bột và một bình nước nóng.

Bà Saulner rót cà phê cho chúng tôi và bằng một cử chỉ đột ngột, đẩy lọ đường về phía tôi;

- Đường? Bao nhiêu?

Và nhìn tôi, bà nói thêm:

- Cô cũng là người trí thức?

Chữ "cũng" ấy như một cái tát đối với tôi, nhưng tôi không có tiền để mua giày mới, mặc dù giày cũ đã hỏng và tôi cũng muốn tiếp tục thuê cái máy đánh chữ, tôi trả lời rất dịu dàng.

- Thưa bà, tôi không biết.

- Bởi vì cậu – bà ta nghiêng về phía Georges nói tiếp – cậu muốn tiếp tục học, phải không?

Georges thật thà một cách lạ lùng:

- Thưa bà, tôi muốn tiếp tục học.

Bà ta lộ vẻ không bằng lòng:

- Tôi không biết cậu có thể làm như vậy ở đây được hay không. Nhà có rất nhiều việc...

Georges vẫn cố chấp:

- Thưa bà, tôi sẽ tìm được một ít thời giờ rảnh rang.

Bà ta cười khẩy:

- Cậu biết những gì cậu muốn..

Bà ta xoay về phía tôi như con chó có hai miếng xương, khi thì nó gặm miếng này, khi thì gặm miếng kia.

- Cô đã bỏ xứ sở ra đi năm nào?

- Thưa bà năm 1948

- Học lực?

- Tú tài, tám năm học tiếng la tinh ở trường trung học...

- Thế à..

Ngạc nhiên, một lúc sau bà ta nói tiếp:

- Thế thì cô sẽ có thể giúp Patricia, con gái đầu lòng của tôi, nó hơi kém môn la tinh.

Bị thúc đẩy theo bản năng tự nhiên, tôi nói bồi thêm một câu:

- Tôi cũng có học sáu năm ở viện âm nhạc, tôi suýt trở thành nhà danh cầm piano..

Bà Saulner lặp lại:

- Viện âm nhạc..Patricia cũng chơi piano, cô có thể thay thế giáo sư dạy đàn của nó.

Georges nói thêm một cách ngây thơ:

- Christine còn đang viết một cuốn tiểu thuyết nữa đấy, cô ấy có rất nhiều tài.

Ngồi đã cháy quá gần thùng thuốc súng. Bà Saulner la lên:

- Tôi muốn thuê một cô hầu phòng, một cô hầu phòng giỏi! Chiều chủ nhật, cô sẽ có thể làm bất cứ gì, ngay cả việc viết tiểu thuyết, nhưng trong tuần, tôi cảnh cáo cho cô biết trước, tôi không chấp nhận bất cứ một sự lệch lạc nào trong công việc. Christine, cô có biết khâu vá áo quần không?

Tôi không thích tên của tôi trên đôi môi của bà ta, tôi muốn nói với bà ta rằng tôi tên là Catherine hay

là Rose.

Nhưng thấy tôi im lặng, bà ta đã hỏi:

- Christine, cô đang mơ mộng đấy à?

Đó là lời tuyên chiến của bà ta, "Christine, cô đang mơ mộng?"

Chúng tôi đã trải qua tháng mười một như những người bị đắm tàu chỉ còn thò đầu ra khỏi nước biển trong khi đợi một chiếc tàu khác đến cứu. Nhưng không có tàu nào đến cứu cả. Chỉ có bà Saulner và giọng nói của bà ta, một giọng nói ngọt ngào giả dối, một giọng nói làm cho tôi run lên vì sợ:

- Christine, cô đang làm gì đó? Cô đang mơ mộng phải không?

Georges có một cái tạp dề xanh, còn tôi, tôi có một cái tạp dề trắng. Hélène, bà bếp, không ra khỏi nhà bếp. Bà Saulner đích thân đi mua sắm, bà ta không muốn Hélène làm giàu quá mau, bằng cách ăn bớt tiền chợ. Chúng tôi phải thức dậy từ lúc bảy giờ sáng và đến mười một giờ tối mới đi ngủ, sau khi rửa một đồng bát đĩa cao như núi. Georges xanh xao như một con ma, tôi, tôi không biết mình như thế nào, tôi tránh không dám soi gương. Hélène là một người tốt, bà đã tổn thọ mất vài năm kể từ khi vào giúp việc cho bà Saulner. Bà giúp đỡ tôi hết lòng, đỡ dần tôi về cả mặt tinh thần và thể xác, bà không có chồng, không có cuộc sống riêng tư, số kiếp của bà là làm đầy tớ, nhưng bà có lòng tốt tuyệt vời. Làm sao tôi có thể chịu đựng nổi cuộc sống ấy, nếu không có bà? Georges ủi vô số quần áo của ông chủ. Ông chủ là con người vô vị. Người ta chỉ biết ông có nhà là nhờ những cái quần của ông. Trong các bữa ăn, tôi đóng vai bồi bàn. Tôi thường nghĩ đến một bà bồi phòng mà chúng tôi đã có thuê vài tháng ở Budapest. Bà ta không bao giờ cười. Phải chăng bà ta cũng khổ sở như tôi? Bà Saulner thường bắt tôi phải đứng chờ một lúc lâu, khi tôi bung khay đồ ăn nặng trĩu đến hầu bà.

Bà giả vờ như không biết có tôi ở phía sau bà, bà ghét tôi và cảm thấy cần biểu lộ sự ác cảm ấy khi có dịp. Mãi đến khi bà chiếu cố đến miếng thịt, bà lại lập tức liệng cả đĩa thịt xuống trên cái khay:

- Ngươi tanh! Cô không thể cho chúng tôi ăn đồ nóng được sao?

Tôi mang thịt xuống nhà bếp. Hélène giận đỏ mặt tía tai, bà kêu lên:

- Nóng hổi như thế này mà bảo là nguội sao?

Chúng tôi bắt đầu ăn bữa trưa trong nhà bếp khi họ đã ăn xong. Tiếng bước chân của bà Saulner vang lên trong hành lang và chúng tôi buộc lòng phải ăn cho nhanh.

Một hôm bà ta đi vào trong bếp, mặt hầm hầm:

- Tôi thấy các người mất quá nhiều thì giờ cho các bữa ăn. Các người ăn lâu hơn cả chúng tôi!

Tôi không muốn nhìn mặt bà ta, tôi nhìn đăm đăm vào cái đĩa của tôi, nhưng tôi cảm thấy hai chân tôi đang run rẩy. Tôi ấn mạnh bàn chân trên nền nhà, tôi muốn thôi không run nữa, nhưng toàn thân tôi run rẩy. Từ lâu lâu rồi, tôi đã không cầu nguyện. Tôi nói thầm "Lạy Chúa, xin Chúa làm cho bà ta đi ra đi, bà ta biến mất đi! lạy Chúa, xin Chúa làm cho bà ta bớt độc ác đi!"

Bà Saulner bày đặt ra để giao cho tôi làm những công việc bề ngoài có vẻ nhàn nhã. Bà ta có một cái áo ngủ bằng lụa, xếp nếp từ vai đến mắt cá. Bà ta mặc cái áo ấy một đêm và giao nó cho tôi ủi ngay sáng hôm sau. Trong suốt một tuần lễ, tôi làm công việc vô ích ấy. Trong thời gian làm công việc ấy, tôi ghi tóm tắt trên những mẩu giấy nhỏ vài câu cho cuốn tiểu thuyết Wanda của tôi. "Những người đàn bà liệt âm thích mặc những chiếc áo ngủ xa hoa. Đối với họ, lụa dệt bằng tơ tằm, mỏng, mềm và mịn là một thứ để làm thỏa mãn nhục dục. Cô bạn gái của Wanda cao lớn và mạnh mẽ như một con ngựa, ban đêm cô ta đắp cái cơ thể đồ sộ của mình với một cái mền đăng ten mịn và đẩy chồng cô ta ra xa một cách chán ngấy".

Nhưng vì phòng tôi không có chìa khoá, mỗi ngày tôi phải dấu bản thảo trong va li của tôi và đẩy cái va li vào dưới gầm giường.

Trong phòng khách của bà Saulner, có một tủ sách. Khi lau bụi, tôi nhìn các tên sách và tác giả. Nhiều nhất là tác phẩm của Henry Bordeaux, sau đó là Duvernois, Pierre Benoit và nữ bá tước Ségur. Cũng

có những tác phẩm của Cholokhov, Gogol và Tchekov mà tôi rất muốn đọc lại, nhưng tôi tự an ủi mình, ngay cả trong trường hợp người ta đem dâng cho tôi những quyển sách ấy trên một cái khay bằng bạc, tôi cũng không thể nào đọc được, đêm nào cũng đến mười một giờ, tôi mới ngã người xuống giường, mệt muốn chết.

Bà Saulner rất thích nói chuyện với Georges, Georges có khí lực mạnh mẽ hơn tôi nhiều và anh nói chuyện với bà chủ rất lễ phép.

Mùa đông, cả gia đình chủ nhà đi nghỉ tại một ngôi nhà ở đồng quê của họ mà tôi và Georges phải quét dọn lau chùi suốt một buổi sáng mới xong. Hélène nói cho chúng tôi biết rằng mỗi khi họ đến ở trong ngôi nhà này, họ có mới một người khách, người Anglê, bởi vì có một người khách đàn ông trẻ trung, lại là một người Anh, làm bạn trong lúc đi nghỉ mùa đông, là một điều rất oai!

Bà Saulner rất vui vẻ trong ngôi nhà ở đồng quê này. Bà lẳng xăng chạy lên chạy xuống cầu thang, bà lấy làm tiếc rằng chúng tôi không thấy được ngôi nhà với vườn hoa của bà vào mùa xuân và bà nói rằng gia đình bà sẽ thường về nghỉ tại đây. Ở Paris, chúng tôi còn được nghỉ buổi chiều Chủ nhật, bắt đầu từ ba giờ. Ở đây, không còn hy vọng gì được nghỉ ngơi. Chẳng có hàng xóm láng giềng gì ở gần đây, chúng tôi phải làm việc vất vả hết ngày này sang ngày khác. Tuy nhiên, ngày Chủ nhật bà Saulner cũng cho chúng tôi đi dạo chơi một giờ đồng hồ, bà nói "Các bạn hãy đi hít thở thật sâu không khí trong lành ở đây..."

Một hôm, ngồi trong nhà bếp, tôi rửa bát đĩa với bộ điệu uể oải vì quá mệt mỏi.

Hélène đặt bàn tay lên vai tôi:

- Cô mệt lắm phải không?
- Hélène, tôi mệt quá!
- Cô không phải sinh ra để làm công việc này. Cô sẽ kiệt sức... cô không kiếm được một việc gì khác để làm sao?
- Tôi không biết, tôi chóng mặt quá, tôi không còn biết gì nữa...

Hai ngày sau, khi vào dọn dẹp trong phòng của người khách Anglê kia, tôi ngửi thấy có một mùi hôi lạ lùng. Tôi đã mở cửa sổ, đã quét dọn, lau chùi và sắp đặt lại giường nệm, nhưng mùi hôi vẫn còn. Tôi đã tưởng đó chỉ là do tôi tưởng tượng mà thôi. Tuy nhiên, ngày hôm sau, tôi cũng đã ngửi thấy lại mùi hôi ấy.

Trước hết, tôi gọi Hélène đến, bà hít ngửi với tôi và nhún vai nói:

- Bà chủ đã cư xử xấu đối với những thợ nề khi tu bổ ngôi nhà này. Có thể họ đã dấu một vật gì đó trong các viên gạch để trả thù. Một con chuột chết..
- Bà tin rằng một con chuột nhỏ bé có thể gây một mùi như thế sao?
- Tôi không biết, nhưng cô biết, thịt thối rữa hôi thối lắm...

Sau đó buộc lòng tôi phải cho bà chủ biết. Bà ta đến xem trong lúc vị khách Anglê đi chơi với ông chủ.

Bà ta đứng ở ngay chính giữa phòng, bà ta cố đoán đó là mùi gì. Sau đó, không nói không rằng, bà ta tới các đồ đạc của vị khách người Anh, bà mở tủ và lấy hết đồ đạc trong đó ra. Chẳng có gì cả. Bà lấy chiếc va li để trên tủ xuống, đặt nó xuống dưới chân bà và mở nó ra. Với một tiếng reo đặc thảng, bà lấy ra một cái hộp tròn có trang trí một hình vẽ màu đỏ, một hộp pho mát Camembert. Bà chủ, Hélène và tôi, chúng tôi bật cười. Chúng tôi cười như nắc nẻ, đến nỗi nước mắt nước mũi chảy ra trên mặt và khi chúng tôi trở lại nghiêm chỉnh, chỉ cần nhìn cái hộp chúng tôi lại bật cười trở lại. Bà chủ trông có vẻ dễ thương khi bà cười một cách vui vẻ. Nhưng bà ta đã thôi không cười nữa và nói:

- Ô, tất cả những người nước ngoài ấy! Lố bịch đến nực cười...

Rồi bà ta không nói gì thêm và đi ra với hộp pho mát.

Ngày hôm sau, trong bữa ăn trưa, vị khách Anglê thú thật rằng ông ta muốn đem về một hộp

Camembert cho gia đình của ông ta, ông ta có vẻ ngượng ngịu trước sự vui cười của mọi người. Tôi hầu như không còn có dịp nói chuyện với Georges nữa. Cả hai chúng tôi, người nào cũng công việc lút đầu. Anh lau nhà suốt ngày và mấy đứa con chủ nhà được thả lỏng chạy nhảy với chân đầy tuyết trên nền nhà láng bóng. Bà Saulner không muốn tôi khâu vá những đôi tất của chúng trong gian phòng nơi Georges đang lau chùi các đồ dùng hàng ngày bằng bạc.

- Vừa làm việc vừa nói chuyện, thì công việc bao giờ mới xong? Hai người có suốt cả một đêm mà!

Nói xong, bà ta biến mất khỏi gian phòng.

Chương 14

Sau cuộc đi nghỉ mát cuối năm ở đồng quê, gia đình bà Saulner trở về Paris. Cũng có tổ chức ăn mừng lễ Noel mà tôi muốn quên đi kỷ niệm.

Khi làm hầu bàn và đang phục vụ món xà lách, thì tôi thấy xây xẩm mặt mày. Cái gáy của bà chủ trở thành to tướng, cái bàn rung rinh, bây giờ nó giống như một tảng nước đá đang tan ra dưới ánh mặt trời. Tôi đặt đĩa xà lách xuống và chạy vào trong phòng để thức ăn, tôi ngã ngay vào trong vòng tay của bà Hélène:

- Hélène, tôi choáng váng buồn nôn...

Bà cho tôi uống một ly nước và Georges cũng chạy vào, có vẻ ngạc nhiên:

- Em bệnh à? – anh hỏi.

- Anh ra đi – tôi đáp – để tiếp tục phục vụ món xà lách, em đã để đĩa xà lách ngoài đó.

Ngồi dựa vào ghế, hai bắp chân tôi mềm nhũn, tôi lắng nghe tiếng đập rối loạn của trái tim tôi. Lần đầu tiên tôi thấy cái đầu của Hélène rất gần, bà đứng một bên tôi và đặt nhẹ bàn tay lên trên trán tôi.

- Con đau gan – bà nói, nhưng tôi không trả lời.

Thế xác tê mê trong một sự bất động tuyệt vời, tôi cảm thấy người tôi nhẹ lâng và trong lòng lâng lâng một niềm vui khó tả, tôi nhắm mắt lại và tôi muốn treo một tấm bảng trên mũi tôi có ghi câu: xin vui lòng đừng quấy rầy tôi.

Nhưng Georges đã trở lại với đĩa xà lách hết sạch và lấy khay pho mát:

- Bà ấy đã hỏi em bị bệnh gì – anh nói – Anh phải trả lời như thế nào đây, hả em?

- "Nothing" – đó là một trong những từ hiếm hoi mà tôi còn nhớ được, như thể tôi đã học tiếng Anh trong tám năm chỉ để thốt ra một cách thoải mái "hãy trả lời bà ta: nothing"

Georges lại đi ra với cái khay pho mát và khi Hélène biết nghĩa của từ ấy, bà ta chưng hửng, bà đã tưởng đó là một tiếng rửa.

Sau bữa ăn trưa, tôi rửa bát đĩa và tôi tưởng tượng tôi là cậu bé thủy thủ trên một chiếc tàu bập bênh vì sóng gió. Vào lúc bốn giờ chiều, tôi gặp bà Saulner trong hành lang. Bà ta nói:

- Cô tái mét một cách dễ sợ! Cô bị bệnh gì thế?

- Thừa bà, đau gan..

Bà ta lộ vẻ hầu như vui mừng:

- Cô thấy đó, ở đây cô được ăn uống đầy đủ, các món ăn quá bổ dưỡng đối với cô..Về sau, cô hãy kìm hãm bớt..Phải biết nói "không" khi người ta ăn quá nhiều. Và bây giờ, cô vào trong phòng của cô để nghỉ ngơi trong nửa giờ, cô hãy ngủ đi một chút, trông mặt cô thấy sợ..

Tôi nằm trong phòng, cô đơn một mình, tôi nhắm mắt lại, lần đầu tiên tôi nói thầm với mình rằng, tôi tin tôi sẽ có một đứa con.

Tôi không muốn bộc lộ tư tưởng của tôi trong nhà bếp. Tôi muốn ít ra nó được bộc lộ trong một bầu không khí tự do hơn. Tôi sợ cái bầu không khí tôi đòi ấy làm lây bệnh cho con tôi như một bệnh sỏi tinh thần. Đột ngột Georges bước vào. Anh ấy ngồi xuống mép giường, nắm lấy bàn tay tôi. Tôi im lặng, tôi không tìm một hiệu quả nào cả, nhưng giả thuyết của tôi là của riêng tôi, đến nỗi tôi chưa dám chia sẻ với anh.

Tôi nhìn Georges, như chưa bao giờ trông thấy anh. Anh mặc cái tạp dề xanh như một học sinh bị phạt, anh không muốn xua tan sự im lặng của tôi, anh luôn luôn thích được yên tâm vì chưa biết chắc chắn một sự việc gì.

- Hãy cởi tạp dề của anh ra... - tôi nói và khi ngẩng đầu lên, tôi lại thấy buồn nôn.

- Anh phải xuống làm việc...

- Hãy cởi áo tạp dề ra, chúng ta phải nói chuyện với nhau như thể chúng ta là những người tự do.

Anh nhìn tôi và tôi nói:

- Em chắc chắn chúng ta có con..

- Không! – anh nói, hãnh diện nhưng đồng thời cũng run sợ - không thể nào!

Và anh nói thêm, một cách nóng nảy:

- Em có chắc chắn không?

Phải thêm một cái gối nữa để tôi nhìn thấy rõ khuôn mặt của anh mà không cần ngẩng cổ lên vì cổ tôi đang co lại để khỏi buồn nôn.

- Ừ, em gần như chắc chắn.

Anh đứng trước mặt tôi như một đứa con trai lớn tú thật đã phạm lỗi lần đầu tiên với mẹ mình:

- Bây giờ chúng ta phải làm gì đây?

Câu hỏi ấy được tiếp nối bằng những từ mà tôi không muốn nghe. Tôi nhào tới phía anh, bụm miệng anh lại, tôi không muốn anh nói tiếp.

- Câm mồm đi, em van anh, câm mồm đi, hay là hãy nói đi một lần những lời em chờ đợi...

Anh vùng ra với vẻ giận dữ:

- Em muốn anh luôn luôn nói với em những lời em chờ đợi, thì em cứ đọc đi, để cho anh lặp lại.

Anh phải nói gì đây? Em cho phép anh nói gì đây?

Tôi quay mặt vào tường và xấu hổ vì tôi đã khóc, tôi giấu nước mắt vào cái gối. Lạ thay, những giọt nước mắt do Georges gây ra làm cho tôi thấy xấu hổ, như thể đó là một người xa lạ đã làm cho tôi khóc.

- Anh yêu em – anh nói – em biết rõ anh yêu em mà!

Nhưng tôi không trả lời, tôi mong nỗi ưu phiền của tôi như con ốc mang cái vỏ cứng của nó.

Một lát sau, khi anh đã đi rồi, tôi mới ngồi dậy. Tôi để hai bàn tay lên trên bụng tôi. Bụng tôi lép kẹp.

Tôi sờ hai cái háng hẹp của tôi, tôi thấy mình gầy quá. Tôi bước ra khỏi phòng. Tầng này dành cho những người giúp việc, chúng tôi làm việc đến tận khuya và bây giờ, mới năm giờ chiều, ở đây hoàn toàn yên lặng. Khi đi tới cầu thang, tôi thấy bước chân của tôi có tiếng vang, tôi nhón chân đi tiếp, tôi không muốn bị quấy rầy bởi tiếng động của chính các bước chân của mình. Cái cầu thang xoắn ốc hình như hẹp hơn bình thường. Tôi nhìn các bậc cấp rất cẩn thận và nắm chặt lan can mà từ trước đến bây giờ tôi chưa bao giờ dùng đến. Tôi đi xuống rất chậm rãi, tôi không còn sợ như trước nữa. Có một tình cảm khác đã xâm chiếm lấy tôi, tôi có trách nhiệm với đứa con trong bụng mình.

Bà Saulner cho việc tôi xin nghỉ làm là một thắng lợi của bà ta! Bà nói:

- Christine, tôi thông cảm với cô, cô mảnh mai quá, khó lòng đảm đương được công việc này.

Nhưng lập tức bà hối tiếc đã dùng từ "mảnh mai", quá thanh nhã. Bà lưỡng lự một chút, tìm một tính từ phẩm chất khác và thốt ra với vẻ khinh bỉ:

- Cô bị bệnh thiếu máu, nên người xanh xao như thế đó. Tôi tự hỏi cô sẽ xoay sở ra sao trong

tương lai. Cô không có quốc tịch Pháp và người Pháp không muốn có những bảo mẫu người nước ngoài để chăm sóc con cái họ.

- Thưa bà, tôi đã nghe người ta nói điều trái lại. Ở đây có những bảo mẫu người Anh, Thụy Sĩ, Hà Lan, Thụy Điển...

- Một người bảo mẫu đến từ một nước được mọi người biết đến, đó là một chuyện khác. Người ta có thể đòi hỏi họ những chứng chỉ nghề nghiệp, ít ra người ta cũng an tâm cho con cái của người ta. Nhưng cô, người Hungari, với ngôn ngữ Slave của cô....

- Thưa bà, tiếng Hungari không phải là ngôn ngữ Slave, đó là một ngôn ngữ có cùng nguồn gốc với tiếng Phần Lan..

Bà ta không bằng lòng về việc tôi đã dám ngắt lời bà ta, cãi lại bà ta và đã làm cho bà ta khó chịu vì đã nói đến nước Phần Lan. Theo bà ta, không có gì khác biệt giữa các nước Bắc Âu và bà ta vừa đề cập đến nước Thụy Điển

Tôi thấy bà ta đã đi gần đến mục đích của bà ta khi bà nói chuyện dài dòng với tôi, bà ta nghiền ngẫm từng câu, từng chữ, rồi bung ra như hơi nước nâng cái nắp ấm lên càng lúc càng cao hơn:

- Và cái ý kiến kỳ cục của cô, viết tiểu thuyết!

Bà ta cười gần một tiếng và tôi cảm thấy bà ta ghen tị với tôi, một mối ghen tị mà bà ta sẽ không bao giờ chịu thú nhận với chính mình.

- Viết tiểu thuyết..và còn gì nữa! Mơ ước những chuyện hão huyền, không phải sao?

Bà ta dữ dội như thể bà đoán được những tư tưởng của tôi. Bà ta lặp đi lặp lại mấy chữ "Viết tiểu thuyết" bà ta muốn làm cho tôi hoảng hồn, nhưng tôi hoàn toàn bình tĩnh. Còn lâu bà ta mới biết sự thật. Bà ta không biết bản thảo hiện nay của tôi, cũng như một trong những bản thảo sau này, trong đó tôi sẽ dành vài trang cho bà ta. Và nhất là bà ta không biết rằng tôi sẽ có một đứa con. Tôi chịu đựng tất cả, nhưng tôi sẽ không thể chịu đựng ánh mắt của bà ta nhìn thân hình tôi, nhìn từ ngực đến bụng và dừng lại ở háng. Tôi sẽ không chấp nhận việc bà ta đoán già đoán non về cuộc đời của tôi, khi nào, bằng cách nào, vì sao? Đam mê hay vụng dại?

Tôi nghe bà ta nói một cách dữ dội và tôi bằng lòng việc bà ta dữ dội như thế. Bà ta ngồi không yên, bà ta động đậy luôn, bà ta vặn mình trong chiếc ghế pho tôi. Tôi thấy tội nghiệp cho bà ta. Ôi! Cuộc đời của bà ta, một cuộc đời vô lương, trong đó thế giới được chia làm hai bên, một bên là những người giàu có và độc ác, còn bên kia là những kẻ sa cơ thất thế phải làm tôi mọi, phải cúi đầu vâng lời họ.

Bà ta đứng dậy, cao lớn hơn bao giờ hết, bà ta chỉ cho chúng tôi cái tủ sách của bà với cử chỉ của bạo chúa Néron điên rồ trên những phế tích của thành La Mã bị tiêu hủy. Bà nói:

- Tôi cho phép cô được chọn một quyển sách để làm kỷ niệm...

Bà ta vượt quá giới hạn đảo ngược thế quân bình lực lượng và đột ngột chính tôi là người đắc thắng, nhờ bà ta mà tôi có thể trả lời với giọng bình tĩnh:

- Thưa bà, tôi không muốn có vật kỷ niệm, tôi muốn quên bà đi.

Chương 15

Chúng tôi không có thể có nhiều bạn bè. Tuy nhiên, một phép lạ đã xảy ra. Một trong những bà bạn hiếm hoi của chúng tôi đã cho tôi mượn cái phòng nhỏ của cô người làm, nơi mà bà tạm lánh mặt khi nào bà hờn dỗi con trai và con dâu của bà. Là một bà mẹ chồng có tính hay tự ái, thay vì hành hạ con trai và con dâu, bà tưởng họ ngược đãi bà. Tôi có quen biết con trai bà, một người lịch thiệp, trí thức

và con dâu bà ngoan ngoãn, tận tụy. Nơi họ, tôi không bao giờ thấy có một dấu hiệu nhỏ nhất nào là họ có ác cảm với bà, nhưng theo bà nói với tôi, cuộc đời của bà chỉ là đau khổ.

- Tôi cho cô mượn căn phòng của tôi – bà nói – nhưng với một điều kiện, ngày nào tôi cần đến nó, cô hãy dọn đi ở nơi khác nội trong ngày ấy. Bởi vì, cô biết không, bây giờ tôi rất hoà thuận với chúng nó, nhưng nếu chúng làm phật lòng tôi, lập tức tôi lách mặt vào đấy và tôi đợi chúng đến năn nỉ tôi trở lại với chúng. Thật sự, chúng không thể nào sống mà không có tôi, nhưng chỉ cần sự vắng mặt của tôi mới làm cho chúng cảm thấy chúng cần tôi đến mức nào.

Tôi hoàn toàn đồng ý với bà bạn của tôi. Lẽ tất nhiên, tôi muốn biết ngày nào phải ra đi, hơn là ở trong cái tình trạng bấp bênh ấy. Nhưng thôi, được ngày nào hay ngày ấy. Tôi có thói quen thở thật sâu, tôi giữ không khí lại trong lồng ngực để trấn áp cơn buồn nôn không ngớt. Bà bạn tốt của tôi không biết tôi có thai vì bà tiến bước trong hành lang, dẫn tôi tới cái phòng nhỏ ấy với vẻ yên tâm của những người có lỗi mũi không thính. Nhưng tôi...

cái tầng trệt ấy nằm tại một trong những toà nhà rất lớn của khu phố cổ Passy dọc theo sông Seine trôi lững lờ. Theo sở hữu đặc biệt của một kiến trúc sư, trong tầng trệt ấy có vài phòng của các cô giúp việc ở. Mặt tiền sang trọng của toà nhà hướng về một phía một ngã tư đường nhộn nhịp. Còn các phòng nhỏ cho các cô giúp việc ở, trông ra một con đường nhỏ. Có những cửa sau dành cho tôi tới ra vào. Bà bạn của tôi dẫn tôi đi vào một trong những cửa sau ấy. Chúng tôi chạm phốt qua vài cái thùng rác đầy kín nắp, bà cũng đã chỉ bảo cho tôi thấy cái đồng hồ có cái rờ le định giờ cho một bóng đèn điện tắt hay đỏ, gắn bên phía tay mặt cửa ra vào. Ở đây tôi thui ngay cả ban ngày và có đủ thứ mùi hôi làm tôi phải lấy khăn tay bịt miệng.

Bà quay sang tôi hỏi:

- Cô bị cảm lạnh à?

Tôi gật đầu.

Chúng tôi đi vào trong một căn phòng tối tăm có một cửa sổ trông ra một cái sân vuông nhỏ xíu, chung quanh có tường bao bọc.

- Mùa hè ở đây có rất nhiều ánh nắng - bà khẳng định một cách quả quyết như thể bà muốn bán căn phòng này cho tôi. Bà sờ nhẹ cánh cửa sổ và nói thêm – Cô thấy đó, mùa hè luôn luôn cửa sổ được mở rộng và tôi để các chậu cây của tôi ra ngoài trời. Tôi không bao giờ thấy buồn ở đây cả. Bà mở cửa sổ và tôi vội vã thò đầu ra ngoài để nhìn, nhưng không có cách nào để thấy được một mảnh trời xám hay xanh.

- Và ở đây – bà nói tiếp – rất yên tĩnh, tôi có thể khóc mà không bị ai quấy rầy...

Trong phòng có một cái đi văng, một cái bàn nhỏ, hai cái ghế và một cái tủ. Bà bạn tôi đứng ở chính giữa phòng, tươi cười với mái tóc bù xù và cái mũ phớt màu vàng trên đầu.

Tôi nhìn quanh, tôi muốn biết cầu tiêu ở đâu, nước ở đâu để tắm rửa.

Bà đoán được ý nghĩ của tôi.

- Nước, ừ, nước không có nước trong phòng, nhưng cô có cái vòi nước ở cuối một hành lang khác, tôi sẽ chỉ cho cái cầu tiêu nhỏ cũng ở đó.

Bỗng tôi cảm thấy khó chịu trong người, tôi bèn ngồi xuống mép đi văng. Bà bạn tôi hớn hờ, chuẩn bị để trút bầu tâm sự với tôi, bà cởi áo măng tô và kéo một cái ghế ngồi xuống. Nhưng hình như chợt nhớ ra điều gì, bà lại đứng lên và tìm kiếm cái gì đó trong phòng. Bà lấy ra một cái rế xô cùn. Tôi bắt đầu sợ mùi cùn.

Bà nói:

- Trước khi nói chuyện, tôi sẽ pha cho cô một ly cà phê đã.

Bà lấy một cái chai trong một góc tối của gian phòng và rót một ít cùn vào trong rế xô.

Tôi buồn nôn và lấy khăn che miệng, tôi đâm bổ vào trong hành lang tối mờ để tìm cái cầu tiêu nhỏ.

Tôi trở lại căn phòng, mặt đỏ ửng, với mùi đắng của mật trên lưỡi.

Bà bạn nhìn tôi với vẻ ngạc nhiên:

- Cô đi mau thế, cô đã tìm ra chỗ đó rồi hả?

Uống ly cà phê nóng, ngồi ép mình vào một cái gối, tôi lắng nghe bà ta nói mà không nghe rõ bà nói những gì. Nhưng ráng sức để trở lại với thực tế, tôi nói:

- Georges cũng sắp đến đây.

Bà tái mặt:

-Ồ không, tôi không muốn đàn ông vào phòng của tôi!

Tôi phản đối một cách yếu ớt:

- một người chồng thì khác chứ...

bà hạ thấp giọng để giải thích với tôi:

- Những người ở các phòng ở bên tay trái và bên tay phải, không biết có cô ở đây, họ đã quen thấy tôi... Tôi không muốn họ có những ý nghĩ lệch lạc về tôi. Không thể để cho họ nghe có tiếng đàn ông trong phòng của tôi, danh dự của tôi...

Bà nói thêm:

- Nhưng anh ấy có thể đem cái va li và cái máy đánh chữ đến đây cho cô.. bởi vì cuốn tiểu thuyết của cô khá hấp dẫn. Những phần mà cô đã đọc cho tôi nghe, làm cho tôi rất thích. Cô có tài viết văn. Và cái đề tài cô viết đó cũng hay lắm.

Tôi sung sướng đến phát run lên khi nghe bà bạn tôi nói thế. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi có một người xem công việc làm của tôi là nghiêm chỉnh. Được nghe những từ có ma lực lôi cuốn kỳ diệu "cuốn tiểu thuyết của cô", nhìn ánh mắt thuyết phục của bà ấy... Bà không chế nhạo tôi.

Tôi đứng dậy, đến ôm hôn bà. Bà đẩy tôi ra:

- Coi chừng cái mũ của tôi!

Nhưng tôi yêu mến bà ấy mãi mãi, suốt đời. Có thể, tôi tự nhủ, thế giới đã mở rộng trước mắt tôi? bà ấy đã nói đến quyền tiểu thuyết của tôi... quyền tiểu thuyết của tôi...

Bà bạn ở lại với tôi rất lâu rồi mới đi, nhưng tôi chịu đựng được cuộc nói chuyện kéo dài ấy. Tôi cảm thấy bớt cô đơn, vì đã có một niềm hy vọng.

Sau khi bà ấy đi rồi, còn lại một mình, tôi đợi Georges. Anh đến vào lúc chín giờ, nói rằng đã được bà Saulner cho phép.

Anh nhìn gian phòng với vẻ chú ý như thể anh đang ở trong một nhà bảo tàng, rồi nói với tôi:

- Em thấy thoải mái ở đây chứ?

- Vâng..

Kiên nhẫn, tôi đợi anh tỏ một chút triu mến đối với tôi. Nhưng thay vì những lời dịu dàng, ngọt ngào, anh lại đặt câu hỏi:

- Em có chắc có thai không?

- Vâng, em chắc chắn, em đã nôn ba lần.

- Thật khó tin – anh nói nhưng tôi không thấy trên khuôn mặt anh vẻ ngạc nhiên gây ra bởi tình thế.

- Cái giường của em có làm cho em ngủ ngon không?

- Em không biết, hôm nay em sẽ ngủ ở đây lần đầu tiên.

- À đúng.

Và suy nghĩ một chút, anh nói thêm:

- Ngủ một mình ở đây, em không thấy sợ sao?

Tôi muốn khóc lên vì giận. Vì sao anh lại nói đến chuyện sợ hãi?

Tôi sợ run từ khi bà bạn của tôi ra đi, nhưng tôi không bao giờ tự thú nhận điều đó.

Tôi hỏi:

- Còn cái bà kia, bà ta làm gì?
 Bà kia, tức là bà Saulner.
 Georges trả lời một cách khiêm tốn, như thể anh đã kết thân với hạng người giàu có và độc ác ấy.

- Chẳng có gì đặc biệt, cũng như thường lệ...
 - Còn Hélène?
 - Bà ấy cau có, bà đã phải rửa bát đĩa một mình, còn anh, anh phải ủi quần áo cho ông chủ...
 Một sự trù mên đột ngột xâm chiếm tôi. Anh, một chàng trai biết nói thông thạo năm thứ tiếng, có năng khiếu để trở thành một nhà ngoại giao, ba mươi tuổi, tham tán sứ quán, năm mươi tuổi, tham tán công sứ, bây giờ phải ủi quần áo cho người khác!
 Tôi kêu lên:
 - Một của đời tôi mọi thật kinh khủng! Anh xứng đáng được làm một việc gì cao quý hơn thế!
 Nhưng anh triết lý:
 - Thật không có nghề gì hèn...
 Chúng tôi nói chuyện thêm một lát nữa, rồi anh ra đi. Tôi còn lại một mình với ngọn đèn nhỏ đầu giường và quyển "Eugénie Grandet" mà tôi đọc lại nguyên bản bằng tiếng Pháp.
 Nhưng chỉ một lát sau tôi tắt đèn và quyết định phải ngủ một giấc cho lại sức. Trong gian phòng tối thui, tôi nghe một tiếng riu rít lạ lùng, như tiếng chim hót. Đôi khi, tôi cũng nghe một tiếng động chạm, như có một người nào đó va vào cửa. Tôi đứng dậy sợ toát mồ hôi hột, tôi kiểm tra lại các cửa, nó được đóng kỹ lưỡng. Bây giờ, tôi biết tiếng riu rít phát ra từ đâu, chim hót trong hành lang. Đôi khi chim ngừng hót. Tôi tưởng tượng nhiều điều khủng khiếp. Tôi không dám động dậy nữa. Mồ hôi toát ra và chảy dài xuống trên cổ tôi. Tôi tưởng tượng có một khuôn mặt kỳ dị nhìn tôi qua cửa sổ...
 Tôi ngủ thiếp đi một cách mệt nhọc và sáng hôm sau, khi mở cửa bước ra, tôi thấy một người đàn bà mặc tạp dề xanh đang đóng cửa lại. Bà ta nhìn tôi với vẻ ngạc nhiên. Tôi nói:
 - Chào bà buổi sáng.
 - Cô ở đây à? – bà hỏi tôi.
 - Vâng, ở tạm vài bữa. Bà có thể cho tôi biết ở đây có tiếng gì riu rít suốt đêm như tiếng chim không?
 Bà ta cười và trả lời:
 - Đó là chuột cống đẩy cô ạ. Ở đây có rất nhiều chuột cống...

Chương 16

Sáng hôm ấy, tôi quyết định phải từ giã cái tầng trệt này và những con chuột cống của nó trong một thời hạn càng ngắn càng tốt. Và muốn được như vậy, tôi phải làm một trong những công việc khó khăn hơn hết, đó là đi tìm thuê một căn phòng nhỏ. Bây giờ tôi đi đứng rất cẩn thận, tôi do dự lâu hơn trước khi băng qua đường và tôi phải cố gắng ăn uống, mặc dù món ăn gì cũng làm cho tôi cảm thấy buồn nôn. Tôi cũng muốn viết cho xong cuốn tiểu thuyết của tôi. Tôi xem sự sinh nở như biên giới của cuộc đời nơi mà tôi phải vượt qua với một bản thảo. Tôi sẵn sàng yêu Georges với một tình yêu mới, được nuôi dưỡng bởi cái phép lạ tôi đang mang trong người. Tôi muốn quên đi tất cả những sự phiền muộn lớn và nhỏ mà anh đã gây ra cho tôi. Tôi xem tình yêu như một bồn phận cao cả đối với con tôi. Georges và tôi đã thoả thuận với nhau rằng anh sẽ tiếp tục làm việc tại nhà bà Saulner còn tôi sẽ tìm một công việc nhẹ nhàng hơn. Chúng tôi không hề nói đến từ "Căn hộ" vì đó là một điều quá viễn vông, nhưng chúng tôi luôn luôn nói đến một căn phòng nhỏ, ở đó tôi có thể nấu ăn mà không bị ai quấy rầy và nhất

là ở đó, tôi sẽ có được một góc phòng để đặt cái nôi. Tôi nhìn các lời rao tìm người làm, tôi chờ đợi một niềm hạnh phúc trong mấy hàng chữ này, cần một cặp vợ chồng trẻ, chồng sẽ là thư ký và vợ sẽ là người đánh máy chữ.

Trong cái phòng nhỏ tối tăm của khu phố cổ Passy ấy, tôi làm việc với lòng nhiệt thành, nhưng tiếng kêu của các con chuột cống làm cho tôi sợ đến nỗi mất tinh thần. Tôi luôn luôn trở về đó vào lúc năm giờ chiều khi trời còn sáng, tôi bấm nút cái máy đồng hồ để đèn điện đỏ trong khoảng mấy phút và tôi bước đi nện gót giày trên nền nhà. một buổi tối chủ nhật, - tôi đã ở trong cái toà nhà sang trọng đó được một tuần rồi – Georges và tôi về đến trước cửa ra vào. Lúc đó là mười giờ đêm, trước đó chúng tôi đã đi xem xi nê và tôi muốn khoe với anh những trang tôi đã viết được trong suốt tuần ấy. Nhưng cái máy đồng hồ điện hỏng, tôi bấm nút mãi, nhưng không có hiệu quả, hành lang chìm trong cảnh tối tăm hoàn toàn, dễ sợ; như một cái đầm lầy sẵn sàng nhận chìm người ta.

- Em sẽ không bao giờ dám đi tới căn phòng với cái hành lang tối thui như thế này – tôi khề nói với Georges như thể sợ lũ chuột cống nghe được.

Georges có một ý nghĩ tài tình:

- Nếu có một tờ báo, chúng ta có thể đốt lên làm một cái đuốc...

Nhưng tìm đâu ra một tờ báo? Từ tám giờ tối, tất cả kiốt chung quanh đây đều đóng cửa. Chúng tôi đợi có một người nào khác ở cùng tầng trệt này trở về để chúng tôi cùng đi với họ. Nhưng tối chủ nhật tất cả đều đi vắng. chúng tôi lại phải đi tàu điện ngầm đến tận sân ga Saint Lazare mới tìm mua được một tờ báo. Một giờ sau, chúng tôi trở về toà nhà và Georges đốt tờ báo làm đuốc. Cuối cùng chúng tôi đã tới được cửa phòng của tôi.

Ngày hôm sau tôi tìm một cái phòng nhỏ khác. Tôi đã quyết định hỏi các người gác cổng cho những toà nhà giàu có, trong đó chủ nhà có thể có một vài phòng cho thuê bớt. Sáng hôm ấy, một buổi sáng thứ hai, không khí bão hoà mùi ét xăng. Tôi đi theo hướng tới lâu đài Trocadero và trên đường đi, tôi đã đếm được ít nhất sáu trạm bán xăng, ở đó các nhân viên đang bơm xăng vào xe cộ. Tôi đi ngang qua các trạm xăng ấy, lấy khăn tay bịt mũi lại và nín thở. Nhưng khi tôi không còn ngửi thấy mùi xăng, tôi lại tưởng tượng có nó và tôi lại buồn nôn dữ dội.

Tôi băng ngang qua quảng trường Trocadero, đi vào một toà nhà lớn. Tôi đột ngột cảm xúc vì các viên đá lát bằng cẩm thạch trắng và tôi gõ nhẹ vào cửa kính, có che một tấm màn lụa vàng đậm. Một giọng nói đàn bà chói tai nhưóc óc, trái ngược với khung cảnh lộng lẫy của toà nhà hét lên:

- Cái gì thế?

Làm sao có thể trả lời vắn tắt, xuyên qua một cửa kính có che màn?

Tôi trả lời:

- Thưa bà, tôi có một điều xin hỏi bà...

Tôi nghe có tiếng cằn nhằn sau tấm màn, những tiếng khó hiểu... bên trong phòng gác cổng.

Cuối cùng, với một tiếng động chát chúa, một người đàn bà mở cửa ra và tôi thấy bà ta đang lau mình với tay trái. Bà ta cầm một cái khăn lông to để che mình và với tay mặt, bà ta lau khô nước ở nách trái của bà ta.

Tôi nói ấp úng:

- Thưa bà, không biết có phải là tình cờ mà trong nhà này có một phòng nhỏ cho sinh viên thuê không?

Bà ta tỏ vẻ ngạc nhiên đến nỗi bà ta cũng trả lời lắp bắp:

- Cái gì?...Cái gì...một phòng cho thuê! Thật là xấu hổ! Cô có điên hay không mà dám quấy rầy tôi như thế hả?

Bà ta đóng mạnh cửa một cái rầm. Tôi còn nghe được một câu nhận xét chua cay:

- Cái thứ phụ nữ Ăng lê ấy, tất cả đều điên điên, khùng khùng...

Tôi mỉm cười, lẩm nhẩm so sánh giấy đi đường của tôi được gia hạn mỗi ba tháng một lần, với một hộ chiếu Ảng lê mà trên bìa của nó chắc chắn có in một cái vương miện.

Tuy nhiên, tôi có đủ can đảm để tiếp tục đi hỏi nữa bởi vì người ta tưởng tôi là người Ảng lê. Cái nhà thứ hai cũng lớn bằng cái nhà thứ nhất, nhưng phòng của người gác cổng, cửa kính không có tấm màn che. Trong phòng, ở chính giữa có một cái bàn tròn, chung quanh có ba cái ghế. Trên bàn có một tờ báo và trên tường có tấm hình phóng to của một cậu con trai mặc đồng phục. Tôi gõ cửa và một người đàn ông xuất hiện, ông ta nhìn tôi qua cửa kính và mở cửa ra:

- Cô?

Ông ta vừa mới uống cà phê xong! Tôi thụt lùi khi ngửi thấy hơi thở nặng mùi cà phê của ông ta.

- Chào ông... Tôi xin phép được hỏi ông trong nhà này có một phòng cho thuê không? Tôi là sinh viên và...

Ông ta lắc đầu và đóng cửa lại. Ông ta biến mất trong phòng của ông ta.

Khi vào ngôi nhà thứ ba, tôi gặp một người đàn bà nghiêm nghị, sắp đi ra với một cái túi lưới để đựng đồ. Tôi không thấy phòng của người gác cổng nên quay về phía bà ta, tôi hỏi:

- Thưa bà, xin bà cho tôi biết, tôi có thể gặp người gác cổng ở đâu?

Bà ta hỏi lại với vẻ ngờ vực:

- Cô muốn gì? Tôi chính là người gác cổng.

Tôi mừng rỡ. Lần này tôi gặp được một bà gác cổng ở bên ngoài cái phòng kín của bà ta, chắc chắn bà ta sẽ tử tế hơn. Tôi hỏi ngay với một giọng lịch sự:

- Thưa bà, tôi không dám làm mất thì giờ của bà, tôi thấy rõ ràng bà sắp đi mua sắm... Xin hỏi bà trong nhà này có một phòng nhỏ cho thuê không? Tôi là sinh viên.

Bà ta trả lời cụt ngủn:

- Không, không có.

Bà ta mở cửa chính và đợi tôi quay lưng bước ra. Tôi bước đi nhanh vì cảm thấy bà ta nhìn chòng chọc sau lưng tôi.

Gần mười hai giờ trưa, tôi đã cảm thấy tràn ngập lòng cay đắng. Đi trên đường, đôi khi tôi nhìn các ngôi nhà lớn, với tất cả các cửa sổ của chúng và tôi nghĩ rằng ở Paris phải sinh ra trong một căn hộ mới có được căn hộ ấy. Nhưng đứa con tội nghiệp của tôi mà tôi đang chờ đợi, chắc chắn nó muốn được sinh ra trong một căn hộ ấm áp. Lúc này, thật không có hy vọng gì. Bữa trưa ấy, tôi uống một ly nước và ăn hai lát bánh mì. Sau đó, tôi tiếp tục đi tìm để thuê một căn phòng nhỏ, tôi gặp rất nhiều người gác cổng cho đến chiều tối. Những người gác cổng nóng nảy, nhần nhục, ngạc nhiên hay cau có, gắt gỏng. Có một lần một bà già nói với tôi, gần quảng trường Étoile "Tội nghiệp cô bé dễ thương. Một cô bé ngộ nghĩnh... làm như thể có được một cái phòng nhỏ để thuê là chuyện dễ lắm!"

Chán nản và mệt mỏi đến chết, tôi đi trở về theo hướng đến quảng trường Trocadéro và đột nhiên, tôi thấy tôi ở trước một nghĩa trang rất sang trọng. Thúc đẩy bởi sự tò mò buồn bã, tôi đi vào trong đó. Một người bảo vệ tận tâm báo cho tôi biết trước:

- Trong nửa giờ nữa sẽ đóng cổng dưới nghe cô...

Tôi gật đầu. Không khí ở đây ngọt ngào. Tôi thở một cách khó khăn. Tôi ngồi xuống một cái lăng mộ sộ được bảo trì rất chu đáo. Tôi không có một tư tưởng buồn bã hay thờ ơ nào. Đầu óc tôi trống rỗng sau cái ngày cay đắng vô hiệu quả ấy.

Tôi đứng dậy một cách chậm chạp, tôi ra khỏi nghĩa trang và đi dọc theo một con đường nhỏ yên tĩnh. Tôi sẽ thử thêm một lần nữa, tôi nghĩ thầm và cắn chặt răng, tôi đi tới một ngôi nhà lớn. Tôi gõ cửa phòng của người gác cổng, không có ai trả lời. Tôi rụt rè đi vào. Một người đàn bà tươi cười xuất hiện trên ngưỡng cửa một gian phòng khác kế cận phòng nơi tôi đang đứng. Bà ta hỏi:

- Cô muốn hỏi gì?

Tôi nói với bà, giọng không mấy lạc quan và cũng không quá lễ phép, rằng tôi tìm thuê một cái phòng nhỏ.

- Cô ngồi xuống đây đã – bà ta nói với tôi và lấy tay phủ bụi trên cái ghế

Tôi tưởng tôi nghe nhầm.

- Cô ngồi xuống đây đã – bà ta lặp lại, và nói thêm – có một phòng trống ở tầng thứ tám, một phòng rất xinh với những tấm màn nhung, với một khăn phủ giường bằng lụa, một cái tủ lớn bằng gỗ trạm, âm áp vì trong toàn ngôi nhà đều có hệ thống sưởi đốt bằng dầu mazút. Và có một cửa sổ nhìn ra phía Tháp Eiffel..

Thấy tôi im lặng, bà hỏi:

- Như thế có hợp với sở thích của cô không?

- Dạ có, dạ có!

Bà ta nói thêm với vẻ thân mật hơn:

- Cô hãy đi lên lầu một, ông bà chủ nhà ở trong phòng ngay phía trước thang máy. Họ rất tử tế, nhất là bà chủ, mà ông chủ cũng thế, tôi không có điều gì phàn nàn về ông...

- Tôi thấy bây giờ đã quá bảy giờ tối rồi, không biết lên gặp o bà chủ có tiện hay không?

Bà ta trề môi:

- Cái phòng ấy trống đã hai ngày rồi, cô nên lên gặp họ để thu xếp việc ấy ngay bây giờ thì tốt hơn. Cô biết không, ở Paris, khó khăn lắm mới tìm được một căn phòng xinh đẹp như thế...

Tôi lên lầu một và bấm chuông. Một bà quản gia mặt mày hiền lành và có vẻ hơi mệt mỏi mở cửa.

Tôi nói:

- Tôi muốn nói chuyện với bà chủ.

Sau một lát do dự, bà ta đưa tôi vào trong một phòng khách trang trí tao nhã, được chiếu sáng bởi những ánh đèn dịu dàng che sau những cái tán bằng lụa.

Bà chủ nhà tiếp tôi với câu:

- Chào cô.

- Chào bà.

Bà ta có vẻ đẹp giống như đồ sứ Sèvres, thân mình thon mảnh, y phục màu xám với một cái dây đăng ten trắng trước ngực áo sơ mi, bà bước tới phía tôi, đưa bàn tay ra và mỉm cười:

- Cô hãy ngồi xuống đi. Cô muốn gì?

Tôi cảm thấy ngượng ngùng vì từ xa xa có mùi thịt rôti phảng phất lên đến tận phòng khách, với giọng dịu dàng, tôi bắt đầu giải thích mục đích vì sao tôi đến đây vào giờ này. Lời nói của tôi, hầu như là thì thầm, vẽ ra những vòng tròn nhỏ trong sự yên tĩnh của phòng khách, giống như những vòng tròn tạo thành bởi những hòn sạn mà người ta liệng xuống một hồ nước phẳng lặng.

Chắc bà ta đã nghe nói nhiều về những khổ nạn của cuộc đời. Tôi là người trí thức tị nạn mà người ta thấy được ngay tôi đã xuất thân từ một gia đình danh giá. Việc tôi đến đây vào giờ không hợp lý được bà chủ nhà thông cảm và tha thứ. Bà ta hỏi tôi rất ân cần. Tôi kể lại cuộc vượt biên của gia đình tôi, bố mẹ tôi hiện còn ở trại tị nạn Kufstein, các dự định của tôi, nhưng tôi không dám nói đến đứa con trong bụng mình.

Ngồi trong một vạt ánh sáng màu hồng, đối diện với bà chủ nhà, tôi không muốn nhìn qua bên phải hay bên trái. Nhưng tôi cảm thấy có sự hiện diện của những người khác. Một cái liếc mắt lén lút làm cho tôi thoáng thấy một cậu con trai cao lớn, tóc đen, đứng tựa vào cửa phòng khách và khuôn mặt lo âu của bà quản gia ẩn hiện trong một gian phòng khác. Chắc bà ta lo lắng sợ thức ăn tối nguội lạnh đi. Đột ngột, ông chủ nhà đi vào phòng khách. Là người lịch thiệp, không ngạc nhiên một chút nào, ông ta hôn bàn tay tôi vì ông tưởng tôi là một bà bạn được vợ ông mời ăn tối, một bà bạn mà ông còn chưa biết. Nhưng khi bà chủ nhà giải thích với ông "trường hợp" của tôi, ông liền đồng ý ngay lập tức:

- Nếu điều đó giúp ích gì được cho cô, cô có thể có gian phòng ấy...
Bà chủ nhà đã không nói thêm cái chữ mà tôi sợ hơn hết, bà đã không nói: tạm thời.
Ông bà chủ nhà hứa sẽ giao chìa khóa phòng cho tôi vào ngày mai và khi từ già, tôi có cảm giác rằng cái áo măng tô mùa đông của tôi trở thành chật hẹp, rằng tôi được chấp cánh bay bổng với niềm hạnh phúc lạ lùng ấy.
Nằm trên giường, khi tôi nghe tiếng riu rít vĩnh biệt của những con chuột cống trong hành lang, tôi nhớ lại một câu mà tôi đã nghe một bà gác cổng giận dữ thốt ra "Bọn sinh viên ấy, chúng sống một cuộc đời Vadrouille!" Tôi không biết chữ Vadrouille nghĩa là gì. Tôi đứng dậy và bật đèn lên, tra tự điển. Vadrouille:

*Chổi bằng sơ len dùng để quét tàu
cuộc đi chơi lang thang, tìm thú ăn chơi (nghĩa bóng)*

Tôi nằm xuống giường để ngủ lại, và nóng lòng chờ đợi đến lúc có thể báo cho Georges biết cái tin mừng tôi đã thuê được phòng.

Căn phòng ở lầu tám thật tuyệt vời và tôi đã don đến ở đó vào một ngày tháng Hai trời nắng tốt. Georges không ngạc nhiên một chút nào về sự thành công của tôi, anh nói:

- Em luôn luôn thành công khi em muốn một điều gì.
Sự tin cậy hoàn toàn vào khả năng ấy của tôi làm cho tôi đâm ra lo sợ về khả năng của anh. Càng lúc tôi càng bị ám ảnh hơn với cái ý nghĩ rằng tôi phải làm cho anh thay đổi cái thái độ ỷ lại ấy đi mới được. Tôi nôn nóng chờ đợi lúc anh chín chắn, già dặn hơn. Anh có những quan niệm cứng nhắc về cuộc đời.

Anh nói với giọng rất khinh bỉ nghề làm chính trị, một nghề mà gia đình anh đã theo đuổi từ mấy thế hệ nay. Văn học cũng làm cho anh chán nản và khi tôi gọi lại thi phẩm Baudelaire, anh lại nói với tôi về động cơ, máy ép, máy hơi nước. Tôi có nghe người ta nói rằng những người có bản tính khác nhau rất thông cảm nhau theo một định luật hấp dẫn mà tôi không am hiểu. Và lại tôi cũng tin cậy vào tuổi trẻ của chúng tôi. Tôi rất muốn chú ý đến công việc của anh, nhưng tôi không thể ngăn mình ngáp ngáp dài khi anh giải thích cho tôi hiểu hệ thống vòng bi làm cho máy chạy trơn hay sự ích lợi của các xú páp. Vào những chiều Chủ nhật, trong lúc tôi nằm dài trên ghế đi vắng, anh ngồi một bên với tôi với những tờ giấy đầy những con số li ti. Anh nhân và cộng với một tốc độ làm cho tôi chóng mặt, tôi phải cố gắng lắm mới không nhắm mắt lại.

- Đã thật rõ ràng với em chưa? – anh hỏi tôi và tôi đè nén một cái ngáp dài, trả lời:

- Ừ, cũng gần rõ ràng rồi.

Tôi sợ làm anh nhụt chí bằng cách thú thật với anh rằng anh làm cho tôi chán ngấy, nhưng, một hôm anh đã nói với tôi rằng tương lai của chúng tôi sẽ tùy thuộc vào sự thành công của một trong những phát minh của anh, một chiếc phi cơ đồ chơi. Tôi cũng đã lo âu nói:

- Anh nên ghi danh học đại học và cố gắng để có được học bổng. Anh sẽ là một kỹ sư có bằng cấp. Anh sẽ làm việc trong vài năm, tương lai sẽ mở rộng trước mặt anh...

- Em tin như thế à? – anh hỏi tôi với một vẻ trầm ngâm – em tin như thế chứ?

- Em tin chắc như thế.

Anh có vẻ ngây thơ đến nỗi, đột ngột tôi có cảm giác rằng tôi là Léa[10]. Tôi năm mươi tuổi, và anh, bên cạnh tôi, là đứa con trai út trong mười hai đứa con của tôi.

- Em yêu dấu?

Tôi giật nảy người lên khi nghe anh thốt ra mấy lời ấy.

Anh đặt tay lên vai tôi:

- Em hãy bớt nóng nảy...
- Anh muốn nói gì thế?

Anh vươn vai như một người muốn thổ lộ một ý nghĩ nào đó mà anh đã ấp ủ:

- Anh sẽ tiếp tục học ở bên Mỹ. Anh sẽ là một kỹ sư trong một trung tâm nguyên tử

Gương mặt tinh anh và thanh nhã của anh làm cho tôi lo âu. Tôi có cảm tưởng rằng tôi có hai đứa con, anh, đứa con lớn, mơ mộng, và đứa con mà tôi còn mang trong bụng.

Tôi thờ dãi.

Anh cúi xuống phía tôi:

- Em nghĩ gì thế?

Anh rất ít quan tâm đến những suy nghĩ của tôi, tôi cho rằng đây là một cơ hội để nói ra sự thật. Nhưng trong đôi mắt tràn trề sự tò mò chân thật ấy, tôi không thấy có một chút lo âu nào và tôi không muốn làm cho anh rối loạn tâm thần.

- Em không nghĩ gì cả.

Anh mỉm cười vui vẻ:

- Anh có thể tiếp tục chứ?

Tôi gật đầu.

Thế là anh lại bắt đầu giải thích với tôi, nếu dự tính làm máy bay đồ chơi của anh thành công, thì trong bao nhiêu tháng chúng tôi sẽ trở thành triệu phú.

Chương 17

Quyển tiểu thuyết của tôi đã hoàn tất, tôi trở lại nhà xuất bản và bà thư ký đã phải gắng lắm mới nhận ra được tôi. Bà sững sờ vì tập bản thảo tôi đặt ở trên bàn của bà. Bà nói với tôi:

- Tôi sẽ giới thiệu cô đến một nhà xuất bản khác, tôi có quen biết ông phụ trách duyệt bản thảo người Hungari mà cô đã nói.

Nhà xuất bản nơi bà giới thiệu tôi đến đã tiếp đón tôi một cách niềm nở và bà thư ký ở đấy nói quả quyết với tôi rằng tôi sẽ nhận được rất sớm thư trả lời của bà ta.

Tôi đáp tàu điện ngầm vào lúc sáu giờ chiều, toa tàu đầy khách, không có chỗ ngồi, tôi bước tới gần một cái ghế dài nơi đó chỉ có ba người đàn bà. Đột ngột một trong ba bà đứng lên và nói với tôi:

- Bà hãy ngồi xuống đây.

Tôi không dám phản đối, tôi ngồi xuống, ngạc nhiên và ngượng ngùng, tôi xoay đầu về phía cửa kính và thấy bóng khuôn mặt mệt mỏi của mình. Không cần nghĩ ngợi, tôi cũng biết vì sao bà ấy nhường chỗ cho tôi ngồi. Một cách vô ý thức, tôi đặt tay lên bụng và chợt thấy cái áo măng tô của tôi không gài nút. Trước khi ra đi, tôi đã để nó như thế, nó đã bắt đầu bó chặt người tôi và tôi không còn có thể gài nút được nữa. như thế người ta thấy rõ là tôi đang có bầu. Tôi mang thai đã được bốn tháng.

Khi ở trên tàu điện ngầm bước xuống, tôi quyết định đi thăm bố mẹ tôi càng sớm càng tốt, tôi muốn được mẹ tôi ôm vào lòng, để nhận được hơi ấm của bà. bố mẹ tôi còn chưa biết gì hết!

Không thể xin được dấu hộ chiếu để đi Áo, chúng tôi quyết định đi Munich với hy vọng rằng tại đó chúng tôi sẽ xin được một giấy phép trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ để tôi có thể giới thiệu Georges với bố mẹ tôi. chúng tôi tin tưởng một cách mù quáng rằng, sau chuyến đi này Georges sẽ tìm được một việc làm xứng đáng với anh và với việc làm ấy, tương lai của chúng tôi và của con chúng tôi sẽ được bảo đảm. Tôi không sợ mệt, tôi biết rằng chúng tôi phải ngồi trong xe lửa suốt đêm dài, nhưng vì

muốn gặp bố mẹ tôi, tôi đủ sức chịu đựng mệt mỏi. Kể từ khi mang thai, tôi càng yêu thương bố mẹ tôi nhiều hơn. Tôi muốn thời gian trôi qua nhanh hơn, tôi đếm ngày và đếm giờ.

Tuy nhiên, rất khó đi đây đi đó, khi người ta không có được điều đương nhiên hơn hết trên đời, là có một quốc tịch. Và nhất là một bà mẹ tương lai có thể sinh đẻ bất cứ ở đâu, trên xe lửa, trên máy bay, hay trong tiền sảnh của một toà đại sứ và do sự lăm bôn, có thể trở thành người mẹ không có quốc tịch của một đứa bé sơ sinh có quốc tịch Pháp, Đức, Mỹ.

Nhân viên hải quan xem giấy đi đường của chúng tôi rất lâu, rất cẩn thận và tất cả những người có mặt trong toa tàu chờ đợi kết quả với một sự quan tâm đặc biệt. Tôi có cảm giác rằng trong cái đất nước mà tôi sắp đến, tôi sẽ làm tăng thêm một miệng ăn, do đó nạn đói sẽ xảy ra, đồng thời sẽ làm cho dân số nước ấy tăng thêm một người vô dụng và điều đó sẽ gây ra sự khủng hoảng về nhà ở.

Cuối cùng nhân viên trả lại sổ thông hành cho chúng tôi, trong đó, ở giữa những trang được ghi chép một cách tỉ mỉ, có chỗ ghi rõ chúng tôi là một trong những nạn nhân của thời đại này: một di dân.

Đêm về, tôi phải chịu đựng nhiều nỗi khổ cực. Thân thể đau đớn của tôi, với trọng lượng còn vô hình của phép lạ, nhưng tất cả những chỗ xung quanh chúng tôi đều có người ngồi. Trong ánh sáng màu xanh của toa tàu, bị giày vò bởi một nỗi uể oải dai dẳng, loạng choạng vì vấp phải những bắp chân cứng đờ chàng những người ngủ say, tôi đi ra ngoài hành lang nhiều lần để thở. Gần bên cửa phòng vệ sinh, một người lính trẻ ngủ say sưa, nằm co rút lại và gối đầu lên trên cái túi xách của anh ta. Như một đứa con nít...

Tôi bỗng cảm thấy triu mến vô hạn đối với những người ở chung quanh tôi. Tôi có cảm tưởng rằng không có người nào còn có thể độc ác và toàn thể thế giới, một cái nôi mệnh mông đang chờ đón đứa con của tôi. Tôi muốn quỳ xuống bên cạnh người lính ấy và đánh thức anh ta dậy với cái tin lớn, cái tin tuyệt vời, rằng đứa con của tôi sắp được sinh ra trong niềm hạnh phúc.

Mặt tôi nóng bừng tựa vào cửa kính rịn nước, tôi hồi tưởng lại cảnh tượng của cuộc đời trước kia của tôi. Nhưng không có gì là khắc khổ hay nhục nhã. Và đột nhiên tôi hiểu rằng từ môi tôi đã thốt ra những lời màu nhiệm, những lời dịu dàng và uyên bác, đột nảy ra từ nghìn xưa "Nơi nào Chúa Trời cho sinh ra một đứa trẻ, Chúa cũng ban cho nó ơn cứu độ của Ngài".

Chương 18

Đến Munich, chúng tôi mới biết rằng nếu tôi muốn đi thăm bố mẹ tôi, chúng tôi phải vượt qua biên giới nước Áo một cách bất hợp pháp. Nước Áo vẫn còn bị chiếm đóng bởi bốn cường quốc và chính các cường quốc ấy thành phố cho chúng tôi hộ chiếu sau nhiều tháng dài chờ đợi. Tôi không muốn chờ đợi.

Chúng tôi, Georges và tôi quyết định rằng chúng tôi sẽ làm phép cưới theo nghi thức tôn giáo và sau đó chúng tôi sẽ tìm đủ mọi cách để đi thăm bố mẹ tôi.

Tôi rất sợ phép cưới tại nhà thờ. Nhưng được nuôi dạy trong một gia đình ngoan đạo, tôi muốn trung thành với truyền thống gia đình.

Tại Munich, chúng tôi ở tại nhà của một người bạn cũng nghèo như chúng tôi, nhưng giàu lòng tương thân tương ái. Một ít lâu sau đó, một hôm vào lúc tám giờ sáng, tôi đứng bên cạnh Georges nghiêm nghị, trong một ngôi nhà thờ nhỏ ở Munich. Đứng trước bàn thờ và nghĩ đến những bà già móm đang lẩm bẩm đọc kinh cầu nguyện, tôi có cảm giác rằng cái lưng của tôi rộng như một tấm phản. Không biết các bà già ấy có khám phá ra rằng cô dâu không còn có thể gài nút áo măng tô của mình lại được nữa hay không? Ôi, nếu tôi có một cái áo măng tô thật rộng, tôi đã có thể che giấu được tôi với đứa

con của tôi! Nhưng bởi vì tôi chỉ có cái áo cũ này, mọi người đều có thể thấy rõ ràng là tôi đang mang bầu.

Chúng tôi quỳ xuống trong lúc linh mục cử hành lễ Misa. Tôi lạnh nhưng trên ghế quỳ đọc kinh tôi không thể kéo hai vạt áo mắng tô sát vào người được. Tuy nhiên, tôi không muốn con tôi cảm lạnh, tôi chỉ nghĩ tới nó. Tâm hồn lâng lâng trong một niềm mê khó tả, trong lúc cầu nguyện, chính với đứa con của tôi mà tôi đã thề trung thành suốt đời..Ra khỏi nhà thờ, tôi muốn thú thật với Georges rằng những lời thề nguyện, tôi chỉ đã thoát ra khi nghĩ đến đứa con của tôi. Nhưng khi Georges quay về phía tôi, tôi thấy nét mặt cảm động của anh, nên tôi đành im lặng.

Bàn tay trái của tôi trong bàn tay anh, còn bàn tay mặt thì tôi đặt lên trên cái áo mắng tô của tôi, chúng tôi đi ăn sáng.

Vị linh mục già, với nụ cười hiền lành và vô ngã, đã cho chúng tôi địa chỉ của một trong những người bạn thân của ngài, một linh mục tại một làng nhỏ gần biên giới nước Áo.

Mới tang tảng sáng chúng tôi đã đáp chuyến tàu địa phương đưa chúng tôi đến ngôi làng đang ngập nước mưa. Chúng tôi băng qua con đường chính và đi vào một con đường hẻm quanh co theo sườn núi. Ngôi làng nằm sâu trong cái thung lũng nhỏ ấy, có lẽ cũng ít có ánh mặt trời ngay cả vào tháng Bảy. Chúng tôi cứ đi theo cái bản đồ mà vị linh mục già đã vẽ trên nửa tờ giấy để chúng tôi khỏi phải hỏi thăm đường với dân trong làng.

Tôi quay về phía Georges.

- Anh có thấy trong những hòn núi kia có cái gì giống như là một con đường không?

Anh nhìn chung quanh như thuyền trưởng một con tàu và lắc đầu:

- Anh không tưởng tượng được bằng cách nào vị cha xứ ở đây sẽ đưa chúng tôi vượt qua biên giới được.

Áo mắng tô của chúng tôi càng lúc càng nặng hơn vì nước mưa và chúng tôi đứng lại trước một ngôi nhà nhỏ được chăm sóc chu đáo bên cạnh một con đường hẹp và dốc. Georges kéo sợi dây của cái chuông nhỏ trước cửa. Tiếng chuông mau chóng được át đi bởi cơn mưa tầm tã. Nhìn về phía hòn núi dựng đứng ngay ở phía sau ngôi nhà, tôi thấy một con suối đầy bọt chảy ào ào từ trên cao xuống thung lũng.

Cửa mở một cách đột ngột, một người đàn bà tóc hoa râm đứng nơi ngưỡng cửa có vẻ hiền lành và ngạc nhiên vì sao chúng tôi đến tận nơi này.

- Chúng tôi có thể gặp cha xứ không, thưa bà? – Georges hỏi và vì anh nói tiếng Đức rất thành thạo nên đã xoa tan được sự phân vân của bà quản gia.

Không cởi áo mắng tô ra, chúng tôi bước vào trong phòng ăn, nơi đó một bộ đồ ăn đã được dọn sẵn và một bình cà phê lớn bằng đất nung.

- Các người hãy ngồi xuống đi – bà quản gia bảo với chúng tôi - Cha xứ vừa cử hành lễ Misa xong, trong vài phút nữa ngài sẽ đến đây để ăn sáng.

- Em đói bụng kinh khủng – tôi nói nhỏ vào tai Georges và tôi thấy ổ bánh mì thôn quê với bơ tươi càng lúc càng có vẻ ngon lành hơn.

Cha xứ đã đến và tiếp chúng tôi rất niềm nở, nhất là khi ngài biết chúng tôi được bạn thân của ngài giới thiệu. không hỏi rõ lý do vì sao chúng tôi đến đây, ngài rung cái chuông đồng nhỏ để gần đĩa thức ăn của ngài, sau đó ngài bảo bà quản gia đem đến hai cái bát nữa, cha xứ mời chúng tôi ăn sáng với ngài.

Đã từ lâu rồi, tôi chưa bao giờ ăn ngon như hôm ấy. Trong khi ăn, chúng tôi trình bày điều dự định của chúng tôi.

Linh mục lập tức tỏ vẻ rất âu lo:

- Biên giới gần đây thôi – ngài nói – Nhưng Cha không muốn liều lĩnh làm một việc như thế. Các

con hãy trở lại Munich và hãy an tâm chờ đợi hộ chiếu.

Tôi thất vọng nào nề, nhưng tôi nói:

- Thừa Cha, con đang đợi ngày sinh nở, con phải gặp bố mẹ con trước ngày đưa bé chào đời. Cha xức nhìn tôi với đôi mắt hoảng hốt.

- Con muốn đi bộ để vượt qua biên giới trong lúc chờ ngày sinh nở sao?

Tôi phải thuyết phục ngài:

- Con van Cha, Cha hãy tin con. Con còn đi bộ được rất giỏi. Vị linh mục ở Munich có nói với chúng con rằng chỉ phải đi bộ mười cây số thôi. Chúng con sẽ đi chậm chậm, nhưng con phải gặp bố mẹ con, con sẽ không có được một chút an tâm nếu con không thể gặp được bố mẹ con.

Và tôi phải nói thêm để chứng minh:

- Con đã đi bộ ba mươi lăm cây số với bố mẹ con khi chúng con đã phải vượt qua biên giới Áo – Hungari. Lúc bấy giờ con không đợi ngày sinh nở, nhưng đó cũng là một thành tích đáng kể.

Khuôn mặt tinh anh của cha xức, rực rỡ về già nua cao quý, đã trở nên dịu dàng:

- Khốn khổ thay! Tội nghiệp thay thế hệ đầy thử thách của các con!

Tôi rất xúc động đến nỗi bàng hoàng vì những lời ấy, những lời đáp từ quá khứ trở lại trong trí não tôi như một tiếng vang, một tiếng vang vọng xa xăm nhưng rõ ràng và buồn bã. Ông Radnai trong căn hầm... Trong thời kỳ ghê sợ Budapest bị vây hãm... Khi ông Radnai nhìn tôi, đôi mắt ông nhoà nước mắt và dịu dàng một cách lạ lùng, ông thuộc hạng người bị ngược đãi, bị hãm hại mà sự dã man của thế gian làm cho ông phải run sợ. Nhưng ông không còn nghĩ đến chính ông mà nghĩ đến những thanh niên vì chúng còn muốn sống... Thế hệ tội nghiệp, ông nói trong những đợt phi cơ oanh tạc dữ dội. Lúc bấy giờ tôi mười lăm tuổi và, thời kỳ đó, những lời ấy làm cho tôi tràn trề một niềm hãnh diện phi thường, một niềm hãnh diện vô hạn có khả năng triệt tiêu sự sợ hãi.

- Christine..Christine...

Giọng nhấn mạnh của Georges đã làm cho tôi trở lại với thực tế sau phút bàng hoàng.

Cha xức tỏ vẻ lo âu.

- Con thấy trong người không được khoẻ phải không?

- Ồ, không, cảm ơn Cha, con khoẻ, con chỉ suy nghĩ mà thôi..

Cha xức đứng lên:

- Các con, điều quan trọng là đừng để cho ai thấy trong lúc chúng ta leo núi – nhìn tôi với vẻ phân vân, chính ngài lo âu khi nghe tiếng "núi" do ngài vừa thốt ra. Tôi uốn cong mình, uốn ngực ra và thóp bụng vào để chứng minh tôi thanh mảnh và thể thao biết bao, sẵn sàng đương đầu với cuộc đi dạo không đáng kể này.

Trong tiền phòng, linh mục lấy áo măng tô đen và cái dù đen của ngày và gọi:

- Bà Hilda đâu?

Bà quản gia xuất hiện.

Ngài nói:

- Một giờ nữa Cha sẽ trở về.

Ra khỏi nhà, chúng tôi đi vòng quanh ra phía sau vườn nhà. Sau vài phút bước đi dưới cơn mưa tầm tã ấy, chúng tôi vượt qua bờ rào và leo lên dốc đứng, rải rác lá thông và lá rừng mục nát.

Chúng tôi đi hàng một. Cái dù đen của cha xức đu đưa ở giữa những cây cối như một cây nấm. Nước kêu bì bõm trong giày của tôi và tôi nắm tay Georges đang đi sau lưng.

Trời đột ngột bớt mưa và tôi có cảm giác hình như dân làng, đứng tựa cửa sổ, đang nhìn chúng tôi một cách chăm chú. Chúng tôi dễ bị người ta trông thấy xiết bao, chúng tôi giống như những con kiến lớn đang leo núi một cách vụng về, được hướng dẫn bởi một cái dù.

Khi chúng tôi lên đến đỉnh núi, mưa đã dứt hẳn và dưới chân núi, chúng tôi thấy trải dài trước mắt một

đồng cỏ mênh mông và ở rất xa, chúng tôi thoáng thấy một nông trại, còn bị bao phủ trong sương mù. Chúng tôi còn đoán biết được những con bò sữa, nhỏ như những giọt nước.

Vị linh mục già nói với chúng tôi:

- Khi đến nông trại ấy, các con đừng sợ. Những người ở đó rất tốt bụng. Gần cái trại ấy các con sẽ thấy một con đường sẽ dẫn các con vào trong một khu rừng nhỏ. Các con cũng sẽ thấy một nhà thờ nhỏ, nơi đó cha cử hành lễ Misa vào ngày chủ nhật, cứ hai tuần một lần và sau cái nhà thờ nhỏ ấy, các con sẽ có đường quốc lộ, một con đường bê tông. Đó đã là nước Áo. Đi theo con đường ấy, các con sẽ thấy một ngôi làng, từ đó có một chuyến tàu lửa đưa các con đến Kufstein.

Linh mục quay gót ngay lập tức, không đợi chúng tôi nói lời cảm ơn và ngài biến mất sau các cây cối. Thế là chúng tôi đang ở bên một bờ thế giới mà chúng tôi còn chưa biết, cô độc, chỉ có hai chúng tôi với nhau, phó mặc cho may rủi ở biên giới vô hình chia cách hai quốc gia.

- Nào, chúng ta đi thôi – Georges nói với tôi và chúng tôi bước đi trong cỏ cao ướt sũng nước, làm cho hai chân tôi lạnh cóng. Nhưng vì sao sự lạnh lẽo lại làm cho tôi khó chịu được trên con đường sẽ đưa tôi đến gặp bố mẹ tôi?

tôi hân hoan với ý nghĩ đã lập được một thành tích lớn. Tôi nhìn trước chân tôi. Tôi không muốn vấp vấp một cách vô ích. Tôi nghĩ đến đứa con của tôi mà đây là cuộc hành trình đầu tiên của nó.

Khi tới nông trại, tôi gặp mấy đứa nhỏ, chúng nhìn chúng tôi với những cặp mắt ngơ ngác trong lúc chúng tôi bước vào trong nhà bếp của nông trại.

Khi bà chủ nhà biết rằng chúng tôi đến đây theo lời chỉ bảo của cha xứ, bà đặt lên trên bàn hai bát sữa còn nóng và hai ổ bánh mì lớn. Bà không nhận số tiền mà Georges trao cho bà và cô con gái lớn của bà đưa tiễn chúng tôi đến tận ngôi nhà thờ nhỏ. Khi chúng tôi đã đặt chân lên trên con đường lớn, con đường trên đất nước Áo, tôi bắt đầu run.

- Can đảm thêm một chút nữa, chúng ta sẽ đến được nhà ga – Georges nói với tôi.

Nhưng tôi chỉ thấy một ngôi làng cũng xa lắc xa lơ như cái nông trại khi chúng tôi đã thoáng thấy nó từ trên đỉnh núi.

Tôi bước đi như một người máy và mặt trời chỉ còn để lại trên cánh đồng một vạch màu vàng yếu ớt. Georges nhìn đồng hồ của anh.

- Bốn giờ rưỡi – anh nói.

Chúng tôi đã ra đi từ ngôi làng ở bên kia núi lúc tám giờ rưỡi.

Tôi muốn nói chuyện với Georges, biểu lộ những tư tưởng thầm kín của tôi, nhưng anh rất ghét tôi đã động đến những tình cảm tương phản của chúng tôi. Tuy nhiên, tôi muốn nói với anh rằng mặc dù tâm hồn anh khép kín, chúng tôi không bao giờ cảm thấy hoà hợp xiết bao như trong cuộc hành trình rồ dại này.

- Này Georges?

Tôi đã kêu tên anh để làm cho anh chú ý đến tôi.

- Em mệt lắm phải không?

- Ừ, nhưng điều ấy không quan trọng một chút nào, em muốn nói với anh rằng...

Tôi năn nỉ anh một cách thầm lặng "anh hãy giúp đỡ em, chúng ta có một cơ hội duy nhất và tuyệt vời để hiểu thấu nỗi khó khăn riêng và chia sẻ tâm tư, tình cảm của nhau".

Nhưng anh không để ý nhận thấy gì cả.

Đến gần nhà ga, tôi không còn đi được nữa, tôi lết.

Toa tàu trống trơn, tôi có thể nằm trên một cái ghế dài.

Tôi nhắm mắt lại và nghĩ rằng cuộc hôn nhân của chúng tôi là cuộc hôn nhân thật sự, không phải như một cuộc hôn nhân mà tôi đã thấy cử hành tại sứ quán Pháp ở Budapest năm 1945, để có thể xuất cảnh

với một giấy thông hành! Nhưng tôi không muốn hồi tưởng tất cả những chuyện xưa cũ ấy. Có thể một ngày nào đó, tôi sẽ kể lại những chuyện ấy.

Georges đánh thức tôi dậy ở Kufstein.

Tôi thấy lại nhà ga nhỏ giống như lúc tôi ra đi cách đây một năm. Trời đã tối khi tôi đến gần căn nhà gỗ nơi bố mẹ tôi ở. Nơi cửa sổ có ánh đèn. Tôi ra đầu cho Georges và chúng tôi nhìn bố mẹ tôi ngồi lặng lẽ chung quanh một cái bàn. Gian phòng đã có sự thay đổi. Tôi thấy đầu đầu cũng có sách, bố tôi đang viết và mẹ tôi đang mạng một cái áo sơ mi. Mặc dù mệt lử, tôi cũng chần chờ, tôi sợ quấy rầy sự yên tĩnh của bố mẹ tôi một cách đột ngột.

Khi tôi gõ cửa, mẹ tôi ra mở và sững sốt vài phút khi trông thấy chúng tôi.

Tối hôm ấy vui vẻ biết bao! Tôi sung sướng tìm lại được một sự an tâm mà tôi đã cảm thấy thiếu thốn kinh khủng. Bố mẹ rất niềm nở với Georges, đã ôm chặt anh vào lòng như một đứa con trai trở về nhà sau một chuyến đi du lịch xa dài ngày. Khi biết được rằng tôi đang đợi ngày sinh nở và chúng tôi đã vượt qua biên giới một cách bất hợp pháp, bố mẹ tôi sững sốt đến nỗi không tìm được lời nào để nói ra.

Mẹ tôi đặt tôi nằm trên giường và chèn nhiều cái gối chung quanh tôi. Tôi nằm mà ăn bữa tối. Tôi muốn cười và khóc vì sung sướng. Tôi yêu bố mẹ tôi biết bao! Và nhờ có bố mẹ tôi mà tôi sắp trở thành lại là một đứa con gái nhỏ, dù chỉ trong thời gian hai ngày...

Sự trở về của chúng tôi đã kích động lòng người trong trại tị nạn và cuối ngày thứ hai, ông trưởng trại đã phái một nhân viên đến cảnh cáo chúng tôi rằng ông muốn xem giấy tờ của chúng tôi sáng ngày hôm sau.

Sáng hôm sau, chúng tôi buộc lòng phải từ giã Kufstein để trở về Paris, bằng cách đi ngược chiều con đường đã đưa chúng tôi từ Paris đến Kufstein. Bố tôi tiễn đưa chúng tôi đến tận biên giới Áo – Đức. Một cuộc ly biệt ruột đau như cắt. Ngày hôm ấy tôi đã tự hứa với mình rằng tôi sẽ làm tất cả những gì tôi có thể làm để có được bố mẹ tôi bên cạnh suốt đời.

Trước khi đáp xe lửa từ Munich đến Paris, tôi đã đi khám thai tại một bác sĩ chuyên môn theo lời dặn của mẹ tôi, bác sĩ đã khám cho tôi và nói:

- Hông của bà rất hẹp. Có thể có những rắc rối. Bà phải cẩn thận. Bà cần phải có một bác sĩ giỏi lúc lâm bồn...

Chúng tôi đã đáp xe lửa trở về Paris ngay tối hôm ấy.

Chương 19

Về đến Paris, chúng tôi trở lại căn phòng nhỏ ở lầu tám, nơi nướng nấu duy nhất của chúng tôi và Georges ra sức kiếm việc làm. Anh đến gõ cửa tất cả những nơi nào có lời rao cần một người đàn ông trẻ tuổi có khả năng. Trong những ngày đầu tiên kể từ ngày chúng tôi trở về Paris, tôi đợi anh, nằm dài trên ghế đi văng, với một quyển sách mua vài francs tại một tiệm sách cũ. Tôi đọc từ sáng đến tối, nhưng chỉ cần ngẩng đầu lên là buồn nôn buộc lòng phải chạy dọc theo hành lang đến phòng vệ sinh. Tôi đói, đói một cách khản thiết, một cách dữ dội, khó mà thỏa mãn được. Nhưng chúng tôi có rất ít tiền, đến nỗi tôi không dám đặt chân vào các nhà hàng sang trọng ở chung quanh toà nhà nơi chúng tôi đang ở. Tôi phải cùng đi với Georges đến tận đường Passy và ở đó, với năm mươi francs, chúng tôi mua tại một tiệm tạp hóa dầu ăn, xà lách, khoai tây và thỉnh thoảng mới mua được một miếng thịt lợn. Nhưng trong những buổi chiều dài dằng dặc, tôi tưởng tượng những bàn ăn dọn rất mỹ thuật, có hoa rải rác trên một tấm khăn bàn thêu, những bộ đồ ăn bằng bạc sáng loáng dưới ánh đèn màu. Và trên cái

bàn sang trọng ấy, tôi thay đổi thực đơn gồm toàn những món ăn ngon. Trước khi chúng tôi đi qua Đức, chúng tôi còn một phần tư lít nước chống nôn, nhưng từ khi trở về, thứ thuốc nước ấy là một xa xỉ phẩm quá đắt tiền đối với chúng tôi.

Đôi khi tôi cảm thấy trong người hơi khoẻ, trong lúc Georges vắng mặt, tôi đến tựa cửa sổ nhìn các mái nhà của Paris. Lúc bấy giờ mới đầu mùa xuân, hoàng hôn rữ bóng nhanh, nhưng cũng có những lúc cái mái nhà được tô điểm màu hồng và tháp Eiffel giống như một bức tranh hoạ của trẻ con vẽ bằng bút lông. Ôi, từ cái cửa sổ ấy, Paris hình như rất xa! Tôi bị giày vò bởi ý nghĩ rằng tôi sẽ chết sau khi sinh con. Trong bốn tháng còn lại của cuộc đời, tôi muốn viết một cuốn tiểu thuyết khác. Nhưng tôi không đủ sức khoẻ để viết, tôi đau lưng không thể chịu đựng nổi và tôi luôn luôn đói bụng. Georges về lúc trời đã tối Lòng tôi tràn đầy lo âu, nhưng làm sao tôi có thể kể lể với chàng trai kiệt sức ấy, trở về nhà, mặt mày xanh xao và chán nản sau một ngày đi kiếm việc làm nhưng không có kết quả? Tôi định ninh rằng cuộc đời sau này của tôi, nếu tôi còn sống sót sau khi sinh nở, chỉ là một cuộc sống buồn tẻ, sống khổ sống sở, vô tri vô giác như cỏ cây.

Ban đêm, khi đứa con đập trong bụng tôi, tôi cảm thấy được ngón chân nhỏ bé và nhọn của nó và trong bóng tối, tôi thì thầm lập lại rằng mẹ muốn con khoẻ mạnh, thật khoẻ mạnh.

Tôi không thể xác định được thái độ của tôi đối với Georges. Kể từ lúc nào tôi đã bắt đầu im lặng? Có lẽ tôi là một người ích kỷ không muốn bị đau khổ hay là một người tự cao tự đại không bao giờ chịu thú nhận sự thất bại của mình? Tôi muốn giữ chặt niềm hạnh phúc của tôi, mặc dù đó chỉ là hạnh phúc bề ngoài và khi anh ngủ, Georges nằm ngủ trên một tấm nệm để dưới đất gần một bên giường của tôi, tôi cảm thấy tôi có trách nhiệm đối với anh. Bây giờ tôi có thói quen sắp xếp áo quần đồ đạc của anh cho có ngăn nắp, như thể tôi là bảo mẫu của anh hồi anh còn thơ ấu và để tự an ủi, tôi phải lặp đi lặp lại những câu cũ rích như thế này "Đàn ông luôn luôn vẫn là một đứa trẻ".

Nhưng khi nhìn tháp Eiffel, tôi không ngừng nghĩ đến lần tôi cùng Georges leo lên tháp ấy cách đây một năm và con quái vật bằng đăng ten sắt ấy làm cho tôi khâm phục nhưng đồng thời cũng làm cho tôi khiếp đảm.

Trong tình cảnh hầu như tuyệt vọng ấy, chúng tôi có được một hy vọng mong manh. Một trong những người bạn Hungari của chúng tôi phải toan tính một chuyện khó khăn, vận động để chúng tôi được định cư tại nước Bỉ. Trong thâm tâm, tôi rất buồn phiền khi nghĩ rằng để có thể sống được, chúng tôi phải rời khỏi nước Pháp và tôi biết rằng nước Pháp đích thực, nước Pháp êm đềm và niềm nở, còn chưa bày tỏ bộ mặt thật của nó đối với chúng tôi. Đôi khi tôi muốn kêu lên, hỡi nước Pháp, tôi đang ở đây, tôi yêu mến người, tôi ngưỡng mộ người, tôi muốn viết tiểu thuyết bằng tiếng Pháp, tôi muốn nước Pháp là tổ quốc thứ hai của tôi, bởi nước Pháp lớn lao và tuyệt vời, vì sao người không muốn biết rằng tôi đang ở đây?

Những mái nhà và những làn khói màu xám bốc lên một bầu trời điềm nhiên không trả lời tôi.

Xưa kia, không bao giờ tôi nghĩ rằng người ta có thể đói khát và nhìn các món đồ ăn trưng bày trong một cửa hàng tạp hoá một cách thèm thuồng. không xa toà nhà chúng tôi ở bao nhiêu, có một cửa hàng như thế và một hôm tôi thấy trong tủ kính có treo một nải chuối. Các trái chuối mới đầu còn xanh, nhưng ôi thôi, giá của chúng đắt khủng khiếp! Mỗi ngày chúng càng vàng hơn. Đôi khi tôi đi ngang qua thật nhanh trước cửa hàng ấy, tôi thấy bà chủ tiệm cắt bốn hay năm trái với một con dao thật to. Quả thật tôi rất muốn được ăn một trái.

Một hôm Georges trở về với một tin mừng. Anh đã tìm được việc. một người Hungari làm nghề thợ mộc, lập nghiệp ở Pháp đã lâu, muốn người vợ Pháp của ông học tiếng Hungari. Thế là ông thuê Georges dạy cho vợ ông mỗi ngày một bài trong thời gian một giờ với thù lao hai trăm francs. Điều khó khăn duy nhất là họ ở gần Invalides, mà chúng tôi thì ở tận Passy, nếu đi tàu điện ngầm thì tiền vé ngón gần hết tiền thù lao. Georges quyết định đi bộ. Sáng hôm sau là ngày anh ấy dạy bài đầu tiên, tôi

đi theo anh đến nhà người thợ mộc. Người ta đã nói nhiều với chúng tôi rằng nếu một người có thai mà đi bộ nhiều sẽ dễ dàng hơn.

Trong lúc Georges giảng bài, tôi ngồi chơi trong xưởng mộc trên một cái ghế đầu. Tôi thở thật sâu để chịu đựng mùi keo dán gỗ tạt vào mũi tôi như những làn sóng nhỏ tan ra khi vỗ vào một tảng đá.

Người thợ mộc, diêm bào lên đến mắt cá, thỉnh thoảng nói với tôi:

- Bà khỏe chứ? – rồi ông ta cúi xuống chăm chú bào tiếp. Ông ta nói với tôi những câu ngắn gọn và không đợi tôi trả lời – Bởi vì tình yêu, thưa bà, đó là sự sống, sau tình yêu là đứa con, những lo âu, những niềm hạnh phúc nho nhỏ. Bà có một người chồng trẻ trung, ông ấy sẽ thành công, nhưng không dễ dàng khi người ta sống xa quê hương xứ sở... Tôi, tôi ở đây đã hai mươi năm, tôi đã tranh đấu trong bao nhiêu năm ấy, tôi có quốc tịch Pháp, vợ tôi người Pháp, các con tôi là dân Pháp, chúng không biết một tiếng Hungari nào. Tôi biết làm sao được, chúng biết tiếng Pháp, đó là điều tự nhiên. Bà thấy đó, tôi đâu có thời giờ. Tôi là người ở Szeged... Chắc bà biết Szeged? Thành phố đẹp. và Budapest. Mẹ tôi mới chết cách đây hai năm. Bà không bao giờ hiểu được làm sao người ta lại có thể chung sống với một người không phải là người Hungari. Mẹ tôi, bà rất gan dạ, tám đứa con và hai lần đẻ non. Không phải để làm cho bà sợ, nhưng sinh đẻ không phải là chuyện dễ..

Ở đây, tôi bị xâm chiếm bởi cảm giác của một cuộc đời bất diệt, tồn tại đời đời, một cuộc đời êm đềm, một cuộc đời hạng ba, đơn giản và nhân hậu. Ở đây âm áp, phòng kế cận có những tiếng thì thầm, một người khách hàng hiếm hoi đến để nói chuyện hơn là để đặt hàng. Nhưng người thợ mộc không ngừng làm việc, mà tôi nhìn ông ta với vẻ khâm phục. Đó là một người đàn ông có một phòng ngủ, một cái bàn ăn, bát đĩa và thức ăn đủ nhu cầu. Ở đây tôi có một sự khát khao tột độ muốn có một chỗ ở nho nhỏ, một cái tủ với ít nhất hai cái áo dài và một chiếc áo măng tô thật rộng và thật ấm. con tôi sẽ sinh ra ở đâu? Ở trong cái nhà nào và ở đất nước nào?

Sau bài học, bà vợ ông thợ mộc đãi chúng tôi một ly cà phê nóng hổi. Cả hai vợ chồng người thợ mộc tưởng rằng Georges đi dạy suốt ngày, họ không bao giờ ngờ rằng chúng tôi sống hàng ngày với hai trăm francs của họ. Bảy giờ tối chúng tôi ra về. Trong lúc lợi bộ trở về, tôi có cảm tưởng thành phố rộng mênh mông và các con đường dài vô tận. Bám chặt vào cánh tay của Georges, tôi đi một cách cẩn thận từng việc chậm chậm và đều đặn, tôi không muốn làm động đứa con trong bụng tôi.

Georges nói:

- Em sẽ sinh nó ra dễ như người ta bỏ một bức thư vào hộp thư...

Tôi không thích anh so sánh như thế, cái kiểu so sánh ấy hơi chạm lòng tự ái của tôi, tôi không hiểu vì sao, nhưng giả vờ vui vẻ, tôi đáp:

- Ừ.

Tuy nhiên trong thâm tâm tôi chuẩn bị để chịu một thử thách. một cách vô tâm, tôi sống trong hàng ngàn cuộc hấp hối tưởng tượng. Tôi thấy Georges góa vợ, với một người vợ khác còn trẻ hơn tôi nữa kia. Tôi không bao giờ có thể hiểu được cái tính kỳ cục của anh, chỉ thích những người trẻ trung, chính anh cũng trẻ trung biết bao. Đối với anh, một người ngoài ba mươi tuổi đã là một người lớn tuổi và nếu đó là một người đàn bà, thì ôi thôi, tốt hơn là đừng nói đến nữa. một người đàn bà ba mươi tuổi! thật là kỳ cục, có một lần anh nói với tôi rằng tôi còn bảy năm nữa để mặc những áo dài màu sắc rực rỡ, bởi vì sau tuổi ba mươi thì phải coi chừng. Không nói ra, tôi biết rõ rằng tôi sẽ từ già anh trước cái tuổi ba mươi bất hạnh ấy. Nhưng tôi cũng biết rằng tôi sẽ nỗ lực một cách phi thường để không chết khi lâm bồn. Tôi muốn đích thân nuôi con tôi .

Ban đêm, Georges nằm xuống là ngủ được ngay, tôi tưởng tượng những cảnh rất cảm động và buồn cười, làm cho tôi cười hay khóc trong bóng tối. Tôi thấy Georges đội một cái mũ cối hình tròn và cao, có vành và mặc áo jacket đi đưa đám tang của tôi và tôi run sợ khi nghĩ rằng anh sẽ nói với đứa con của tôi "Ôi, má của con rất dễ thương, bà viết tiểu thuyết. một hôm, bố không hiểu vì sao, má con đã

biểu thị cắt ngắn đầu tóc dài màu hung của bà". Và tôi cũng thấy ảnh của tôi đầy bụi bặm. Sau những loại ảo ảnh ấy, tôi ngồi dậy trong cái giường hẹp của tôi, ôm chặt bụng để con của tôi không cảm thấy sự xúc động vô ích của tôi. Tôi yêu thương con tôi một cách say đắm dữ dội và ban đêm khi quá đói bụng, tôi tự an ủi với sự tin cậy vào định luật tự nhiên, tôi biết rằng đứa con của tôi được nuôi dưỡng bằng máu huyết của tôi. Tôi cảm nhận sự hiện hữu của nó với một niềm vui sôi nổi, đầy xúc động và sợ hãi. Tình trạng đói khổ đến cùng cực trong đó chúng tôi đang sống, làm cho tôi nhắm mắt tin cậy vào Đức Chúa trời. Tôi chờ đợi phép màu nhiệm của Ngài với lòng tin vững chắc của những người không còn lo ngại cho chính bản thân mình, nhưng muốn tái tạo thế giới cho con cháu của mình.

Một lần tôi đi với Georges đến nhà người thợ mộc, tôi cảm thấy trong người đau đớn khó chịu vô cùng – chung quanh tôi mọi vật quay cuồng và, đứng tựa vào tường một ngôi nhà, áp khăn che miệng, tôi nói với Georges rằng tôi sẽ không thể ngồi trên một cái ghế trong một giờ được, tuyệt đối tôi phải nằm nhà thôi. Anh không thể đưa tôi đi trở về được, nếu anh bỏ mất giờ dạy, buộc lòng chúng tôi phải nhịn đói. Tôi đành phải mua vé métro để một mình trở về nhà. Chuyến đi ấy dài vô tận, tôi phải luôn luôn đặt khăn tay trước mũi. Ở trước mặt tôi, một người đàn ông ngồi đọc báo, thỉnh thoảng lại liếc mắt nhìn tôi một cái như muốn nói rằng đàn bà đau ốm thì phải ở nhà chứ đi đâu thế này!

Tôi loạng choạng chạy từ métro về nhà. Tôi vượt qua cửa vừa run, vừa vội vàng nói lời cảm ơn với bà gác cổng – tươi cười sẵn sàng nói chuyện với tôi – về việc bà đã đưa cho tôi một bức thư mà tôi đút ngay vào túi xách tay cũ kỹ của tôi. Tôi băng qua sân để đến cầu thang, nhưng thang máy bị kẹt đầu đó ở trên cao, khiến tôi phải đi bộ lên tận tầng thứ tám. Đến nơi, tôi lục trong túi xách để lấy chìa khoá. Than ôi! Georges đã giữ chìa khoá mất rồi. Tôi thấy cánh cửa phòng cao sừng sững như ngọn núi Mont Blanc. Tôi phải đi tới phòng vệ sinh, vì chóng mặt không thể chịu được. Ở đó tôi ngồi bệt xuống sàn nhà và khóc ròng. Tôi quá mệt, không còn chịu đựng được nữa. Một hồi lâu sau đó, tôi quay trở lại trước cửa phòng của tôi, bà ở phòng bên cạnh – tôi chưa hề thấy cho đến ngày hôm ấy – đứng nơi ngưỡng cửa. Bà hỏi tôi:

- Bà bệnh phải không?
- Vâng, tôi bị bệnh... tôi không thể nào vào trong phòng được, tôi quên chìa khoá.
- Vậy bà hãy vào trong phòng của tôi.

Bà ta dẫn tôi tới cửa sổ phòng bà và mở cửa sổ ra. Rồi bà giải thích:

- Bà thấy đó, ở đây có một cái bờ cửa sổ bằng bê tông và ở bên dưới có một cái nóc nhà bằng phẳng. Bà có thể bò đến cửa sổ phòng của bà, nếu cửa sổ ấy mở...

Tôi trả lời rằng có thể nó mở.

Bà ta giúp tôi leo lên một cái ghế để bước lên bờ cái cửa sổ. Bà ta nắm tay tôi và nói:

- Bà đừng sợ, nhất là đừng nhìn xuống bên dưới!

Tôi nắm chặt bàn tay bà ta nhưng sau đó, tôi phải buông tay bà ra và đi bốn bước thì tới cửa sổ mở của phòng chúng tôi.

- Tôi có thể vào rồi – tôi reo lên và một lát sau, tôi đã vào được trong phòng.

Mở cửa trước ra, tôi cảm ơn bà bạn phòng bên, nhưng sau đó kiệt sức, tôi buông mình ngã xuống ghế đi vắng. Tôi chóng mặt ghê gớm. Tôi nghe văng vẳng có tiếng thì thầm như từ xa lắm, nhưng đó chính là tiếng của tôi "Sống thật không dễ một chút nào"...

Chương 20

Bức thư mà tôi nhận được ngày hôm ấy là của người Hungari duyệt bản thảo quyền tiểu thuyết nhan đề

Wanda của tôi. Ông muốn nói chuyện với tôi về cuốn tiểu thuyết ấy. Tôi gọi điện thoại cho ông ta và một giọng đàn ông dịu dàng, thân mật trả lời tôi. Ông ta mời tôi đến gặp ông. Buổi chiều ngày hôm sau, tôi mới biết được trước kia ở Budapest, ông là một nhà văn có tiếng và một trong những tác phẩm của ông đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. Tôi nhớ lại bố mẹ tôi thường nói đến ông, có một lần mẹ tôi đã mô tả ông ta là một người đàn ông trẻ trung tóc đen, lần lượt có đến ba bà vợ là những diễn viên tên tuổi người Hungari.

Chúng tôi đã hẹn gặp vào sáng ngày mai và tôi đã không có được một chút khả năng nào để làm đóm đôi chút. Thân hình mảnh mẽ, nặng nề của tôi càng thêm rõ nét hơn trong cái áo măng tô chật hẹp một cách kỳ cục. Tôi không có son để tô môi và tôi đã phải làm một búi tóc nhỏ để che dấu mái tóc dài của tôi.

Toà nhà nơi ông ta đang ở thật là sang trọng, cầu thang trải thảm đỏ, thang máy, cửa lớn của căn hộ có gắn nút bấm chuông đánh bóng sáng loáng. Tôi bấm chuông, một bà bồi phòng mở cửa

- Bà muốn gặp ai?
- Ông Gindy.
- Ông có hẹn gặp bà?
- Có.
- Bà vui lòng đợi một chút.

Bà bồi phòng biến mất và tôi rất xúc động. Người ta có thể sống lưu vong và không nghèo nàn.

Bà bồi phòng trở ra và đưa tôi vào trong một gian phòng lớn trang trí đồ đạc lộng lẫy, nơi đó một người đàn ông tóc bạc đứng lên khỏi chiếc ghế pho toại ông ta đang ngồi.

- Chào cô – ông ta nói với tôi bằng tiếng Hungari và nói thêm với vẻ gần như lạ lùng - Cô trẻ một cách dễ sợ! mời cô ngồi.

Tôi ngồi xuống và nhìn ông ta mà không giấu diếm sự tò mò của chính mình.

Ông ta cao lớn, thanh nhã, mặc áo dài lụa, và những thức ăn còn thừa của bữa sáng đặt trên một cái khay bằng bạc, trông chẳng khác nào một bức tranh tĩnh vật. một cách vụng về, tôi muốn nói với ông ta rằng tôi tưởng tượng ông ta trẻ hơn. Khi ông ta mở một nụ cười vui vẻ, ranh mãnh mà không tự phụ trên khuôn mặt của ông, thì quả thật nó đã làm cho ông trẻ lại.

Ông ta lấy một điều thuốc và một cách máy móc, tôi đã tìm thấy cái khăn tay của tôi, tôi thấy không chịu được mùi thuốc lá.

- Và tôi – ông ta nói – tôi chờ đợi gặp sáng nay một người đàn bà bất hạnh, tác giả của Wanda với vô số tình nhân của nàng! Thế mà tôi lại thấy cô, một cô gái mảnh khảnh, trẻ một cách ngạo mạn. Ông ta không thấy rằng tôi có bầu. Con người lồi lạc ấy, đã quen biết những người đàn bà xuất chúng biểu diễn trên sân khấu, không bao giờ có con.

Ông ta hỏi tôi:

- Cô bao nhiêu tuổi?
- Hai mươi hai... Ông đã đọc quyển tiểu thuyết của tôi chưa?
- Dĩ nhiên là tôi đã đọc và tôi thấy rất hay.

Gian phòng hình như quay cuồng chung quanh tôi và tôi cảm nghe tiếng nói của ông ta.

- Cô bị bệnh sao?
- Không, tôi sung sướng, chắc ông biết, tôi nóng lòng chờ đợi ông trả lời.
- Tôi đã nói với nhà xuất bản phải cho dịch ra tiếng Pháp. – ông Gindy nói tiếp.

Tôi ngắt lời ông, hớn hờ:

- Tôi sắp viết một quyển khác nữa.
 - Cô không cần phải vội vàng, vấn đề xuất bản rất khó khăn..nhất là đối với một tác giả còn trẻ!
- Nhưng tôi tin cậy cô – ông nói thêm với một nụ cười lịch sự.

Và đột ngột, ông nghiêng về phía tôi, hỏi tôi bằng một giọng thân mật:

- Bằng cách nào cô đã có ý nghĩ viết truyện ấy?

Tôi đã trả lời ông ta một cách thành thật và hoàn toàn quên khỏi thuốc của ông đang hút:

- Ông Gindy, tôi đã gặp một người đàn ông như nhân vật chính trong quyển tiểu thuyết của tôi, nhưng tôi đã hư cấu vô số điều...

Chúng tôi nói chuyện trong nửa giờ và nửa giờ ấy đối với tôi là giai đoạn khởi đầu của một cuộc đời mới. một người nổi tiếng, một nhà văn thành đạt tin cậy tôi. Trước khi tôi từ giã, ông ta cho tôi một trong những quyển sách của ông ta đã được xuất bản, một sách viết bằng tiếng Pháp, với câu đề tặng "Tặng một bạn đồng nghiệp trẻ, với tất cả tình bạn của Gindy"

Với từ "đồng nghiệp", ông đã phong danh hiệu nhà văn cho tôi.

Trong những tuần tiếp theo, tôi đã gặp ông ta nhiều lần và một tình bạn đã phát sinh. Tôi nói với ông rằng tôi rất khâm phục ông, bởi vì ông không nghèo nàn như tất cả những người Hungari mà tôi quen biết ở đây. Ông đột nhiên có vẻ sững sốt. Ông nói:

- Nhưng cô đừng tưởng rằng đây là nhà của tôi, tôi thuê một phòng ở đây trong toà nhà này, người ta mang đến đây bữa điểm tâm của tôi, họ biết rằng tôi không bao giờ thức dậy trước mười giờ, họ là những người tốt, nhưng cô đừng tưởng rằng cuộc sống dễ dàng đối với tôi.

Ánh mắt bắn khoăn dừng lại trên một bức tranh khác thường.

- Vật duy nhất mà tôi còn giữ được từ Budapest – ông ta nói với tôi và giọng của ông căng thẳng một cách lạ lùng, như giọng của một người sắp khóc.

Bức tranh miêu tả một thiếu phụ ngồi quay lưng, thân hình mảnh khảnh, khoả thân, mặt nhìn nghiêng về hướng một phong cảnh mờ nhạt. Bức tranh ấy gợi những kỷ niệm êm đềm, đó là sự hiện diện của một người đàn bà, sự hiện diện của một người đàn bà bất diệt.

- Ngay cả trong trường hợp tôi phải chết đói, tôi cũng không bán bức tranh ấy – ông Gindy thường nói như thế và hai vai thơ ngây của người đẹp mong manh ấy là tượng trưng của tình yêu. Ông Gindy ít nói đến các bà vợ trứ danh của ông. Ông đã sống quá gần gũi với họ trong nhiều năm dài, đến nỗi ông không thấy họ phi thường đến thế.

Tôi đã nói cho ông biết tôi đã có chồng và có một lần tôi đưa Georges đến gặp ông. Tôi chờ đợi câu trả lời dứt khoát của nhà xuất bản.

- Tôi sẽ viết các quyển tiểu thuyết sau này của tôi bằng tiếng Pháp – tôi nói đã nói như thế với ông Gindy và ông trả lời:

- Cô còn rất trẻ, chắc chắn cô sẽ thành công thật sự..

Ông không bao giờ biết chúng tôi đang chống chọi với những nỗi lo âu nghiêm trọng.

Một hôm, tôi thấy bức tranh của ông biến mất. Ngày hôm ấy ông xanh xao một cách dễ sợ, tôi không dám hỏi. Khi từ giã, ông nói với tôi:

- Tội nghiệp nhà văn trẻ...cô đang đợi ngày sinh một đứa con..

Chúng tôi siết chặt tay nhau thật lâu. Ông ta nhìn lên chỗ trống của bức tranh trên tường.

Vận may đến với hình thức một bức thư ngắn gởi từ nước Bỉ. Người bạn trung thành của chúng tôi đã không quên chúng tôi. Trong thư ông cho chúng tôi biết ông gửi tiền đi đường đến cho chúng tôi và nói rằng những bạn bè người Bỉ của ông đã cảm động cho số phận của chúng tôi, nên mời chúng tôi đến ở trong một lâu đài. Người ta cũng dành cho Georges một việc làm và đã sắm trước cho đứa bé nào nôi, nào tã lót...

Chỉ một lát là chúng tôi sắp xếp xong áo quần vào trong va li bằng các tông cứng. Tôi trả lại chìa khoá phòng, nồng nhiệt cảm ơn ông bà chủ nhà đã có lòng tốt đối với chúng tôi. Khi sắp ra đi, tôi mới biết một chiếc xe cứu thương vừa mới chở bà gác cổng vào một bệnh viện tâm thần.

- Hình như bà ta điên – những người ở tầng tám nói.

Tôi đau lòng. Tôi không biết có phải bà gác công tốt bụng đã phát điên vì sự đời và lòng người ở chung quanh bà hay không. Nhưng tôi sẽ luôn luôn giữ kỷ niệm khuôn mặt của bà những lời bà đã nói với tôi "Cô ơi, có một phòng rất xinh ở trên tầng thứ tám... Phòng ấy đang được bỏ trống đấy".

Trên xe lửa, tôi nói với Georges:

- Con của em sẽ được chào đời một cách an toàn.

Anh cười ngặt nghẽo, như thể đây là một trò đùa của học sinh trung học:

- Em luôn luôn nói "con của em"...

Tôi đỏ mặt và cắn chặt răng để vượt qua cái biên giới đầu tiên mà tôi đến được một cách hợp pháp.

Chương 21

Kể từ buổi sáng ấy, tôi nằm yên tĩnh trên cái giường này không nhúc nhích. Các bức tường sơn màu xanh nhạt và trong góc ở phía tay mặt, có tượng Đức Mẹ Đồng Trinh bằng sứ. Trên cái bàn đầu giường, tôi để quyển sách mà tôi đã đọc tối hôm qua, đó là quyển chót của bộ Gia đình Thibault của Roger Martin mà tôi muốn đọc lại bằng tiếng Pháp. Sáng hôm ấy tôi bị một cơn đau dữ dội, một cơn đau mới, chưa bao giờ có trước đây. Georges đang làm việc tại văn phòng của anh, đây là ngày thứ hai anh đi làm. Người ta nói với tôi rằng anh sẽ đến thăm tôi vào khoảng từ một đến hai giờ. Gần một bên tôi, phía tay trái có một cái giường nhỏ màu trắng để trống. Đó là giường của đứa con sắp chào đời của tôi. Khi phải chịu đựng một đợt đau mới, tôi bám chặt vào các thanh sắt sơn trắng của chiếc giường nhỏ, cái giường nhỏ còn trống ấy đã giúp sức cho tôi rất nhiều. Thỉnh thoảng một bà nữ tu lặng lẽ đi vào, đến gần tôi, tôi cố gắng không nhìn mặt bà, tôi nhìn lên trần nhà màu trắng, không muốn người ta quấy rầy tôi trong nỗi đau đớn của tôi.

Tôi khát nước và trong những lúc hiếm hoi dứt cơn đau, tôi thấm môi tôi với nước lạnh. Georges vào, anh muốn nói chuyện với tôi, tôi quay đầu về phía cái giường nhỏ và không trả lời.

Vào lúc hoàng hôn, các y sĩ đến. Họ hỏi tôi nhiều câu vô ích và lấy làm lạ về việc tôi không kêu la.

Cơn đau dữ dội làm tôi co quắp người lại, tôi thường hụt hơi, nhưng vì nỗi đau đớn ấy, đứa con sẽ chỉ thuộc về tôi. Một bà nữ tu nói với tôi rằng Georges đứng ngoài hành lang. Số y sĩ tăng lên, có lúc có đến năm y sĩ chung quanh giường của tôi. Khi người ta lau mồ hôi trên mặt của tôi, tôi hỏi, tôi muốn biết bây giờ là mấy giờ. Mười một giờ đêm.

Đột nhiên trong phòng của tôi, người ta nhộn nhịp. Hai nữ y tá đẩy một cái xe và họ đặt tôi nằm dài trên đó như trên một cái băng ca, họ đẩy xe đi rất nhanh dọc theo một hành lang. Tôi thấy trước các cửa phòng đâu đâu cũng có những chậu hoa. Trời nóng và những bàn tay nhanh nhẹn đẩy tôi tới một vận mệnh vô định. Phòng giải phẫu sáng trưng và tôi thấy mình nằm giữa nhiều tấm gương chung quanh những đèn chiếu. Một y sĩ trẻ cúi xuống phía tôi và ngay lúc tôi cảm thấy cái kim tiêm nơi cánh tay tôi. Tôi đã hôn mê rồi, không còn biết gì nữa.

Bỗng tôi nghe một giọng nói lập đi lập lại không ngớt:

- Con tôi ở đâu? Con tôi ở đâu?

Khuôn mặt to lớn một cách quá chừng của một nữ y tá sát bên mắt tôi. Cô ta không nói gì cả. Thế thì ai hỏi "Con tôi ở đâu?"

- Chỉ một lát nữa bà sẽ thấy nó – cuối cùng cô ta trả lời tôi. Đúng là tôi đã hỏi.

Với ánh sáng mờ, tôi tin lúc đó là buổi sáng.

Với một sự cố gắng rất lớn, tôi quay đầu và tôi chợt thấy Georges ngủ yên trong một chiếc ghế pho tôi. Tôi gọi anh. Anh không nghe.

Một nữ y tá đi vào, hai tay ôm một trẻ sơ sinh bọc trong tã. Cô ta đưa nó tới phía tôi. Con tôi đang ngủ. Da nó hồng hào.

- Một đứa con gái rất xinh! – cô y tá nói với tôi.

Tôi không còn nghe thấy gì nữa.

Tôi bị bắt buộc phải thức dậy sau giấc ngủ mê man ấy, bởi vì một y sĩ đã tát tai tôi. Tất cả mọi người muốn tôi thức dậy, nhưng tôi còn muốn ngủ nữa, không thể nào cưỡng được.

Toàn thân tôi đau đớn. Và tôi nghĩ đến tất cả những nỗi đau đớn đang chờ đợi tôi.

Tôi nói với cô y tá rằng tôi muốn nuôi con tôi. Với sữa của tôi.

- Thưa bà, người ta không bao giờ có sữa sau một ca đẻ khó phải mổ để lấy đứa bé ra, nhất là khi ca mổ ấy đã khó khăn như thế.

Cái cô y tá ấy không biết gì về cuộc sống. Cô ta đã tưởng rằng tôi sẽ phải chấp nhận một nguyên tắc, một nguyên lý. Nhưng tôi, tôi muốn nuôi con tôi, tôi phải có sữa.

Con gái tôi vẫn nằm trong cái giường nhỏ kề bên tôi, nó ngủ và tôi không còn đủ sức để giơ tay về phía nó. Nhưng tôi nhìn nó, cuộc sống của tôi liên hệ mật thiết với khuôn mặt điềm nhiên và hồng hào của nó.

Sau đó tôi nghĩ đến hoa. Tôi cũng phải có hoa trong phòng của tôi, như các phòng khác chứ, tôi không muốn để cho các cô y tá nói rằng...

- Georges?

- Ừ, anh đây, em muốn gì? – anh đến gần tôi.

- Anh muốn đem hoa đến cho em không?

- Ừ, anh sẽ đem hoa đến cho em – ra đến cánh cửa hé mở, anh quay lại hỏi tôi:

- Em muốn hoa gì?

Tôi còn quá yếu để biết bây giờ đang là tháng nào, tôi cố suy nghĩ, nhưng không thể nào nghĩ ra được.

Tôi lập lại một cách cố chấp:

- Hãy đem hoa đến cho em...

Tôi muốn một mình với con gái tôi. Trong cái phòng nhỏ, bây giờ chỉ có hai mẹ con với nhau. Đột nhiên nó bắt đầu khóc. Đây là lần đầu tiên. Và chính với tôi nó khóc. Con gái yêu dấu của tôi..

Georges trở về với hoa. Tôi nhìn anh như thể anh là một người xa lạ. Tôi không hiểu những gì anh muốn nói trong cái phòng này. Đêm ấy đã ngăn cách tôi với anh.

Trong những ngày tiếp theo, tôi đau liên miên. Tôi không thể ăn uống gì cả và một cô y tá lơ đãng, chắc là mới vào nghề, còn non nớt không biết việc phải giữ bí mật, đã nói với tôi rằng tôi suýt chết.

Nhưng đến ngày thứ năm, tôi có sữa và cái đầu tròn vo của con gái tôi, cạnh bên bầu vú của tôi làm cho tôi tôi hoàn toàn yên tâm. Tôi nhìn một cách trịnh trọng cái miệng nhỏ xíu của nó. Các nữ y tá đã nói rằng thật không thể tin được. Tôi, tôi cho đó là điều tự nhiên. Tôi muốn nuôi con tôi, tôi muốn nó uống sữa của tôi thì tôi phải có sữa...

Đó là một phép màu

Đó là niềm hạnh phúc

Tất cả là hạnh phúc...

-- Hết --

[1] *Thánh Thomas: một trong mười hai vị sứ đồ của Chúa Giê su, nổi tiếng vì ông tỏ ý không tin khi Chúa phục sinh. Do đó người ta lấy tên ông để ví với những người chỉ tin một điều gì sau khi tự mình biết chắc đó là sự thật.*

[2] *Stalingrad: một đô thị lớn của Nga trên bờ sông Volga, ở đây đã xảy ra trận đánh lớn giữa*

Nga và Đức, quân đội Đức thất bại lớn năm 1943

[3] *Budapest, thủ đô của Hungari gồm hai phần: Buda ở bên hữu ngạn sông Danube, và Pest ở bên tả ngạn*

[4] *Far West: miền Viễn Tây Hợp chủng quốc Hoa kỳ, từ Mississippi kéo đến bờ biển Thái Bình Dương*

[5] *Tiền bằng kim loại của nước Áo*

[6] *Nora Ibsen: nhân vật trong bộ trường giang tiểu thuyết của đại văn hào người Pháp H. De Balzac*

[7] *Emma Bovary: nhân vật lãng mạn trong tiểu thuyết nổi danh của văn hào Pháp Gustave Flaubert*

[8] *Othello: nhân vật trong một vở bi kịch của Shakepeare, Othello đã giết vợ vì ghen tuông*

[9] *Habsbourg: tên một dòng vua rất lớn ở Đức, trị vì cả ở các nước Áo, Hungari, Hà Lan...*

[10] *Lêa, vợ của Jacob. Theo Thánh kinh Jacob có mười người con trai và những người này là tổ tiên của mười hai bộ tộc Isarael*

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

<u>Giới thiệu</u>
<u>Chương 1</u>
<u>Chương 2</u>
<u>Chương 3</u>
<u>Chương 4</u>
<u>Chương 5</u>
<u>Chương 6</u>
<u>Chương 7</u>
<u>Chương 8</u>
<u>Chương 9</u>
<u>Chương 10</u>
<u>Chương 11</u>
<u>Chương 12</u>
<u>Chương 13</u>
<u>Chương 14</u>
<u>Chương 15</u>
<u>Chương 16</u>
<u>Chương 17</u>
<u>Chương 18</u>
<u>Chương 19</u>
<u>Chương 20</u>
<u>Chương 21</u>